HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

SỐ 50, THÁNG 12/1999 & 1/2000

XUÂN CANH THÌN 2000

ĐÓN MỪNG THIÊN KỶ THỨ BA

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://www.kicon.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 50 tháng 12/99 & 1/2000

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Trần Thị Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiêt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên:

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi địa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323

HỢP LƯU
số 51, tháng 2 & 3, 2000
TÂN NIÊN CANH THÌN

MỤC LỤC

Thư tòa soạn 3 / **Thụy Khuê**: Thử tìm một lối tiếp cận Hai mươi nhăn năm Văn Học VN hải ngoại 1975-2000 (*BK*) 5 / **Nhật Tiến:** Hành trình đi tìm tự do... 21 / **Vũ Duy Thái:** Tự thuật... 31 / **Bích Thu**: Những thành tựu của truyện ngắn sau 75 (*NĐ*) 36 / **Vĩnh Để**: Trịnh Công Sơn, nỗi tuyệt vọng & niềm yêu đời tha thiết (*NĐ*) 44 / **Nguyễn Đăng Mạnh**: Nguyễn Tuân & Yêu Ngôn (*GT*) 58 / **Lâm Thị Mỹ Dạ:** Màu phố Phái (*thơ*) 64 / **Nguyễn Tuân**: Đới roi (*tr. ngắn*) 65 / **Đinh Cường**: Hoa tường vi vẫn nở (*thơ*) 70 / **Nguyễn Thị Ngọc Nhung**: Tháng tư (*tr. ngắn*) 72 / **Trương Huyền Khanh**: Dương liễu ngạn, hiển phong tàn nguyệt (*thơ*) 86 / **Võ Đình**: Án mạng (*tr. ngắn*) 88 / **Lê Minh Khuê**: Thân phận cu ly (*tr. ngắn*) 105 / **Nguyễn Trong Tạo**: Giao thừa... (*thơ*) 111 / **Trần Thị Ngh**.: Phòng cho thuê (*tr. ngắn*) 112 / **Du Tử Lê**: Những Điều ta bẳng quên trong đời / sống (*thơ*) 120 / **Võ Thị Xuân Hà**: Lúa & đất (*tr. ngắn*) 122 / **Nguyễn Thị Minh Thủy**: Chừng ấy đủ (*thơ*) 128 / **Hoàng Xuân Sơn:** Chị em thơ (*thơ*) 129 / **Thùy Dương:** Nền trời màu ghi (*tr. ngắn*) 130 / **Sư Trưởng Hà Quốc Huy**: Điên nam rao bắc (*thơ*) 130 / **Lệ Hằng**: Tình non tình già (*tạp bút*) 136 / **Đinh Trường Chinh**: Đêm cạn (*thơ*) 119 / **Lê Đạt**: Tình vĩ cầm (*tr. ngắn*) 143 / **NDP**: Trăng đức hạnh (*thơ*) 152/ **Trần Thùy Mai**: Lửa của khoảnh khắc (*tr. ngắn*) 154 / **Thường Quán:** Từ một chỗ đứng (*thơ*) 162 / **Đinh Linh** (**Phan Nhiên Hạo** *dịch*): 10 X 50 (*tr. ngắn*) 164 / **Ngô Thế Vinh**: Từ Ất Dậu _ 1945, sáu mươi năm đi tới cây cầu Cần Thơ _ 2005 (*tr. ngắn*) 168 / **Hoàng Ngọc Biên**: Tên một quê hương (*thơ*) 182 / **Phan Nguyên**: Ngấn đêm (*tr. ngắn*) 185 / / **Đức phổ**: Đêm cuối cùng thế kỷ (*thơ*) 190 / **Fernando Ainsa** (**Miêng** dịch): Số mạng của Hector (*tr. ngắn*) 191 / **Trân Sa**: N. (*thơ*) 196 / **Nguyễn Thị Hoàng Bắc**: Nhện (*tr. ngắn*) 197 / **Dung Nham:** Để, không làm gì cả (*thơ*) 202 / **Phạm Hải Anh**: Huyết đắng (*tr. ngắn*) 204 / **Nguyễn Nam An**: Trước Thankgiving một ngày (*thơ*) 209 / **Tôn Thất Thương** (**Thận Nhiên** *dịch*): Bitch (đồ chó má) (*thơ*) 215 / **Hoàng Mai Đạt**: Những ngày ở Biên Hòa (*bút ký*) 215 / **Đinh Trường Chinh:** Đêm cạn (*thơ*) 229 / **Phan Triều Hải**: Một tối ở quán bar (*tr. ngắn*) 230 / **Anthony Janson**: Lê Bá Đảng, một cái nhìn từ không trung (*Hội họa*) 232 / **Hợp Lưu**: Sinh hoạt văn học nghệ thuật 237 / **Nguyễn Thị Giáng Châu**: Giới thiệu sách mới 246 / **Hợp Lưu** với văn hữu & bạn đọc 255/

Tranh bìa & bốn tranh màu bên trong: **Lê Bá Đảng**

Thư tòa soạn

Hợp Lưu Xuân Canh Thìn phát hành hai tháng trước, đánh dấu nhân loại vừa bước vào thiên niên kỷ thứ ba, cũng là cột mốc cuối cùng trong hành trình dài mười năm tờ báo đã đi qua.

Mười năm, bao nhiêu biến động đã xảy ra trên thế giới, nói chung và Việt Nam nói riêng, ở mọi lĩnh vực: chính trị, xã hội, văn hóa...

Riêng đối với Hợp Lưu, mười năm đã qua là một chặng đường dài nhiều gian nan. Các độc giả từng đến với Hợp Lưu từ số ra mắt, hẳn không quên những sóng gió tờ báo đã phải hứng chịu, bởi áp lực cực đoan của cả trong lẫn ngoài nước. Bên ngoài, Hợp Lưu bị xem là cơ quan "nằm vùng" của chính quyền Hà Nội. Bên trong, tờ báo là "mũi nhọn xung kích của sách lược diễn biến hòa bình" do CIA điều động". Suốt sáu năm đầu, Hợp Lưu bị cô lập, chụp mũ, tẩy chay, đến nỗi nhiều lúc tờ báo rơi vào sự kiệt quệ từ tinh thần đến vật chất, tưởng chừng không thể tiếp tục con đường đã chọn. Thế nhưng, cuối cùng Hợp Lưu vẫn sống, vẫn đều đặn có mặt thường xuyên và đúng hạn kỳ trên các sạp báo. Ngay cả chúng tôi, những người chịu trách nhiệm trực tiếp, cũng không khỏi không ngạc nhiên.

Động cơ nào đã giúp Hợp Lưu vẫn tồn tại được trong điều kiện khó khăn đó? Phép lạ chăng ?

Chả có phép lạ nào cả.

Câu trả lời thật ra rất giản dị: sở dĩ Hợp Lưu đứng vững được và tiếp tục tiến về phía trước, là do sự đồng thuận của độc giả cùng các văn hữu.

Số Tân Niên này là số báo khởi đầu của năm thứ mười một. Không ai dám xác quyết Hợp Lưu sẽ còn gắn bó với văn học Việt Nam bao lâu nữa. Tuy nhiên, dựa vào thực tế khách quan, chúng tôi có thể vui mừng chia xẻ cùng độc giả: mặc dầu còn nhiều khó khăn chưa khắc phục được, Hợp Lưu chắn chắn không yểu mệnh. Mới đây, một độc giả đã đặt mua Hợp Lưu những 5 năm dài hạn. Kèm theo ngân phiếu là một *note* nhỏ: Hy vọng Hợp Lưu không đóng cửa trước thời gian hạn 5 năm. Chúng tôi đã trả lời nửa đùa nửa thật: chẳng những Hợp Lưu không đóng cửa trong vòng 5 năm tới, mà sẽ còn có cơ hội nhận của ông (bà) một ngân phiếu khác, trị giá tương đương hoặc gấp đôi tấm ngân phiếu chúng tôi vừa nhận được.

Đùa, song đó cũng là niềm hy vọng của Hợp Lưu. Rất mong độc giả và văn hữu tiếp tục hỗ trợ, để niềm hy vọng ấy biến thành hiện thực.

Nhằm mục đích giúp độc giả có được những giờ phút thoải mái, vào dịp đầu năm, Hợp Lưu giảm nhẹ phần biên khảo, bỏ bớt vài mục thường xuyên, tăng cường thêm các sáng tác văn, thơ của các cây bút tên tuổi trong, ngoài nước.

Trước khi đi và nội dung ở những trang kế, toàn ban biên tập Hợp Lưu xin gửi đến quí văn hữu và độc giả những lời chúc tốt lành nhất, cho một năm mới, vừa đến.

HỢP LƯU

HỢP LƯU

Số 52, phát hành đầu tháng 4 năm 2000

Thảo luận chung quanh bài viết:

Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam

(Nguyễn Hưng Quốc - Hợp Lưu 50)

Gồm nhiều phát biểu

của các nhà lý luận văn học trong, ngoài nước.

THỤY KHUÊ

Thử tìm một lối tiếp cận văn sử học về

Hai mươi nhăm năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-2000

(tiếp theo Hợp Lưu số 50)

Phân định các giai đoạn văn học

Sau 11 năm tù, được trả về đoàn tụ với gia đình ngày 11/2/1991, nhà văn Doãn Quốc Sỹ đến Mỹ cuối tháng 2 năm 1995 theo diện ODP. Tháng 6 năm 1997, trên báo Hợp Lưu số 35, Nguyễn Mạnh Trinh hỏi: *«Trong văn chương, anh có nghĩ có biên giới giữa những người cầm bút Việt Nam ở trong nước và ở hải ngoại? Hoặc giữa những người ở miền Nam và ở miền Bắc?»* Doãn Quốc Sỹ trả lời: *«Văn chương Việt Nam là văn chương Việt Nam! Đơn thuần chỉ có vậy!. Những người Việt miền Bắc, người Việt miền Nam, người Việt quốc nội, người Việt hải ngoại phản ánh những gì xẩy ra qua lăng kính cá tính văn chương của từng người. Cả nền văn chương Việt Nam nói chung do đó mà có được sắc thái lung linh phong phú. Tôi hiểu biên giới trong câu trên là như vậy.»*

Câu trả lời của Doãn Quốc Sỹ thầm ngụ ý nghĩa: Không một biên giới nào có thể ngăn chặn sự hợp sống, giao trào giữa những luồng tư tưởng khác nhau, xuất phát từ những môi trường đào tạo khác

nhau, nơi con người.

Cũng mong rằng sau này, dù rất lâu về sau, khi người đọc trong nước có điều kiện tiếp nhận những thông tin khách quan về động lực thúc đẩy và điều kiện hình thành của nền văn học Việt ngoài nước, sẽ hiểu được những hoài bão, mất mát, ngay cả những cực đoan, thái quá, trong lòng người di tản. Cảm thông những trắng tang, biến đổi trong nhau hơn là hôm nay: mọi sự dường như đang còn dựa trên những hố sâu ngăn cách, mà những cá nhân, những thế lực, thế quyền nổi chìm của đôi bên, vẫn còn gây ô nhiễm tâm trường tình cảm của con người, trong một cuộc chiến tranh lạnh vô hồn, dị dạng, không ai có thể hình dung được chân dung đích thực.

Sau biến cố 75, người Việt rời nước ra đi, có một nhu cầu cần được thỏa mãn: Phần lớn chưa đọc được ngoại ngữ, vậy phải có cái gì để «đọc». Đó là một nhu cầu có tính «vật chất» *tin tức, thông báo* hơn là văn chương. Nhưng vì «tin tức, thông báo» trở thành quý hiếm, xa nhòa , giữa cộng đồng trong nước và cộng đồng di tản, cho nên nó đã trở thành một ảo ảnh, biến thành một thực tại văn học. Với những người vượt biên, vượt biển, trong giai đoạn thứ hai, nhu cầu thông tin về kinh nghiệm và thực tại khốc liệt mà mình đã trải qua, nhen nhúm như một đốm lửa thiêu đốt các trang trắng trong lòng người: Nơi các nhà văn, nhu cầu ấy trở nên cấp thiết. Các bản thảo của Nhật Tiến, Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Hà Thúc Sinh, Tạ Ty... đều xuất phát từ các trại tỵ nạn. Nơi họ, ảnh ảo và ảnh thật giao nhau để tạo thành các tác phẩm thời sự văn học. Do đó mà văn học Việt Nam hải ngoại mang hai tính chất cơ bản: Ảo ảnh xa nhớ quê hương và thực tại kinh hoàng của những tử, sinh, tuyệt, đoạn. Nền văn học ấy gắn liền, thoát thai từ nhiều bi kịch mà thuyền nhân là rường mối hàng đầu.

Theo thống kê của Cao Ủy Tỵ Nạn, trong khoảng 30/4/75 có khoảng 130 000 người bỏ nước ra đi. Có thể nói những người này «phụ trách» mảng văn học hải ngoại thời kỳ phôi thai. Thời kỳ phát triển, phần lớn do những người đi sau, tức là những thuyền nhân đảm trách. Thảm cảnh thuyền nhân dàn trải trong nhiều năm. Năm 75, sau ngày 30/4 có 377 người vượt biển. Năm 76 có 5619 người. Và 77: 15 675 người. Cao nhất là năm 79 với 205 489 người.[1]

Những người vượt biển tràn lên bờ các quốc gia láng giềng, gây khủng hoảng trong nội tình Đông Nam Á. Nhiều nước áp dụng những biện pháp gay gắt đối với người tỵ nạn: Ngăn chặn và xua đuổi. Không cho thuyền nhân dạt vào bờ. Chơi vơi ngoài khơi, thuyền hỏng máy, thiếu lương thực, tầu bè quốc tế lờ đi không cứu vớt. Số người tỵ nạn vong thân không biết là bao nhiêu. Nhiều ước lượng khác nhau,

thay đổi từ 30% đến 50%.

Trong tình cảnh bi thảm ấy, một hội nghị quốc tế được thành lập tại Genève mùa hè năm 1979. Liên Hiệp Quốc triệu tập 72 nước, trong đó có Việt Nam, để bàn về vấn đề thuyền nhân. Chính quyền Việt Nam hứa sẽ ngăn chặn các vụ vượt biển. Các quốc gia Đông Nam Á chịu cho người tỵ nạn tạm trú trong khi chờ đợi một nước thứ ba tiếp nhận vĩnh viễn. Các nước Tây phương chia nhau tiếp đón người Việt di tản, do đó mọi việc tạm thời được giải quyết.

Nhưng cũng trong năm 79 này, một thảm cảnh khác được phơi bầy với dư luận thế giới: Sự hoành hành của cướp biển trên vịnh Thái Lan. Một số nhà văn, nhà báo như Nhật Tiến, Dương Phục, Vũ Thanh Thủy đã trải qua những ngày kinh hoàng trên đảo Kra, bị cướp biển hành hung, cầm tù. Thoát được, Nhật Tiến, Dương Phục và Vũ Thanh Thủy đã báo động thảm kịch thuyền nhân với dư luận thế giới.

Theo thống kê của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, năm 1981 có 455 thuyền Việt Nam tới Thái Lan thì 352 thuyền bị cướp, tỷ lệ 77%. Số người bị cưỡng hiếp là 599 người. Số người bị bắt cóc là 243 người.

Từ 1980, chương trình ra đi có trật tự theo tinh thần thỏa ước Genève hè 79, được áp dụng. Nhiều gia đình được đoàn tụ theo ngả chính thức. Vì thế số thuyền nhân giảm dần nhưng vẫn còn kéo dài trong nhiều năm. Đến những năm 94-95, khi hầu hết các quốc gia trên thế giới không chịu tiếp nhận người Việt nữa, vấn đề thuyền nhân mới thật sự chấm dứt.

Tính đến giữa năm 82, số người Việt rời nước theo các ngả thủy bộ, tổng cộng khoảng 900 000 người. Chính cộng đồng mới này đã tăng cường và phát triển văn học hải ngoại với những ký ức chiến tranh, cải tạo, vượt biên... và đã thúc đẩy một lớp nhà văn mới bước vào sáng tác.

Để phân chia từng thời kỳ văn học, chúng ta có thể dựa trên nhiều yếu tố then chốt: như mốc các đợt di dân, như thời điểm các nhà văn miền Nam xuất ngoại, như sự khai sinh các tờ báo văn học, các nhà xuất bản ra đời, hay sự phát triển kỹ nghệ điện toán với bộ chữ Việt... Kết hợp những yếu tố này, chúng ta có thể phân đoạn 25 năm qua thành ba thời kỳ:

Thời kỳ phôi thai từ 1975 đến 1981,
Thời kỳ phát triển từ 1982 đến 1990,
Thời kỳ hòa hợp từ 1991 đến 2000.

*

Thời kỳ phôi thai từ 1975 đến 1981. Những tờ báo chủ yếu chuyên chở sinh hoạt văn học trong thời kỳ đầu là các tờ *Đất Mới, Hồn Việt* và *Văn Học Nghệ Thuật*. Về mặt xuất bản, cơ sở Người Việt (ra đời trước báo *Người Việt*) hoạt động từ năm 1976 ở Mỹ. Ở Paris, nhà *Lá Bối* xuất hiện tháng 11/76. Đó là những nhà xuất bản chủ trương in sách mới. Đồng thời, cơ sở *Đại Nam*, cũng thuộc những nhà xuất bản ra đời sớm nhất, hoạt động từ tháng 7/76 và sau đó, *Sống Mới, Xuân Thu* là những nhà chủ trương in lại sách cũ miền Nam và văn học tiền chiến. Trong thời kỳ này, sách báo còn bán ở các tiệm chạp phô.

Về mặt sáng tác: Minh Đức Hoài Trinh có thơ trên *Hồn Việt Nam*. Võ Phiến có những tạp bút, tạp ghi, tùy bút, in thành tập *Thư Gửi Bạn* (Người Việt xuất bản năm 76), *Ly Hương*, in chung với Lê Tất Điều (Người Việt, 77), tiểu thuyết *Nguyên Vẹn* (Người Việt, 78) và *Lại Thư Gửi Bạn*, (Người Việt, 79). Lê Tất Điều có hồi ký *Ngưng Bắn Ngày Thứ 492* (in năm ...), *Đóng Cửa Trần Gian (...)* và *Thơ Cao Tần* (1978).

Tập san *Văn Học Nghệ Thuật* của Võ Phiến và Lê Tất Điều ra được 13 số (từ tháng 4/78 đến tháng 9/79) thì đình bản vì thiếu phương tiện.

Cuốn bút ký chiến tranh xuất hiện sớm nhất có thể là *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng* của Hoàng Khởi Phong, viết chung với Hoàng Chính Nghĩa (Lê Bi), do *Bố Cái* in năm 1977.

Năm 1979, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa ở Montréal xuất bản cuốn *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa* của Nguyễn Khắc Ngữ.

Năm 1980, Võ Đình cho *Lá Bối* in tập truyện ngắn *Xứ Sấm Sét*.

Năm 1981 Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển in tập tài liệu *Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan* của Nhật Tiến, Dương Phục và Vũ Thanh Thủy và nhà xuất bản Nghiên Cứu Sử Địa ở Montréal in cuốn hồi ức *Việt Nam Những Ngày Lịch Sử* của Nguyễn Tường Bách.

Đó là đại cương những tác phẩm tiêu biểu xuất hiện trong thời kỳ đầu.

*

Thời kỳ phát triển từ 1981 đến 1990. Đây là một thời kỳ vô cùng

phong phú về mặt báo chí cũng như tác phẩm văn học, sẽ được khảo sát chi tiết ở các chương sau.

Sinh hoạt báo chí khởi sắc với sự hiện diện của Mai Thảo và tạp chí *Văn*, số ra mắt tháng 7 năm 1982. Mai Thảo nhập cuộc với một thôi thúc: *«Hợp nhập trường kỳ vào đại thể quê hương. Vào vận nạn đất nước», ông xem đó là con đường đi của văn học hải ngoại.* Nói cách khác, Mai Thảo chủ trương văn học phải đi sát với hoàn cảnh lịch sử và gắn bó với khổ đau của con người.

Đến tháng 5/85, Võ Phiến và Lê Tất Điều cho tục bản tờ *Văn Học Nghệ Thuật* bộ mới, cũng chỉ ra được 8 số thì đình bản, vì Võ Phiến phải mổ tim. Tờ báo được trao lại cho Nguyễn Mộng Giác, đổi tên là *Văn Học* từ tháng 2 năm 86. *Văn Học* đã giữ vai trò chủ chốt trong giai đoạn phát triển, khám phá những tài năng mới.

Ở Canada, tháng 9 năm 1984, nhóm Nguyên Hương - Nguyễn Hữu Nghĩa chủ trương tờ *Làng Văn*. *Làng Văn* cũng đã đắc lực trong việc phát triển văn học hải ngoại những năm 85-88.

Thời điểm báo chí thịnh hành nhất là những năm 84-85, có tới khoảng 600 tờ khác nhau. Rồi tụt xuống khoảng 300 tờ vào năm 87 và còn lại khoảng 90 tờ những năm 90[2]

Tháng 5/89, cơ sở Người Việt phát hành tạp chí *Thế Kỷ 21*, nguyệt san chính trị, thời sự, văn học. Rồi tháng 4 năm 1990, Viên Linh cho tục bản tờ *Thời Tập*, đã ra đời ở Sàigòn trước 75. *Thời Tập* cầm cự được 11 số, đến tháng 4 năm 91 thì đình bản.

Về mặt xuất bản, nhà Văn Nghệ của ông Võ Thắng Tiết với bức thư tâm huyết gửi độc giả, xuất hiện tháng 10 năm 1985, in tác phẩm đầu: Đời Viết Văn Của Tôi của Nguyễn Hiến Lê. Văn Nghệ đã có những đóng góp lớn lao cho văn học hải ngoại. Dường như tất cả mọi yếu tố đều quy tụ trong giai đoạn hai thứ này để tiến tới sự phát triển: Lớp người vượt biển với những nhà văn, nhà thơ mang nặng tâm tư và ký ức, kinh nghiệm sống trong nước sau 75; sự phát triển kỹ nghệ tin học; khát vọng xây dựng một nền văn học tự do... Đó là những lý do và đồng thời cũng là những động cơ thúc đẩy sáng tác. Và chính trong giai đoạn này, người viết ở ngoài nước đã có cơ hội vẽ nên những thăng trầm của lịch sử nội chiến, của cuộc sống tù đầy, cải tạo, cùng thảm cảnh thuyền nhân và những ngày sống trên đất mới.

Nhưng giai đoạn thứ hai này không chỉ có những đóng góp tích cực. Bộ mặt tiêu cực của nó là vạch nên một thực tại đen tối về đất nước, thúc đẩy những phong trào chống cộng quá khích. Nhiều phần tử, chưa từng sống dưới kinh nghiệm cộng sản, lợi dụng để «hư cấu» ra một xã hội mà hận thù là chủ thể của môi trường.

*

Thời kỳ hòa hợp từ năm 1991 đến 2000. Hòa hợp trong nhiều khía cạnh: Hòa hợp dân tộc lẫn hòa hợp và mở rộng địa lý văn học: Từ tâm điểm ở Mỹ, chu vi văn học mở rộng sang thế giới Đông Âu và Việt Nam...

1989 - bức tường Bá Linh sụp đổ kéo theo sự sụp đổ gần như toàn diện của thế giới cộng sản Đông Âu. Tâm cảm người di tản cũng bước sang một giai đoạn mới: Chờ đợi và hy vọng một sự thay đổi chính trị ở Việt Nam. Tính chất «đoạn tuyệt» với quê hương không còn nữa mà mở ra một cầu nối, một niềm tin về sự trở về. Một số những tờ báo mới xuất hiện, với những người viết muốn tìm một hướng đi khác: Họ muốn *xóa bỏ hận thù,* tìm con đường *hòa hợp dân tộc.*

Về nguyên thủy, nhà văn Nhật Tiến là người đầu tiên cổ động và phát huy chủ trương *hòa hợp dân tộc* ngay từ 1985. Nhân dịp ra mắt tập truyện ngắn *Một Thời Đang Qua* của Nhật Tiến và tập nhạc *Thấm Thoát Mười Năm* của Phạm Duy tại Washington ngày 11/10/85; trong bài phát biểu[3], Nhật Tiến đặt vấn đề:

«Trong một lá thư gửi từ quốc nội, một văn hữu có hỏi tôi một câu ngụ ý rằng «Ở hải ngoại các anh đã thực sự có tự do cầm bút hay không?» và Nhật Tiến đã trả lời: *«Tôi thấy rõ người cầm bút ở đây chưa thực sự có tự do cầm bút.»* Để minh chứng cho điều mình nói, Nhật Tiến đã mô tả những giới hạn của cộng đồng hải ngoại, bị chi phối bởi những thành kiến, những quan điểm chống Cộng hẹp hòi mà không nhìn đến thực tại của quê hương. Ông viết: *«Sự giao thông đi lại giữa hai miền Nam Bắc đã soi sáng một vấn đề mà trước đó ít ai nhận ra: Đó là tuyệt đại đa số nhân dân miền Bắc, dù đã bị nhào nặn trong lò của chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, thì con người đích thực của họ vẫn còn tồn tại.»* Từ chủ điểm nhìn nhận lại mình và nhìn nhận lại nhau, Nhật Tiến nhấn mạnh: *«Người cầm bút lưu vong phải tự giải phóng mình để tìm lại chân trời tự do sáng tạo», can đảm nói lên thực tại quê hương mà không ngại sự chụp mũ, hoặc sa vào vòng «bè phái tâng bốc thù tạc».*

Đường lối «hòa hợp dân tộc» còn được xướng lên từ một tờ báo chính trị tại Pháp, tờ *Thông Luận* do Nguyễn Gia Kiểng chủ trương, ra mắt vào tháng 1/1988. *Thông Luận* chủ trương «phá rào», muốn trở thành *«diễn đàn của nhiều lập trường khác nhau»*, muốn phá bỏ những «cấm kỵ» của một cộng đồng mang nặng tâm sự quá khứ, thắt chặt mình trong biên giới chính trị một chiều. Chủ trương của *Thông*

Luận được nhiều người hưởng ứng nhưng cũng gây nhiều chống đối gay gắt về phía những cá nhân, tổ chức chống cộng cực đoan.

Khi biến cố Đông Âu bùng nổ, khuynh hướng «hòa hợp dân tộc» dường như chiếm ưu thế, văn học hải ngoại chuyển mình, muốn đoạn tang với quá khứ để bước vào một giai đoạn mới. Những người đi tiên phong trong lãnh vực này là nhóm *Hợp Lưu*, do Khánh Trường chủ trương, với Phan Tấn Hải, Lê Bi, Nhật Tiến, Trương Vũ, Phạm Việt Cường, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mạnh Trinh, Đỗ Hữu Tài, Đỗ Khiêm... Rất đông nhà văn, nhà thơ hưởng ứng phong trào. Chủ trương của tờ báo được Khánh Trường xác định trong lá thư tòa soạn, số đầu, ra ngày 1/10/1991: *«Hợp Lưu sẽ là diễn đàn phổ biến tất cả các tác phẩm của anh em văn nghệ sĩ trong và ngoài nước, những tác phẩm nói lên được khát vọng chung của dân tộc, tấn công mạnh mẽ vào thành trì lạc hậu, tha hóa, chia rẽ, lầm than, đói nghèo, vong thân cũng như phô diễn được cái đẹp, cái hay của ngôn ngữ Việt.»*

Trước khi *Hợp Lưu* ra đời, nhóm Thân Trọng Mẫn đã cho in *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*, một tuyển tập khá đồ sộ, dầy 797 trang, gồm những bài viết và sáng tác ở trong nước trong thời kỳ cao điểm «phản kháng» 1986-1989. Đây là một cố gắng lớn để thực hiện sự giao lưu «trong - ngoài» giữa những người cầm bút tranh đấu cho tự do và sự thật.

Cùng thời điểm 1/10/91, ban biên tập nguyệt san *Đoàn Kết* ở Paris với Nguyễn Ngọc Giao, Hà Dương Tường, Trần Hải Hạc, tuyên bố trả lại *Đoàn Kết* cho Hội Việt Kiều và thành lập tờ *Diễn Đàn,* chủ trương ly khai với chính quyền Hà Nội.

Khuynh hướng của *Hợp Lưu* tuy bị đả kích khá gay gắt, nhưng đã có ảnh hưởng sâu xa đến số đông thầm lặng và đã gây được một phong trào hòa hợp dân tộc thực sự. Cùng hướng với *Hợp Lưu*, một số các tờ báo khác ra đời: Tháng 6/1992, nhóm Trân Sa, Tư Đồ Tuệ, Hà Trọng Vũ ở Toronto, Canada, xuất bản tạp chí *Trăm Con.* Nhưng *Trăm Con* cũng chỉ sống được 14 số rồi phải đình bản vào tháng 9/1993. Tháng giêng năm 94 có tờ *Đối Thoại* do nhóm Nguyễn Hương, Lê Bi, Thân Trọng Mẫn, Trương Vũ, Nhật Tiến, Lê Thứ, Đỗ Hữu Tài... chủ trương. Tờ báo tuyên bố *«chúng tôi muốn đối thoại»* và *«công nhận sự tồn tại của người khác»,* tìm một hành trình dân chủ, không *«phủ nhận bất cứ một khuynh hướng chính trị nào»*. Nhưng *Đối Thoại* cũng chỉ sống được vài số; sau số 5, tháng 4/95 thì ngừng hẳn. Dù chỉ hoạt động được hơn một năm, *Đối Thoại* đã có ảnh hưởng khá lớn trong giới trí thức trong và ngoài nước, cùng một chủ trương đấu tranh cho dân chủ bằng ngòi bút.

Mùa thu năm 94, *Tạp Chí Thơ* số 1 ra đời, 4 tháng một lần với nhóm Khế Iêm, Đỗ Khiêm, Phan Tấn Hải, Chân Phương, Nguyễn Hoàng Nam, Trầm Phục Khắc... mong mỏi tìm một hướng đi mới cho thơ. Tháng 11/96, Viên Linh cho tục bản nguyệt san *Khởi Hành,* đã xuất hiện trong nước trước 75. *Khởi Hành* là tờ báo văn học của những người ra đi theo diện HO, như lời tuyên bố của Viên Linh. *Khởi Hành* quy tụ những nhà văn đã thành danh trong nước trước 75, phần lớn đã trải qua nhiều năm cải tạo. Những bài viết của họ đậm nét hồi ức sinh hoạt văn học miền Nam, hoặc phản ánh đời sống lao tù của văn nghệ sĩ sau 75. Đầu năm 1998, tạp chí Việt, một năm hai kỳ, do Nguyễn Hưng Quốc chủ trương, phát hành tại Úc. Nhiều tờ báo khác xuất hiện tại Đông Âu.

Những biến đổi chính trị trên thế giới góp phần mở rộng môi trường báo chí hải ngoại, tạo ra một diện mạo văn học, thời kỳ thứ ba, khác hẳn hai thời kỳ trước: Những nhà văn xuất thân từ những quá khứ chính trị khác nhau, cùng có mặt trên diễn đàn văn học hải ngoại.

Thời kỳ phôi thai 1975-1981

Để mở đầu cho giai đoạn phôi thai của văn học hải ngoại, xin gợi lại Vũ Khắc Khoan như một giá trị tinh thần, đã tiền sử hóa những đớn đau ly cách:

....
Đá tảng u mê mơ tiền sử
Chồn già ngơ ngẩn nghếch trăng lu
Cành phong chợt tỉnh cơn thiền định
Nghiêng cả thân gầy xuống gốc du.
...
Viễn ly điên đảo mộng tưởng
Lâng lâng
Không cả vô thường.
(Vọng Cố Nhân)

Bài thơ, không biết đã làm từ chặng nào trên quãng ly hương, đăng trên báo *Văn*, số 5, tháng 11/82; tuy tên là *Vọng Cố Nhân* nhưng lời thơ như thoát ra từ miệng cố nhân. Nơi Vũ Khắc Khoan, người đi và người ở, dường như chỉ là một: Mình vọng về mình trong ly trình vào mộng. Rất lâu sau ông, chưa thấy ai viết như thế về cuộc đổi đời. Vũ

Khắc Khoan chắc không phải là người làm thơ đầu tiên tại hải ngoại sau 30/4. Mà rất có thể là Minh Đức Hoài Trinh. Bài *Lời Ca Của Đất* có lẽ viết từ trước 30/4, cất lên như một thương ca, tạ từ vũ khí:

Lời ca của đất

Những bài thơ bị cấm, trích Trường Hận Ca

Em đây mà
Anh, anh ơi sao không quay đầu lại
Sao không nhìn nhau
Không gượng nhẹ bàn tay
Em của anh
Bao nhiêu lần sợ hãi
Từng đợt mìn bom
Từng hố trẻ vùi thây

Hãy nhìn em đi anh
Xin nhau cái nhìn đằm thắm
Xin nhau nụ cười thiết tha
Quê hương mình
Đường Bắc Nam thăm thẳm
Từng đoàn quân chen chúc tới tha ma.

Đêm mờ hơi sương
Đi đâu anh, đi đâu
Xin đừng đi nữa
Đỗ lại hôm nay, cởi súng buông gươm
Tội nghiệp em
Ba mươi năm khói lửa
Mải hận thù quên nói chuyện yêu đương.

Em sợ lắm
Mùi hôi tanh của màu đen, máu chết
Từ mình anh rịn thấm xuống thân em
Trời ôi, này
Sao xác anh bê bết
Lấy đất bùn thay nệm ấm chăn êm

Hình hài em bé nhỏ
Sẹo hằn lên thịt da

Ruột gan ai nỡ xé
Gỗ đá nào không nức nở thương ta.

(Hồn Việt Nam, số 5, ngày 15/2/76)

Lời trao đổi giữa hai xác thân đã tan trong lòng đất -dưới ngòi bút Minh Đức Hoài Trinh- vọng lên những ngày đầu hòa bình, vừa như một thệ nguyền cho yêu thương, vừa như một mặc niệm cho những hình hài đã nằm xuống. Minh Đức Hoài Trinh tụng ca hòa bình bằng một giọng hoài cổ, đầy bi kịch và tha thiết:

...
Kinh hoàng rồi chấm dứt
Người đi sẽ trở về
Mẹ già ngừng thao thức
Đêm đêm dài thôi vọng bước trên đê.

Em nhỏ ơi, em sẽ được vào đời yên tĩnh
Không ngại mìn, bom, không sợ lệnh xuất quân
Hai buổi đến trường không phập phồng lo bắt lính
Mười tám tuổi hồng không bị cướp mùa xuân.
...
Vườn nghĩa trang xin đừng e thiếu chỗ
Mỗi ngày không vào từng chục cỗ xe tang
Chôn vội vã, lấp chưa thành nấm mộ
Đây ngẹn ngào, kia vật vã khóc than.
...
Bé thơ ơi, một kiếp người mang nặng
Mà sẽ còn muôn kiếp nữa theo sau
Nếu trót sinh làm Việt Nam - Xin hãy làm khoai sắn
Đừng làm người để khỏi oán hờn nhau.
(Chiến Tranh Hết Rồi, Hồn Việt Nam, số 8, tháng 5/76)

Tráng sĩ của hòa bình, Minh Đức Hoài Trinh đã có những lời hùng ca ngất ngưởng:

Dương cung lên ta bắn vào bóng tối
Cho bóng tối kêu gào, cho bóng tối xin van
(Bài Thơ Không Tên, Hồn Việt Nam, số 10, tháng 7/76)

Sau những lời thơ bi hùng của Minh Đức Hoài Trinh chôn vùi

cuộc chiến, Cao Tần tức Lê Tất Điều, bước vào thơ năm 77.

Thơ Cao Tần là những khúc chuyện kể tự nhiên, tào lao, đấu hót, học trò, lính tráng, mày tao chí tớ của mấy thằng bạn, lính, đời.

Đó là tiếng nói trực tiếp, phi thơ, phản thơ, phẫn thơ, hài thơ, ngậm cười:

Mai mốt anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li.

Gọi là «tí toáy» làm thơ nhưng đôi khi nhịp buồn của Cao Tần cũng vụt nhanh suýt bắt kịp gia tốc Nguyễn Khuyến:

Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo

Cao Tần làm thơ tài tử, ngồi chơi, phác họa một mẫu *di tản cù lần ngông*, nhỏ nhoi như thân phận nhược tiểu, cùng cực như số phận bại trận, và lau sậy kiến cỏ như thân xác con người, nhưng cũng lại ngạo nghễ, ngoan cố, thượng đẳng yêu thương và gắn bó dai dẳng với đất nước như một hồn đi chưa thoát kiếp. Bài thơ *Kho Tàng* của Cao Tần là một bi kịch nhiều «hồi». Mỗi hồi mở vào một đoạn trường hài lộng đớn đau:

Chàng Cù Lần có cái túi nhỏ
Suốt bốn mùa giấu diếm như điên
Anh em sùng nghi thằng này chơi khó
Thủ cẳng tí tiền len lén tiêu riêng.
...
Đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ
Những tên người tên tỉnh đã xa xưa
Những dòng vội ghi hẹn hò gặp gỡ
Những đường quen không trở lại bao giờ

Trả túi thằng em, cả bầy bỗng xệ
Cù Lần xấu hổ chửi như ca
Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng ti tiện
Hóa đem theo muôn vạn mảnh quê nhà.

Cù Lần dọa đêm nay đâm chết hết

Ôi ví dầu chú mở được tim anh
Chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết
Với khăn tang nhầu nát chữ thêu xanh.
...

Ở Cao Tần, người lính bại trận tìm chiến thắng trong chiến dịch tình thương và xây dựng tình người.

*

Võ Phiến mở đầu thời kỳ hải ngoại của ông bằng những bài tạp ghi, tùy bút trong *Thư Gửi Bạn, Ly Hương* và tiểu thuyết *Nguyên Vẹn.*

Nguyên Vẹn không phải là một thành công đáng kể so với phần trước tác của Võ Phiến ở trong nước; tác phẩm viết về một giai đoạn cuộc đời một cô gái tên Dung, từ những ngày bình yên trong cuộc sống miền Nam, trải qua những đổi đời, di tản, thất lạc người yêu và đến Mỹ. Nhưng thái độ nhẩn nha của Võ Phiến dường như không hợp với những nổi trôi cuồn cuộn của cuộc đổi đời. Ở đây, ông lại cũng ít dịp vận dụng sở trường: Rọi kính hiển vi lên những sinh hoạt bình thường của con người để lục lọi, tìm kiếm, đào sâu. Có thể vì hoàn cảnh «sôi bỏng» không cho phép, hoặc vì Võ Phiến ra đi trước ngày 30/4, chưa thật sự «sống» những phút «dầu sôi lửa bỏng» nên ông không bắt kịp vận tốc chuyển tải. Đọc *Nguyên Vẹn*, độc giả có cảm tưởng «tụt hậu» về một thời xa, rất bình an bên *Xóm Cầu Mới*, có cô Mùi tiền chiến Nhất Linh táo bạo hơn cô Dung bẩy lăm Võ Phiến. Những «xen» chủ chốt của *Nguyên Vẹn* như cảnh nằm võng - nằm phản -ngoắt tay chỉ gợi chút luyến tiếc Võ Phiến *Đêm Trăng*, Võ Phiến *Giã Từ* ngày xưa, sâu sắc, nhậy cảm và ngắn gọn hơn Võ Phiến *Nguyên Vẹn* bây giờ..

Nếu tiểu thuyết *Nguyên Vẹn* chưa phải là một thành công, thì ngược lại, những bài viết ngắn trong *Ly Hương* đã cho người đọc tìm lại được Võ Phiến chậm rãi, sâu sắc và ý nhị của tùy bút, Võ Phiến của những mất mát, lạc lõng khi tiếp xúc với vùng đất mới.

Những mảnh dĩ vãng rơi rớt tứ tán trên đường, khi vội vã rời nước, nay lũ lượt trở về, móc nối với ngoại cảnh đất Mỹ. Nhưng cũng chỉ là móc hờ, treo tạm trên đất «tạm dung». Chúng không «thấm» được vào cảnh -dù cảnh rừng phong mùa thu vô cùng quyến rũ- nhưng nó không phải «ở ta», không phải của ta, bởi vì nó chưa thấm kỷ niệm, nó chưa «sống» thật lâu trong ta: Nó chưa có tình. Và như vậy, Võ

Phiến lại phải «lẩn thẩn» tìm về ngọn *«cỏ bồng phất phơ»*, tìm về Ức Trai, như một miền đất hứa vĩnh viễn của tâm hồn, qua *«những ngày thỏn mỏn cuối cùng của năm tàn rơi rụng dần và từng chữ từng chữ, bài thơ của cụ (Ức Trai) thấm vào lòng kẻ tha hương. Tiếng mưa lúc canh tàn, tiếng trùng dưới chân vách, ở xứ lạnh không hề có.»*[4]

Võ Phiến trên đất khách, đã tìm mối liên lạc, gắn bó giữa cảnh và tình nơi người và thiên nhiên. Cảm xúc chỉ nẩy sinh nếu có sự «quen biết nhau» từ trước: Quen nhau qua văn hóa, biết nhau bằng kỷ niệm. Vắng bóng những xúc tác ấy, con người dửng dưng với thiên nhiên như những kẻ ngoạn cảnh qua đường. Người di tản sống trên đất khách, mãi mãi là «kẻ qua đường» trên «đất tạm dung». Vì chưa bao giờ hết mình nhúng vào *văn hóa đất khách.* Chưa bao giờ thật có «kỷ niệm» *với người của đất khách.* Đó là bi kịch trọn đời của ly khách, mà Vũ Khắc Khoan cô đọng lại trong hai câu thơ:

Đá tảng u mê mơ tiền sử
Chồn già ngơ ngẩn nghếch trăng lu

*

Tập truyện ngắn *Xứ Sấm Sét* của Võ Đình là cuộc thử nghiệm hội nhập đất khách. Có lẽ chỉ có Võ Đình và Đỗ Khiêm là hai nhà văn đã thật sự sống với văn hóa và con người của *đất khách.* Võ Đình có khả năng tiếp cận hai thế giới Đông-Tây bằng cái nhìn hội họa, rồi hòa hợp chúng trong mầu sắc văn hóa của hai cõi để tạo thành một phong cách Võ Đình.

Hãy chú ý đến cách viết của Võ Đình: *«Tôi thấy, tôi nghĩ rằng tôi thấy được một ánh lửa lòe sáng; có lẽ một tia nắng nào đó, lưu lạc trên núi kia, bỗng tìm được lối về, hấp tấp phóng lui để hòa mình vào bóng tà huy.»* (G., *Xứ Sấm Sét, trang 32)*

Đó không phải là viết mà cũng chẳng phải là vẽ: cả hai. Mở đầu: *Tôi thấy, tôi nghĩ rằng tôi thấy*, là một câu rất Tây, rất «hiện sinh», và kết thúc bằng ... *bóng tà huy* rất Ôn Như Hầu. Đầu Ngô mình Sở, nhưng không chướng, mà lại rất... hợp, rất hay. Đọc kỹ hơn, thì những: *tôi thấy, tôi nghĩ rằng tôi thấy, có lẽ..., trên núi kia...* đều chỉ là những dự tưởng, ảo giác; bởi: đã chắc gì? Nhưng những dự tưởng ấy hợp lại, thành một cảnh thật trong tâm linh, bởi tất cả những yếu tố: *ánh lửa lòe sáng, tia nắng lưu lạc, bóng tà huy... có thể khởi đi từ một bức tranh trừu tượng.*

Những nhân vật trong truyện Võ Đình thường có chất mầu

nhiệm, siêu hình và siêu linh; phần nhiều là người Mỹ, nhưng là một thứ Mỹ bị nghệ thuật hóa, bị Việt hóa, trong chất Võ Đình, họ trở thành những biểu tượng giao lưu. Con chim G. hiển linh như một kỳ điểu văn hóa, một thứ Gabrielle thánh linh hiện hữu, một ảo giác của nghệ thuật mà con người muôn đời tìm kiếm.

*

Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa của Nguyễn Khắc Ngữ in năm 79, là cuốn sử đầu tiên ở hải ngoại, và cho đến nay cũng chưa có một cuốn nào khác đạt được giá trị tương đương. Cuốn sách được «khởi soạn» ngay từ khi Nguyễn Khắc Ngữ bước chân lên tàu, rời nước ngày 30/4; soạn giả đã tìm hiểu và phỏng vấn những người liên hệ, tham khảo tài liệu từ ba phía: Bắc, Nam và Hoa Kỳ.

Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa không gói hạn ở giai đoạn cuối của chiến tranh. Bẩy chương đầu khái quát cả một thời kỳ lịch sử hình thành và diễn tiến của xã hội miền Nam, từ 1954 đến 1975 và sự can thiệp của người Mỹ qua các giai đoạn chiến tranh. Từ chương 8 đến chương 27 đi vào phần cốt lõi của cuộc chiến 75. Tức là từ nghị quyết 21 của đảng Lao Động Việt Nam lựa chọn đường *bạo lực cách mạng* mở chiến dịch Tây Nguyên, qua trận chiến Ban Mê Thuột, cuộc triệt thoái Cao Nguyên, chiến trường Trị Thiên, Quảng Đà, mặt trận Nam Trung phần... và kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh. Cuốn *Đại Thắng Mùa Xuân* của Văn Tiến Dũng, xuất bản tại Hà Nội năm 76, đã vẽ được toàn bộ các chiến dịch từ Tây Nguyên đến Hồ Chí Minh, nhìn từ bộ chỉ huy hành quân miền Bắc. Cuốn *Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm* của Trần Văn Trà (nxb Văn Nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, 1982) tổng kết những khó khăn của chiến trường B, bao gồm một nửa miền Nam từ Tuyên Đức đến Cà Mâu. Cuốn *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa* của Nguyễn Khắc Ngữ tổng hợp các tư liệu của miền Bắc, miền Nam và Hoa Kỳ, để có một cái nhìn khái quát về cuộc chiến 75.

Điều đáng tiếc là *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa* được viết trong thời kỳ vừa kết thúc chiến tranh, Nguyễn Khắc Ngữ chưa có đủ khoảng cách để giữ tầm nhìn trung dung với lịch sử, cho nên đã có những lời miệt thị, lên án gắt gao chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, một thái độ mà dù sao, cũng không nên có ở một sử gia trong bất cứ hoàn cảnh nào.

*

Hồi ức *Việt Nam Những Ngày Lịch Sử* của Nguyễn Tường Bách bao gồm cả giá trị văn chương lẫn lịch sử. Nguyễn Tường Bách viết về những năm kháng chiến chống Pháp, về cuộc tranh chấp Việt Minh với Việt Quốc và Việt Cách, về những nổi trôi của phong trào Việt Nam Quốc Dân Đảng sau khi quân Tưởng rút về Tàu, về đại gia đình Nguyễn Tường và Tự Lực Văn Đoàn...

Hồi ký Nguyễn Tường Bách có một giá trị tình cảm sâu đậm trong lòng người Việt, nó đã thuật lại những giây phút tranh đấu cuối cùng cho đất nước với những hoang mang, tuyệt vọng của những văn nghệ sĩ thân yêu nhất trong thế kỷ này: Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Nguyễn Gia Trí... họ tiêu biểu cho tầng lớp thanh niên trí thức yêu nước, đã đi vào cuộc chiến với những ngây thơ, lãng mạn, trữ tình của người nghệ sĩ muôn thuở.

*

Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan của Nhật Tiến, Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, in năm 1981 là một tập tài liệu vô cùng quý giá về số phận các thuyền nhân bị nạn hải tặc. Đây là một xấp tài liệu sống, được các nhà văn, nhà báo ghi lại, với những nhân chứng chính xác, kể lại những trường hợp bạo hành.

Đặc biệt là bài ký Hành Trình Đi Tìm Tự Do Bằng Tầu Thuyền Qua Ngả Thái Lan[5] do chính Nhật Tiến viết, mô tả lại chuyến đi của mình cùng với 81 người, đã bị cướp bóc, hành hung, phụ nữ bị hãm hiếp, ... trong một bối cảnh kinh hoàng kéo dài ba tuần lễ. Bên cạnh đó là bài tự thuật của ông Vũ Duy Thái, người đã mất vợ và 6 con trong những hoàn cảnh cực kỳ bi thảm.

Mỗi chữ trong tập tư liệu ngắn này, vọng lên những tiếng kêu thất thanh cuối cùng của người mắc nạn.

Một trăm năm sau, một ngàn năm sau... cho dù gỗ đá đọc tập tài liệu này, chắc cũng không khỏi ngậm ngùi, muốn tìm về đảo Kra, thắp nén hương lòng, nguyện cầu cho những hồn còn chưa khuất, và may ra hiểu được cái giá của Tự Do.

Kỳ tới: Thời kỳ phát triển 1982-1990

THỤY KHUÊ

Paris, tháng 12/99

Chú thích

1. Thống kê của Cao Ủy Tỵ Nạn, *Rồng Vàng Vượt Biển* của Vũ Thụy Hoàng, Việt

Nam Books, 1982, trang 223.
2. Theo Nguyễn Hữu Nghĩa, *Sơ Kết 15 Năm Văn Học Lưu Vong*, Văn Xã, số 3, tháng 7/1990.
3. In lại trong *Văn Học Nghệ Thuật*, bộ mới, số 7, tháng 11/85.
4. *Cỏ Bồng Phất Phơ*, trong tập *Ly Hương*, in lại trong *Tùy Bút 1* , nxb Văn Nghệ, 1986.
5. Xem trong số này, từ trang 56.

ĐÍNH CHÍNH

(những chữ **in đậm** là do tòa soạn, để lưu ý chỗ sai)

1. Tựa

Thử tìm một ***li*** *tiếp cận văn sử học về ...*

xin đọc là :

Thử tìm một ***lối*** *tiếp cận văn sử học về ...*

2. Báo Việt Chiến do Giang Hữu Tuyên, Hoàng Xuân Sơn và Ngô Vương Toại chủ trương

xin đọc là:

Báo Việt Chiến do Ngô Vương Toại, Giang Hữu Tuyên và **Nguyễn Đình Hùng** chủ trương

3. Hồn Việt Nam viết **Thiếu Tướng** Nguyễn Khoa Nam, thật ra chức vụ ông lúc đó là **Trung Tướng** Tư lệnh quân đoàn 4 (theo Nguyễn Khắc Ngữ)

4. Đoạn thứ 2 trang 43, bị in thiếu hai dòng, xin đọc lại là:

Nhận thức này đã được thể nghiệm qua những người đi trước như Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng... Nguyên Sa đã sớm nhận thấy: *«sẽ không bao giờ một trí thức Tây phương, dù cởi mở như Sartre, có ý học tiếng Việt để đọc truyện Kiều trong nguyên bản.»* **Bởi, theo ông, vị trí văn học một nước, tùy thuộc vị trí chính trị, kinh tế của nước đó. Nhưng Nguyên Sa không nhắc đến một khác biệt nữa: Đó là khác biệt Đông-Tây. Tây phương** chưa bao giờ thực sự muốn tìm hiểu Đông phương. Do đó, văn hóa Đông phương, dù cao như văn hóa Tầu, cường như văn hóa Nhật... vẫn không có chỗ đứng đích thực trong xã hội phương Tây.

Chúng tôi rất mong được quý vị độc giả đính chính những chỗ sai lầm hoặc chỉ dẫn cho những tài liệu hoặc những tác phẩm chủ yếu mà chúng tôi đã bỏ qua vì không đầy đủ phương tiện tham khảo.

Xin chân thành cảm tạ.

http://www.saigonline.com/hopluu/

Tài liệu phụ lục 1 bài viết của Thụy Khuê

NHẬT TIẾN

Hành trình đi tìm tự do bằng tàu thuyền qua ngả Thái Lan

(...) Trước chúng tôi và cả sau chúng tôi nữa sẽ còn nhiều đoàn người tiến ra biển Đông, bằng tàu thuyền, đem chính mạng sống của mình thách đố với muôn vàn hiểm nguy một phần sống, chín phần chết.

Có những đoàn người đã thành công rực rỡ, nay đã sống yên ổn ở một đất nước tự do, nhưng cũng có không thiếu gì những đoàn người đã chết dũng cảm trong âm thầm và tức tủi giữa sóng gió ngoài biển Đông. Chúng tôi đã tích lũy những kinh nghiệm sống của người đi trước để chuẩn bị cho chuyến đi của chính mình, và chúng tôi cũng mong mỏi rằng cuộc hành trình gian khổ của chúng tôi sẽ đem lại cho những người đi sau một số kinh nghiệm mới. Chính vì tinh thần liên đới đó mà chúng tôi tường thuật lại chuyến đi của mình, đồng thời chúng tôi cũng mong mỏi rằng những đau thương mà chúng tôi phải chịu đựng trên con đường đi tìm tự do sẽ góp phần làm rạng rỡ thêm ý nghĩa cao quý của hai chữ TỰ DO.

Đoàn chúng tôi gồm 81 người, bao gồm những nhóm nhỏ của nhiều gia đình chưa từng quen biết nhau, và chúng tôi chỉ thực sự gắn bó với nhau kể từ khi cùng nhau chia xẻ những biến cố đau thương mà chúng tôi đã trải qua trong cuộc hành trình. Kiểm điểm lại, thành phần của chúng tôi khá phức tạp: Có những người thuộc giới văn nghệ sĩ

như nhà văn, ký giả, phóng viên báo chí, đạo diễn ngành vô tuyến truyền hình, có những người thuộc giới khoa học kỹ thuật như giáo sư đại học, kỹ sư nông lâm, kỹ sư hóa học, chuyên viên ngành vô tuyến viễn thông, huấn luyện viên ngành sửa chữa cơ khí máy bay, cũng có cả thầy tu, ni cô, các sĩ quan từ cấp Úy đến cấp Tá đào thoát khỏi trại cải tạo của Cộng sản, nhưng thành phần đông nhất cũng vẫn là các anh chị em sinh viên thuộc đủ mọi phân khoa đại học Sàigòn nằm trong hạn tuổi nghĩa vụ quân sự của nhà nước Cộng sản.

Chúng tôi rời Việt Nam vào ngày 19-10-1979 xuất phát từ Vũng Tàu, dự định tiến về hướng Mã Lai với hy vọng được tàu bè của các nước tự do cứu vớt. Nhưng chỉ mới ra khơi được gần một ngày thì biển động dữ dội. Tự liệu con thuyền mỏng manh 14 thước của chúng tôi không thể chịu nổi sóng gió to lớn, chúng tôi bắt buộc phải đổi hướng đi xuôi dọc theo bờ biển Việt Nam với chủ đích sẵn sàng chấp nhận số phận trở lại Việt Nam khi nào con thuyền không còn hy vọng đi xa. Quả nhiên, qua sang ngày thứ ba thì thuyền của chúng tôi bị chết máy, bình điện lại hư không thể cho máy nổ được trở lại. Thế là chúng tôi đành bó tay mặc cho sóng gió đưa đi qua mũi Cà Mâu và sau đó đẩy chúng tôi ngày càng xa hải phận Việt Nam. Kể từ đó chúng tôi mất định hướng, không chấm nổi toạ độ con thuyền, đành phó mặc cho sóng gió đưa đi. Tám ngày lênh đênh trôi giạt, dù ở trên thuyền đói ăn, thiếu uống trầm trọng (có người phải đi tiểu rồi uống), nhưng chúng tôi vẫn phải duy trì nhiệm vụ chia phiên tát nước bằng lon hộp cầm tay, 24 giờ trên 24 giờ để đối phó với tình trạng nước vào thường xuyên trong các khoang thuyền. Đêm đêm, chúng tôi cũng còn chia phiên gác lửa đốt lên làm hiệu với hy vọng tàu bè lưu thông trên biển nhìn thấy mà cứu vớt. Tiếc thay chúng tôi đã gặp 7, 8 con tàu đi qua trước mắt, nhưng không một tàu nào quan tâm tới dấu hiệu báo nguy khẩn cấp của chúng tôi. Cho tới ngày thứ 10 của cuộc hành trình thì chúng tôi gặp một tàu đánh cá, khi đó chúng tôi mới biết là mình đã trôi giạt vào vịnh Thái Lan. Những ngư phủ trên tàu này đã mở một cuộc lục soát đầu tiên trên con tàu của chúng tôi, tịch thu tất cả đồ nữ trang, đồng hồ và một số quần áo mà họ ưng ý. Sau đó họ sửa chữa máy móc, cho mượn bình điện để nổ máy và chỉ tọa độ cho chúng tôi đi vào đất liền. Nghe tiếng máy nổ ròn rã trở lại trên thuyền, chúng tôi vô cùng phấn khởi và vui mừng. Nhưng niềm vui chẳng kéo dài được bao lâu, ngay 5 giờ chiều của ngày hôm sau chúng tôi lại bị hai tàu đánh cá khác kè sát, những ngư phủ lại nhảy qua lục soát chúng tôi thêm 2 lần nữa, đồ đạc quần áo còn lại đều bị tước đoạt. Tuy mất mát đủ thứ nhưng chúng tôi vẫn khấp khởi mừng thầm bởi vì cho tới khi đó những

phụ nữ trên thuyền của chúng tôi chưa có ai bị xâm phạm. Hình như vì không cướp bóc được vật gì quý giá, những ngư phủ trên một trong hai tàu đã tức giận muốn húc chìm con thuyền của chúng tôi. Toàn bộ phụ nữ và trẻ em trên thuyền phải kéo nhau lên hết trên mui quỳ lạy họ liên hồi, do đó con thuyền mong manh của chúng tôi chỉ bị húc văng xuống biển nguyên một cái mái che ở trên cùng dùng làm chỗ cho tài công quan sát, đặt hải bàn để lèo lái con thuyền. Cuối cùng một chiếc tàu đánh cá bỏ đi, còn một cái nữa đã dòng giây qua thuyền của chúng tôi để kéo vào hoang đảo Kra nơi cách địa phận quận Pakpanang thuộc tỉnh Nakornsri thamaraj chừng 5, 6 giờ tàu chạy. Trời lúc đó đã tối hẳn, chủ tàu cho đốt đèn lên, lùa chúng tôi qua hết bên tàu của họ, rồi sau đó lại tuần tự kêu từng người trong nhóm chúng tôi ra để lục soát tỉ mỉ một lần nữa với mục đích tìm vàng hay dollars cất dấu. Mọi người sau khi bị khám xong được đưa trở lại thuyền cũ, cứ thế cho đến hết. Cuối cùng chúng tôi được họ kéo thuyền cho cập sát vào đảo để đổ bộ lên, còn con thuyền thì họ dòng qua một bãi khác để tháo máy móc mang đi.

Toàn thể chúng tôi ai nấy đều vui mừng khi được đặt chân lên đất liền dù chỉ là một cái đảo hoang. Cơn sợ hãi vì đắm thuyền giữa biển cả kéo dài từng giờ, từng phút triền miên trong tám ngày đêm liên tiếp bây giờ kể như đã chấm dứt. Chúng tôi nằm lăn trên bãi biển đầy sỏi đá san hô, lòng nhẹ nhàng như vừa cất được một gánh nặng, sau đó ai nấy đều ngủ được một giấc an lành nhất kể từ ngày ra đi.

Hai ngày sau đó chúng tôi tổ chức tạm thời đời sống ở trên đảo với một số thực phẩm mang được từ thuyền xuống. Nhờ một hang đá chật hẹp, chúng tôi đã có thể trú chân che mưa nắng cho phụ nữ và trẻ em. Chúng tôi cũng cho cắm một lá cờ trắng sơn ba chữ S.O.S lên một mỏm đá cao với hy vọng mong manh rằng các tàu bè hay phi cơ qua lại sẽ nhìn thấy chúng tôi mà cứu vớt. Do thực phẩm ít ỏi, chúng tôi hạn chế mỗi bữa chỉ ăn mỗi người một chén cháo loãng cầm hơi. Nước ngọt có sẵn ở những hõm đá trên núi cao do nước mưa đọng lại. Những toán thanh niên khỏe mạnh hàng ngày thay phiên nhau mang bình nhựa leo lên những sườn núi thật dốc và trơn trợt để lấy nước mang về. Bụng đói chân rũ, nhiều người suýt mất mạng vì trượt té trong những lần đi lấy nước suốt thời kỳ chúng tôi còn sống trên đảo. May mắn thay, không có ai bỏ mạng trừ một trường hợp duy nhất bị té rách một mảng da đầu. Hai ngày đầu tiên trôi qua êm ả, chúng tôi có dịp đi quan sát một vòng quanh đảo. Chúng tôi phát hiện nhiều dấu tích của những toán người tỵ nạn Việt Nam đi trước chúng tôi cũng đã đặt chân trên đảo này. Có chỗ họ đã ghi lại kỷ niệm bằng sơn trắng trong vách

đá, có chỗ họ đã dùng than củi ghi chép những kinh nghiệm sống trên đảo lên 4 bức tường vôi của một căn chòi xây bằng gạch, nơi chứa những bình gaz để thắp sáng một ngọn hải đăng duy nhất trên đỉnh núi. Dù thời gian có làm cho dấu than phai nhạt, chúng tôi cũng đã được truyền lại những kinh nghiệm hết sức hãi hùng: Nào là đàn bà phụ nữ khi đặt chân lên đảo phải lập tức tìm cách trốn lên núi cao hay rừng sâu để khỏi bị hãm hiếp, nào là những ngư phủ Thái Lan ở quanh vùng đó hầu hết vừa đánh cá, vừa cướp biển. Họ có thể cho gạo, cho cá ban ngày, nhưng ban đêm thì kéo phụ nữ đi hành hạ tập thể. Để minh chứng cho những lời căn dặn này, rải rác ở trên đảo, chúng tôi đã gặp những đám tóc của phụ nữ đã bị cắt rời. Hẳn các phụ nữ trước đây đã phải cắt tóc giả trai để tránh cặp mắt của các ngư phủ Thái Lan. Những sự kiện đó băt đầu nhen nhúm trong lòng chúng tôi một nỗi kinh hoàng, mỗi lúc một thêm sâu đậm như mây đen dần dần lan tới bầu trời sắp nổi cơn dông bão. Chúng tôi bắt đầu đặt vấn đề để thực hiện theo lời căn dặn của những người đi trước, nhưng nỗi lo xa đó chưa kịp thực hiện thì ngay trong buổi chiều của ngày thứ nhì chúng tôi đặt chân lên đảo, mọi người phát hiện có một tàu hải quân Thái Lan đang rẽ sóng tiến vào đảo. Ôi xiết bao là vui mừng. Chúng tôi tưởng như đã có phép lạ ban xuống cứu giúp chúng tôi ra khỏi cơn hãi hùng mà đồng bào đi trước của chúng tôi đã phải chịu đựng. Mọi người trong chúng tôi đều kéo hết lên mỏm núi thi nhau vẫy gọi bằng cờ S.O.S, bằng quần áo, bằng khăn mặt. Cuối cùng, những người mặc sắc phục hải quân Thái Lan cũng neo tàu và đi xuồng vào đảo. Họ yêu cầu gặp đại diện của chúng tôi để hỏi han và ghi chép vào biên bản những dữ kiện cần thiết. Họ cũng đi thăm nơi ăn chốn ở của chúng tôi. Sau đó họ rời đảo với một hứa hẹn đầy khích lệ: “Chúng tôi sẽ trở lại gặp các bạn sau.” Đối với chúng tôi, sự hiện diện của họ là một cứu tinh của chúng tôi về cả hai phương diện, một là chắc chắn không bao giờ chúng tôi bị bỏ rơi trên đảo hoang giữa biển cả mênh mông này, hai là kể từ giây phút đó, chúng tôi đã được đặt dưới quyền bảo trợ của chính phủ Thái Lan, ít ra là cũng về mặt an ninh, không còn lo sợ cướp bóc hay hãm hiếp. Trong số chúng tôi đã có người lạc quan nói: “Bây giờ ai đụng đến chúng mình tức là đụng đến luật pháp của nhà nước Thái. Chẳng ngư phủ nào lại dại dột đi làm chuyện đó.” Trên căn bản lạc quan ấy, chúng tôi lại được sống qua một đêm an lành nữa, mọi người vui vẻ trò chuyện bên đống lửa đốt cao, có thể nói đó là đêm an lành cuối cùng mà chúng tôi được sống trong chuỗi ngày còn lại sau này ở trên đảo. Bởi vì sau đó mòn mỏi từng ngày, từng giờ, chúng tôi đỏ mắt trông chờ chiếc tàu Hải quân mang số 15 quay trở lại như đã

hứa nhưng họ vẫn biệt tăm. Cho đến bây giờ chúng tôi cũng không thể hiểu nổi thái độ bỏ rơi một cách phũ phàng đó của họ. Làm sao có thể hiểu nổi khi chúng ta đang sống ở giữa thế kỷ 20 này trong một quốc gia có truyền thống tốt đẹp như quốc gia Thái. Nhưng thực sự là chúng tôi đã bị bỏ rơi. Nếu ngày nay chúng tôi còn sống sót đó là nhờ vị đại diện của cơ quan Cao Ủy Tỵ Nạn của Liên Hiệp Quốc ở Thái Lan đã tổ chức và sắp xếp đưa chúng tôi vào đất liền. Ngay buổi tối của ngày hôm sau chiếc tàu Hải quân đã bỏ đi, chúng tôi bắt đầu nếm mùi của đêm kinh hoàng thứ nhất. Trời vừa chập choạng tối thì một toán ngư phủ Thái Lan võ trang bằng súng trường, búa và dao găm đã đốt đuốc sáng rực ùa vào chỗ chúng tôi nằm. Họ bới tung khắp mọi chỗ, lục soát kỹ lưỡng từng người một, kiếm chác thêm một số quần áo nữa rồi bỏ đi. Toán này vừa ra, toán khác ùa vào, lại lục lọi, lại bới móc, cứ thế tiếp diễn đến quá nửa khuya, tổng cộng riêng trong tối hôm ấy chúng tôi bị ba toán cướp vào lục soát liên tục. Riêng toán cuối cùng sau khi moi móc đã dồn tất cả đàn ông, thanh niên vào hết trong hang đá rồi canh giữ bằng súng ở bên ngoài. Sau đó bọn chúng lùa đàn bà đi một chỗ xa để hãm hiếp. Trong đêm tối của bầu trời đầy sương đêm và gió lạnh chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng của trẻ em la hét khi bị giật ra khỏi vòng tay người mẹ, tiếng kêu khóc van xin thảm thiết của những phụ nữ chân yếu tay mềm. Bọn đàn ông thanh niên chúng tôi chỉ đành cắn răng nghẹn ngào nuốt căm hờn và tủi nhục dưới họng súng để duy trì mạng sống cho tất cả mọi người. Cơn kinh hoàng tột độ đó kéo dài tới gần sáng mới chấm dứt. Những phụ nữ được kéo trở về nằm bết bát trên nền sỏi đá san hô. Nhiều người tấm tức khóc. Nhiều người lả đi trong vòng tay nghẹn ngào tủi nhục của thân nhân. Kiểm điểm lại nhân số, chúng tôi phát hiện thiếu mất một người. Thế là chúng tôi phải cùng nhau đốt đuốc đi tìm. Tiếng la, tiếng gọi hú lên trong vách đá át cả tiếng sóng vỗ vào men bờ nghe hãi hùng và thê thảm đến rợn người. Cuối cùng chúng tôi đã tìm được người bị mất tích nằm bất tỉnh trên mỏm đá ngoài bờ biển, thì ra cô này lúc bị bọn cướp lôi đi đã vùng chạy lên bờ đá cao ở ven biển rồi lao mình xuống nước tự tử, rất may sóng xô mạnh đẩy dạt vào bờ, kẹt vào một hốc đá nằm bất tỉnh.

Sau đêm đau thương và kinh hoàng đó, chúng tôi bắt buộc phải tổ chức cho phụ nữ đi trốn theo lời căn dặn của những người Việt Nam tới trước. Có nhóm phụ nữ lẻn vào rừng sâu nằm yên chịu trận với mưa gió lạnh lẽo suốt ngày đêm giữa những bụi rậm um tùm đầy rắn rết và bọ cạp, những con bọ cạp chỉ chích nhẹ một vòi là bắp thịt sưng vù lên và nhức buốt lên tới óc. Cũng có nhóm trèo lên núi cao chênh vênh,

vách đá trơn trợt để chui vào những bụi cây um tùm, trong số này đã có những người bị trượt ngã xây xát khắp mình mẩy, nhưng rất may không có ai bị rớt xuống bãi biển qua vách đá dựng đứng ở cả hàng trăm thước bề sâu. Nhiều phụ nữ khác chui nhủi vào những mỏm đá ngoài bờ biển ngâm chân suốt ngày đêm trong nước mặn, lúc nào lưng cũng phải khom xuống vì trần đá thấp. Cho đến nay, chúng tôi vẫn không thể hiểu được làm thế nào mà những phụ nữ yếu đuối như thế lại có thể chịu trận trong những điều kiện thảm thương đó trong suốt 18 ngày liền còn lại trên đảo. Chỉ biết tối hôm cuối cùng được cứu ra, hầu hết bị ngất xỉu và phải mất một thời gian khá lâu mới cử động lại được như bình thường. Nếu như thảm kịch đó kéo dài thêm một thời gian ngắn nữa, chắc chắn sẽ có người bại liệt.

Công việc tiếp tế cháo loãng (khẩu phần cho một người mỗi bữa là một chén nhỏ) cho đám phụ nữ đi trốn đều do đàn ông thanh niên phụ trách. Nhưng biện pháp đi trốn như vậy không phải là nơi nào cũng an toàn. Những ngư phủ Thái lan quanh vùng hầu như đều rất thông thạo địa thế ở trên đảo vì thế trong những ngày kế tiếp họ thi nhau đi lùng sục cả ban ngày lẫn ban đêm. Nhiều ổ trốn tránh đã bị phát hiện và những phụ nữ đã bị lôi ra đánh đập và chịu đựng những cuộc hãm hiếp tập thể có khi lên đến cả chục tên cùng một lúc. Nhiều tên có máu bạo dâm đã vừa hành lạc vừa đánh đập phụ nữa đến ngất xỉu, có người bị chúng đấm liên hồi vào bụng đến nỗi bây giờ hãy còn bị trần truồng. Trong tình cảnh hãi hùng đó, chúng tôi phải thay đổi chỗ ẩn núp cho phụ nữ luôn luôn bằng cách đưa họ vào rừng sâu hơn, leo trên núi cao hơn, công việc tiếp tế hàng ngày vì thế mỗi lúc mợt cam go hơn, có một chỗ xa nhất chúng tôi đã phải vừa đi vừa về mất hết nửa. Nhưng sự vất vả đó không thấm thía gì so với những nỗi gian truân mà các phụ nữ phải chịu đựng khi đi trốn. Đói, lạnh, mưa gió có khi rả rích suốt đêm, quần áo ướt đẫm hàng tuần lễ không một lúc nào khô tráo, đã thế nỗi lo sợ bị cướp phát hiện, nỗi kinh hoàng về đêm nghe tiếng sột soạt trong bụi, có thế rắn, rết, cũng có thể là những đám chuột rừng đông nhung nhúc thường hay bò ra từng đàn đi lục lọi đồ ăn ở khắp mọi nơi. Kinh khủng nhất là những con rết trên núi cao, con nào con nấy to gần bằng cái đũa cả để ghế cơm hàng ngày. Chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đã đủ rợn người, vậy mà những phụ nữa của chúng tôi đã thực sự nằm giữa rừng sâu trong bóng tối âm thầm lạnh lẽo với đủ loại sinh vật kinh tởm bao quanh, sẵn sàng tấn công bất cứ lúc nào. Trong khi số phận đàn bà phải chịu trăm cay nghìn đắng như thế thì đàn ông, con trai cũng không tránh được những nỗi hiểm nguy. Hàng đêm chúng tôi không bao giờ được ngủ yên một giấc cho tới sáng, có

khi là trời thường xuyên đổ mưa 3, 4 trận, phải chạy đi tìm gốc cây ẩn núp (chúng tôi ngủ ngoài trời) nhưng điều đó không đáng kể bằng sự thường xuyên chúng tôi bị những toán cướp soi đèn vào mặt mấy lần mỗi đêm để lùng tìm phụ nữ. Có những người bị chúng lôi ra đánh đập để tra khảo bắt chỉ chỗ trốn của phụ nữ, cũng có người đã bị chúng xiết cổ bằng dây thừng đến rướm máu để bắt cung khai kẻ nào còn cất dấu vàng hay đô la. Thê thảm nhất là một trường hợp vì muốn bảo vệ tiết hạnh cho người thân, có người đã bị chúng dùng búa rìu bổ vào đầu đến bể trán rồi xô xuống vách đá ngoài bờ biển, nhưng rất may không chết. Một ông già mang mấy chiếc răng vàng ở hàm trên đã bị chúng dùng dao nậy ra lấy vàng, đau đớn đến ngất xỉu. Nói chung trong suốt khoảng thời gian còn lại sống trên đảo không một ngày nào chúng tôi không phải trải qua những cơn kinh sợ hãi hùng cả ngày lẫn đêm. Bởi vì tàu đánh cá thì đông, toán này đi toán khác tới, nhất là những hôm biển động họ đậu đen nghẹt quanh lối vào bãi biển ở trên đảo. Có những lần chúng tôi đếm được trên dưới 40, 50 chiếc. Tất nhiên không phải là tàu nào cũng đưa ngư phủ vào đất liền quấy nhiễu. Nhưng chỉ cần một vài tàu thôi cũng đủ gieo rắc cho chúng tôi biết bao tủi nhục, kinh hoàng. Trong cơn tuyệt vọng cùng cực đó, chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện và chờ trông con tàu hải quân bữa trước trở lại cứu vớt chúng tôi ra khỏi địa ngục hãi hùng. Nhưng càng trông càng đỏ mắt, trong thâm tâm chúng tôi, nỗi tuyệt vọng bị bỏ rơi trên hoang đảo bắt đầu nhen nhúm và ngày càng trở nên rõ ràng sâu đậm hơn. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy thấm thía cái ý nghĩa chua xót và hãi hùng của cuộc sống không có ngày mai với số lương thực ngày càng cạn dần và cơn mỏi mệt, rã rời vì vẫn phải thường trực đối phó với những sự sách nhiễu, lùng sục của các ngư phủ cả ngày lẫn đêm.

Ngày 8-11-79, thêm một tàu tị nạn nữa được ngư phủ Thái lan đưa vào đảo, tổng số 21 người, bị tàu Thái Lan quăng xuống biển chết đuối ngoài khơi một người, nên chỉ còn 20 người. Qua ngày hôm sau, 9-11, lại thêm một tàu 37 người Việt Nam được đưa vào bờ. Rồi tới ngày 15-11, một tàu tị nạn thứ tư tới hoang đảo với tổng số 34 người, vì bị tàu đánh cá xô họ xuống biển cách xa bờ một cây số nên có 16 người bị chết đuối, trong đó có 4 phụ nữ và 3 trẻ em. Số 18 người sống sót bơi được vào bờ chưa kịp nghỉ ngơi, phụ nữ đã bị lôi đi hành hạ ngay, thật dã man và mọi rợ không thể tưởng tượng được. Qua ngày 16 tháng 11 có một xác thanh niên 19 tuổi được sóng đánh xô vào vách đá, mọi người xúm lại vớt lên và làm một đám tang giản dị. Thi hài được bỏ vào một túi nylon duy nhất còn lại trên đảo và đặt trên một tấm ván có 4 người khiêng. Nhiều người đi sau cầu kinh lâm râm. Một

cái hố sẵn có ở gần đó được dùng làm huyệt: Sau này, chúng tôi được biết ngay cái hố đó đã chôn 4 xác trẻ em từ những tàu thuyền tới trước. Xác chết được đưa xuống hố và được lấp kín bằng đá sỏi san hô. Đau thương đã cùng cực rồi nên không còn ai bật được ra tiếng khóc, chỉ thấy những giọt lệ nghẹn ngào rưng rưng qua khóe mắt. Vài hôm sau, mùi tử khí bốc lên qua khe đá sỏi đưa lên nồng nặc, khiến cho các phụ nữ trốn ở một bụi rậm gần đó phải đi tìm một địa điểm mới. Tình trạnh này nếu kéo dài, bệnh tật chắc chắn sẽ lan tràn nhưng rất may cho đến khi đó, trong tổng số cả 4 tàu bị kéo vào đảo gồm tổng cộng 157 người, chưa có ai đau nặng, trừ một thiếu nữ ẩn núp trong bụi rậm bị ngư phủ tưới dầu đốt rụi nên cháy phỏng lưng, một thanh niên leo vách đá bị té rách đầu, và một đàn ông bị ngư phủ Thái Lan chém bể trán và xô xuống vách đá xây xát hết mình mẩy. Trong hoàn cảnh cực kỳ bi đát đó, chúng tôi không ngưng cầu mong cho số phận của mình không bị thế giới bên ngoài bỏ rơi, mặc dù trong thâm tâm sâu kín của từng người nỗi tuyệt vọng ngày một gia tăng. Điều lo ngại nhất là vấn đề lương thực. Chúng tôi đã bắt đầu ăn tới lá cây rừng phụ thêm vào một chén cháo không đủ no. Một vài người đào được củ nưa phải ngâm nước biển 4, 5 ngày cho ra hết chất nhớt, tuy vậy lúc luộc lên ăn vào, cổ và miệng vẫn ngứa như bị bào. Một vài người lo lắng mất ngủ có thể hái lá vông luộc ăn thay cho thuốc an thần. Có nhóm kiếm được lá bình bát đem luộc ăn thay cho rau cũng rất mát. Về loài vật thì ai may mắn bắt được sẽ có thể ăn đủ thứ. Chuột, dơi (loài dơi mình to như một con mèo nhỏ), hào và rết, những con rết dài trên 30 phân, đem nướng lên và được khen ngon như thịt gà. Có một lần anh em đi tắm biển phát giác được một con vít (giống như con rùa biển) rất lớn, bèn xúm lại kéo lên bờ làm thịt. Xé ra cũng có trên dưới 100 ký thịt và hàng ngàn trái trứng. Thịt đem kho, trứng đem luộc, đó là lần may mắn duy nhất kiếm được thịt trong những ngày sống trên đảo.

Cũng trong ngày 15-11, chúng tôi phát hiện một trực thăng bay qua đảo. Mọi người xô ra vẫy gọi, nhưng tiếc thay họ đã bay xa. Tình thế tưởng như không còn hy vọng gì thì hai hôm sau họ trở lại, đổ xuống bãi biển cho chúng tôi gạo, cá khô và thuốc men. Chúng tôi mừng rỡ như những người được tái sinh. Thế giới bên ngoài đã biết đến chúng tôi. Chúng tôi đã không bị hoàn toàn bỏ rơi trong những nỗi gian khổ, nhục nhằn, kéo dài từng ngày, từng giờ, nhất là về phía các phụ nữ, chúng tôi thấy rõ họ đã kiệt sức sau bao nhiêu ngày đêm bị hành hạ và trốn chui trốn nhủi trong những điều kiện hết sức hãi hùng và thê thảm. Việc chúng tôi được tiếp tế, các ngư phủ Thái Lan đều nhìn thấy rõ. Chúng tôi hy vọng rằng họ đã biết chúng tôi được

thế giới bên ngoài bảo trợ thì mọi hành động man rợ của họ sẽ chấm dứt. Nhưng đó chỉ là điều chúng tôi suy luận, trong thực tế thì trái lại, có những toán ngư phủ mới đến, lại sùng sục dữ dằn hơn bao giờ hết. Họ lục lọi để kiếm chác thêm ít quần áo đã xơ xác của chúng tôi, lấy đi từng cái áo mưa rách, từng cái áo len của trẻ con, và phụ nữ nào mệt mỏi quá không đủ sức đi trốn nữa phải bò về thì lại bị tiếp tục hãm hiếp. Có người bị cả ngày lẫn đêm. Nhưng địa ngục kinh hoàng đó chỉ kéo dài thêm đúng một ngày nữa là chấm dứt. Buổi chiều ngày 18-11 nhóm người tiếp tế cho chúng tôi bằng trực thăng hôm trước nay trở lại bằng một tàu tuần của Hải quân.

Chúng tôi được biết đó là cơ quan HCR của Liên Hiệp quốc ở Thái Lan do ông Theodore G. Scheitzer III là đại diện. Ông Scheitzer cặp đảo của chúng tôi cùng với một bác sĩ mang theo dụng cụ y khoa và thuốc men. Trong lúc các người bệnh được đưa lại băng bó, chích thuốc, thì chúng tôi đưa ông Scheitzer đi thăm một số địa điểm ẩn náu của phụ nữ, có người nghe tin được cứu đã tự động ra về. Có người trốn dưới hang sâu phải chờ chúng tôi tới kéo lên. Chính ông Theodore Scheitzer đã chứng kiến cái cảnh chúng tôi lôi từng phụ nữ từ khe đá lên mặt đất. Ai nấy nhìn thấy ánh sáng mặt trời đều ngất xỉu đến nỗi chính ông Theodore Scheitzer cũng phải xúc động quay đi không dám nhìn. Ống kính máy ảnh của ông đã thu được nhiều tài liệu quý giá: Cảnh kéo phụ nữ từ dưới khe đá sâu, cảnh một nơi ẩn náu của phụ nữ giữa một bụi cây rậm rạp, giữa rừng sâu, cảnh một bụi cây bị ngư phủ Thái tưới dầu đốt cháy xém mà lần đó đã làm phỏng nửa mảng lưng của một thiếu nữ trong nhóm chúng tôi, cảnh nấm mồ thô sơ phủ bằng đá san hô không có được một tấm mộ bia, và biết bao nhiêu khuôn mặt hốc hác, sợ hãi kinh hoàng khác đã được thu vào ống kính. Trước tình cảnh cùng cực của chúng tôi, ông Scheitzer đã an ủi, khích lệ chúng tôi rất nhiều, ông tuyên bố mọi sự hãi hùng từ nay sẽ chấm dứt. Chúng tôi vô cùng xúc động và nhân đấy, nhân danh nhóm tổng số 157 người của 4 tàu tỵ nạn được cứu khỏi đảo Kra ngày 18-11-1979 chúng tôi xin ngỏ lời tri ân ông Theodore Scheitzer và toàn thể nhân viên trong phái đoàn LHQ đã theo ông tới đảo. Sự tận tâm và sốt sắng của quý vị đã thể hiện một cách cao quý tinh thần của bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của quý vị, những việc mà quý vị đã làm được cho chúng tôi kể từ ngày mà chúng tôi được phát hiện, đã là những việc hữu hiệu, nhanh chóng và cần thiết nhất, chúng tôi nghĩ rằng dù có ai sốt sắng và tận

tụy cách mấy cũng khó có thể hành động được hữu hiệu hơn như thế. Hiện nay chúng tôi đang ở tại quận Pakpanang, chờ làm thủ tục trước khi được đưa về trại tỵ nạn Việt nam ở Songkhla. Trong thời gian chờ đợi này, chúng tôi không quản ngại bất cứ vì lý do gì, đã mạnh dạn lên tiếng tố cáo trước pháp luật của nhà nước Thái Lan, trước cơ quan HCR của Liên Hiệp Quốc về những sự chà đạp man rợ của một số ngư phủ Thái Lan đã dành cho chúng tôi, nhất là đối với các phụ nữ trong suốt 21 ngày chúng tôi sống trên đảo Kra. Đau thương nào rồi cũng trôi qua, thời gian sẽ là liều thuốc xoa dịu mọi nỗi tủi nhục và đau buồn. Chúng tôi rất muốn áp dụng lời dạy của Phật Thích Ca là oán chỉ nên cởi chứ không nên thắt. Nhưng ở đây vấn đề không phải thuộc khía cạnh của triết lý về đời sống mà là vấn đề an toàn của những người tỵ nạn Việt nam đi sau chúng tôi sẽ còn dịp trôi dạt theo lộ trình mà chúng tôi đã đi qua. Chúng tôi hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi trước lương tâm và dư luận thế giới về chuyến đi hãi hùng này sẽ làm cho chính phủ Thái Lan lưu tâm hơn nữa về tình trạng hãm hiếp và cướp bóc mà theo đồn đãi thì nhiều ngày nay đã xẩy ra, nhưng bây giờ mới có nhân chứng cụ thể. Chúng tôi hy vọng răng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo cơ hội cho các cơ quan có thẩm quyền quốc tế như HCR của Liên Hiệp Quốc, Hội Hồng Thập Tự quốc tế, Hội Bảo Vệ Nhân Quyền quốc tế tìm được những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ nhân phẩm và tính mạng của những người tỵ nạn đi sau không còn bị rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bi đát như chúng tôi nữa.

Và sau cùng, chúng tôi cũng hy vọng rằng sự tố cáo của chúng tôi sẽ tạo được dư luận ảnh hưởng đến bạn bè thân nhân còn ở Việt Nam hay đã ra ngoại quốc, để mọi người cùng bảo nhau thận trọng hơn nữa trong lộ trình đi tìm tự do qua ngã Thái Lan, tốt hơn hết là nên tìm con đường khác và trong trường hợp không thể đừng thì không bao giờ nên mang theo phụ nữ.

Tự do là điều vô cùng cao quý. Cuộc hành trình tìm về tự do nào cũng phải trả giá. Chúng tôi mong mỏi với những kinh nghiệm bằng máu và nước mắt của chúng tôi khi được phổ biến tới những người đi sau thì cái giá nếu họ có phải trả cũng sẽ không phải là cái giá quá đắt.

Pakpanang ngày 24 tháng 11 năm 1979
NHẬT TIẾN
(*trích trong cuốn Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan, Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển, San Diego, 1981*)

Tài liệu phụ lục 2 bài viết của Thụy Khuê

Tự thuật của ông Vũ Duy Thái một gia đình đau thương điển hình của làn sóng thuyền nhân tỵ nạn ở vùng Đông Nam Á

Nếu trên trái đất này có nhiều chuyện thương đau thì hoàn cảnh của gia đình tôi nên kể như một trong những chuyện thương đau nhất. Tôi đã trải qua những giờ phút thảm sầu, đã đớn đau đến cùng cực nhưng sở dĩ tôi còn đứng vững được đến ngày hôm nay vì tôi quan niệm rằng mọi sự ở trên đời này đều đã do bàn tay của Chúa xếp đặt.

Tôi tên là Vũ Duy Thái sinh ngày 2 tháng 10 năm 1936 tại Hóa Lộc (Tuyên Sơn) Ninh Bình, (Bắc Việt). Thuở nhỏ rất nghèo phải cắt cỏ chăn trâu lúc năm tuổi. Mồ côi cha lúc 10 tuổi, mẹ đau ốm thường xuyên. Nhưng lần hồi đến năm 23 tuổi thì đời sống tương đối dễ chịu hơn với nghề thợ may. Tôi di cư vào Nam năm 1954 và lập gia đình vào ngày 6 tháng 4 năm 1958 ở xứ An Lạc, Gia Định. Nhà tôi tên là Đinh thị Bằng sinh năm 1940 tại Phú Nhai, Nam Định (Bắc Việt). Nhà tôi cũng thuộc thành phần di cư năm 1954. Lúc mới lấy nhau chúng tôi rất nghèo. Tiền đám cưới chúng tôi có 6000 đồng cũng lo không nổi, chúng tôi phải bán cái máy may được hai ngàn đồng và vay mượn bạn bè thêm bốn ngàn đồng nữa mới tạm đủ. Như thế nhà tôi đã khởi sự chia xẻ với tôi mọi nỗi gian nan, vất vả của đời sống ngay từ lúc mới bước chân về nhà chồng. Những năm đầu sống thiếu thốn cực nhọc trôi qua trong sự đảm đang, tần tảo của nhà tôi. Là một phụ nữ yếu đuối về thể chất nhưng lại rất mạnh mẽ về tinh thần, nhà tôi đã phấn đấu rất nhiều, hy sinh cá nhân mình, lo lắng cho chồng con. Gần như trong suốt cuộc đời nhà tôi không được hưởng thứ gì, nhà tôi không có

một thói quen giải trí nào, không ưa thích một điều gì ngoài niềm vui lo toan sắp xếp công việc tề gia nội trợ, chăm bón bữa ăn giấc ngủ cho chồng, cho con. Lúc nào nhà tôi cũng cố gắng sắp xếp để chồng con được ăn ngon. Dưới mắt tôi, nhà tôi là một phụ nữ tuyệt vời, một mẫu người phụ nữ VN đảm đang, trung hậu hiền hòa, luôn luôn là niềm an ủi khích lệ, là chỗ tựa vững chắc cho toàn thể gia đình. Chúng tôi sinh hạ được tất cả 7 con, tuần tự gồm có:

1. Giuse Vũ Duy Thanh sinh năm 1959.
2. Vincente Vũ Duy Trung sinh năm 1961.
3. Pherô Vũ Duy Tuấn sinh năm 1963.
4. Maria Vũ thị Thanh Thủy sinh năm 1966.
5. Maria Vũ thị Thùy Trang sinh năm 1968.
6. Martin Vũ Duy Tài sinh năm 1971.
7. Pherô Vũ Duy Trí sinh năm 1975.

Gia đình tôi được kể như hoàn toàn hạnh phúc, nếu như không có sự sụp đổ miền Nam, đất nước rơi vào tay cộng sản.

Là một gia đình Công giáo ngoan đạo, các con tôi đã thụ hưởng một nền giáo dục, nằm trong tình yêu thương của Thiên Chúa, do đó không bao giờ chúng tôi có thể sống nổi dưới ách độc tài, đàn áp của Cộng sản cả. Vì thế chúng tôi đành quyết định bỏ nước ra đi.

Chuyến vượt biên thứ nhất, vợ chồng tôi cho ba cháu trai đầu đi trước. Tàu khởi hành từ bến Bạch Đằng, Sài Gòn vào ngày 1 tháng 10 năm 1978 chở theo 130 người. Nhưng chỉ đi được 4 ngày thì chết máy. Ghe bị lạc vào một đảo san hô đầy đá ngầm thuộc đảo Bành Hổ (Đài Loan). Sống ở đó 50 ngày liền, thực phẩm không có, số người chết đói cứ tăng dần, và những người sống sót đành phải xẻ thịt người chết để ăn cho đỡ đói. Hai cháu lớn của tôi, Vũ Duy Thanh và Vũ Duy Trung đã rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bi đát này. Các cháu đã chết và xác của các cháu đã bị người đồng ghe ăn thịt.

Mãi tới 7g sáng ngày thứ 50 trên đảo mới có tàu đánh cá Đài Loan tới cứu. Cả ghe 130 người nhưng chỉ còn sống sót có 60. Nhưng trên đường đi từ đảo San Hô vào Đài Loan, thêm một số người chết nữa vì quá kiệt sức. Rút cuộc khi đặt chân lên đất liền ở Đài Loan chỉ còn 34 người sống sót. Trong số đó có con trai thứ ba của tôi là Vũ Duy Tuấn và một đứa con đỡ đầu của tôi nữa là Trịnh Vĩnh Thụy. Hiện nay cháu Tuấn đang ở Đài Bắc, còn cháu Thụy nhờ có thân nhân bảo lãnh nên đã định cư ở California, Hoa Kỳ.

Trước thảm kịch có hai anh trai bị chết thảm, cháu Tuấn vì sợ cha mẹ đau buồn nên đã dấu biệt tin tức này. Mãi tới ngày 20 tháng 12 năm 1979, một người bạn của tôi tên là Đỗ Minh Ngữ ở Mỹ viết thư

báo tin, gia đình tôi mới biết rõ về chuyến đi kinh hoàng đó. Vào đúng thời điểm này, gia đình tôi lại đang chuẩn bị vượt biển chuyến thứ hai. Chúng tôi làm lễ cầu nguyện 3 ngày liền cho hai cháu ở nhà thờ An Lạc, Chí Hòa, rồi mặc dù vô cùng đau đớn, chúng tôi vẫn tiếp tục xúc tiến cuộc hành trình vượt biển với cả gia đình.

Chúng tôi rời Sài Gòn ngày 28 tháng 12 năm 1979 lúc 4 giờ sáng để đi xuống Rạch Giá. Qua 4g sáng ngày 29 tháng 12 thì ghe của chúng tôi ra khơi, chiếc ghe mang số VNKG 0980 dài 13m ngang 2,5m chở 120 người. Ghe chạy tới 7g chiều ngày 30 tháng 12 thì gặp hải tặc Thái Lan (trên tàu cướp có treo cờ Thái Lan) xáp lại cướp lần đầu. Cướp xong, chúng bỏ đi. Qua 8g sáng ngày 31 tháng 12 lại gặp một tàu cướp khác. Lần này cướp xong, chúng phá máy tàu. Một chuỗi 8, 9 tiếng nổ phát ra ở hầm máy làm chiếc ghe bị chao đi và chìm lỉm ngay 5 phút sau đó. Tất cả mọi người trong ghe đều la khóc kinh hoàng. Vào những giây phút cực kỳ khiếp đảm này, vợ chồng chúng tôi không nói được với nhau câu nào. Tôi chỉ còn kịp nhìn thấy nét mặt nhà tôi với vẻ mặt hết sức kinh hoàng, thảng thốt. Rồi tôi cúi xuống hôn hai con trai út của tôi là cháu Tài và cháu Trí. Tôi có nghe tiếng cháu Thủy la lên: "Cha ơi, Chú Tuynh kìa..." và tiếng Trang kêu lên: "Cha ơi, chết rồi..." Rồi ghe chìm lỉm. Lúc đó nhà tôi vẫn ở bên cạnh tôi. Nhưng nhà tôi không hề níu kéo lấy tôi. Đây là cử chỉ hy sinh cao cả cuối cùng của nhà tôi dành cho chồng con. Nhà tôi không muốn tới bận bịu vướng mắc giữa sóng biển để tôi có cơ hội cứu các con. Khốn thay một cơn sóng độc ác đã ùa tới nhận chìm tất cả những người thân yêu của tôi. Tôi không còn nhìn thấy ai nữa. Chỉ có sóng nước ngập đầu. Ngay lúc đó tôi được một người cháu tên Phương níu tôi lại và cho tôi bíu vào một cái can nước. Tôi ôm cái can một cách hoàn toàn theo bản năng. Và lúc tôi mở được mắt ra thì tôi vẫn thấy nhà tôi nổi vật vờ ngay trước mắt. Rồi sau đó tôi lại ngất đi không biết gì nữa. Khi tỉnh dậy tôi thấy mình đang nằm trên tàu của hải tặc. Bên cạnh tôi là hai em Hùng và Châu đang làm hô hấp nhân tạo cho nhà tôi, chắc là vừa được các em vớt lên. Tôi cố gượng dậy để ra phụ giúp nhưng bọn hải tặc đã ra hiệu phải hất nhà tôi xuống biển. Thật không còn gì tan nát hơn lòng tôi lúc đó, tôi nhào lại ôm nhà tôi vào lòng, đau đớn nhìn nhà tôi, hai mắt vẫn còn mở nhưng thân hình vẫn bất động. Bọt ở mép đã xùi ra. Tôi đã dùng tay vuốt cho hai mắt nhà tôi khép lại, rồi tôi khiêng ở đầu, hai em Hùng và Châu khiêng ở chân, hạ nhà tôi xuống biển. Đó là lần cuối cùng tôi ở cạnh nhà tôi. Những giây phút đớn đau nhất của một đời người. Một cơn sóng lại áp tới. Biển xanh bao la đầy sóng dữ đã vĩnh viễn lôi cuốn đi người vợ thân yêu nhất đời của tôi.

Không bao giờ tôi còn gặp lại. Không có cả một nấm mộ để tôi lui tới viếng thăm người quá cố. Một thoáng lay động trên mặt biển. Rồi vĩnh viễn chia lìa. Vĩnh viễn không còn thấy nhau. Ôi đớn đau nào cho bằng sự đớn đau mà tôi đã phải chịu đựng. Tất cả những người thân yêu đã mất đi trong khoảnh khắc. Khi chết nhà tôi bận một cái quần đen, một cái áo montagut đen. Nét mặt nhà tôi không tỏ vẻ đau đớn gì. Chỉ có nét thảng thốt thoáng qua trên khuôn mặt bình thản. Đó là hình ảnh cuối cùng của nhà tôi mà tôi ghi nhớ được trước giây phút ngàn năm vĩnh biệt.

Kiểm điểm lại, chẳng những nhà tôi chết trên biển mà tất cả bốn đứa con của tôi cũng đều chết đuối hết. Cháu Thanh Thủy, cháu Thùy Trang, cháu Duy Tài, cháu Duy Trí. Những người thân yêu nhất đời của tôi đã vĩnh viễn đi vào lòng biển sâu, tôi tưởng rằng nếu trên đời này có những thảm họa đớn đau nào, thì thảm họa giáng xuống gia đình của tôi phải kể là một trong những thảm họa lớn nhất, khủng khiếp nhất, vượt qua sức chịu đựng của một con người. Cùng số phận với vợ con tôi, còn 65 người khác nữa đi cùng ghe đã bị chết chìm. Cả thảy 70 sinh mạng đã chết dưới bàn tay bạo tàn của hải tặc.

Số còn lại được tàu hải tặc đưa vào hòn đảo Kra, một hòn đảo nằm trơ vơ giữa biển cả trong vịnh Thái Lan. Đảo này bây giờ trở thành địa ngục của dân VN tỵ nạn bằng thuyền. Bởi vì bất cứ ai được đưa vào đấy đều trở thành nạn nhân cho hải tặc bạo hành: tra tấn đàn ông để khảo của và bắt chỉ chỗ trốn của phụ nữ, còn phụ nữ thì lẩn lút trong hốc núi, trong rừng sâu, hay trong vách đá ngầm ngoài bãi biển, nếu họ bị hải tặc phát giác thì sẽ bị hãm hiếp tập thể, liên tục cả ngày lẫn đêm. Trên đảo có nhiều dấu tích thảm thương của đồng bào đi trước để lại như những hàng chữ viết lên vách đá, những mớ tóc đàn bà vương vải rải rác mọi nơi (chắc là hớt tóc để giả trai) và cả những xác thuyền, những ngôi mộ của những người đã bỏ xác ở đó.

Chúng tôi được đưa lên đảo vào lúc 6g chiều ngày 31 tháng 12 năm 1979. Lòng đớn đau, thân xác rã rời, bệnh hoạn. Các em tôi đã phải đi kiếm cỏ khô trải thành nệm cho tôi nằm, lo tìm thức ăn cho tôi ăn. Và vì tôi quá đau ốm, cho nên chú Chiến đã chịu khó đi mày mò khắp mọi chỗ, bòn nhặt ở những nơi có vật dụng vương vãi của đồng bào đi trước bỏ lại, để tìm kiếm những viên thuốc cho tôi uống. bất cứ là thuốc gì, miễn nó là thuốc. Có những viên đã rửa nát vì nắng mưa, có những viên mòn vẹt chỉ còn lại khoảng một phần tư, nhưng tôi vẫn cố nuốt để cầm cự được với sức khỏe đã vô cùng sụp sụp của tôi.

Sáu ngày trên đảo là 6 ngày buồn thảm kinh hoàng. Đói, lạnh và những nỗi nhớ thương đau đớn đến tận cùng cực của tâm hồn. Trong

khi ấy các phụ nữ đi cùng ghe vẫn phải lẩn trốn như những con vật vô phương tự vệ trước những cuộc lùng sục bạo tàn của hải tặc.

Đến ngày 6 tháng 1 năm 1980 chúng tôi được Cao Ủy LHQ đón vào trại Pakphanang thuộc tỉnh Nakorn Sri Thamaraj. Ở đó 18 ngày làm thủ tục với cảnh sát Thái, thì tôi được đưa về nhập trại Songkhla ngày 23 tháng 1 năm 1980.

Tôi thấy cần phải ghi thêm ở đây lòng biết ơn của tôi đối với các em Hùng, Châu đã tận tình an ủi tôi, săn sóc tôi trong cuộc hành trình đầy gian khổ mà chúng tôi đã vừa trải qua. Sự ân cần giúp đỡ của các em, tôi sẽ ghi nhớ mãi mãi không bao giờ quên.

Hôm nay là ngày 10 tháng 4 năm 1980, ngày thứ 100 nhà tôi và các cháu chết trên biển, trong vịnh Thái Lan trên đường vượt thoát xứ cộng sản đi tìm tự do. Tôi đang ở trại tỵ nạn Songkhla. Cách đây 50 ngày, cha Tuyên Úy Joe Devlin đã dâng Thánh Lễ cầu nguyện cho nhà tôi và cho các con của tôi tại nhà thờ Công Giáo ở trong trại. Hôm nay, Người cũng dâng lễ cầu nguyện cho, nhân dịp 100 ngày. Tôi vô cùng đớn đau, vô cùng chua xót nhớ lại những người thân yêu nhất đời của tôi. Vợ tôi, 6 con tôi. Những người đã vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại. Thời gian, dù là một liều thuốc nhiệm màu giúp cho tâm hồn người ta bớt thương đau, nhưng không bao giờ tôi quên được nhà tôi, người phụ nữ đảm đang hiền hòa, suốt cuộc đời tận tụy bên chồng bên con, không hề được hưởng thú lấy một ngày nhàn hạ.

Lạy Chúa, xin Chúa xót thương cho những linh hồn đớn đau đã chết đớn đau trong thảm họa đớn đau chung của cả dân tộc Việt Nam chúng con.

Xin Chúa hãy cứu vớt linh hồn vợ con, các con của con để đưa tất cả về nơi an nghỉ, bình an, hạnh phúc đời đời nơi nước Chúa.

Xin Chúa hãy giúp con đầy đủ can đảm để đứng vững sau cơn gió bão khủng khiếp nhất của đời người để cho con còn đủ minh mẫn, đủ sức khỏe để lo lắng cho đứa con trai duy nhất của con hiện còn đang sống ở Đài Loan.

Con đã chịu đau đớn, tang thương quá nhiều.

Con cầu nguyện ơn Chúa ban xuống cho tất cả thân nhân còn lại của con, các đồng bào của con, những người sẽ vượt biển ra đi đều được bình an, tới bờ bến an toàn.

Con cầu xin, rồi một ngày kia, con cũng sẽ gặp lại đầy đủ mọi người thân yêu ở nơi nước Chúa ở trên Thiên Đàng.

Songkhla ngày 10 tháng 4 năm 1980

VŨ DUY THÁI

BÍCH THU

Những thành tựu của Truyện Ngắn sau 1975

LTS: Bài viết dưới đây chỉ có tính cách khái quát về Truyện Ngắn Việt Nam *nội địa sau 1975. Dĩ nhiên, nhận xét của tác giả chưa hẳn đã được sự đồng thuận của những nhà phê bình khác, trong lẫn ngoài nước.*

Tòa soạn rất mong nhận được những bài viết liên quan đến chủ đề trên, trong nhãn trường bao quát hơn: Truyện Ngắn Việt Nam trong & ngoài nước sau 1975.

HỢP LƯU

Năm 1975 đất nước bước sang một giai đoạn lịch sử mới, những biến động khác nhau trong đời sống xã hội, yêu cầu của thời đại, tính chất phức tạp của cuộc sống, sự đa dạng của tính cách con người, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng...đòi hỏi nhà văn phải tìm tòi những phương thức thể hiện nghệ thuật tương ứng với một thời kỳ đang chuyển biến. Nhu cầu mới của con người và cuộc sống khiến các thể loại văn học có sự vận động và phát triển, trong đó truyện ngắn là loại hình văn xuôi nghệ thuật đáp ứng nhanh nhậy và đa dạng hơn cả giai đoạn đổi mới của một nền văn học chuyển từ thời chiến sang thời bình.

Sự phát triển của truyện ngắn từ 1975 đến nay là một hiện tượng mang tính tất yếu không chỉ bởi sự phát triển nội tại của bản thể nhân loại mà còn do sự tác động của những đổi mới về mọi phương diện của môi trường sáng tạo mới, của sự giao lưu rộng rãi với văn hóa thế giới. Truyện ngắn đã bộc lộ một tư duy nghệ thuật tổng hợp vận động và phát triển phù hợp với bản chất của văn học dân tộc. Chưa bao giờ truyện ngắn lại phát triển phong phú về số lượng lẫn hiệu quả nghệ thuật như hôm nay. Ở các lãnh vực khác nhau như thơ, tiểu thuyết, ký, kịch bản sân khấu đã có lúc đem lại hứng thú nghệ thuật với độc giả, song cũng có lúc rơi vào sự thờ ơ lãnh đạm bởi không đáp ứng kịp thời phần nào đời sống tinh thần và thẩm mỹ đang biến đổi và nâng cao trong công chúng. Với truyện ngắn từ sau 1975, nhất là trong thời kỳ đổi mới dường như lúc nào cũng đáp ứng được tâm lý thị hiếu của độc giả không chỉ bởi sự nhỏ, gọn của hình thức mà còn do sự chuyển tải nhanh nhạy những vấn đề bức xúc của đời sống xã hội hôm nay.

Truyện ngắn đã và đang là trung tâm thu hút sức sáng tạo của các thế hệ cầm bút, là thể loại sở trường của nhiều nhà văn, người đến trước, kẻ đến sau, tập hợp thành một lực lượng hùng hậu. Đó là những cây bút lão thành Tô Hoài, Bùi Hiển, Trần Kim Trắc...vẫn dẻo dai sức viết thâm trầm mà hóm hỉnh trên các trang tác phẩm. Là Vũ Tú Nam, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng,...với cái nhìn từng trải vẫn đều đặn ra sách. Là Nguyễn Minh Châu, Xuân Thiều, Nguyễn Kiên, Ma Văn Kháng, Lê Văn Thảo, Trang Thế Hy, Nguyễn Quang Thân vẫn không ngừng bộc lộ năng lực phát hiện trong quá trình sáng tạo. Rồi tiếp đó là các cây bút gây ấn tượng với người đọc như Lê Minh Khuê, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Hoa, Dạ Ngân, Bảo Ninh, Chu Lai. Là sự xuất hiện một lớp trẻ dồi dào bút lực: Phạm thị Hoài, Nguyễn thị Thu Huệ, Võ thị Hảo, Phan thị Vàng Anh, Y Ban, Nguyễn thị Ấm, Trần thị Trường, Trần Đức Tiến, Nguyễn Quang Thiều, Tạ Duy Anh, Phạm Ngọc Tiến, Ngô Tự Lập, Từ Nguyên Tĩnh.v.v. Đội ngũ tác giả, sự tiếp nối các thế hệ cầm bút này đã góp phần không nhỏ trong việc kế thừa và cách tân thể loại, làm cho truyện ngắn ngày càng mới mẻ và phong phú hơn. Truyện ngắn của họ thật sự đã phát huy được ưu thế vốn có của thể loại. Bằng cách diễn đạt khác nhau với những phương thức thể hiện đa dạng vừa truyền thống vừa hiện đại, các sáng tác của họ đã thực hiện đầy đủ những chức năng xã hội thẩm mỹ. Trong một thời gian không dài, truyện ngắn đã làm được nhiều vấn đề mà tiểu thuyết chưa kịp làm, đã tạo ra nhiều phong cách sáng tạo có giọng điệu riêng. Xét trong hệ thống chung của loại hình văn xuôi nghệ thuật, truyện

ngắn đã đạt được những thành tựu đáng kể trong xây dựng cốt truyện, trong cách nhìn nghệ thuật về con người và trong sáng tạo ngôn từ.

Ở giai đoạn văn học 1945- 1975, cốt truyện đóng vai trò chủ yếu trong truyện ngắn nói riêng và loại hình tự sự nói chung. Hiện thực chiến tranh và cách mạng, vấn đề lịch sử và dân tộc của thời kỳ này đã ảnh hưởng tới quá trình văn học, quy định phần nào phương thức biểu hiện của nhà văn. Ở đây, cốt truyện là phương tiện để thể hiện cuộc sống và tính cách con người ít nhiều đã chịu "áp lực sử thi" Truyện ngắn đã chú ý tạo dựng những cốt truyện chặt chẽ, với tình huống gay cấn, căng thẳng. Kết cấu cốt truyện thường dựa trên hai tuyến mâu thuẫn địch - ta, tốt - xấu, tích cực - tiêu cực. Âm hưởng chủ đạo là ca ngợi và khẳng định, việc mô tả những bình diện rộng của hiện thực như hoạt động sản xuất, chiến đấu đã tạo thành cốt truyện để nhân vật minh họa cho ý đồ của tác giả trên mối quan hệ của các lực lượng chính trị, xã hội. Trong khuôn khổ của thể loại, truyện ngắn 1945 - 1975 cũng đã hướng tới cốt truyện tâm lý, với dạng "truyện ngắn biểu cảm" phản ánh vẻ đẹp nội tâm của con người nhưng chưa có nhiều trang thể hiện sâu sắc diễn biến tâm lý và cái tôi nội cảm của nhân vật.

Từ sau 1975 nhất là trong những năm gần đây, thực tiễn văn học đã chứng minh cái tạo nên sức lôi cuốn, hấp dẫn của truyện ngắn không chỉ là những cuốn truyện rạch ròi những sự kiện trọng đại, những tình huống căng thẳng, những xung đột bên ngoài mà còn là những cảnh ngộ đời thường, những tính cách nhân vật giàu tâm trạng và nhận thức cá nhân với cuộc đời và những người sống bên mình. Truyện ngắn có xu hướng tự nới mở, đa dạng hơn trong cách thức diễn đạt. Cốt truyện đã vận động đổi thay trong sự phát triển của thể loại, có những cốt truyện đầy kịch tính, có những cốt truyện giàu tâm trạng, có truyện có đầu có cuối, có những cốt truyện "vô hậu" phi kết cấu, có cốt truyện ảo, cổ tích.

Kết cấu truyện ngắn sau 1975 tự do và uyển chuyển hơn. Nó không tuân thủ theo quy tắc kết cấu truyền thống là kết thúc có hậu, giải quyết hoàn tất các vấn đề. Đoạn kết trong truyện ngắn gần đây đã tạo ra các khoảng trống khiến độc giả cũng trở thành kẻ đồng sáng tạo tự tìm ra "đường đi nước bước" của nhân vật, tự giải mã các vấn đề. *Mùa hoa cải bên sông* - Nguyễn Quang Thiều, *Vàng lửa* - Nguyễn Huy Thiệp, *Người sót lại của rừng cười* - Võ thị Hảo, tất cả các dạng cốt

truyện đều được chi phối bởi nhu cầu hiện thực và tâm lý con người hiện đại.

Truyện ngắn hôm nay ngày càng tăng cường cốt truyện bên trong, bộc lộ trạng thái tâm tưởng của nhân vật chính, giảm bớt cốt truyện miêu tả hành động bên ngoài. Cốt truyện với đầy đủ chi tiết sự kiện không còn chiếm giữ vai trò cơ bản mà lùi xuống hàng thứ yếu sau tính cách. Quan niệm về cốt truyện co giãn hơn, việc phân tích nội tâm trở thành phương tiện nghệ thuật chủ yếu của cách dựng truyện đương đại (*Khách ở quê ra, Phiên Chợ Giát* - Nguyễn Minh Châu, *Bức thư gởi mẹ Âu Cơ* - Y Ban). Một số cây bút nữ đã góp phần làm nên sự đa dạng của truyện ngắn sau 1975 bằng năng lực biểu cảm cuộc sống qua thế giới tâm hồn theo dòng tâm trạng của nhân vật (*Minu xinh đẹp, Mùa đông ấm áp* - Nguyễn Thị Thu Huệ, *Kịch câm* - Phan thị Vàng Anh, *Người sót lại của rừng cười* - Võ thị Hảo).

Từ sau 1975 xuất hiện khá nhiều kiểu kết cấu cốt truyện theo xu hướng lắp ghép "liên văn bản", là nghệ thuật kể chuyện vượt ra ngoài phạm vi giới hạn của thể loại. Bố cục câu chuyện không diễn biến theo trình tự của thời gian không gian mà đảo lộn, tạo ra sự xê dịch di chuyển của các điểm nhìn (*Có một đêm như thế* - Phạm thị Minh Thư, *Con gái thủy thần, Những bài học nông thôn, Trương Chi* - Nguyễn Huy Thiệp). Kết cấu theo xu hướng nói trên, truyện ngắn đã không chịu đầu hàng trước hiện thực phức tạp đa chiều và đầy biến động của cuộc sống hôm nay. Đây là một trong những biểu hiện đổi mới so với bút pháp truyền thống.

Với khả năng biến hóa linh hoạt trong cách xây dựng cốt truyện, truyện ngắn là thể loại thuận lợi để biểu đạt một cách tự nhiên, cụ thể những nỗi niềm, những tâm tư thầm kín đầy bí ẩn của con người.

Với đặc trưng cơ bản của thể loại, truyện ngắn đã tạo cơ sở cho sự thay đổi quan niệm nghệ thuật về con người. Con người là đối tượng chủ yếu và là căn bản của văn học. Nhưng trải qua bao thăng trầm của lịch sử, con người cá nhân mới ra đời. Văn học sau 1975, nhất là ở truyện ngắn đã đề cập đến vị trí và giá trị của con người cá nhân.

Do sự chi phối của quy luật chiến tranh, đặc điểm thi pháp của văn học giai đoạn 1945 - 1975 cũng chi phối cách nhìn nghệ thuật về con người giai đoạn này. Con người trong truyện ngắn 1945 - 1975 là con người sống với cộng đồng, xả thân vì nghĩa lớn, tìm thấy ý nghĩa cuộc đời trong sự gắn bó với cộng đồng. Đời sống tập thể, không gian cộng đồng đáng kể hơn đời sống riêng tư, khuôn viên gia đình. Con

người quen sống trong quần thể ít có dịp đối diện với bản thân, sống với chính mình. Con người xã hội và con người riêng tư có lúc không trùng khít. Sau 1975, trong sáng tác văn học, con người cá nhân được điều chỉnh hợp lý, được nhìn nhận một cách đúng đắn và sâu sắc. Các chủ thể sáng tạo đã khám phá và phát hiện quá trình hình thành nhân cách con người dưới sự tác động và chi phối của các yếu tố xã hội phức tạp và đa chiều của cuộc sống hôm nay. Vấn đề mà họ quan tâm là bộ mặt tinh thần, đạo đức của con người chứ không phải là bộ mặt xã hội của thời kỳ nào đó. Chưa bao giờ "con người với tất cả quan hệ xã hội của nó, thân phận và cuộc đời của nó" được phản ánh một cách sinh động và phong phú như trong giai đoạn hiện nay. Song con người cá thể trong văn học gần đây không phải là của con người của chủ nghĩa cá nhân của cái tôi cực đoan, coi thường mọi thiết chế đạo đức, không chịu sự chi phối của đời sống, của lệ làng, của phép nước. Ở đây số phận cá nhân được giải quyết thỏa đáng trong mối liên hệ mật thiết với xã hội, cộng đồng. Đằng sau số phận của mỗi cá thể là những vấn đề mang ý nghĩa nhân sinh của thời đại.

Có thể nói trong truyện ngắn sau 1975, từng cá thể, từng mảnh đời riêng biệt âm thầm,lặng lẽ hay ồn ào, sôi động được nhìn nhận trong những môi trường đời sống bình thường, làm nên đời sống nhân vật đa dạng và phức tạp. Bằng nhiều cách khai thác và tiếp cận khác nhau, các nhà văn đã hướng vào thế giới nội cảm, khám phá chiều sâu tâm linh, thấy được ở mỗi cá nhân những cung bậc tình cảm: vui buồn, đau khổ, những hy vọng khao khát đam mê. Ở giai đoạn lịch sử mới, người cầm bút có những chuyển hướng trong nhận thức, tư duy về bản thể con người. Con người xuất hiện trong các sáng tác ngắn là con người trần thế ở cõi nhân gian với tất cả chất người tự nhiên của nó: tốt đẹp, xấu xa, thiện ác, yêu ghét, ánh sáng bóng tối, cao thượng thấp hèn, hữu thức vô thức. Ở đó con người đứng trên đường phân giới mỏng manh giữa hai cực đối lập vừa chối bỏ lại vừa chung sống với nhau (*Thắp một tuần hương* - Ma Văn Kháng, *Đò ơi* - Nguyễn Quang Lập, *Người hùng trường làng* - Tạ Nguyên Thọ, *Biển cứu rỗi* - Võ thị Hảo).

Hướng tới hiện thực về con người, thông qua từng số phận cá nhân, các nhà văn đã xới lên những vấn đề nhức nhối, bức xúc của con người trong hiện thực đương đại. Con người trong truyện ngắn hôm nay không còn là "những đời người rất nhạt" vì "không có những bất ngờ, may rủi" mà là những con người đầy những vết dập xóa trên thân thể trong tâm hồn. Nhà văn bộc lộ những kinh nghiệm sống được chắt lọc, vắt kiệt trên từng câu chữ, trang viết. Chủ thể sáng tạo

không còn ở vị thế lấn át, trùm lấp nhân vật mà bình đẳng, khách quan trước sự vận động tự thân của nhân vật (*Cỏ lau, Bức tranh, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Phiên chợ Giát* - Nguyễn Minh Châu, *Bước qua lời nguyền* - Tạ Duy Anh).

Truyện ngắn sau 1975 đã quan niệm con người cá nhân như "một nhân cách, một nhân cách kiểu mới". Nhà văn đã nhận diện con người đích thực với nhiều kiểu dáng nhân vật, biểu hiện đa dạng nhu cầu tự ý thức, sự hòa hợp giữa con người tự nhiên, con người xã hội và con người tâm linh. Trên địa hạt của truyện ngắn, nhà văn đã khắc họa chân dung những con người vừa đẹp đẽ, cao thượng, vừa đời thường, trần thế luôn khát khao cái đẹp và hướng tới cái thiện. Đó chính là nét nổi bật mang đậm ý nghĩa nhân văn khi nhìn nhận con người tạo nên tiếng nói đa thanh trong truyện ngắn hôm nay.

Văn học là loại hình của nghệ thuật ngôn từ bởi ngôn ngữ là chất liệu cơ bản là "yếu tố thứ nhất" của văn học. Ngôn ngữ văn học là hình thái hoạt động ngôn ngữ mang ý nghĩa thẩm mỹ, giúp nhà văn xây dựng những hình tượng văn học, tái hiện lời nói và thế giới tư tưởng của con người. Ngôn ngữ trong mỗi thể loại mang những sắc thái biểu cảm khác nhau. Ngôn ngữ sử thi truyền thống dài dòng, lời thoại rườm rà nghiêng về giáo huấn, lời nói nhân vật chưa được cá tính hóa. Ngôn ngữ tiểu thuyết gần gũi với tiếng nói đời sống là ngôn ngữ đa thanh. Ở những giai đoạn trước, ngôn ngữ truyện ngắn là ngôn ngữ đơn thanh một giọng. Từ sau 1975 dần dần truyện ngắn đã có sự biến chuyển từ ngôn ngữ một giọng sang ngôn ngữ đối thoại, nhiều giọng. Có sự tác động, hòa trộn giữa ngôn ngữ tác giả, ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ truyện ngắn có những nét đặc trưng so với ngôn ngữ tiểu thuyết. Do ngôn ngữ của thể loại, ngôn ngữ truyện ngắn phải hàm súc cô đọng không thể có những phần "rời" như ở tiểu thuyết mà phải kiệm lời, "đặc quánh" để tạo ra được "sự thống nhất hiệu quả hoặc ấn tượng" trong tác phẩm. Truyện ngắn thuộc loại hình tự sự nên nghệ thuật trần thuật là một trong những yếu tố quan trọng trong phương thức biểu hiện, nó còn là yếu tố cơ bản thể hiện cá tính sáng tạo của tác giả. Ngôn ngữ trần thuật, ngôn ngữ người kể chuyện tạo nên giá trị nghệ thuật của tác phẩm tự sự. Các nhà văn rất chú trọng đến khía cạnh truyền đạt giọng điệu cái tôi của mình trong tác phẩm khiến hình thức kể chuyện ở ngôi thứ nhất xuất hiện ngày càng nhiều.

Kể ở ngôi thứ nhất, nhân vật người kể chuyện xưng tôi kể chuyện về bản thân hay về người khác nhưng không lộ rõ là tác giả.

Nhân vật người kể chuyện xưng tôi giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ cấu trúc của văn bản. "Tôi" là nhân vật xuyên suốt còn những nhân vật khác chỉ được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện (*Hậu thiên đường* - Nguyễn thị Thu Huệ, *Bức Tranh* - Nguyễn Minh Châu, *Anh hùng bĩ vận* - Nguyễn Khải).

Trong truyện ngắn hiện nay, nhà văn thường kết hợp cách kể ở ngôi thứ nhất trao cho nhân vật nhiệm vụ trần thuật hoặc người kể chuyện đứng sau nhân vật không tham gia vào quá trình diễn biến câu chuyện. Kết hợp các cách kể nói trên, giọng điệu, ngôn ngữ người kể chuyện trong truyện ngắn phong phú và hấp dẫn hơn. Người kể chuyện không nói giọng quyền uy, nghiêm trang, cao đạo mà bằng ngôn ngữ đời thường, lời ăn tiếng nói của người bình thường (Nguyễn Thị Ấm, Hòa Vang, Tạ Duy Anh, Nguyễn Kim Châu, Nguyễn Thị Thu Huệ).

Đặc điểm nổi bật trong truyện ngắn là lời thoại, ngôn ngữ của các nhân vật. Trong kết cấu câu chuyện, các nhân vật không chỉ suy nghĩ hành động mà còn nói năng, đối đáp. Ngôn ngữ đối thoại trong truyện ngắn hôm nay đã được cá thể hóa sâu sắc. Dấu vết thời đại quy định cách nói năng ứng xử. Nhiều lớp từ mới được hình thành, quan niệm về lời nói cũng bổ sung những sắc thái biểu cảm mới. Thông qua ngôn ngữ đối thoại, các trạng thái biểu hiện tâm lý của con người có chiều sâu và hiện thực cuộc sống được cụ thể hóa, sống động hơn.

Trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, ngôn ngữ đối thoại hầu như thống trị gần hết văn bản. Lời thoại nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp linh hoạt, sắc gọn, giàu tính hành động, bộc lộ cá tính. Lời phát ngôn nào cũng thể hiện một đặc điểm tính cách cụ thể. Bằng các đoạn đối thoại liên tiếp, chồng chất diễn biến câu chuyện trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp phát triển theo lôgich nội tại của nó. Tác giả thể hiện năng lực miêu tả cá tính nhân vật thông qua ngôn ngữ một cách đặc sắc mang nét riêng không thể trộn lẫn (*Những bài học nông thôn, Những người thợ xẻ, Không có vua).* Khác với giai đoạn văn học sử thi 1945- 1975 ngôn ngữ mang tính chính luận, lý lẽ, câu văn dàn trải, bề bộn với những từ ngữ trừu tượng, chính trị. Lời thoại nghiêng về lý sự bàn cãi. Ngôn ngữ của truyện ngắn hôm nay là ngôn ngữ đời thường. Quan tâm đến con người đời thường trong các mối quan hệ xã hội, truyện ngắn đã đưa vào thể loại tiếng nói đa âm, phúc hợp của cuộc sống ngày thường. Trong mỹ cảm của con người hiện nay, lời ăn tiếng nói đã bớt đi sự óng mượt, trau chuốt mà trần trụi, thô nhám, thậm chí suồng sã, bô bả (*Tướng về hưu* - Nguyễn Huy Thiệp, *Người hùng trưởng làng* - Tạ Nguyên Thọ, *Anh lính Tony D* - Lê Minh Khuê, *Những người đàn bà* - Ma Văn Kháng)

Bên cạnh thủ pháp đối thoại, độc thoại nội tâm cũng đã đóng vai trò quan trọng trong cách thức diễn đạt, giúp độc giả khám phá mạch ngầm của văn bản, độc thoại nội tâm góp phần coi nơi khuôn khổ truyện ngắn, đi sâu vào bản thể người với những hồi cố, tự bạch, dòng ý thức... giúp con người bộc lộ chính mình ở khía cạnh con người vô thức, con người tâm linh (*Bức thư gởi mẹ Âu Cơ* - Y Ban, *Phiên chợ Giát* - Nguyễn Minh Châu, *Hai Người đàn bà xa lạ* - Phạm Sông Hồng).

Cùng với loại hình nghệ thuật khác, truyện ngắn từ sau 1975 đã vận động và phát triển theo quy luật tất yếu của văn học đáp ứng kịp thời sự chuyển đổi của xã hội và con người sau chiến tranh. Truyện ngắn đã có những cách tân và thu được thành tựu đáng kể về nội dung lẫn hình thức biểu hiện. Trong quá trình đổi mới văn học với ngòi bút và tâm huyết của mình, các cá tính sáng tạo đã thể hiện một hệ thống quan niệm nghệ thuật mới mẻ về hiện thực cuộc sống và con người trên nền tảng của một chủ nghĩa nhân bản sâu sắc.

BÍCH THU

Tìm đọc mỗi ba tháng

tạp chí thơ

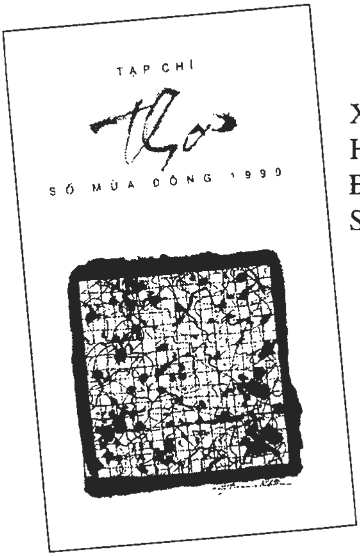

Xin gửi cho tôi một năm tạp chí THƠ
Họ tên:..
Địa chỉ:..
Số phone:..

Giá một năm (4 số)
Mỹ và Canada: US$ 20.00
Âu châu: US$25.00
Á châu & Úc châu: US$30.00
Chi phiếu đề
THƠ
P.O.Box 1745
Garden Grove, CA 92842. USA

VĨNH ĐỂ

Trịnh CôngSơn, nỗi tuyệt vọng và niềm yêu đời tha thiết

Ôi phù du từng tuổi xuân đã già,
Một ngày kia đến bờ, Đời người như gió qua.("Phôi pha")

Với nhạc sĩ Trịnh công Sơn, loại tư tưởng triết lý chứa đựng trong hai câu nhạc trên đây không những chỉ có mặt trong bài "Phôi pha" mà còn bàng bạc trong bài "Gọi tên bốn mùa", "Nghe những tàn phai", "Trong nỗi đau tình cờ"..vv.

Do đó, trong chừng mực lời và ý nhạc gắn bó mật thiết với nhau, ta có thể nói đến một thứ âm nhạc triết lý trong tác phẩm của "người ca thơ" nầy (Văn Cao). Nói đến triết lý là nói đến những ý nghĩ về đời người, về tất cả những gì tạo nên thân phận con người: khung cảnh thời gian, không gian, quan hệ giữa người với thiên nhiên, với người khác và ý nghĩa sự có mặt của con người trong cuộc đời...Có hay không những quan niệm triết lý như thơ trong âm nhạc Trịnh công Sơn? Dĩ nhiên với người nhạc sĩ nầy, ta không thể kỳ vọng tìm thấy một hệ thống tư tưởng như đối với các triết gia khác vì Trịnh công Sơn thiết yếu là một nghệ sĩ. Nhưng, dù ý

hướng là dùng âm nhạc để nói lên "linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo", như ông từng viết, chúng ta vẫn có thể tìm thấy một quan niệm bộc lộ mối liên hệ hữu cơ giữa thái độ thể hiện trước cuộc sống và ý nghĩ về đời người. Quan niệm đó như thế nào?

"ĐỜI MÃI ĐÊM, NGÀY MÃI BUỒN..."

Nghe nhạc Trịnh công Sơn chúng ta dễ cảm thấy buồn. Trong nhiều nhạc phẩm, Trịnh công Sơn vẽ lên hình ảnh cuộc đời gắn liền với đau khổ. Thật vậy, với ông, có mặt trên đời là phải chịu đau khổ: "Trẻ thơ ơi! Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người" ("Gọi tên bốn mùa"). Ý nghĩ nầy không hoàn toàn đúng cho mọi đứa trẻ thuộc về những dân tộc khác, sinh sống dưới những chế độ chính trị-xã hội dân chủ, nhân đạo trong những quốc gia thanh bình, nhưng đặc biệt lại rất đúng đối với những đứa bé sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử nước ta: "Trên quê hương còn lại, ta đi qua nửa đời chưa thấy được ngày vui". Dù có chờ đợi, có hi vọng một ngày mai tốt đẹp hơn thì rồi cũng chỉ thấy: "mùa xuân không về, mùa thu cũng ra đi, mùa đông vời vợi, mùa hạ khói mây" ("Gọi tên bốn mùa") và "đời mãi đêm, ngày mãi buồn" ("Em hãy ngủ đi"). Sống trong hoàn cảnh khốn khổ như vậy, ta dễ hiểu vì sao Trịnh công Sơn đã viết ra những câu nói bi quan tột cùng: "Đời người mãi âm u" ("Như cánh vạc bay") và :"Tôi như con chim buồn bay về lúc chiều hôm, Thôi quên đi thiên đường một đời tôi mãi tìm, Tôi như con chim bệnh thiếu hạnh phúc trần gian."("Như chim ưu phiền"). Một cách nhẹ nhàng hơn, Trịnh công Sơn viết:"Hạnh phúc đã ngủ yên trong những ngăn kéo của quên lãng."(1)

"TÌNH YÊU, MẬT ĐẮNG TRONG ĐỜI"

Còn tình yêu? Đối với Trịnh công Sơn tình yêu có phải là nguồn hạnh phúc hay không? Đã có bao giờ Trịnh công Sơn tìm thấy niềm vui và hạnh phúc lúc được yêu? Cũng như Xuân Diệu khi xưa đã nói: "Có bàn tay ấy ở trong tay, Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày", Trịnh công Sơn từng hát lên:" Em đã cho tôi quên đi muộn phiền" ("Em đã cho tôi bầu trời") Nhờ vậy, ông thấy đời còn "dễ thương" (chữ của nhạc sĩ Phạm Duy) dù người đời không tốt, và ông hát thêm:"Em đã cho tôi yêu thêm loài người". Tuy nhiên, đối với ông, hình như đau khổ đi liền với tình yêu. Trước hết, vì tình yêu thường gắn liền với sự phụ

bạc: "Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ" và "Thành phố hoang vu như một lần qua cuộc tình" ("Tình xa"). Dù có mặn nồng, dù có hạnh phúc, tình yêu vẫn không vượt qua sự thử thách của thời gian và phải bị qui luật biến thiên của vạn vật chi phối. Cũng như lá cây không xanh mãi mãi, trái cây không ở mãi trên cành, tình yêu "rộn ràng nhưng biến nhanh" và thay đổi từ cuồng nhiệt sang lạnh nhạt:

Tình khâu môi cười, hình hài xưa đã thay,
Mặn nồng xưa cũng phai
... Tình yêu như trái chín trên cây rụng rời

Tình lên êm đềm, vội vàng nhưng chóng quên.("Tình sầu")

Nhà thơ Xuân Diệu từng nói đến bản chất phôi pha của tình yêu: "Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết! Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt! ("Giục giã"). Trịnh công Sơn cũng cùng ý nghĩ đó: "Đâu ngờ tình như lá úa khiến tôi chia lìa từng giấc mơ"("Trong nỗi đau tình cờ") và ông không tin tưởng vào thứ tình yêu vĩnh cửu: "Từ lúc đưa em về là biết xa nghìn trùng " ("Như cánh vạc bay"). Cũng có lúc Trịnh công Sơn tưởng mình sống trong hạnh phúc nhưng thật ra đó chỉ là ảo tưởng: "Có những lần nằm nghe tiếng cười, Nhưng chỉ là mơ thôi"("Như một lời chia tay"). Có những giây phút ông thực sự yêu và được yêu, nhưng ông biết rồi đây "đời sẽ buồn" vì "đã có nghìn trùng trên môi người tình, đã dấu nụ tàn bên trong nụ hồng, Có chớm lạnh lùng trên môi nồng nàn", và dù say đắm đến mấy thì "hôn nhau lần đầu" cũng là "hôn nhau lần cuối"("Như một vết thương"). Thay đổi, phụ bạc gây ra đau khổ đành rồi, với một người thích hướng về người khác như nhạc sĩ họ Trịnh nỗi đau khổ càng sâu đậm hơn và ông từng thấm thía nỗi cô đơn: "Tôi như trẻ nhỏ tìm nơi nương tựa mà sao vẫn cứ lạc loài." ("Tự-tình-khúc")

Cô đơn là một mô-típ nổi bật trong lời nhạc của Trịnh công Sơn. Trong "Nghe những tàn phai", ông mô tả "đời mình là những quán không". Như nhà thơ Lamartine của Pháp đã kêu than: "Un seul être vous manque et tout est dépeuplé" (" Thiếu đi hình bóng một người là chung quanh ta tất cả đều trống vắng"), Trịnh công Sơn viết: khi nhìn quanh mình ông chỉ thấy "bàn im hơi bên ghế ngồi" vì "ngày đi, đêm tới đã vắng bóng người". Cảm thức đó cũng được bộc lộ trong nhạc khúc "Ru ta ngậm ngùi": Đời sao im vắng, Như đồng lúa gặt xong, Như rừng núi bỏ hoang.

Nỗi khổ cô đơn còn lớn lao hơn nữa khi ông chỉ thấy có mình đơn

độc trên "đường trần": "Trời cao đất rộng một mình tôi đi, Đời như vô tận, một mình tôi về, một mình tôi về với tôi" ("Lặng lẽ nơi này"). Nỗi khổ đó, ông sống qua từng ngày trong đời:"Một ngày như mọi ngày, Đi về một mình tôi ("Một ngày như mọi ngày") Khổ vì yêu, vì cô đơn, Trịnh công Sơn còn cảm thấy nỗi khổ lúc nhìn lại mình toàn thất bại, và niềm hi vọng tìm ra hạnh phúc không còn nữa: "Nhìn lại mình đời đã xanh rêu" ("Tình xa") Cũng có lúc được yêu và Trịnh công Sơn mong có người yêu bên cạnh, nhưng người yêu vẫn để ông chờ đợi đến tuyệt vọng. Có những người tình bỏ đi với ý nghĩ họ không gây đau khổ lớn lao cho ông, có lẽ vì chính Trịnh công Sơn đã cho họ cái ý nghĩ ông ít bị dao động, hoặc có thể người tình xem tâm hồn ông cứng rắn như gỗ đá. Nhưng dù có là gỗ đá tâm hồn Trịnh ông Sơn không vô cảm, vì làm sao biết chắc "bia đá không đau"? ("Diễm xưa") Qua những kinh nghiệm đó Trịnh công Sơn buộc phải nhận rằng "tình yêu (là) mật đắng trong đời", là "trăm vết thương" khiến đôi khi ông có cảm giác mình như "đá ngây ngô" ("Rồi như đá ngây ngô").

CON NGƯỜI, "CÁT BỤI TUYỆT VỜI"

Dù vậy, nhạc sĩ Trịnh công Sơn vẫn không nhìn đời một cách thực sự bi quan; đối với ông sự hiện hữu và sự đau khổ không đồng nghĩa với nhau. Ngược lại, lời nhạc của Trịnh công Sơn thể hiện một quan niệm mà chúng tôi không ngần ngại gọi là CHỦ NGHĨA LẠC QUAN BẢN THỂ (optimisme ontologique): với ông, tự bản chất, hiện hữu là một điều tốt đẹp, một diễm phúc. Đau khổ chồng chất, thất bại tiếp nối trong tình yêu chỉ là "hiện tượng" trong cuộc đời; chúng không phải là bản chất của đời người. Chúng ta sẽ dễ chấp nhận giả thuyết nầy một khi ta nhìn thấy ảnh hưởng của Thiên chúa giáo trong lời nhạc của Trịnh công Sơn. Thật vậy, Thiên chúa giáo khẳng định: con người được tạo nên từ cát bụi (" Thượng đế dùng cát bụi để làm nên con người ...",- Sáng thế ký-Thánh kinh) và sự sáng tạo con người -cũng như sự sáng tạo các vật thể khác- là điều tốt đẹp trước mắt Thượng đế ("Thượng đế sáng tạo con người theo hình ảnh của Ngài...và Ngài thấy đó là điều rất tốt đẹp"). Cả hai ý đó đều hiển hiện trong nhạc phẩm "Cát bụi":

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
Để một mai vươn hình hài lớn dậy.

Tuy nói lên chất liệu từ đó con người được tạo ra, hình ảnh "hạt bụi" không đủ để bênh vực cho giả thuyết "lạc quan bản thể". Ngay trong Thánh kinh, cát bụi là chất liệu mong manh (vì thân xác con người phải bị tan rã) và thấp hèn (vì điều cao quí nơi con người là tinh thần vốn là "hình ảnh" của Thượng đế). Nhưng câu kế tiếp: "Ôi! cát bụi TUYỆT VỜI!" lặp lại đúng phán đoán giá trị của Thánh kinh. Vì vậy chúng tôi cho rằng luận điểm của Thiên chúa giáo tạo nên trực giác nòng cốt, nguyên sơ của nhạc sĩ Trịnh công Sơn. Chúng tôi còn có thêm lý do để khẳng định như vậy khi nhận thấy: giả thuyết "lạc quan bản thể" giúp chúng ta hiểu được một số đặc điểm trong lời nhạc của Trịnh công Sơn.

Thật vậy, tất cả những gì phù hợp với cuộc sống đều có một giá trị lớn lao đối với Trịnh công Sơn. Do đó ông trân trọng mọi thứ hạnh phúc dù nhỏ bé. Dĩ nhiên, hạnh phúc được yêu là loại hạnh phúc đáng trân trọng hơn cả, dù nó đến và đi trong khoảnh khắc:

Tình cho nhau môi ấm
Một lần là trăm năm ("Tình sầu")

Và ông mang ơn người tạo hạnh phúc cho mình. Trịnh công Sơn dành trọn một bản nhạc để bày tỏ sự biết ơn đối với người tình, đối với cuộc đời, đối với những ngẫu nhiên đưa đẩy tới cuộc hạnh ngộ với người tình:

Dù đến rồi đi tôi cũng xin tạ ơn người,
Tạ ơn đời, tạ ơn ai đã đưa em về chốn này...
Đã cho tôi những tình sáng ngời như sao xuống từ trời,
...Đã cho tôi còn những ngày quên kiếp sống lẻ loi. ("Tạ ơn")

Hoặc:" Cuộc đời này đã có em, từng ngày, từng ngày nhớ ơn đời" ("Còn thấy mặt người"). Vì thấy đời đẹp cho nên ngay cả lúc chán nản, ông "vẫn nhớ cuộc đời":
Nhìn lại quanh đây lô nhô loài người
Một ngày bỗng thấy gắn bó cuộc đời.

Vì yêu đời, Trịnh công Sơn nhắc nhủ mọi người, đặc biệt những kẻ yêu nhau, nên tận hưởng hạnh phúc, nhất là khi ông ý thức "đời người như gió qua": "Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ" ("Mưa hồng"). Nghĩ rằng tình yêu mang lại hạnh phúc sâu đậm và tuyệt diệu nhất, Trịnh công Sơn gán cho tình yêu vai trò bù trừ cho những nỗi khổ khác mà con người phải chịu. Ông tuyên bố: "Sống giữa đời này chỉ

có thân phận và tình yêu; thân phận thì hữu hạn, tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời."(2)

Không thiếu những kẻ yêu đời tha thiết, nhưng chỉ muốn tận hưởng hạnh phúc cho riêng mình. Với Trịnh công Sơn, ngoài niềm yêu đời, ông còn có thêm tấm lòng cởi mở nên ông muốn người khác hưởng hạnh phúc dù bản thân ông bị thua thiệt:

Hãy cứ vui chơi cuộc đời
Dù ngày mai em như chim bay,
bỏ quên đây một người.("Hãy cứ vui như mọi ngày")

Vì hạnh phúc trong cuộc đời nầy mới là hạnh phúc đích thực. Trịnh công Sơn không đả động đến cõi thiên đường hay cõi Niết bàn. Ông tin cuộc sống ở trần thế nầy là tạm bợ ("Tôi nay ở trọ trần gian") và "đường trần đâu có gì". Nhưng với ông, nếu bỏ qua hạnh phúc hôm nay để mong cầu một thứ hạnh phúc ở phương trời nào khác, trong một kiếp sau hay một tương lai xa xôi là sống trong ảo tưởng:

Hãy cứ vui chơi cuộc đời
Đừng cuồng điên mơ trăm năm sau ("Hãy cứ vui như mọi ngày")

Và cũng vì yêu đời tha thiết nên Trịnh công Sơn muốn tạo điều kiện cho mọi người cùng hưởng niềm vui sống:

Tôi xin làm sông trôi
Cuốn sầu đi lặng lẽ
Cho em vào một mùa
Có màu sắc hồng thôi. ("Vì tôi cần thấy em yêu đời")

Thái độ đó, chúng ta gặp lại trong bài "Hoa vàng mấy độ":

Xin cho bốn mùa đất trời lặng gió
Đường trần em đi hoa vàng mấy độ,
Những đường cỏ lá, từng giọt sương thu yêu em thật thà.

Ngoài ra, trong lời nhạc của Trịnh công Sơn, chúng ta còn thấy thêm một đặc điểm khác: ông luôn luôn giữ thái độ hiền hoà, chịu đựng. Đối với kẻ phụ bạc, ông không trách móc, không thù hằn, không oán hận. Lúc bị tình phụ, Xuân Diệu lên án người tình:

Đấy ai bảo em làm anh mơ ước!
Lúc đầu tiên anh có mộng gì đâu!
Tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
Em ác quá! Lòng anh như tự xé...("Hẹn hò")

Trịnh công Sơn có thái độ khác hẳn: nhẫn nhục, hi vọng, lạc quan. Chính vì thái độ nầy cho nên, ngoài những lý do khác, Trịnh công Sơn chọn phổ nhạc bài "Cuối cùng cho một tình yêu" của Trịnh-Cung, bài thơ nói lên sự nhẫn nhục và bao dung: "Ừ thôi em về, trời mưa giông tới..." Hi vọng cũng là tình cảm chan hòa trong nhiều nhạc phẩm của ông:

Mặt trời, mặt trời đã lên
Còn nhìn, còn nhìn thấy con người
...Từng ngày thấy mặt trời, thấy mọi người lòng đã thấy vui
Từng đêm tối ngồi chờ đợi
Từng sớm mai thấy lại mặt người. ("Cuối cùng cho một tình yêu")

Ông tự nói và nói với người: đừng bao giờ tuyệt vọng ("Tôi ơi! Đừng tuyệt vọng"). Chính vì đời đẹp và thấy mình gắn bó với cuộc đời nên ông tự xét lại bản chất của mình: "Tôi là ai, là ai? mà còn trần gian thế?" Câu hỏi thật là lạ lùng, vì giữa sự yêu mến cuộc đời và việc xét lại thực chất con người mình chúng ta không thấy có mối liên hệ nào cả. Yêu đời là một tình cảm tự nhiên đối với con người, vậy tại sao phải tự hỏi mình là ai. Thật ra, câu hỏi đó có một ý nghĩa khi ta đặt lại nó trong một bối cảnh tôn giáo, và một lần nữa, chúng ta nhìn thấy ảnh hưởng của Thiên chúa giáo. Thật vậy, Thiên chúa giáo khẳng định: vương quốc của Thiên chúa không phải ở trần thế và, tự bản chất, con người có khuynh hướng tự nhiên tìm về với Chúa, tìm về quê hương đích thực của mình.

Vẫn biết con người là một hữu thể tự nhiên và có bổn phận tìm hạnh phúc cho mình cũng như cho đồng loại trong trần thế, nhưng tôn giáo đó còn cho rằng: con người có một định mệnh siêu nhiên và đó mới là định mệnh đích thực. Chính vì vậy, con người chỉ hưởng hạnh phúc trọn vẹn nơi Thiên chúa mà thôi. Trong viễn tượng đó, con người không thể gắn bó với trần thế như thể trần thế là quê hương độc nhất của mình. Chúng tôi nghĩ: chính vì Trịnh công Sơn từng chấp nhận quan niệm về con người của Thiên chúa giáo nên ông mới nhận thấy

nơi bản thân sự mâu thuẫn giữa khuynh hướng tìm về thế giới siêu nhiên và sự gắn bó với trần gian. Nếu ông tin mình là một hữu thể hoàn toàn tự nhiên, một hữu thể của trần thế, thì ông sẽ không ngạc nhiên về tình cảm gắn bó với trần gian nầy và không nêu ra câu hỏi về thực chất con người. Nhưng vì tin mình chỉ "ở trọ trần gian" và mình là "một thứ thiên thần bị giáng xuống trần và tiếc nhớ thiên đường" (Lamartine), cho nên Trịnh công Sơn không hiểu vì sao mình lại "yêu quá đời nầy". Cảm thức tha thiết với trần gian buộc Trịnh công Sơn phải xét lại bản chất con người mình:

Tôi là ai mà còn trần gian thế!
Tôi là ai mà yêu quá đời này! ("Tôi ơi! Đừng tuyệt vọng")

Đối với Trịnh công Sơn, yêu đời cũng là yêu tất cả những gì tạo nên cuộc đời: yêu con người, yêu quê hương, yêu thiên nhiên. Những tình cảm đó đã đến với ông trong thời thơ ấu:"Ngày xưa khi còn bé, Tôi yêu quá cuộc đời, Tôi yêu thương loài người" ("Ngày nay không còn bé"). Trong một bài viết gần cuối năm 1992, Trịnh công Sơn tâm sự:"Tôi đau đớn nhận ra rằng, có lẽ cuộc đời đã cho ta lắm ngày bất hạnh" (3). Bất hạnh không chỉ cho riêng ông mà còn cho tất cả mọi người vì nhân loại tự tạo ra những cảnh: đói kém, chết chóc, vong thân...và cũng vì "những đấng tối cao có lẽ đã ngủ quên cùng với chân lý" của các Ngài (4). Dù vậy, Trịnh công Sơn vẫn yêu đời tha thiết, vẫn thấy mình "ôm một nỗi cuồng si bất tận (với cuộc đời)":

Tôi sống vui từng ngày,
Tôi đến trong cuộc đời
Đã yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi ("Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui").

Tuy nhiên, Trịnh công Sơn không nghĩ mình có đủ khả năng yêu hết cuộc đời:" Tôi yêu mọi người, cỏ cây, muôn loài, Làm sao yêu hết cuộc đời" ("Tự tình khúc"). Và Trịnh công Sơn khuyên chúng ta:

Hãy yêu ngày tới
Dù quá mệt kiếp người
Còn cuộc đời ta cứ vui
Dù vắng bóng ai, dù vắng bóng ai. ("Để gió cuốn đi")

Lời khuyên đó, ông lặp lại trong nhiều nhạc khúc: "Bao buồn xưa sẽ quên, Hãy yêu khi đời mang đến một cành hoa giữa tâm hồn" ("Đời gọi em biết bao lần") và "Hãy yêu nhau đi quên ngày u tối...Hãy yêu nhau đi bên đời nguy khốn, Hãy yêu nhau đi bù đắp cho trăm năm" ("Hãy yêu nhau đi").

"TUYỆT VỌNG CŨNG ĐẸP NHƯ MỘT BÔNG HOA"

Trên đây, chúng tôi đã nói đến hi vọng như một tình cảm có mặt trong nhiều nhạc phẩm của Trịnh công Sơn. Nhưng trong bài viết chúng tôi vừa nhắc đến, Trịnh công Sơn lại nói đến tuyệt vọng như là thái độ phải có trước cuộc đời, thái độ cuối cùng khi con người mất hết mọi niềm tin vào những giá trị cao quí của nhân loại. Với Trịnh công Sơn, tuyệt vọng cũng là thái độ có giá trị tốt đẹp. Lập trường nầy hoàn toàn đi ngược lại thái độ hi vọng trước đây và cũng là một sự nghịch lý đối với thường tình. Yếu tố nào, hoàn cảnh nào đã đưa đẩy Trịnh công Sơn đến chỗ "tự nguyện làm tên tuyệt vọng" như ông tuyên bố? Bài viết của ông nói đến nhiều yếu tố có thể có liên quan mật thiết với nhau. Trịnh công Sơn tuyệt vọng vì trước hết, như ông viết "nhiều sớm mai khi thức dậy (ông) không thấy được hoa quả khai sinh trong trái tim người"(5). Trịnh công Sơn muốn nói gì khi dùng hình ảnh "hoa quả" nầy? Có lẽ nhạc phẩm "Như tiếng thở dài" sẽ cho chúng ta câu trả lời rõ rệt nhất. Thật vậy, tác phẩm nầy trình bày sự mâu thuẫn giữa thực tế và những mơ ước bình thường của con người. Con người mơ sống thanh bình, mơ hưởng được những niềm vui hiền hòa trong tương lai và mơ nhìn thấy một nhân loại không còn xâu xé nhau nữa:

Ngày đêm đêm mơ thấy mặt trời
Mọc trong tim, trong mắt loài người
Ngày đêm đêm mơ thấy nụ cười
Nở trên môi trên khắp cuộc đời

Nhưng hiện thực hoàn toàn đi ngược lại những mơ ước đó: "Lúc tỉnh ra thấy lại xác người bên xác người" . Ngay những lời hứa hẹn, những câu nói tình nghĩa cũng để lộ mầm mống hủy diệt: " Trong từng giọng nói có màu tàn phai". Hiện thực phũ phàng nầy không chỉ xuất hiện trong một ngày, một tháng, một năm: " Người đi quanh thân thế của người, Một trăm năm như tiếng thở dài". Tuy vậy, nhạc phẩm "Như tiếng thở dài" vẫn kết thúc với một hi vọng, một mơ ước, một nhắn nhủ:

Đường hôm qua tôi thấy được rồi
Đường hôm nay tôi đã cùng ngồi có gì vui
Đường tương lai xin nhắc từ đầu
Cùng anh em trên khắp địa cầu
Hãy gần nhau.

Nhưng một nhân loại biết xóa bỏ mọi hận thù là một ảo tưởng vì " nhân loại, mỗi

ngày, đang cố bày biện những tiệm tạp hóa mới, đóng thêm nhiều kệ hàng; người

ta bán đủ loại: đói kém, chết chóc, thù hận, nô lệ, vong thân..."(6). Trước cảnh tượng đó làm sao Trịnh công Sơn không tuyệt vọng được? Trịnh công Sơn không phủ nhận cuộc đấu tranh của nhân loại, của đồng bào ông nhằm tiêu hủy những điều xấu xa đó, nhưng sự nhận thức động cơ thực sự các cuộc đấu tranh chỉ làm mất đi niềm tin của ông về con người: người ta đấu tranh không vì mục đích cao quí là "giành lại quyền sống, quyền làm người" mà chỉ vì muốn "trở thành anh hùng hay làm người vĩ đại". Dưới mắt Trịnh công Sơn, động cơ tầm thường và nhỏ nhen nầy không có giá trị trong một thế giới thể hiện nhân tính đích thực: "cõi người từ khước tước hiệu đó".

Trịnh công Sơn còn có thêm lý do để sống trong tuyệt vọng khi ông nhận ra sự im lặng, sự thờ ơ của những quyền lực siêu nhiên, những đấng tối cao trước nỗi đau khổ của con người. Nhân loại đã đặt nhiều kỳ vọng vào các đấng thiêng liêng, xem các ngài là kẻ mang lại bình an, giải thoát, cứu rỗi, nhưng trước SỰ XẤU phô bày ngày nầy sang ngày khác, Trịnh công Sơn buộc phải nhận rằng: "Chúa đã bỏ loài người, Phật đã bỏ loài người ("Này em có nhớ") hoặc các đấng thiêng liêng đó "đã ngủ quên cùng với chân lý". Tình cảnh con người bơ vơ (dù con người vẫn còn tin vào các Hữu thể siêu nhiên) làm cho Trịnh công Sơn cảm thấy "mỏi dần với lòng tin." Đúng hơn, như ông viết, ông "chỉ còn lại niềm tin sau cùng: tin vào niềm tuyệt vọng", và theo ông, đó là niềm "tin vào chính mình, tin vào cuộc đời vốn không thể khác."(7).

Trịnh công Sơn có thực sự tin con người không có khả năng làm cho cuộc đời đổi

khác đi không? Ông nói đến tuyệt vọng như là một thái độ hợp lý trong hoàn cảnh

của con người sống có ý thức và có "một tấm lòng" ("Để gió cuốn đi"). Nhưng vì tuyệt vọng thường được xem là một tình cảm tiêu cực có thể thúc đẩy cá nhân tự hủy mình nên chúng ta không hiểu phán đoán giá trị mà Trịnh công Sơn đã phát biểu: " Hãy đi đến tận cùng của tuyệt vọng để thấy tuyệt vọng cũng đẹp như một bông hoa"(8). Ngoài ra, bài viết còn buộc chúng ta nêu ra câu hỏi: phải giải thích như thế nào sự liên hệ khăng khít Trịnh công Sơn nói đến giữa tuyệt vọng và niềm yêu đời tha thiết? Làm sao một con người tuyệt vọng về cuộc đời lại có thể "không xa trời và cũng không xa phận người, không xa một ngày và cũng không xa một đời" ("Đời cho ta thế")?

TRỊNH CÔNG SƠN VÀ ANDRÉ COMTE-SPONVILLE

Tìm trong âm nhạc của Trịnh công Sơn câu trả lời cho các câu hỏi trên đây không phải là dễ, vì Trịnh công Sơn là một nghệ sĩ và, dĩ nhiên, vì ngôn ngữ âm nhạc không phải là nơi chốn thích hợp để lý luận trong những vấn đề triết lý như các vấn đề nêu trên. Giải đáp cho những thắc mắc đó, chúng ta có thể tìm thấy nơi tư tưởng của André Comte-Sponville (1952-...), một triết gia hiện đại của Pháp. Cũng như Trịnh công Sơn, triết gia nầy quan niệm: muốn sống hạnh phúc thì phải có thái độ tuyệt vọng, phải từ bỏ mọi hi vọng, mọi ảo tưởng.

Ngoài ra, André Comte-Sponville cũng nhấn mạnh đến hạnh phúc trong hiện tại, coi đó là hạnh phúc đích thực duy nhất đối với con người. Còn có một sự tương đồng khác nữa giữa triết gia nầy với nhạc sĩ họ Trịnh: cả hai đều có một quan niệm như nhau về tình yêu rộng lượng và về chức năng "cứu rỗi" của tình yêu.

Triết lý tuyệt vọng của André Comte-Sponville như thế nào?

Nhắc lại bài học của nhiều nhà tư tưởng thuộc quá khứ, Comte-Sponville cho rằng

hạnh phúc là điều tốt đẹp nhất mà con người mơ ước và là cứu cánh sau cùng của mọi hành động. Tiền bạc, danh vọng, tình yêu..vv., những giá trị thường được người đời yêu chuộng và đeo đuổi tìm kiếm, chỉ là phương tiện cho hạnh phúc; hạnh phúc không phải là phương tiện cho một giá trị nào khác. Tôi cần tiền chẳng hạn, để có hạnh phúc; tôi không thể nói: tôi cần có hạnh phúc để...Vì tính chất đặc biệt đó nên hạnh phúc được coi là giá trị tối cao và là một cứu cánh tự thân. Mọi người đều đồng ý về giá trị tối cao của hạnh phúc và chỉ đối lập nhau khi phải xác định thực chất của hạnh phúc cũng như khi phải quan niệm con đường nên theo để sống hạnh phúc. André Comte-Sponville đưa ra một quan niệm độc đáo bằng cách khởi đầu với sự phân tách ý niệm "ước muốn" (désir). Sở dĩ phải phân tách ý niệm nầy là vì hạnh phúc là đối tượng của một ước muốn. Thông thường, chúng ta cho rằng: có ước muốn là có thiếu thốn. Tôi muốn có thật nhiều tiền, muốn được mọi người yêu mến, quí trọng..vv.: trong tất cả những trường hợp nầy, ước muốn thực sự biểu lộ sự thiếu thốn. Hiểu theo nghĩa nầy, ước muốn không gì khác hơn là hi vọng. Có cảm thấy thiếu thốn tức là có đau khổ. Nhưng khi ước muốn được thỏa mãn ta có hạnh phúc không? Cũng không, vì không bao giờ ta cảm thấy thỏa mãn lâu dài: sự thỏa mãn luôn luôn là khởi điểm của một ước muốn khác, do đó ta lại tiếp tục thiếu thốn nghĩa là tiếp tục đau khổ. Như vậy, hình như ta buộc phải kết luận: con người không có và

không thể có kinh nghiệm về hạnh phúc.

Đối với Comte-Sponville, một kết luận bi quan như thế không hoàn toàn đúng vì người ta đã không thấy rằng có những ước muốn không gắn liền với sự thiếu thốn; do đó ta sẽ có hạnh phúc khi các ước muốn nầy được thỏa mãn. Loại ước muốn nầy hiện diện khi ta hành động cũng như khi ta hưởng thụ một khoái lạc. Thật vậy, trong hai trường hợp nầy, ước muốn của ta không biểu lộ một sự thiếu thốn nào cả. Vẽ tranh thể hiện ước muốn vẽ tranh, và trong giây phút tôi vẽ, ước muốn đó được thỏa mãn trọn vẹn. Vì thiếu thốn đi ngược lại với hạnh phúc cho nên hi vọng cũng trái ngược với trạng thái tốt đẹp nầy. Nói như vậy cũng là nhận rằng: tuyệt vọng là điều kiện của hạnh phúc. Comte-Sponville đẩy xa hơn nữa liên hệ giữa hai ý niệm đó: hạnh phúc và tuyệt vọng chỉ là một ("Bonheur et désespoir, un et le même").(9)

Mệnh đề trên không có nghĩa: trong tuyệt vọng ta không có ước muốn nào cả. Thật ra, ước muốn vẫn có mặt, nhưng kẻ tuyệt vọng chỉ ước muốn cái gì đang có trong hiện tại mà thôi, căn cứ vào sự hiểu biết về đối tượng cũng như vào khả năng của mình. Một ước muốn như thế thường được gọi là ý chí, và ta sống trong hạnh phúc đích thực khi ta thành công trong việc thực hiện điều ta muốn bằng ý chí. Comte-Sponville viết:" Hi vọng là chờ đợi; hạnh phúc chỉ bắt đầu có khi ta không chờ đợi nữa. Kẻ tuyệt vọng muốn có hạnh phúc ngay tức thì: hắn có lý...Đối với con người, sống với hi vọng tức là sống với ảo tưởng." (10) Theo triết lý tuyệt vọng của André Comte-Sponville, chúng ta sẽ có hạnh phúc theo mức độ tuyệt vọng của mình, và chúng ta phải thấy rằng vấn đề không phải là mơ ước một cuộc sống khác, nhưng là sống cuộc sống hiện tại. Comte-Sponville cho thấy quan niệm nầy thuộc về nhiều truyền thống tư tưởng Tây phương cũng như Động phương. Ông thường nhắc lại một câu nói trong Sâmkhya-Sutra (Ấn-độ):" Chỉ có người mất hết mọi niềm hi vọng mới thực sự có hạnh phúc; hi vọng là sự đau khổ tột cùng và tuyệt vọng là hạnh phúc lớn lao nhất."(11)

Nếu đúng là hạnh phúc gắn liền với ý chí, với hiện tại, thì tình yêu đích thực -tình yêu mang lại hạnh phúc- phải là tình yêu rộng lượng theo nghĩa tình yêu không nhất thiết đòi hỏi sự chiếm đoạt (nếu không, ta chỉ yêu chiếm đoạt đối tượng hơn là yêu đối tượng), cũng không đòi hỏi mình phải được yêu lại (nếu không ta không yêu đối tượng bằng yêu cái tình của đối tượng). Vả lại, ta không thể chiếm đoạt trọn vẹn một người cũng như không thể được người đó yêu như ta mong muốn. Yêu đích thực là vui sướng với ý nghĩ người mình yêu

đang có mặt trên đời. Một tình yêu như thế thường không có mặt trong quan hệ yêu đương nam-nữ vì những kẻ yêu nhau đòi hỏi chiếm đoạt, độc quyền và đòi hỏi được yêu lại. Một tình yêu rộng lượng thể hiện rõ rệt trong tình bạn, trong tình yêu đối với thiên nhiên, đối với cuộc đời và đối với bản thân.

Nói tóm lại, triết lý tuyệt vọng của Comte-Sponville cho thấy: hạnh phúc đòi hỏi con người phải chuyển hướng các ước muốn của mình. Thay vì muốn điều ta thiếu thốn hoặc điều ta đang có, ta chỉ nên muốn những gì chúng ta đang sống, những gì chúng ta biết rõ và những gì chúng ta đang làm. Comte-Sponville viết:"Thật ra hạnh phúc cũng giản dị thôi; chính vì vậy nên hạnh phúc mới thành khó khăn: hạnh phúc là biết chấp nhận cuộc đời."(12)

Trình bày sơ lược trên đây, quan niệm của Comte-Sponville có khả năng mang lại câu trả lời cho các câu hỏi mà bài viết của Trịnh công Sơn đặt ra cho chúng ta.Tại sao Trịnh công Sơn khuyên nhủ ta phải "đi đến tận cùng của tuyệt vọng"? Tại vì hi vọng, niềm tin, ảo tưởng chỉ mang lại đau khổ và chỉ dựa vào một sự thiếu sót về mặt nhận thức cũng như về mặt khả năng. Làm sao biện minh cho phán đoán:"tuyệt vọng đẹp như một bông hoa"? Triết lý của Comte-Sponville cho thấy: người tuyệt vọng không ước muốn điều tưởng tượng, điều không thể có mà chỉ muốn cái hiện có, dựa vào sự hiểu biết và khả năng thực hiện của mình. Trịnh công Sơn nhấn mạnh đến ý thức hiện tại đó khi ông viết:" Tin vào niềm tuyệt vọng có nghĩa là tin vào chính mình"(13) cũng như khi ông khuyên chúng ta: "Hãy cứ vui chơi cuộc đời, Đừng cuồng điên mơ trăm năm sau" ("Hãy cứ vui như mọi ngày"). Tuyệt vọng là một thái độ có giá trị vì tuyệt vọng là điều kiện tiên quyết của hạnh phúc.

Quan niệm của triết gia người Pháp còn giúp chúng ta hiểu sự liên hệ mật thiết giữa tuyệt vọng và niềm yêu đời nơi tư tưởng của Trịnh công Sơn. Thật vậy, đối với Comte-Sponville, nếu không có tình yêu thì không có hạnh phúc thực sự. Nhưng Comte-Sponville nói rõ: ta phải hiểu tình yêu theo nghĩa một tình cảm rộng lượng, vô vụ lợi. Trong âm nhạc Trịnh công Sơn, chúng ta cũng thấy một quan niệm tương tợ: yêu là cảm thấy hạnh phúc và nhìn thấy đời đẹp nhờ sự hiện diện của người yêu:

Hãy về đây tôi cần nhìn lại nắng trong nụ cười,
Một lần em đã đến hân hoan ôi cuộc đời.
...Tuổi mười sáu xanh cho mọi người ("Môi hồng đào")

Rõ ràng là đối với Trịnh công Sơn hạnh phúc không đòi hỏi sự chiếm đoạt -dù hiểu

theo nghĩa nào- cũng không cần người yêu đáp lại. Không những vậy, vẻ đẹp của "đối tượng" không lệ thuộc vào ngoại cảnh cũng như không lệ thuộc vào những vui buồn của mình; vẻ đẹp đó là một giá trị tự thân:

Dù ngày mưa hay nắng
Bông hoa vẫn là người ("Môi hồng đào")

Ở đây, chủ nghĩa lạc quan bản thể của Trịnh công Sơn còn cho ta thêm một lý do để giải thích sự liên hệ giữa tuyệt vọng với niềm yêu đời: tự nó, cuộc đời hay sự hiện hữu là điều tốt đẹp, là một giá trị đáng cho ta yêu mến. Trịnh công Sơn tuyệt vọng vì mất hết niềm tin vào mọi con đường giải thoát siêu nhiên, mọi ý-thức-hệ hứa hẹn "những ngày mai ca hát", ban phát hạnh phúc cho mọi người. Nhưng tất cả những điều đó có thể coi là bề mặt sẽ qua đi của Hiện thực và đằng sau là sự Hiện hữu thường trực, quen thuộc và đẹp đẽ. Theo ý chúng tôi, đó là ý nghĩa sâu xa câu nói của Trịnh công Sơn:" Có những ngày tuyệt vọng cùng cực, tôi và cuộc đời đã tha thứ cho nhau" (14)

Vì không phải là nhà phê bình âm nhạc cũng không phải là nhà xã hội học nên chúng tôi không thể nói về vị trí của Trịnh công Sơn trong lịch sử âm nhạc Việt Nam hiện đại. Điều chúng tôi ghi nhận -và cũng là điều không thể chối cãi được- là với những lời chuyên chở những tư tưởng về cuộc đời, về thân phận con người, âm nhạc của ông mang tính chất độc đáo và chắc chắn chiếm giữ một địa vị đặc biệt. Trên đây, sau khi phân tách lời của một số nhạc phẩm, chúng tôi đã đi đến kết luận: các tư tưởng đó tạo nên một tổng thể đặt trên căn bản một quan niệm lạc quan bản thể (đưa dẫn tới thái độ yêu mến cuộc đời) và một quan niệm về tuyệt vọng (làm điều kiện cho hạnh phúc). Vì vậy, trong chừng mực lời và ý nhạc có quan hệ khăng khít, chúng tôi không ngần ngại khẳng định: có một âm nhạc triết lý trong tác phẩm của Trịnh công Sơn. Cùng với ngôn ngữ đầy thi tính, âm nhạc triết lý đó góp phần không nhỏ vào giá trị nghệ thuật của những tác phẩm đã "thấm vào lòng người như suối tưới" (Văn Cao).

VĨNH-ĐỂ

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI ĐẾN VỚI HỢP LƯU

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Nguyễn Tuân và Yêu Ngôn

Vào khoảng năm 1943, người ta thấy xuất hiện trên tờ *Thanh Nghị* và *Trung Bắc Chủ Nhật* một số đoản thiên của Nguyễn Tuân viết theo lối Liêu *Trai* của Bồ Tùng Linh. Toàn là những chuyện ma quỉ hết sức kỳ quái hoang đường. Cùng một lúc, cũng trên những tờ báo ấy, người ta thấy quảng cáo một đầu sách của Nguyễn Tuân có tên là *Yêu Ngôn.*

Hồi làm *Tuyển Tập Nguyễn Tuân,* tôi có đem chuyện này ra hỏi nhà văn. Ông cho biết, mấy năm ấy, ông định tập hợp một số truyện ngắn rút từ *Vang bóng một thời* hoặc đăng rải rác trên báo chí đương thời viết về chuyện ma quỉ kiểu *Liêu Trai* và cho xuất bản dưới cái tên *Yêu Ngôn.* Nhưng việc chưa kịp làm thì Cách mạng tháng Tám nổ ra, đành phải xếp lại. Khi ông nói chuyện này với tôi (1980) thì quan niệm của ta về văn chương nghệ thuật còn chưa được cởi mở như ngày nay. Thành ra lúc ấy chưa ai, kể cả Nguyễn Tuân, nghĩ đến việc cho ra mắt bạn đọc những thiên truyện gọi là *Yêu Ngôn.*

Trong số những truyện ma quái nói trên có truyện *Rượu bệnh* in trên tờ *Thanh Nghị,* dưới có chua mấy chữ: "Rút ở tập *Yêu Ngôn,* Am sông Tô ngày 23-1-1943."

Nguyễn Tuân cứ thích nói cái giọng cổ cổ thế thôi, chứ "Am sông Tô" chẳng qua chỉ là một căn nhà ngói ba gian vừa mới cất lên ở một khoảnh đất làng Mọc - quê Nguyễn Tuân - đâu gần gần sông Tô

Lịch và xế xế phía nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo bây giờ. Nhưng chính ở đây, Nguyễn Tuân đã từng bị bắt cùng với một ông bạn làm báo có hoạt động chính trị nhì nhằng gì đó. Cũng là vạ lây thôi, nhưng không khí chính trị hồi ấy là vậy: hai thằng đế quốc Nhật, Pháp gầm ghè nhau, các phe phái thân Nhật, thân Pháp luôn luôn rình mò nhau, tìm cơ hội để hất cẳng nhau, tiêu diệt nhau... Bão táp chính trị lung lay dữ dội cả đến những cái tháp ngà cao nhất và kín đáo nhất. "Am sông Tô" cũng là một thứ tháp ngà như thế. Nhưng chính ở đây, Nguyễn Tuân đã bị bắt, bị tù. Thành ra những ngày ẩn náu ở *"Am sông Tô"* để viết những *Rượu bệnh, Xác ngọc lam, Đới Roi, Loạn âm...*, đối với Nguyễn Tuân, là những ngày hết sức hoang mang, tâm thần bất định. Tâm trạng ấy ông có ghi lại trong bài *Tựa Am sông Tô* (lời tựa thì đã công bố -xem *Tùy bút II-* nhưng sách thì chưa thấy ra đời). Nằm trong căn nhà vắng *"phút nào tôi cũng thấy như đón chờ một cái gì ghê buồn như thế nào cũng phải xảy đến chẳng chóng thì chầy. Nằm ngửa nhìn suông cái trần nhà, nhiều hôm tôi tự bảo tôi rằng này này nó sắp sập xuống đây này. Sự bất định của tâm thần đã là một thói quen. Ai động bước vào nhà là thớ thịt giật mạnh."* Có lẽ vì thế mà Nguyễn Tuân cảm thấy quanh mình toàn là những ma quỷ chăng?

Nhưng dù là truyện ma thì vẫn là truyện của Nguyễn Tuân.

Trước hết ấy là truyện ma của cái thuở "vang bóng một thời." Cái thời có những anh khóa văn hay chữ tốt nhưng trời không cho đỗ đạt nên bị hồn ma báo oán giữa trường thi; cái thời mà sơn thần Tản Viên thường xuống cõi trần gọi thợ lên sửa đền trên đỉnh Ba Vì; cái thời mà các lò giấy làng Hồ Khẩu bên Hồ Tây chuyên chế loại giấy Ngự chỉ tiến vua và giấy đóng quyển thi cho các sĩ tử; cái thời mà sách vở thánh hiền còn in bản gỗ, bìa đánh cậy, gáy sơn son, và người có chữ nghiêm trang ngồi đọc bên chiếc lư trầm tỏa làn khói nhạt...

Và dù là chuyện ma thì cũng là ma tài hoa, tài tử, ma của Nguyễn Tuân. Ấy là, những kẻ suốt đời săn tìm cái đẹp, có thể bỏ cả hàng đống tiền để cầu lấy một bức tranh cổ cũ nát, thậm chí tiêu cả cơ nghiệp vào tiếng đàn giọng hát. Lúc ở dương gian đã thế, khi chết đi, hồn phách vẫn không chịu rời bỏ chốn thanh lâu, đêm đêm vẫn đánh trống chầu trên những mái nhà nơi hàng viện... Và xưa nay tài thường vẫn đi với tình. Ấy là những kẻ thuộc "nòi tình." Cuộc đời của họ nếu có đau khổ bất hạnh thì cũng chỉ vì trót đắm đuối trong bể tình, dù là kẻ phàm trần như cậu Ấm Đái trong *Đới Roi*, hay người thần, người tiên như Cô Dó trong *Xác Ngọc Lam...*

Nhưng Nguyễn Tuân tìm vào thế giới yêu ma có lẽ còn do một nhu cầu khác. Con người này luôn thèm khát những cảm giác mới lạ

và mãnh liệt. *"Tôi muốn mỗi ngày trong cuộc sống của tôi phải cho tôi cái say của rượu tối tân hôn"* ông đã từng tuyên bố như thế. Những cảm giác ấy, Nguyễn Tuân không thể tìm được trong cái môi trường vẫn vây bọc lấy ông trong cuộc sống hàng ngày mà ông chỉ thấy là lèm nhèm, lẹt đẹt và xám xịt. Ấy là cái đám viên chức, thị dân một tỉnh nhỏ kia đã biết xấu hổ về sự sống tầm thường tẻ ngắt của mình, lại còn lấy làm *"hả hê với số phận"* và *"vui vẻ trong sự thu nhỏ đời động vật thượng lưu vào cái chắc chắn cơm áo đều đều"* (*Đôi Tri Kỷ Gượng*). Phải đi tìm một thế giới khác để được sống mãnh liệt, nồng nàn, cuồng nhiệt, phát huy tận độ cá tính của mình. Ông đã gặp A. Gide ở chỗ đó. Nguyễn bèn lấy những *Thực phẩm của trái đất* (Les Nouritures terrestres), *Những thực phẩm mới* (Les Nouvelles nouritures) làm sách gối đầu giường và coi là châm ngôn những câu như: *"Tôi cảm giác, vậy thì tôi tồn tại,"* hoặc *"Hãy đi đến tận cùng của sự mạo hiểm, phó thác mình cho những cơn sốt làm say máu trong huyết quản," "Nathanael, ta dạy cho ngươi sự say mê"...*

Nhưng tìm ở đâu ra những cảm giác như thế? Không thể trông mong ở cái nhân loại quanh mình, ở thời hiện tại, ở sự sống nhỡn tiền, ông bèn tìm về thế giới của *vang bóng một thời* để nhắm rượu, thưởng hoa với những con người tài hoa bất đắc chí "sinh lầm thế kỷ," hoặc phụng thờ chủ nghĩa xê dịch để luôn luôn *"thay đổi thực đơn cho giác quan,"* hay lăn lộn trong chốn ca lâu, tửu quán, "phóng túng hình hài" trong những cuộc truy hoan...

Nhưng săn tìm cảm giác ở cõi dương gian mãi rồi cũng chán, ông tìm vào cõi âm, cõi ma. Và ông đã gặp Bồ Tùng Linh ở đấy:

Chuyện đời hẳn chán không buồn nhắc
Thơ thẩn nghe ma đọc mấy lời (1)

Ở cái thế giới này, quả là toàn những chuyện kỳ quái rùng rợn: một kẻ nghiện rượu đến nỗi cả thân xác biến thành một khối men bốc lửa không có gì dập tắt nổi; một cây dó cổ thụ thành tinh có người con gái áo chàm từ gốc cây đi ra dạo chơi thơ thẩn trong rừng và cất tiếng hát, giọng hát khi thì "bi tráng" như "của người khách hiệp gặp đường cùng" khi thì "trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa giời nổi gió," khi lại "rờn rợn" (...) như lối ma hời đưa võng ru con"; một bức cổ họa vẽ tướng Hàn Kỳ ngồi đọc binh thư bên ngọn bạch lạp... Châm lửa vào đầu nến trong tranh, bức họa sẽ sáng bừng lên mà tranh vẫn nguyên vẹn; một viên quan ôn một đêm kia hiện về gặp người bạn học cũ để báo cho biết Diêm Vương sắp gây ra nạn dịch tả,

vì ngài cần bắt nhiều phu xuống âm phủ để đắp đường v.v...

Trong các nền văn học, hình như mỗi thể văn lại có cái "gien" của nó, giúp lưu giữ đặc trưng "nòi giống" của nó qua nhiều thế kỷ. Cho nên có nhà lý luận văn học đã nói đến "trí nhớ của các thể loại." Nghĩa là, mỗi thể loại, ngoài ý muốn của người sử dụng nó, không bao giờ chịu quên tổ tiên của nó dù đã lùi rất xa vào thời viễn cổ. Loại truyện *Yêu Ngôn* của Nguyễn Tuân cũng vậy thôi, tổ tiên của nó hẳn là những truyện truyền kỳ, chí quái rất phát triển thời trung đại. *Liêu trai* chắc cũng là một dạng của lối văn ấy thôi.

Người xưa dù viết truyện thần tiên ma quỷ thì cũng là để tải đạo, để răn đời. Nhưng Nguyễn Tuân viết *Yêu Ngôn* chắc không nhằm mục đích ấy.

Yêu ngôn trước hết phải là yêu ngôn. Tác giả có ý thức gia công nhiều nhiều vào cái phía thần kỳ, quái đản của nhân vật, cảnh vật, của tình tiết, chi tiết và nhất là vào cái không khí ma quái của truyện. Nhưng xem ra, truyện Nguyễn Tuân, dù là yêu ngôn đi nữa, vẫn có nội dung, luân lý của nó. Điều này thể hiện rõ nhất ở tính cách của các nhân vật. Như Ấm Đái (tức Đới roi) dù đã rơi vào hoàn cảnh bần cùng mà vẫn tỏ ra khảng khái đến mức cố chấp: thà thắt cổ chết để làm con ma tài tử chứ không chịu nhận tình thương "bố thí" của một đào nương *(Đới Roi).* Như ông Kinh Lịch họ Trịnh kia không vì tình riêng mà chữa lại mệnh trời - nghĩa là xin xóa tên những người thân trong cuốn sổ bắt phu của Diêm Vương: "... trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng" *(Loạn âm);* như ông Chiêu Hiện hối hận vì trót "thờ nhầm phải một người có nhân cách đê hạ," đã quyết từ chối mọi tặng phẩm quí giá của tên "bạo phú" để trở về quê chịu chết trong cảnh nghèo đói *(Xác ngọc lam)*; như Bố Ô một mình dám xông vào dinh quan Thượng - kẻ "quyền trấn một góc trời, lấy đầu người trị hạ cứ dễ như bỡn" - la hét đòi thả một cô gái quê bị cậu ấm con quan bắt vào hãm hiếp (*Rượu bệnh).*v.v... Ngoài ra có một cái gì như là linh hồn ngàn xưa của đất nước phảng phất ở những trang viết về cảnh núi non sông nước, hay cảnh phố phường chợ búa, về nghề làm giấy làng Hồ Khẩu bên Tây Hồ, về nghề mộc làng Tràng thôn tỉnh Đoài, về nghề cất rượu ngon vùng tả ngạn sông Nhĩ Hà, về mùa thi cử "hoa hòe nở vàng" đất Sơn Nam, về cảnh buôn bán đi về tấp nập từ bến Bồ Đề qua Ô Quan Chưởng vào Kẻ chợ, đất Kinh kỳ.v.v... Văn Nguyễn Tuân là thế, ở phần chìm của "tảng băng trôi" bao giờ cũng trĩu nặng tinh thần dân tộc gắn với những gì tạo nên vẻ đẹp riêng của truyền thống văn hóa lâu đời trên đất nước này...

Ấy là nói những truyện Nguyễn Tuân viết trước Cách mạng

tháng Tám 1945.

Khi tập hợp những truyện trên để in thành sách dưới tựa đề *Yêu ngôn* đúng như nguyện vọng của tác giả, chúng tôi thấy nên đưa vào đây một tác phẩm nữa ra đời sau ngày đất nước đã giành được độc lập: tác phẩm *Chùa Đàn* (Nxb Quốc Văn, Hà Nội, 1946) (*).

Chúng tôi cho rằng, *Chùa Đàn* là sự kết hợp (có phần khiêm cưỡng) của hai mạch văn khác nhau của Nguyễn Tuân. Một mạch văn mới được khơi lên từ Cách mạng tháng Tám, có thể gọi là mạch *"Sám hối"* hay "*Lột xác"* (chữ dùng của Nguyễn Tuân). Cũng trong mạch văn này có *Vô đề* (hay *Lột xác)* viết năm 1945 và *Ngày đầy tuổi tôi Cách mạng* viết năm 1946. Hồi ấy, tâm lý chung của các nhà văn gọi là lãng mạn là như thế: cảm thấy cái tôi và nghề văn của mình là một cái gì hết sức tầm thường, nhỏ bé, vô ích, thậm chí tội lỗi trước chiến thắng vĩ đại của cuộc khởi nghĩa tháng Tám và công lao to lớn của các nhà cách mạng. Họ tuyên bố từ bỏ quá khứ của mình và quyết "lột xác" để trở thành nghệ sĩ cách mạng. Đó là tinh thần lời đề từ của Nguyễn ghi trên trang đầu của tác phẩm *Chùa Đàn: "Mày hãy diệt hết những con người cũ ở trong mày đi... Mày phải tự hoại nội tâm mày đi đã. Mày hãy lấy mày ra làm lửa mà đốt cháy hết những phong cảnh cũ của tâm tưởng mày."* (Giáo sư Hoàng Như Mai gọi đấy là luận đề "Tự hủy diệt để tái sinh" của thiên truyện).

Nhưng bốc đồng lên mà tuyên bố như thế thôi chứ "những con người cũ" đâu phải tất cả đều là tiêu cực và tội lỗi. Vả lại làm sao có thể diệt được hết con người cũ một cách chóng vánh, gọn ghẽ như thế được! Cho nên mạch văn thứ hai ra đời từ trước cuộc khởi nghĩa vẫn còn tồn tại và phát triển trong *Chùa Đàn:* mạch văn "yêu ngôn". Xét tương quan giữa hai mạch văn này thì *"Sám hối"*, *"Lột xác"*, chỉ là phần mở đầu và kết luận, có nghĩa là cái vỏ của tác phẩm (Nguyễn Tuân gọi là *Dựng & Mưỡu cuối*), *Yêu Ngôn* mới là cái ruột. Về mặt thẩm mỹ lại càng thấy rõ cảm hứng chủ đạo đã dồn hẳn vào cái phần ma quái rùng rợn nhất của thiên truyện (tác giả gọi là *"tâm sự của Nước Độc"*), đấy là phần hay nhất, đáng gọi là những trang kiệt tác, trong đó có đoạn mô tả Bá Nhỡ đánh đàn, cô Tơ hát và Lãnh Út cầm chầu, bên trên là bàn thờ Chánh Thủ, bình hương nứt toạc ra và có tiếng cười khanh khách của hồn ma nghệ sĩ còn nặng nợ với cõi trần cũng đầy oan khiên này. Những đoạn văn như thế, phi Nguyễn Tuân, chắc không ai viết được. Bởi vì trong giới cầm bút, ai sành sỏi được như Nguyễn Tuân về các ngón nghề của hát ả đào, của cây đàn đáy và của cái trống chầu? Ai có được cái máu nghệ sĩ đậm đặc và cái kho từ vựng giàu có và đầy giá trị tạo hình như Nguyễn Tuân để mô tả cái

tâm trạng ghê gớm dữ dội của một anh kép đàn tài hoa quyết đem mạng sống của mình để đánh đổi lấy mấy giây phút điên rồ của cảm hứng nghệ thuật, mấy giây phút chói ngời của anh hoa phát tiết, mấy giây phút khoái cảm tuyệt vời của cuộc giao hòa thiêng liêng giữa tâm hồn nghệ sĩ tri âm tri kỷ?...

Vâng, để viết được những trang như thế, tôi cho rằng Nguyễn Tuân phải thật sự đắm mình trong thế giới nghệ thuật mà mình sáng tạo nên. Có nghĩa là ông đã phải sống thực sự với những hồn ma kia để quan sát, cảm xúc và ngẫm nghĩ. Nhờ thế ông đã có thể tạo ra được những cảnh tượng mà người đọc khó phân biệt được là âm hay là dương, là người sống hay người chết, là thế giới ông tưởng tượng ra hay những điều ông tin như thế thật và nhìn thấy như thế thật...

Gần đây nhà văn Kim Lân có cho tôi biết hiện tượng đặc biệt này ở Nguyễn Tuân: có một lần Kim Lân và Nguyễn Tuân cùng đi chuyến công tác ra nước ngoài. Đến một nước bạn kia thuộc vùng Đông Âu, hai ông được xếp ở cùng một khách sạn, mỗi người một buồng riêng rất đàng hoàng. Nhưng Nguyễn Tuân lại đem hành lý sang buồng Kim Lân, đề nghị ở chung. Và đêm nào cũng vậy, Kim Lân bị đánh thức dậy, vì Nguyễn Tuân bật đèn sáng, ăn mặc chỉnh tề, xếp quần áo đồ đạc vào va ly, uống cạn một ly rượu, rồi đi lại lộp cộp trong phòng, y như sắp sửa lên đường vậy. Nhưng thực ra ông chẳng đi đâu cả. Vì sau đó lại cởi quần áo, thu dọn mọi thứ và đi ngủ! Kim Lân rất bực vì bị quấy nhiễu không sao ngủ được. Và ông không hiểu tại sao Nguyễn Tuân lại như thế. Giá một đêm như vậy thì bảo là khó ngủ. Nhưng đêm nào cũng thế. Vả lại khó ngủ sao lại phải ăn mặc cẩn thận và sửa soạn hành lý làm gì? Cho đến nay Kim Lân vẫn chưa trả lời được câu hỏi ấy của mình. Ông hạ giọng nói với tôi: “Này, Nguyễn Tuân thế mà lại là tay sợ ma nhé! Hay ông ta cũng là ma? Ma nên mới sợ ma? Ma nên mới viết về ma giỏi như thế chứ?”

Chả lẽ đúng là như vậy sao?

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

---

(1) Thơ của Vương Ngũ Dương đề từ cho tác phẩm *Liêu Trai* của Bồ Tùng Linh. Thơ dịch của Tản Đà

(*) Trong bài *Nhìn rõ sai lầm*, thực chất là là một bản kiểm điểm sau đợt chỉnh huấn 1953, chính Nguyễn Tuân đã nói rõ: "*Chùa Đàn* nguyên là một truyện thần bí quái dị rút ở tập *Yêu Ngôn*"(...)

(1

LÂM THỊ MỸ DẠ

Màu phố Phái

Người đi chợ tết mua gà thật
Tôi mua gà đất tuổi thơ tôi
Gà đất bây chừ nằm trong đất
Tiếng gáy còn tươi rộn giữa trời

Chợt thấy cầu vồng sà trước mặt
Trăm loài hoa đẹp nói lời mơ
Thấp thoáng trong hoa thiên thần nhỏ
Em gái mắt đen phấp phỏng chờ

Đôi lúc tâm hồn màu phố Phái
Tĩnh lặng ngói rêu, tĩnh lặng tường
Sớm nay thời tiết như mười bảy
Tở mở lá cành, ngơ ngác hương

LÂM THỊ MỸ DẠ
(*Hà Nội, 20/10/99*)

NGUYỄN TUÂN

Đới roi

Một đêm giao thừa nọ, chúng quỷ
sắp y ước mà vứt sôi oản vào đất mình,
Phật mới hiện ra mà bảo rằng
"Đấy là Hậu thân của con."
ÂN NGŨ TUYÊN (*)
Kinh Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Tếch Già chi tiền chầu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hất hàm hỏi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi chầu cho bà đây có vẻ quen mặt lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Tếch Già:

- Dạ thưa đấy là cậu Đái.

- Đái nào? Cậu Ấm Đái con cụ Bố Nam ấy à?

- Vâng, chính là cậu Đới đấy ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà nho hay xuống hát ở đây giảng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái dải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đới:

- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám - cái cô Tám ở Ấp ấy mà - say như điếu đổ. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Kông thì mới cho là giầu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thó ngay được

bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rẻ đi sắm giường Hồng Kông để Tám ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguýt ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái truyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái chú khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đới liền sắm giường cho tình nhân và còn bao nhiêu thì uống sâm-banh dần với tình... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kỵ và tiên thường, không có cái gì kheo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đới khổ lắm ạ. Tài tình như thế mà hóa ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi chầu và vót gộng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi tôi về bà ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp Tết, nhẩn nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đới, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghĩ hộ cho người; ông nghĩ luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bến tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đấy gió giời chúa hay giở mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cống Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tai. Ông khách rùng mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

- Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhẫn nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhẫn lại được ngắn bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mứt đầu năm;

người đàn bà nói lại rằng một người vía lành đến nhường ấy thì cứ phải xuống. "Với lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều." Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đói rách khúm núm tiến vào. Lại vẫn lại cái người mặc áo vành tô bán roi chầu ban nãy tại nhà bà Tếch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở sắc gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cắt nghĩa về phía ông khách:

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thầu khoán tới đây đánh trống cho giãn gân cốt tay cũng không gẫy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu tết. Bác vẫn ở trong ngõ Liên Hoa đấy chứ? Bác xem hễ lúc nào cô Hường hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kẻo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba chầu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi ưỡn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đấy là gỗ ruối.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới ưỡn được có chút đường cong thì kêu đánh rắc, gẫy đôi.

- Thế cái này hẳn là gỗ găng?

- Dạ bẩm ông tinh lắm. Gỗ ruối thì rẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn chưa được một nửa ruối và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Với lại các ông tính, chúng tôi làm nghề chuốt roi chầu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đời một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vẹn thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời đứa con tôi sau này nữa mà không gẫy thì liệu bác có cái nào không?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn

ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đấy.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đới này không? Hát từ hồi còn Hàng Giấy kia đấy. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi chầu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đĩnh đạc thì đến bà cụ Trưởng Bảy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà xóc phách. Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bò ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đáy nữa. Giá chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đáy được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tài ra mà làm kép còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu rất lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi cũng chỉ đến thành một anh kép một để mà đắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uổng và cũng tội. Cái bài Tỳ Bà chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới - Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khái lắm đấy nhá, cô Vy - Đồng - Bóng mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không?

- Vy nào? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mặt - Thủ - Lợn ấy phải không?

- Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khối người chấp chới. Mà nó vẫn gan.

Đới-Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi chầu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài *Hữu Sở Tư* chữ lệ và riêng mấy câu "*Mỹ nhân hề mỹ nhân" - Bất tri vi mộ vũ hề vi triêu vân - Tương tư nhất dạ...*" thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai *Thanh đài bạc thạch dĩ thành trần.* Đều là nét khắc của cậu Đới cả. Ông khách lấy làm đắc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

- Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi *Hữu Sở Tư* (1)

*

Lúc tỉnh rượu, giời Tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đới-Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng "anh Đới ơi, em phải yêu anh..."

Đới-Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

Đới-Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vy nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đới-Roi hút hết ba xu thuốc lào. Miệng Đới-Roi cười ra chua chát và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đới-Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gắn cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, Tết ấy qua Tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hớ. Đới-Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đền đáp nhau một cái tri ngộ. Đới-Roi đã men theo phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy những nhà chủ cô đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khóa trái cửa gác rồi mà cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

NGUYỄN TUÂN
(Thanh Nghị số 29-1943)

(*) Một bút hiệu thỉnh thoảng Nguyễn Tuân có dùng (N.X.B).

(1) Ở trên viết *Hữu Sở Tư*, tới đây bản Thanh Nghị lại in thành *Sở Hữu Tư*, rõ ràng là có sự sai lệch. Chúng tôi tạm chỉnh lại, nhưng cũng chỉ dám đoán ra thế thôi (B.T).

ĐINH CƯỜNG

Hoa tường vi vẫn nở

Tặng Nguyễn Xuân Thiệp

Tôi nhà quê
không biết gì về Y2K
người ta đang nói nhiều,
đang chờ đợi ăn mừng thiên niên kỷ mới
Tôi vẫn nhà quê
như rơm như rạ
không biết máy điện toán
suốt ngày đi chân đất
vì mùa đông trơn trợt
mưa cứ mù mù trên cánh rừng thưa
lá đã rụng hết
con quạ đen vẫn đứng kêu một mình
rồi bay đi...

Tôi vẫn ngồi sau nhà một mình.
Khi trận lụt đã cuốn trôi hết
những căn nhà trên Tuần
nơi bến sông có lần tôi và em
cùng đi bộ về đến Huế
xa lắm mà sao lại gần
tay chỉ nắm bàn tay
quên đi nụ hôn thời trẻ dại.

Tôi cũng đau xót như bao người
đau xót thật.
Như tôi vẫn nhà quê, chút tình quê
khi vo gạo
khi trời tối xuống (mùa này trời tối nhanh)
thắp một cây nhang, khấn vái...

Tôi nghe người ta đi rút tiền nhà băng
người ta trữ nước
tôi cứ dửng dưng nhìn mưa bay lâm râm
mà nhớ đến Bùi Giáng, nhớ Mai Thảo, nhớ Đỗ Long Vân
các anh đã ở lại bên này thế kỷ
để tôi nhà quê, biết làm gì
khi người ta nói nhiều đến thiên niên kỷ mới
có mảng màu nào xé đôi
đắp qua hai bờ vực
tôi thử vẽ hư không...
mà sao cứ nhà quê
cứ khiêng hoài một tảng đá không nổi
tảng đá của thế kỷ buồn.

Qua năm hai ngàn hoa tường vi vẫn nở?

11.99, Virginia
ĐINH CƯỜNG

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Tháng tư

Duy hẹn tôi, mười một giờ ở Vesuvio biết rằng tôi sẽ mất độ một giờ đổi buýt từ chỗ làm về phố Tàu.

Ra đến cửa, Larry hỏi với.

- Không làm giờ phụ trội?

Tôi lắc đầu, tay bấm nút dù ánh đèn đang rực sáng nơi mũi tên chỉ xuống.

- Bận học.

Larry gật đầu khép cửa lại. Tôi đứng chờ thang máy. Ban đêm chỉ còn một trong tám chiếc thang thuộc ngân hàng hoạt động. Tôi đang ở tầng mười lăm của cao ốc ba mươi tầng. Mấy cao ốc chung quanh cũng giống như nơi tôi làm, đêm, có tầng đèn tắt hẳn, có tầng còn dăm văn phòng đèn sáng trắng. Từ đó nhìn xuống đường Market đèn vàng, xe chạy thưa thớt, đường sắt sáng loáng giữa lòng đường, xe buýt theo đường sắt, cần dài nối từ nóc xe thỉnh thoảng nẹt đường điện xanh. San Francisco có vài ba loại buýt khác nhau nhưng tôi không cần biết, chỉ nhớ những con số phải đổi cho đường đi, về, đường đến Vesuvio, những nơi hẹn gặp Duy.

Thang máy dừng ở lầu ba nơi có cafeteria cho nhân viên trong cao ốc. Tôi phải đi vòng sang phía trái để lấy thang máy chung, không

phải thang của ngân hàng, xuống tầng mặt đường.

Gió thổi mạnh giữa lòng đường nơi tôi đứng đợi buýt. Bertha chạy hối hả qua đường lại gần.

- Không ở lại làm à?

Tôi lắc đầu. Bertha gài khuy cổ áo, tiếp.

- Sướng quá, có giờ phụ trội để từ chối. Bên tao trái lại, cứ lo không biết nó thải ra lúc nào. Bên mày cần người nhớ cho tao hay.

Lần nào Bertha cũng dặn tôi thế. Khu hành chánh nơi Bertha làm chỉ có hai ca trong khi bên lọc ngân phiếu nơi tôi làm, ba ca vẫn không đuổi kịp máy và số ngân phiếu lọc mỗi ngày. Nó về cùng giờ với tôi nếu tôi không làm giờ phụ trội. Hai đứa đứng đợi buýt giữa khuya tán chuyện thành quen. Và nó biết tại sao tôi bỏ giờ phụ trội không làm.

- Đi gặp Duy?

- Ừ.

Bertha chắc lưỡi lắc đầu.

- Con nhỏ này mạo hiểm.

Tôi xoa xoa tay bắt đầu lạnh.

- Tao? Mạo hiểm? Mù quáng thì có.

Bertha cười lớn, hàm răng trắng khỏe trên khuôn mặt cà phê.

- Thỉnh thoảng tao cũng muốn thử như mày. Xem mù được bao lâu. Không được. Cứ qua ngày hôm sau là tỉnh người hẳn hòi đâu ra đấy. Hay tại tao bắt đầu già nên không thể mù trong tình cảm như mày?

Tôi bĩu môi.

- Chưa đến hai mươi ba đã cho là già. Như vậy tao chỉ còn vài năm là già như mày bây giờ? Sống gì nhanh thế? Tao đang cố nấn ná, nhắm mắt lúc nào hay lúc đấy. Đến lúc phải mở, muốn nhắm cách nào cũng không xong.

- Ừ, biết đâu đấy. Tao chỉ sợ cho mày chứ Duy nó dư sức lo thân. Đàn bà thiệt hơn đàn ông ở chỗ nhiều tình cảm. Tao nghĩ, thỉnh thoảng mày cũng nên mở mắt nhìn. Chẳng thiệt hơn những gì mày đang để trên ván bài đâu mà lo. Nhìn để biết mình đang ở đâu để lo ván tới. Kiểu như mày, cứ vốc hết vốn, thắng bại chẳng phân vân, không mạo hiểm thì là gì?

- Phân tích tình yêu kiểu ván bài, cũng hay.

Bertha háy tôi.

- Tao thương cái nhiều tình cảm của mày. Nó vừa lãng mạn vừa tội nghiệp.

- Tội nghiệp? Ở chỗ nào?

- Ở chỗ mày bịt mắt bưng tai để không nghe không thấy thật tế. Mối tình của mày là mối tình không về đâu cả. Tin tao đi. Mày yêu Duy, tưởng như một lần là vĩnh viễn. Làm gì có? Con người thường tình. Đau đó rồi quên đó. Vui đó rồi cũng quên đó. Yêu một ngày cũng tốt. Yêu lâu hơn cũng tốt. Không yêu được nữa, chịu thôi, có khi lại càng tốt hơn. Cứ bình thản đi tới. Yêu một lần không có nghĩa là vĩnh viễn không còn yêu ai được nữa. Đời sống này với con người này, tất cả đều tương đối.

- Tao chưa bao giờ nghĩ rằng tao yêu Duy suốt đời. Tao chỉ biết tao đang yêu Duy. Nghĩ ngợi xa vời không thật. Đồng ý rằng ai cũng là người cả nên không có gì tuyệt đối nhưng tình cảm là một điều không ai biết rồi sẽ ra sao, như thế nào. Tình yêu của tao? Bây giờ tao yêu như thế, mù lòa tuyệt vọng, hai mươi năm sau, tao có yêu khác đi không? Tao không biết. Duy cũng không biết. Tao bây giờ phiêu lưu mạo hiểm, tao hai mươi năm sau có chai đá lì lợm hơn bây giờ không?

Bertha núp lưng tôi mồi thuốc. Mấy ngón tay đen dài khéo léo giữ điếu thuốc trắng. Bertha rít hơi thuốc, nhìn mãi hướng xe sẽ đến, nói.

- Lúc tao yêu thằng chồng đầu tiên, tao yêu như điên như cuồng. Quen nhau đầu tháng, cuối tháng đã tính chuyện lấy nhau. Ngu xuẩn, những mối tình con trẻ. Nhất là những mối tình bị ngăn trở khó khăn. Nó đẩy người ta cuốn hút vào nhau đến khi nhận ra mình không phải là cho nhau thì đã trễ. Hôm nó dọn ra mày biết tao làm gì không? Quà cưới, từng món một, tao đem ra đập vỡ cho bằng hết, uống cạn chai Whiskey, khóc cả đêm, không cần đến bác sĩ phân tâm hay chuyên viên tâm lý. Lúc yêu nó, tao nghĩ tao sống chết cho nó. Lúc hết yêu nó, tao nghe mình dửng dưng đến độ tàn nhẫn. Tâm tình tao, lúc yêu lúc ghét, lúc nào cũng thật cả.

Bertha là người duy nhất biết tôi hẹn gặp Duy. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại cho Bertha, một người bạn chưa chắc gọi là thân, biết chuyện riêng của mình. Có thể tôi cần người thông cảm. Cũng có thể, tôi biết chuyện tôi kể, chỉ mình Bertha biết mà thôi. Bertha chẳng quen biết liên hệ chi với thế giới sống bình thường của tôi bên ngoài ngân hàng. Đôi khi những lời Bertha nói khiến tôi bâng khuâng suốt đoạn đường còn lại một mình.

Tôi xuống buýt sau Bertha vài ba trạm. Nó ghé bến B A R T để về Oakland. Đoạn buýt đi chung không dài. Bertha vỗ vỗ tay tôi.

- Gởi lời chào Duy. Bảo nó tính gì thì tính ngay đi chứ. Đi đêm có ngày gặp ma.

- Duy là ma thì còn sợ gặp ma nào nữa?

Bertha trề môi.

- Rõ là mù quáng. Gặp sau. Đi đường cẩn thận.

- Mày cũng vậy.

Duy thường đứng dựa cột đèn trước cửa Vesuvio đợi tôi. Có đêm sương bay lả tả. Đốm lửa lập lòe điếu thuốc Duy đang hút. Búng thuốc ra đường, Duy rút tay kia khỏi túi áo ôm tôi. Mùi thuốc lá. Người tôi lạnh, người Duy ấm. Da mặt tôi khô, môi Duy mềm nơi má, trên trán. Duy vẫn biết tôi thích được ôm chặt, thật chặt. Tôi thích cái cảm giác an lành yên ổn trong vòng tay ôm của Duy. Đôi khi dụi mặt nơi ngực Duy, thoảng mùi mồ hôi lẫn mùi thuốc lá, mùi xà bông giặt, tôi bỗng ứa nước mắt. Tưởng như nỗi an lành này hoàn toàn không thật. Có khi tôi khẩn khoản. Ôm em đi. Như linh tính rồi tôi sẽ không còn được Duy giữ trong tay nữa.

Quán Vesuvio có hai cánh cửa như khép chồng lên nhau một tí, màu xanh lá cây đậm bẩn, và nặng. Bên trong trang trí theo thập niên hai mươi. Tôi theo Duy lên thang trôn ốc cuối phòng. Thang chật hẹp chỉ vừa một người đi. Bên thang, ông già tóc bạc lơ thơ, ngồi trước tập giấy sút sổ, ly bia cạn nửa, ngước nhìn người lên lầu, nếu là đàn bà. Không rõ ông ngồi làm thơ hay tính sổ chi thu. Đôi khi tôi tò mò nhìn xuống nhưng không đủ sáng để nhận ra những gì trên tập giấy.

Lầu, như gác lửng dọc theo tường, cửa sổ mở nửa trên, hẹp vừa đủ chỗ cho bàn tròn nhỏ với hai hoặc ba ghế ngồi. Người ngồi trên lầu sát mặt trước của quán, vừa nhìn được ngoài đường vừa nhìn được bên dưới quán nơi quầy rượu lớn chiếm gần hết chiều dài. Bên hông quán là con hẻm nhỏ thông qua phố Tàu sau lưng. Bên kia hẻm, đối diện nơi góc đường là tiệm sách có lúc tôi vào khi Duy trễ hẹn. Tôi không để ý mấy giờ tiệm sách đóng cửa.

Tiệm sách rất bừa bãi, cả sách lẫn người. Nơi góc tiệm một bàn một ghế, lúc nào cũng có người ngồi đọc sách với đủ cách ngồi. Ngồi kiểu đàn ông cũng có, kiểu đàn bà cũng thấy, nhưng tôi chưa thấy đàn bà ngồi đó bao giờ. Xéo bên trái tiệm, ngã ba đường, đoạn cuối của dãy tiệm bán dâm qua cửa sổ, đèn néon nhấp nháy. Ngồi xuống, Duy nói.

- Duy phải về. Ông bà Phong không làm gì cả. Chịu thôi.

Chuyện Duy phải về, tôi đã nghe, đã biết, trước đó vài ba tháng. Duy không ở nhà ông bà Phong mà lang thang bạn bè tìm cách chạy giấy tờ. Vô ích. Duy đang cầm trong tay giấy trục xuất vì ở quá hạn du lịch. Ngay cả thời hạn khiếu nại về trục xuất cũng đã quá.

- Ông Cadwell nói sao?

- Quá trễ. Trường hợp của mình lại không có gì đặc biệt để xin gia hạn khiếu nại.

Tôi lờ mờ hiểu tại sao bà Phong không muốn Duy ở lại. Tôi là cháu họ xa, gọi bà là cô. Những lời gởi gấm trong nhà khiến bà tự cho một trách nhiệm phải có. Chuyện tôi và Duy khiến cô dượng khó xử, bên cháu bên bạn. Bố Duy là bạn thân của dượng Phong.

- Rồi dượng Phong nói làm sao với nhà Duy?

- Không biết... Người lớn hứa hẹn với nhau thế nào, mình bắt bẻ vặn vẹo sao được?

- Cô dượng vẫn chuyển tiền giùm cho nhà Duy?

Duy thở dài.

- Ừ nhưng Duy tránh không hỏi đến chuyện đó.

- Em không hiểu gì hết. Giấy tờ không có gì rắc rối.

- Chính vì không rắc rối nên Duy đã không thăm dò nhắc nhở cho đến khi quá trễ. Lỗi ở Duy chứ không phải lỗi ở cô dượng Đường.

Duy nhìn tôi. Tôi thấy mình trong ánh mắt nhiều bóng tối của Duy. Tôi nhìn đi nơi khác, không muốn Duy thấy điều mình nghĩ. Nếu Duy cho rằng lỗi ở mình, tôi cũng có thể bảo được lỗi ở tôi. Vì tôi mà Duy phải về lại chốn cũ. Cô dượng Phong biết rõ chuyện Duy bỏ Paris sang San Francisco. Làm lại cuộc đời. Như tuồng cải lương, gái điếm muốn hoàn lương nhưng không có cơ hội. Nhưng đó không phải là lý do để cô ghét Duy. Cô ghét Duy vì nghĩ rằng Duy đầu độc tôi. Sao cô không nghĩ ra, tại tôi muốn ngộ độc? Lỗi ở tôi chứ không phải lỗi Duy.

- Đừng khóc nữa Đường.

Tôi lại nhìn Duy, thật nhanh rồi nhìn bên ngoài. Tôi quên mất thời gian, không rõ đang là khuya thứ mấy. Bên kia đường Columbus, hộp đêm mới mở, người sắp hàng đứng dài ra lề đường. Lắng tai, tôi có thể nghe được âm thanh ồn ào chập chờn lướt ngang lòng đường vàng ánh đèn. Cô bưng nước quen mang lên thức uống không cần hỏi.

Duy cụng nhẹ chai bia vào ly Manhattan của tôi.

- Cho ngày mai.

Tôi phản đối.

- Ngày mai? Ngày mai không bao giờ đến. Duy? Cho hôm nay. Cho bây giờ.

Duy cười nhẹ.

- Người bi quan, muôn năm bi quan. Cho cái bi quan của Đường.

Duy cụng nhẹ lần nữa. Tôi uống gần cạn ly. Duy nheo mắt.

- Muốn say à?

- Có thể. Lúc này là lúc không nên tỉnh. Say, tưởng như mình hạnh phúc. Đi học đi thi nên tỉnh. Giết người cũng nên tỉnh. Còn dính dáng đến tình cảm, rất nên say, dễ hành động và không hối tiếc.

Duy cười, ánh mắt đột ngột dịu xuống.

- Rượu làm chứ không phải mình làm. Dở. Đường lúc nào cũng mượn thứ khác giúp tay. Sao nhát thế?

Tôi nhìn chai bia Duy giữ trong tay. Những ngón tay móng cắt ngắn. Có thật tôi đang vốc hết vốn trên ván bài tình cảm như Bertha nói? Duy bỏ chai bia, dựa lưng ghế.

- Đường bỏ khóa này?

Tôi gật không nói. Khóa này tôi biết đã hỏng. Ngày nghỉ ngày đi. Ngày vào lớp rồi bỏ ra. Ngày đến trường chỉ quanh quẩn ở Student Union nghe tin đồn. Như người mất hồn, tôi đi qua tháng tư, từng ngày một, từng ngày một. Ai gọi tôi cũng nghe nhưng không nhớ đã nói gì, trao đổi gì với người đó. Mọi thứ lẫn lộn điên đảo. Đêm San Francisco, với Duy, cũng còn hạnh phúc, nhưng hạnh phúc tạm bợ, vay mượn, đâu kéo dài được cả đời.

Lúc sáng thấy tôi đi ngang hờ hững, Moira gọi.

- Dee, sao không vào lớp?

Tôi dừng lại không biết nói gì. Moira dạy lớp Toán. Tôi thích cái trẻ trung nơi Moira. Còn trẻ nhưng Moira có tiếng là giáo sư Toán khó tính lạnh lùng. Nhưng Moira không đối với tôi bằng cái lạnh lùng khó tính đó. Tôi vẫn thường ra vào văn phòng Moira bất cứ giờ nào cô có mặt nơi đó bất cần hẹn trước, bất cần giờ sinh viên được gặp hay không. Hình như Moira đối với tôi bằng một cảm tình đặc biệt tôi mơ hồ cảm thấy nhưng không muốn hiểu rõ. Moira gọi tôi chữ tất tên Đường. Đ. Dee. Tôi nhìn Moira im lặng. Cô thở dài như hiểu.

- Nhớ nộp giấy bỏ khóa này. Cứ để giấy ở văn phòng, tôi lo cho. Dee? Đừng khóc. Cố học tiếp khoá sau. Gọi tôi. Nghe?

Moira vỗ nhẹ vai tôi rồi bỏ vào lớp. Tôi tần ngần nhìn theo mái tóc màu vàng bẩn chấm vai của Moira. Đáng lý ra tôi phải gọi Moira, Doctor McCabe như mọi sinh viên khác.

Tôi biết tôi không phải là đứa sinh viên Việt Nam duy nhất bỏ học khóa này. Những người khác, cuống cuồng như ong vỡ tổ, chạy đôn chạy đáo. Tin đồn nào cũng kháo nhau thật kỹ rồi thất vọng. Biểu tình nào cũng chường mặt vào để đánh nhau. Vâng, đánh nhau, thì giờ đâu nữa mà cãi lý. Bên này bên kia, bên nào cũng có anh em chú bác, nhưng đánh nhau thì vẫn đánh nhau, rồi bỏ chạy khi cảnh sát đến. Con trai thì thế, con gái thì lúc nào cũng mắt đỏ, mặt đỏ, mũi đỏ vì khóc. Ngồi đâu cũng khóc được. Tụm lại hai cô trở lên là thấy khóc.

Buổi sáng Moira đã nói đừng khóc, khuya đến phiên Duy bảo tôi đừng khóc. Tôi chẳng còn phản ứng nào khác ngoại trừ nước mắt. Quá dở. Duy nhìn tôi trong lúc sửa soạn châm thuốc. Tôi yêu hơi thuốc đầu từ Duy. Chỉ hơi thuốc đầu, còn thì Duy hút hay Duy dụi tôi không cần biết. Duy thở khói nói.

- Sắp vãn tuồng, sửa soạn kéo màn đi chứ, để Phàn Lê Huê với Tiết Đinh San đi ăn cháo gà!

Tôi không cười trước câu đùa, chỉ nhìn Duy một thoáng. Duy nói tôi có cái nhìn giết người. Nhìn, chỉ nhìn, tôi nói được điều muốn nói. Duy thở khói thuốc nơi nửa trên cửa sổ khép hờ. Tôi yêu cái bình tĩnh nơi Duy. Như để bù cho lòng hốt hoảng dễ dàng của mình. Tôi yêu cái kiên nhẫn của Duy. Như để bù cho tính nóng nẩy của mình.

- Hôm qua Duy gọi được bố. Ông già bảo tùy Duy định liệu nhưng không nên gây thêm rắc rối. Nhà đã xoay sở chắc chắn đi được. Ông già dặn Duy chuyển hết tiền qua trương mục con em. Lộn xộn giấy tờ không nên giữ nhiều tiền. Để người lớn tính chuyện với nhau sau. Mình còn sống thì còn gặp. Nợ nần đời này kiếp nọ cũng phải trả thôi. Duy cứ về vài năm, đợi hết hạn cấm của nó rồi trở lại, nó làm gì Duy nào? Còn như không thích Hoa kỳ nữa thì Duy đi Canada, nếu như Duy còn thích Bắc Mỹ. Hết thích Bắc Mỹ thì còn Nam Mỹ, thiếu gì chỗ. Không đi châu Mỹ thì đi chỗ khác. Âu Châu Duy còn chưa đi hết, lo gì. Không sợ không có chỗ đi, chỉ sợ không tìm ra người mình muốn tìm.

Duy nhìn tôi ở câu cuối. Qua khói thuốc dưới ánh đèn tù mù của Vesuvio, mắt Duy long lanh như ướt. Tôi buột miệng.

- Em nghĩ mình sẽ không bao giờ tìm nhau.

- Nói gở.

- Thật. Em có linh tính mình sẽ không bao giờ tìm nhau. Em biết tính em và em hiểu tính Duy. Rồi sẽ có lúc mình im đi, không đào xới tìm kiếm. Đôi khi không đi tìm, một hình thức xếp áo giữ lấy hương. Chung cuộc kết thúc đối với em, có khi không cần thiết. Số mình không được yêu nhau thì suốt đời chắc là không được yêu nhau. Về sau có may gặp lại, giả như tình yêu cũ còn đó nhưng người cũ, không gian cũ, đời sống cũ, đều không còn, tiếp nối như thế nào đây? Mỗi người một số, em thường nghĩ vậy.

- Như Kiều đấy à? Bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao. Số Đường chắc lúc nào cũng thanh cao. Số Duy phong trần, thêm hay bớt vài ba năm nữa, cũng thế thôi. Đường tin vớ vẩn, số kiếp với lại mệnh số!

- Đã sao? Duy lúc nào cũng đùa được, cười được.

- Chẳng lẽ khóc à? Đường đã khóc luôn phần của Duy rồi còn gì.

Duy bóp nhẹ tay tôi, cười, nhìn ra đường phố. Tôi và Duy cùng yêu San Francisco. Yêu những con dốc lên xuống với sương mù giăng những chiều, mỗi sáng sớm. Yêu Sausalito, ngã ba đổ dốc gắt, quán Jazz góc đường với lò sưởi lớn giữa phòng, ngọn lửa nhảy múa mê hoặc. Yêu tiếng kèn Saxophone. Yêu quán Vesuvio với thang trôn ốc cuối phòng. Yêu quán L'étranger đường Van Ness. Yêu hàng thông ngã rạp vì gió dọc đường Sunset. Yêu mặt trời lặn ngoài biển, hai đứa lang thang trong gió lạnh trên bãi vắng. Yêu bãi biển cởi truồng ở Pacifica. Yêu những chuyến buýt dọc ngang lên xuống dốc, chạy từ trạm góc đường bên này để bắt kịp chuyến xe khác sắp sửa rời đi nơi trạm góc bên kia. Yêu ly kem chia đôi ở North Point. Yêu hộp đêm underground mộng mị khói thuốc và thuốc. Yêu thằng bạn da đen Andrew hay hát nghêu ngao giữa phố khi say rượu, giọng tenor vang rền, mộng ca sĩ lãng đãng gần xa. Yêu tiếng chuông điện thoại ngân dài giữa khuya, giấc ngủ bất thần cắt đứt, thì thầm với nhau khẽ giọng. Yêu tất cả những gì dính dáng đến San Francisco, và yêu nhau.

Lần đầu tôi gặp Duy, hành lang vắng vẻ lầu ba trước cửa phòng ông Cain tòa nhà Khoa học, cùng đợi giờ hẹn gặp ông. Tôi khoanh tay dựa tường nhìn Duy nhìn tôi. Duy ngồi bậc thang dẫn lên lầu bốn, nhìn tôi nhìn Duy. Về sau, Duy nói Duy rất thích cặp mắt một mí đầy tình cảm của tôi dù tôi cố tình ra vẻ lạnh lùng kiêu ngạo khi nhìn Duy. Tôi nhớ ánh mắt ranh mãnh với khóe môi trái hơi nhếch khi cười mỉm rất ngạo mạn hiểu biết của Duy tạo ấn tượng mạnh. Nhưng phải có lần gặp thứ hai mới khiến mọi việc trở nên rối rắm nơi nhà cô dượng Phong. Duy ở tạm nhà cô dượng hơn tháng. Tôi trọ phòng nhà bà Miller gần trường tiện đường đi học, chỉ ghé nhà cô dượng khi có việc cần vì phải đổi nhiều chuyến buýt bất tiện. Vì ít ghé nên tôi không biết Duy ở nhà cô tôi hơn tháng từ lúc đến San Francisco, sau tôi cả năm.

Duy mân mê mấy ngón tay tôi.

- Đường bỏ khoá này cũng được đi, khoá sau nhớ đi học cho đàng hoàng.

Tôi rút tay.

- Duy giống ông cụ non.

- Thì cũng có lúc đạo mạo. Khi chơi bời, khi tu tỉnh. Cái gì cũng có thì có lúc cả. Đời này có khi nào hết việc cho ta làm ta chơi. Hết việc thì ta bày ra việc. Hết chuyện chơi thì ta bày ra chuyện chơi.

Khối việc để bày để chơi. Duy đâu sinh ra để làm mãi một chuyện như chuyện học chẳng hạn. Đường đi học rồi Đường đi làm. Duy đã bỏ học, nay tiếp tục bỏ học. Thử xem khi nào chán bỏ học thì trở vào trường gạo cours như thiên hạ. Chắc là khó, mình mỗi ngày mỗi già đi, trí óc lười biếng hơn. Trường ốc lại chẳng chịu chứa những người như Duy. Đường học xong ra trường đi làm, như tất cả những người bình thường khác, sáng đi chiều về, qui cũ thứ tự, đời sống ngăn nắp, chồng con bận rộn, lâu lâu mơ tưởng trúng số. Tướng Duy bừa bãi vô trật tự, cao lắm là đứng quầy bán hàng. Nếu may, làm được tiệm bán giày đàn bà, còn được nhìn chân.

- Ngụy biện!

Duy cười. Tôi cúi nhìn quầy rượu bận rộn dưới lầu. Một người đầu hói, có vẻ quan trọng hơn anh chàng trẻ tuổi tóc lăn xoăn. Chiếc máy tính tiền cổ lổ với những nút bấm có chân cao, số nhảy lồng như máy đánh bạc, ngăn kéo bên dưới chạy ra, tiền sắp theo thứ tự. Hàng ly lớn nhỏ đủ loại đủ cỡ sắp bên dưới quầy. Chiếc giẻ lau lúc nào cũng thấy lau, mặt quầy luôn luôn khô. Dãy rượu sắp sát tấm gương lớn trên tường. Bồn nước bên bồn xà bông. Bồn đầy đá bào nhỏ. Bồn đá cục với những chai bia vùi bên dưới. Vòi nước lạnh. Những miếng chanh nhỏ xắt sẵn, kế bên là hũ cherries đỏ cạnh hộp đựng olive xanh, vài miếng thơm hình tam giác. Quầy có hai người vừa pha rượu lấy bia, rót rượu vang, tính tiền, nói chuyện với khách ngồi nơi quầy, tay chân bận rộn không bao giờ ngơi. Khách ngồi quầy thường là khách quen, đôi bên chào hỏi thân mật, giọng nói lớn đôi khi vọng lên lầu, vang vang nồng ấm, rượu bia đem ra không cần hỏi. Tôi thích Vesuvio ở chỗ ngồi trên cao nhìn xuống bên dưới, ngoài đường, trong quán, nơi quầy, những sôi nổi sống động. Lâu lâu có người ngước nhìn lên, cười thân mật. Trên vách tối bẩn, thỉnh thoảng những hình chụp thật cũ được rọi lên chầm chậm, không mấy ai để ý theo dõi.

Gần hai giờ sáng, quán tắt bớt đèn, tối hơn, sửa soạn đóng cửa, người đứng nơi quầy vừa lau ly vừa nói lớn.

- Drink up. Drink up.

Duy kéo tôi đứng dậy mặc áo khoác. Xuống lầu. Ông già ngẩng nhìn. Mái tóc bạc thưa thớt. Hàm râu quai nón bạc trắng. Tôi nhìn sâu mắt ông. Màu mắt tái lạnh lẽo. Chắc ông tính sổ chi thu.

Duy nắm tay tôi luồn lỏi theo con hẻm nhỏ bên hông quán, Duy đậu xe mãi phố Tàu. Tôi nắm chặt tay Duy theo con dốc Washington đi lên. Tay kia tôi ủ trong túi áo. Tay Duy lúc nào cũng ấm. Tay tôi khi nào cũng lạnh. Đêm mù sương ướt át hơn. Hơi thở tôi có mùi Bourbon. Áo Duy tẩm mùi thuốc lá. Duy giữ tay tôi đút vào túi áo lính

Thủy quân lục chiến. Phố Tàu đầy rác và có mùi tanh tưởi. Hai đứa đi trong im lặng, thỉnh thoảng bước xuống đường tránh rác dồn đống trên lề. Ngang tiệm bán gà vịt sống tôi nhìn vào. Qua mấy lá cửa sắt bên trong trống trải khác với ban ngày đầy người đầy mọi thứ lộn xộn lổn ngổn. Mấy bồn nước đục lờ tôm hùm buộc càng nằm chồng lên nhau. Ban ngày, họ bán ếch sống chặt đầu lột da, du khách bu quanh tò mò trong khi mấy bà Tàu thản nhiên lựa ếch lựa rùa trao đổi cách lựa cách nấu.

Duy hỏi.

- Đường ấm không?

Tôi gật đầu.

Duy nói tiếp.

- Tay Đường lạnh như nước đá. Ủ hoài không ấm.

Tôi dùng dằng rút tay.

- Thì đừng ủ nữa.

- Lại giận hờn gì nữa đây. Người gì mau giận, mau nước mắt.

- Em có giận gì đâu. Buồn thì khóc. Đâu phải như Duy, buồn thì hút thuốc. Có thuốc, hết buồn ngay. Người gì mau quên.

Những giận hờn vô cớ. Những trả treo nhỏ nhặt con trẻ. Biến động bên ngoài thật sự ảnh hưởng đến tôi nhiều hơn tôi tưởng. Xe Duy đậu trước một tiệm giày. Tôi ngừng lại nhìn những đôi giày bên trong cửa kính. Những đôi giày cao thấp khác nhau. Đôi trên giá. Đôi trên thảm nhung đen. Đôi màu đen. Đôi màu xám. Đôi hở gót. Đôi có quay. Trong tiệm tối, chỉ còn những khung đèn tròn rọi trên mấy đôi giày trưng bày. Tôi thấy bóng mình trên khung kính. Một đứa con gái da vàng lôi thôi, tóc ngang lưng, mặt trần không phấn son, áo khoác xám, quần jeans, áo thun trắng, giầy vẹt gót, chúi đầu nhìn những đôi giày cao gót thời trang nơi tiệm đã đóng cửa, giữa khuya, giữa phố San Francisco. Tôi không nhìn thấy những đôi giầy, tôi chỉ thấy giễu cợt đời mình nơi đó.

Duy lái xe im lặng, vòng vèo không về bằng xa lộ, ngang qua phố Nhật, đường Geary, đường Mười Chín. Tiếng máy xe ầm ĩ ở phố vắng, mọi người đã đi ngủ. Duy sang số máy móc. Thỉnh thoảng xe chồm lên, hơi giật ở số một, ga đạp gắt, rồi sang số hai, số ba, số bốn, trở lại số ba, có khi đạp thắng, trả số. Duy bỗng cười nhẹ.

- Đường buồn ngủ?

- Không.

- Sao không nói gì hết.

- Nói gì bây giờ?

- Gì cũng được. Duy sợ im lặng.

- Duy sẽ làm gì khi về đến Paris?
- Trừ chuyện đó ra.
- Em muốn biết.
- Để làm gì? Chỉ là một nơi chốn. Sống sao cũng thế thôi.
- Rồi Duy sẽ quên em.
- Người bi quan lúc nào cũng nghĩ đến quên, bỏ, thua, chạy.
- Tò mò em muốn biết. Đôi khi có cảm tượng như Duy viết được dấu chấm hết ở cuối hàng, đang thở phào hớn hở!
- Duy không thích nói đến những toan tính tương lai. Nhỡ làm không được thì phiền lắm. Vả lại, Duy chẳng có toan tính gì đáng nói. Đến đâu hay đến đó, sống từng ngày một. Tạo ảo vọng để làm gì? Nhất là ảo vọng cho người khác, cho Đường. Đường là cái gì êm đẹp nhất xảy ra cho Duy nên Duy không muốn làm nó hư đi, như Duy đã làm hư mình. Đường giận Duy đã không hứa hẹn gì với Đường? Đường đâu cần một lời hứa tầm thường như thế.
- Không. Em không cần một lời hứa. Em cần cầm trong tay một cái gì đó để bình thản sống phần đời còn lại. Em biết Duy đi rồi, mọi thứ sẽ khác đi. Đời Duy bên đó cũng sẽ khác đi. Chắc chắn. Mình sẽ tiếp tục sống, khác hẳn bây giờ. Như chưa từng quen biết. Phải thế, đời sống tiếp tục, người đã xuống xe, muốn đi tiếp phải đợi chuyến sau, xe không quay lại. Cũng có thể em với trái tim yếu đuối, cần một lời nói, thánh hóa tình yêu. Biết có người yêu mình, đủ để em đi qua cuộc đời, có khi không cần thiết phải có người đó bên cạnh.
- Đường lãng mạn một cách thơ ngây. Tình cảm đâu đủ nuôi sống đời người. Còn trăm thứ thật tế khác. Đường muốn giữ gì trong tay? Cứ như một lời hứa đấy thôi. Hứa? Quá dễ. Duy đã từng hứa với nhiều người. Không thật. Nên Duy không hứa gì hết với Đường.
- Thì biết còn trăm thứ thật tế khác nên em muốn giữ một thứ không bị vẩn đục bởi thật tế. Như giữ một giấc mơ, của riêng mình, suốt đời.
- Đường đã có rồi, giấc mơ của Đường dù nó thiếu đoạn kết. Duy nghĩ Đường không cần đoạn kết.
- Em không cần đoạn kết, đúng, nhưng em lúc này rất mâu thuẫn. Làm sao Duy có thể bình thản như không có gì xảy ra trong khi em thấy mọi thứ quanh mình đang sụp đổ? Có khi em nghĩ, mặc nó, rồi thì cũng xong. Nhưng có khi em nghĩ lại, một cách hốt hoảng, sao mặc nó được? Mình vẫn còn trăm phương ngàn kế chưa nghĩ ra, chưa làm hết sức mình.
- Đã nói, tại Đường nhìn nó bằng cặp mắt bi quan.
- Em phải nhìn nó như thế nào đây khi ngày mai thật là đen

tối tuyệt vọng đối với em? Ai cũng có một nơi chốn để về, em nghĩ vậy, dù là để về trong tâm tưởng, nó vẫn có đó, nơi chốn về. Và bỗng dưng mất đi nơi chốn ấy, mình sẽ ra sao? Bên nhà, phần ai nấy lo, em không làm được gì, bó tay. Bên này, em có mỗi mình Duy nhưng rồi, Duy sẽ đi. Duy bảo em, tiếp tục sống. Tiếp tục sống? Tiếp tục sống như thế nào? Duy? Ai cũng cần một hy vọng, một ốc đảo giữa sa mạc, một chỗ dựa khi bất chợt quay cuồng trong biến động ngột ngạt nằm ngoài sự hiểu biết lẫn tưởng tượng của mình. Em chỉ có phản ứng, và chỉ có phản ứng, một cách tuyệt vọng, loay hoay.

Dừng xe đợi đèn đỏ ngã tư, Duy bỗng quay sang luồn tay nơi cổ tôi kéo lại gần. Lưỡi Duy ấm. Môi Duy mềm như bạch tuộc. Người Duy nghiêng trên người tôi. Tóc dài nơi lưng quấn rối nhưng tôi vẫn mặc. Ngã tư đèn đỏ, sương mù vây quanh, đèn đường tù mù vàng, im lặng, chỉ có tiếng máy xe và hơi thở đứt đoạn của tôi. Ngã tư dẫn về Daly city ngang qua hồ Merced mù sương trước đó. Thành phố quên tôi và Duy, những kẻ bị đẩy ra bên ngoài không nơi về, không phương hướng, không lựa chọn. Tuần lễ cuối của tháng tư, hình như ai cũng lên cơn sốt. Những cơn sốt mê hoảng.

Tôi thì thầm tai Duy.

- Mình đi trốn đi.

- Hả?

Tôi úp hai tay nơi má Duy nhìn thật gần cặp mắt đầy kinh ngạc, lập lại nhẹ nhàng.

- Trốn. Hai đứa mình đi trốn.

Duy giữ tay tôi.

- Điên. Đường chỉ nghĩ chuyện điên.

- Em ghét Duy. Lúc nào cũng bình tĩnh, thật tế. Đi trốn thì đã sao?

- Thì mình sẽ đi trốn suốt đời. Đó đâu phải là một quyết định sáng suốt. Đường liệu trốn được bao lâu? Duy về rồi Duy sẽ trở lại, chắc chắn. Đường hay nghĩ đến đường cùng, không lối thoát. Đừng nghĩ như vậy, Đường hãy nghe Duy. Mọi thứ rồi sẽ đâu vào đấy. Nó sẽ không như điều mình muốn nhưng sống là phải sống với điều mình có, biết làm sao hơn. Duy biết Duy yêu Đường, suốt đời. Duy không đoán được ngày mai nhưng Duy không cần ngày mai, Duy chỉ cần biết Duy yêu Đường bây giờ. Ngay bây giờ.

Tôi giận dỗi.

- Người ta qua Canada sống dễ dàng.

- Rồi người ta sẽ ở Canada suốt đời. Duy không thể lẩn trốn như tội phạm, và lôi theo Đường, để làm gì?

Duy thở dài nói tiếp.

- Hơn nữa đừng quên, bố Duy là Chánh Án...

Tôi hôn nhẹ cổ Duy. Mùi thuốc lá quen thuộc. Hình như đèn đường xanh đỏ mấy lần. Duy quay cửa kính xuống nửa cho bớt mù trong xe. Hơi lạnh ùa vào. Tôi nhìn phía trước kéo áo vén tóc lại. Duy lái xe đi thẳng. Đèn đường đang đỏ rực. Như trò đùa.

*

Duy bỏ về, cố ý, lúc tôi theo cô dượng Phong xuống Camp Pendleton tháng Năm, đi tìm gia đình trong số người vượt thoát. Không được vào trại, tôi đứng bên ngoài chen đọc danh sách nhiều tên rối mắt nhưng không thấy Lê nào Trần nào tôi vẫn biết.

Giận Duy, tôi lang thang quanh hồ Merced, ném mớ dĩa nhạc Duy để lại xuống hồ. Janis Joplin hay Jimi Hendrix, the Eagles hay the Beatles, Joni Mitchell hay Joan Baez, Bob Dylan hay Santana... tôi không cần biết. Rồi đi cắt tóc. Người cắt hỏi đi hỏi lại như sợ nghe lầm. Tôi nhìn tôi trong gương nghe tiếng kéo bên tai, những sợi tóc dài bay lả tả trên sàn đen trắng dưới chân. Nhớ. Tôi nhớ đã nhìn người tuyên bố đầu hàng vô điều kiện cách một đại dương, trên truyền hình, trước đó mấy ngày, nước mắt đầy má, úp mặt vai Duy nghe giọng Duy trầm tĩnh.

- Đường đừng khóc nữa. Đường khóc hoài Duy sẽ khóc theo đấy. Duy không về nữa. Duy ở lại với Đường.

Tháng tư năm đó, tôi mất nhiều thứ. Dăm ba thứ, tôi may mắn có lại, tìm lại, trừ Duy, nhưng mất Duy, kể như tôi mất hết. Duy biến mất đâu đó ở Paris, hay ở Thụy sĩ, ở Ý? Những lá thư dấu bưu điện khác nhau không bắt kịp tôi và Duy. Tôi bỏ San Francisco đi, đời sống thật tế không chối bỏ được dù lúc nào tôi cũng muốn rời xa.

Đôi khi tôi tự hỏi, tôi có muốn tìm Duy? Hay tôi đợi Duy tìm tôi? Tôi vẫn còn hờn giận Duy ở lời hứa cuối dù hiểu rằng đó không phải là một lời hứa. Tôi biết tôi có thể tìm lại đêm San Francisco bất cứ lúc nào tôi muốn nhưng có cần thiết nữa hay không? Đêm San Francisco không có Duy chỉ là đêm lạnh lẽo không màu sắc mùi vị. Tóc dài không có tay Duy luồn sau gáy chỉ còn là tóc, ngắn dài thời trang. Quán Vesuvio đã lâu không vào không biết có còn ở nơi cũ. Tiệm sách City Lights của thi sĩ Lawrence Ferlinghetti đã đóng hay vẫn còn bừa bãi cả sách lẫn người? Tôi ít khi nào gọi ly Manhattan

như muốn giữ riêng mình chút yêu dấu cũ. Moira bỏ SFSU sang dạy Berkeley. Quán Jazz đổ dốc ngã ba Sausalito mất tích. Andrew chắc thôi mang mộng ca sĩ. Bertha ở đâu? Còn tôi? Tôi thì sao? Tình yêu cũ vẫn còn, tôi nghĩ vậy, nhưng tôi không còn là người cũ. Tôi biết vậy. Biết vậy.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

HÃY TRỞ THÀNH ĐỘC GIẢ DÀI HẠN CỦA

VIỆT

TẬP SAN VĂN HỌC

P.O.Box 64 - Altona, VIC 3018 - Australia
Tel: 03-9688-4049 - Fax: 03-9688-4063
Email: tuan.nguyen@vu.edu.au hoặc viet@saigonline.com
Hompage: http://www.saigonline.com/viet/

Chủ nhiệm **Phan Việt Thủy**
Chủ bút **Nguyễn Hưng Quốc**
Phụ tá chủ bút **Hoàng Ngọc Tuấn**

PHÁT HÀNH MỖI NĂM HAI SỐ
Một năm (air mail):
Australia A$20.00. Overseas: US$16.00
Hai năm (air mail):
Australia A$20.00. Overseas: US$30.00

Chủ đề các số Việt đã & sẽ phát hành:
Số 1: (đầu năm 1998): **Thơ** (đã hết)
Số 2 (giữa năm 1998): **Sống & viết ở hải ngoại**
Số 3 (đầu năm 1999): **Cái mới trong văn chương**
Số 4 (giữa năm 1999): **Tình yêu, tình dục và vấn đề phái tính**
Số 5 (đầu năm 2000): **Họ viết văn / làm thơ như thế nào?**
Số 6 (sẽ ra giữa năm 2000) **Văn học VN bước vào thế kỷ 21**

TRƯƠNG HUYỀN KHANH

Dương liễu ngạn, hiểu phong tàn nguyệt*

(bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm)

Khi em bước vào
căn nhà số X00X
theo chân em hai viền nguyệt mộ triêu dương

Tôi buông tập sách đang đọc
đánh dấu những giòng chữ dở dang bằng túi hoa ngọc lan
em mang đến từ tuần trước
(hoa đã héo, cánh ngà đã ngả dần sang màu nâu đục
như màu nước trà tàu pha lần nhất
tám nụ hoa được túm trong túi lụa mỏng
tôi đặt dưới chân máy điện toán
mùi hương hơn dăm ngày còn thoang thoảng quẩn quanh)
dang tay đón em, tôi ôm vòng siết chặt
với sóng mắt cười âu yếm,
khuôn mặt em lúc này chỉ cách tôi bằng cánh mũi hai người.

"Siết em mạnh hơn nữa đi"
rồi tiếng em ồ lên thích thú chung với tiếng lách cách
của mấy cái xương sườn mỏng mảnh nghe giòn rụm.
Cũng như những lần trước em trườn mình khỏi khung tay tôi
nhoẻn viền môi hay cười: anh làm gì nãy giờ?
để nghe câu đáp lại: anh đang đọc vớ vẩn,
đang chờ em, và nghĩ đến em.

Em lôi trong túi xách một số hộp thức ăn,
những bánh, những mứt, những đồ mặn bày cả lên bàn.
Cái bàn thủy tinh tròn có các thứ lỉnh kỉnh:
hóa đơn hàng tháng, chai thuốc bổ, bình cúc vàng,
bọc sách Tình Sầu của Kawabata
tôi gói từ đêm hôm trước trong giấy hoa tím dành sẵn cho em.

Căn phòng thuê từ hơn hai năm nay
lúc nào cũng đưa đón mưa bụi buổi sáng, gió lộng ban trưa,
ánh tà dương lúc chạng vạng và trăng xanh vằng vặc nhiều đêm
đã cùng tôi trải qua những tháng ngày êm ả
dẫu vô cùng đơn quạnh tịch liêu.

Ngồi bên nhau,
em vừa gắp thức ăn, vừa gạn bỏ mỡ
mớm vào miệng tôi những miếng ngon lành nhất,
không ăn không nói nhiều, em chỉ khúc khích
trong các câu chuyện khôi hài tôi cố tình kể quá trớn.
Bữa ăn ngưng, em chiều ý thắp trên môi tôi điếu thuốc bạc hà
châm một chung trà trước khi ra sân thượng,
tôi vuốt tóc em đang khép nép nhu mì bên vai,
nghe loáng thoáng giọng nói nhỏ nhẹ "gần trọn năm rồi"
em nhắc khẽ về tuần lễ sắp tới
kỷ niệm ngày đầu em gặp tôi
năm ngoái, đêm ấy, trời mùa đông lành lạnh...
"hồi đó tóc em còn ngắn, bây giờ đã dài quá vai"
em nói và đưa tay ra sau lưng làm dấu.

Lúc từ biệt ở bậc thang sỏi xám
(em ôm chặt lấy tôi như chưa đành lòng lìa xa
khi lùa những ngón tay móng hồng vào lớp áo kaki
đùa nghịch da thịt tôi với câu hứa hẹn dỗ dành quen thuộc
"thứ ba tuần sau, anh nhé")
gió sớm mưa chiều rồi cũng theo gót lụa ra đi
vầng trăng sau cùng của một nghìn năm sắp tàn
bắt đầu vành vạnh ở cuối trời đông.

TRƯƠNG HUYỀN KHANH

---

*Liễu Vĩnh

VÕ ĐÌNH

Án mạng

Có những tình bạn bền vững mặc dù ít gặp gỡ, đi lại, và những kẻ "hợp" nhau mặc dù tính tình có nhiều chỗ khác nhau. Hữu và tôi biết nhau đã lâu, khá thân, tuy mỗi năm gặp nhau không quá hai ba lần.

Kiến thức rộng, yêu văn học nghệ thuật, nhưng Hữu cũng là một người cực kỳ "thực tế". Năng nổ, cương cường, đặc biệt ưa thích giải quyết những trạng huống gay go. Nghề anh đã chọn cũng khá xa con đường của tôi: Luật. Có thuở anh từng làm biện lý một quận lớn ở Arizona. Như người ta đã một dạo kháo nhau, anh có thể trở nên ông quan tòa liên bang gốc Việt đầu tiên ở Hoa Kỳ. Nhưng rồi anh từ chức, trở về đời tư, hành nghề tự do, để "hốt bạc", như chính lời anh nói. Tôi khá ngạc nhiên khi Hữu gọi điện thoại rủ tôi ăn trưa ở một tiệm Pháp gần văn phòng anh. Chưa uống xong ly rượu khai vị Hữu đã nói rõ lý do của buổi gặp gỡ: Anh muốn tôi đọc một tài liệu khá kín đáo. Theo nguyên tắc, Hữu không có quyền đưa cho tôi xem. Hữu nói: "Anh đọc đi và giữ kín, đừng cho ai khác xem. Anh viết lách, xem cho biết, cất làm tài liệu. Tôi thì tôi đếch cần. Nhắc anh lần nữa: Viết thành truyện thì đổi tên họ, nơi chốn tối đa". Tôi hỏi: "Ông cựu biện lý có thắc mắc gì về chuyện pháp lý không?" Hữu trấn an: "Thắc mắc khỉ gì! Tôi không thắc mắc thì anh khỏi nhé. Nhưng anh phải nhớ, tôi tin cậy ở anh lắm mới để anh đọc

mấy trang này. Anh mà xì ra là tôi chỉ còn nước cuốn gói khỏi xứ này! Thôi, ta ăn!"

Theo lời kể của Hữu thì bảy, tám năm trước, một vụ án mạng khủng khiếp xảy ra trong quận Valencia. Thủ phạm bị tóm ngay, buộc tội sát nhân, và tuyên án tù chung thân. Nếu xem ở tù chung thân là một đền tội nhẹ hơn tử hình thì cái công cứu người khỏi ngồi ghế điện là của ông phó biện lý, công tố viên gốc Pháp: Người Pháp vốn có truyền thống rộng lượng đối với những tội ác gây nên do tình cảm. Đặc biệt giết người mà không mưu tính trước, giết người vì một tích tắc cuồng si... Tuy nhiên, người tù chung thân đã lại chọn cái chết sau một thời gian ngắn mất tự do. Trong khu nhà giam, kỷ luật và kiểm tra nổi tiếng khắt khe vậy mà ông cũng đã kiếm được cách tự hoại. Sau đó, nhà chức trách đã tìm được một xấp giấy giấu kỹ trong phòng giam. Một xấp giấy viết bằng tiếng Việt. Và Hữu, vừa là biện lý, vừa là người gốc Việt, đã được tòa án giao cho trọng trách tra cứu và đúc kết thành tư liệu để thanh toán thật xong xuôi vụ án này.

Nhân tiện cũng nên nói rõ: Tuy là một luật sư, Hữu rất yêu văn học nghệ thuật. Anh chân thành và nghiêm chỉnh trong cái yêu thích của anh. Anh siêng mua sách báo, ham đọc, và đọc một cách thông minh. Anh cũng thường đem vợ đi nghe nhạc, coi triển lãm hội họa, v.v... Anh bảo tôi, thẳng thừng như thường lệ: "Chuyện này có đủ cả, *sex* này, *violence* này, nhà tù này, tự tử này. Tuy thế, trong giới luật pháp chúng tôi chẳng hiếm hoi gì đâu! *No big deal*! (1) Thường thôi. Nhưng anh biết đấy, cái thường không đáng ngại bằng cái... rẻ tiền. Tôi đưa anh, dùng được thì dùng. Chỉ mong rằng anh sẽ hết sức "đề cao cảnh giác": mình có thể... ba xu hồi nào không hay!"

"Ba xu hồi nào không hay!" Câu nói của ông bạn cứ lởn vởn mãi trong đầu tôi. Đã có lúc tôi suýt dẹp bỏ cả, không dính dáng gì nữa đến mấy tờ giấy Hữu đưa tôi đọc. Nhưng rồi lại tiếc, lại lôi ra coi đi coi lại. Dĩ nhiên không tiếc cái *sex*, cái *violence* (những chữ Hữu đã dùng) mà tiếc cho cả một tấn bi kịch của con người. Và tôi biết rằng sở dĩ Hữu đưa tôi đọc, là vì *con người đó lại là con người Việt Nam*. Làm sao chúng ta có đủ tư thế, đủ khoảng cách, để tiếp nhận một câu chuyện như Hữu đã chia sẻ với một thái độ bàng quan?

*

6 giờ chiều ngày 15-8-1991, đài truyền hình WACC ở Mesa, AZ loan báo: "Người hưu trí ở Orange Grove đánh vợ vỡ sọ với một cái *baseball bat*.(2) Hiện bị tống giam trong đề lao quận." Tin hàng giờ,

ngắn, gọn, hình ảnh chớp nhoáng. Xác người chết trùm vải trắng, y công đẩy băng-ca tải thương ra xe cấp cứu, cảnh sát viên, đồng phục đen, đi lại lố nhố. Giây băng nhựa vàng chóe giăng quanh khu nhà vườn: ÁN MẠNG - CẤM LẠI GẦN.

Cùng ngày, cũng đài WACC, 10 giờ đêm: "Tin mới nhất; Quí vị hẳn còn nhớ vụ án mạng ở khu Orange Grove. Được biết hung thủ và nạn nhân là một cặp vợ chồng gốc Việt Nam. Họ làm chủ tiệm chạp phô lớn nhất thành phố trên đại lộ Saguaro và đường F tại Tempe, gần xa lộ 270. Chồng, 62 tuổi, mới về hưu tháng trước. Vợ ông, nạn nhân, 43, đồng chủ tiệm và cũng là thành viên bán chính thức của một cơ sở địa ốc địa phương. Thủ phạm tuyên bố chính tay mình đã giết vợ. Nhưng không nói ra lý do. Nhà chức trách đang tiến hành ráo riết cuộc điều tra. Chúng tôi, dĩ nhiên, sẽ cung cấp những chi tiết mới nhất khi có được".

Ngày hôm sau, ba giờ sáng, tờ Arizona Sentinel đã có mặt khắp nơi trong tiểu bang. Bài báo về vụ giết người chiếm hơn nửa trang. Ảnh xe tải thương. Ảnh hai vợ chồng ông Nguyễn đứng tươi cười trước cửa tiệm ngày khai trương, hơn mười năm trước. Một ảnh khác, mới hơn, của người quá cố: Thiếu phụ trung niên xinh đẹp, tóc xõa, miệng cười. Một vài chi tiết lôi kéo sự chú ý của người đọc: Xác chết, khi cảnh sát đến nơi, còn nằm sóng soài trên bờ ao sau nhà. Đầm đìa máu. Khí giới giết người còn nằm ngay cạnh tử thi. Đó không phải là một cái *baseball bat* như các đài truyền thanh, truyền hình đã loan tin mà là một cái gậy bằng gỗ sồi, chắc và nặng như một cái gậy đánh banh *baseball.* Một cái gậy, tiết lộ sớm sủa nhất của phát ngôn viên sở cảnh sát, như một vũ khí chứ không phải thứ gậy chống của những vị cao niên.

Một sự kiện quái gở được bài báo ghi nhận: Gần đấy, dưới nước ao khá cạn vì vụ hạn hán kéo dài trong gần hai tháng, xác một *con rùa* nổi lềnh bềnh, mai rùa vỡ nát, bầy nhầy một mớ. Người ta đặt ngay câu hỏi: Có phải cùng một cây gậy ấy đã đánh vỡ sọ người thiếu phụ và đánh nát con rùa? Hung thủ cho biết y đã bấm máy gọi điện thoại đồn cảnh sát địa phương. Trong máy, cũng như sau đó, ngoài việc cho biết chính tay y đã giết vợ ông Nguyễn tuyệt đối không làm sáng tỏ bất cứ một nghi vấn nào khác.

Theo lời kể của Hữu, đại khái sự biến đã xảy ra như vậy bảy, tám năm trước. Đó là những chi tiết khách quan trong hồ sơ dày cộm đến nằm trên bàn giấy ông biện lý quận Valencia, bang Arizona, Hoa kỳ.

Hữu nói: "Những giấy tờ tôi đưa anh đọc này do chính tay ông Nguyễn viết. Tôi chỉ lựa đưa cho anh một số trang tôi nghĩ anh nên đọc

thôi. Còn có những chi tiết khác được phanh phui, không phải bởi những gì ông Nguyễn viết mà bởi vụ điều tra của văn phòng biện lý. Chẳng hạn đời sống của vợ chồng ông Nguyễn thời gian còn ở Việt Nam. Và sau 1975, khi đã qua Mỹ. Chỉ một chi tiết "ngoại vi" này anh nên, và cần, biết: Bên trong ông Nguyễn, chủ tiệm chạp phô, có một nhà văn! Không phải một nhà văn *frustré* (3) vùng vẫy muốn chui ra mà là một người yêu viết lách đã chết, một xác ướp khô queo. Trước 75, còn là một sĩ quan trong quân đội, ông Nguyễn từng có đôi ba cái truyện ngắn và dăm bài thơ đăng báo. Mấy năm đầu của đời sống tị nạn ở Mỹ, ông còn viết lách lai rai. Sau, bỏ hẳn."

Những gì Hữu đưa, tôi đem về nhà nhẩn nha đọc kỹ. Những trang rời giới hữu trách đã tìm thấy trong phòng giam ông Nguyễn, Hữu đã chụp làm bản sao, đánh số cẩn thận, mới xem qua có cảm tưởng là một nhật ký vì trên mỗi đầu trang đều có ghi ngày tháng. Có ghi ngày tháng người viết cầm bút viết trong khi sự việc được ghi chép lại thuộc về một thời gian khác, một không gian khác. Những mảnh giấy rời của ông Nguyễn không phải là nhật ký đúng nghĩa. Trong hoàn cảnh bị cách ly với tất cả bởi tường bê-tông dày và song cửa thép, đó là một cách nói chuyện. Nói chuyện với chính mình.

Sau đây là nguyên văn những gì đã được ông Nguyễn viết ra. Có những lược bỏ đáng kể. Chẳng hạn, ngày tháng của mỗi lần ghi chép được bỏ đi để người đọc khỏi có cảm tưởng đó là ngày tháng của những gì xảy ra. Chẳng hạn những đoạn có nhiều chi tiết tủn mủn vặt vãnh dính dáng đến những hoàn cảnh và nhân vật ngoại cuộc, không liên quan mảy may đến vụ án mạng.

*

Tôi biết thế nào người ngoài cũng suy diễn ra rằng, như bao nhiêu vụ án mạng trong đời, Loan bị giết hoặc vì tình hoặc vì tiền. Sự thật, cuộc đời vợ chồng giữa Loan và tôi cũng có lúc sóng gió, tình và tiền cũng có lúc gây nên xô xát, nhưng công bằng mà nói, chúng tôi không đến nỗi hục hặc nhau, gay gắt nhau như nhiều cặp vợ chồng khác. Khi lấy Loan làm vợ tôi biết rằng đó chỉ là một cô gái tỉnh lẻ tầm thường. Tầm thường nhưng với một khuôn mặt và thân hình mượt mà, một nhan sắc óng ả đậm đà hiếm có. Tôi cũng ý thức rất ở tuổi băm chín mà còn độc thân, vừa mang nặng trách nhiệm của "đấng mày râu" thời loạn, vừa ôm ấp một mối đam mê "chữ nghĩa", tôi khó mà tìm được ở Loan một người bạn đời có thể chia sẻ nhiều với nhau. Nhưng tôi đã si mê Loan. Bạn bè có người diễu cợt rằng tim tôi có chỗ mềm

mỏng cho "em bé", nhưng khi theo đuổi rồi lấy Loan làm vợ tôi đâu có lưu tâm đến cái tuổi hai mươi của nàng. Điều tôi không ngờ và làm tôi bực bội khá nhiều là sau có mấy năm ở Mỹ trước ở California, sau ở Arizona, Loan thay đổi quá nhiều. "Cô gái Hậu giang" không còn nữa. Thế vào đó là một người nữ tuổi 30 rồi 40, ăn mặc trang điểm sát mốt Âu Mỹ (đúng hơn, Hồng Kông!) son phấn ngào ngạt, biết lái xe hơi, vừa lái vừa nói chuyện với cái cell phone, *nói tiếng Việt biết chêm vào ít nhất là một phần tư, một phần ba tiếng Anh/Mỹ.*

Loan có nhan sắc, một thứ nhan sắc tuy bị che lấp đi phần nào bởi thói quen trang điểm quá choáng lộn nhưng không vì thế mà mất đi cái nét mộc mạc mặn mà tự nhiên. Và Loan "đong đưa". Đong đưa là lời xì xầm thế nào đó đã đến tai tôi. Tôi, tôi cho rằng Loan chỉ "đỏm dáng": Các bà các cô đố kỵ Loan vì tuổi trẻ và sắc đẹp của nàng đó thôi. Phần tôi, đã bước đến tuổi năm mươi, rồi tiến dần lên sáu mươi, tôi không còn khe khắt như những năm còn trẻ hơn. Đối với Loan cũng như đối với những kẻ đàm tiếu sau lưng chúng tôi.

Tôi có lần đọc được ở đâu đó rằng được điểm vài giọt ghen tuông ly rượu tình càng thêm nồng đượm. Tôi không ham cái nồng đượm ấy. Phần Loan, nàng là một người đàn bà có máu ghen ghê gớm. Không phải chỉ ghen với những phụ nữ xinh đẹp hấp dẫn khác mà còn ghen với tất cả những ai mà tôi tiếp xúc một cách vồn vã ân cần. Cứ thế, một đằng Loan là một bà chằn khủng khiếp với bất cứ người nữ nào có tí ti nhan sắc đến gần chồng mình, một đằng Loan lại sẵn sàng phô trương tuổi trẻ và sắc đẹp của chính nàng. Tôi nhìn kỹ Loan và nghĩ rằng đó có thể là một sự thiếu tự tín hơi bệnh hoạn. Tôi chỉ còn biết bám víu lấy cảm thông và chịu đựng để đối phó với hoàn cảnh. Lòng cảm thông và sức chịu đựng của tôi, sau mười mấy năm, cũng có phần te tua lắm rồi. Tuy nhiên, nhiều lần, rất nhiều lần, sau những cuộc xô xát giữa vợ chồng vì những lý do thật ra chẳng đáng vào đâu, tôi có điều ân hận. Đã có lúc tôi tự nhìn, không nhân nhượng: Từ một "người hùng sông hồ", vòng alpha *trên cầu vai, tôi, chính tôi đây, đã trở thành một anh già, ngày ngày bận bịu với những mua bán táp nham, một người đàn ông tóc đã bạc, đã thưa, cái bụng (bia), hay... cái thùng nước lèo, đã quá bề thế, một anh đực đã từ khuya "mỏi gối chồn chân"!!!*

....

Nghĩ lại, trên nấc thang của bất cứ tiêu chuẩn Đông Tây nào, phải công nhận rằng Loan là một người đẹp. Hơn nữa, "đẹp người".

Đẹp xấu, ối, người ta có thể chủ quan lắm. Chỉ biết thường được xem là đẹp khi người đàn bà được khen mới chỉ là xinh. "Đẹp người" còn mang ý nghĩa ưa nhìn. Loan không vừa lòng với cái tước "đẹp người" ấy. Những năm gần đây, nàng thường than vãn là bụng nàng nhão, là đùi nàng quá bự, là chân nàng quá ngắn. Tôi cho rằng Loan quá khắt khe với chính mình. Người đàn bà nào trên tuổi ba mươi mà bụng không xệ đi một tí, nhão đi một tí?! Tôi sẵn sàng chấp nhận (và thưởng thức) cái xệ cái nhão đó như những thứ làm cho làn da bụng săn chắc của "cô gái Hậu giang" ngày nào càng thêm mượt mà, làm cho bàn tay vuốt ve của tôi càng thêm âu yếm. Sẵn sàng cảm thông như vậy cho cái bụng, chứ đôi chân "ngắn" và cặp đùi "bự" thì tôi hoàn toàn không chấp nhận những than thở ỉ ôi của Loan. Giản dị vì nàng có đôi chân (từ hông xuống gót) tuyệt đẹp. Ừ, đem so với những con tiểu yêu Âu Mỹ tuổi trăng tròn, tuổi đôi mươi, thì đùi và chân Loan làm sao mà thon mà dài cho bằng. Nhưng một người đàn bà Á đông, tuổi bốn mươi, có cặp giò như thế mà còn kêu ca thì chỉ đáng... đánh đòn.

Tôi không đánh đòn vợ. Tôi mua tặng Loan một cái bodysuit *gồm đủ* corset *phần trên và* bikini *phần dưới, có nẹp, có ren, ở hông có gắn bốn giây* garters *để móc vớ. Đi cùng cái "áo" là hai đôi* stockings, *vớ dài từ ngón chân lên đến nửa đùi, một đôi loại trơn, màu khói hương, một đôi kiểu lưới cá, rất "văm", đen nhánh. Tôi bảo Loan: "Em mặc áo này bó lấy người thì bụng biếc có xệ mấy cũng gọn lại, có nhão mấy cũng săn lại. Còn mấy đôi vớ, mang vào là chân em thon lại ngay, dài ra ngay, "xếch xi" lắm." Trời ơi, hôm ấy Loan làm tôi quê hết sức. Nàng mở hộp quà, lôi ra các thứ, xem qua, rồi vất tung lên: "Em không cần những cái đồ quỉ này! Em không phải con điếm! Anh học ở đâu cái trò này vậy?! A, biết rồi, hồi anh qua Virginia tu nghiệp lái tàu chứ gì?! Anh đi với mấy ông bạn cà chớn viếng bọn đĩ thúi ở Norfolk chứ gì?!" Tôi giận quá. Xông tới, tôi tát Loan hai ba cái đích đáng. Nàng nằm vật ra giường, khóc ngất. Hơn tuần lễ dấu bàn tay tôi trên má Loan mới thật tan hết, và chúng tôi giận nhau đến hơn tháng. "Em không cần những cái đồ quỉ này!" Đúng thế, Loan đâu cần. Chỉ áo thun quần* jeans *cũ, nàng đã "xếch xi" quá rồi. Tôi đã vô tình làm cho Loan tổn thương. Chắc là nàng đã nghĩ rằng tôi mua tặng những thứ kia vì tôi muốn biến nàng thành một thứ gái chơi Tây Mỹ. Oan cho tôi quá.*

Sự thật là đất nước chia đôi năm 54, tôi đã 25, không còn trẻ con nữa. Như nhiều thanh niên cùng thời, tôi vừa "đứng lên đáp lời sông núi", vừa mê như điên mấy cô đào xi-nê Pháp Mỹ. Chúng tôi phát giác ra rằng đàn bà con gái đâu phải chỉ là tà áo dài, ống quần lụa, đâu

phải chỉ là mái "tóc thề" và những cái "gót son". Chúng tôi cũng biết đê mê nhìn bộ ngực Jane Russell, cặp giò Brigitte Bardot, hay đôi mông cô gì, cô đào xi-nê Ý-đại-lợi đóng trong Riz Amer *sau về làm vợ đạo diễn của phim là Dino de Laurentis đó. Chúng tôi hy sinh mấy đồng bạc còm coi đi coi lại cái phim Pháp chiếu ở Rex chỉ để ngắm Michèle Morgan — hay Danièle Darrieux — Người đàn bà đẹp chín muồi chụm mấy ngón chân lại rồi thong thả xỏ vào chiếc vớ mỏng, rồi kéo rồi vuốt, kéo một cái lên tới đầu gối, vuốt một cái lên tới nửa đùi, rồi nhếch mông, rồi ưỡn người, rồi duỗi chiếc giò thon dài trắng nuột lên cao, để cho làn vớ mỏng như tơ, bóng ngời, ôm lấy da lấy thịt, căng thật căng, mướt thật mướt, ôi, chúng tôi theo dõi từng ấy cử động, và chúng tôi quên cả thở! Có, tôi thú nhận có si mê mấy cô đào xi-nê hồi đó, hồi mới ngoài hai mươi. Nhưng bây giờ, mấy chục năm sau...*

Loan hàm hồ, tôi uất, tôi tát cho mấy tát nảy lửa. Nhưng trong lòng, ngay sau đó, tôi thấy lóe lên một điều mừng: trong Loan, trong người đàn bà trung niên ngày nay, thì ra "cô gái Hậu Giang" ngày nào vẫn còn sống. Tôi lầm.

....

Tôi tưởng rằng cô gái yêu kiều mộc mạc còn sống trong Loan đó không chịu mặc những thứ mà trong sự hiểu biết của nàng chỉ những người nữ lẳng lơ hư hỏng mới ưa chuộng. Tôi tưởng rằng đâu đó trong tâm tưởng Loan còn là "cô gái Hậu giang" duyên dáng trong cái áo bà ba trắng thật giản dị và cái quần đen khiêm tốn. Giản dị và khiêm tốn nhưng đáng yêu biết chừng nào. Chỉ một nút áo bung ra, để hở một phần da thịt, là hấp dẫn còn hơn bộ ngực đồ sộ của Jane. Chỉ xắn ống quần đen lên rửa chân để lộ bắp chuối trắng ngần mát rượi là quyến rũ còn hơn cả bộ giò suông đuột của Brigitte. Tôi tưởng "cô gái Hậu giang" ấy, vẫn còn, vẫn sống. Tôi lầm. Sự thật là Loan đã tưởng rằng mang vào mình những thứ "diêm dúa" kia sẽ đưa nàng xuống hàng những con đàn bà hạ cấp. Một người như Loan phải có những yêu thích cao sang hơn. Nàng không biết rằng những yêu thích gọi là "cao sang" này lại khiến cho nàng chối bỏ cái thế giới đã sinh dưỡng "cô gái Hậu giang" trong nàng ngày trước.

Tôi không muốn, một cách hàm hồ và dễ dãi, nói rằng Loan đã bị "Mỹ hóa". Tôi không quan niệm "Mỹ" là những nét văn hóa xã hội thông tục ngày nay, "Mỹ" của McDonald's và Pizza Hut, "Mỹ" như học sinh đem súng đến trường bắn loạn xạ, "Mỹ" như con gái nhà lành mặc áo hở rốn... Tôi chỉ muốn nói rằng Loan đã "hiện đại hóa" một

cách bừa bãi. Trong nhà, ngoài nhà, không có một thứ gì, như lời quảng cáo nhắc đi nhắc lại, làm cho đời sống "tiện nghi" hơn, mà Loan không mua, mà chúng tôi không có. Chẳng hạn chuyện tắm táp. Sau cả đời chỉ biết cầm gáo dừa múc nước, Loan lên Sài gòn và đã xuýt xoa thích thú cái hoa sen. Qua đến Mỹ lại có nước nóng nước lạnh, bồn tắm, phòng Shower. *Bây giờ, Loan phải có cho bằng được bồn nước xoáy kiểu này kiểu nọ, áp lực mạnh, áp lực vừa, vân vân. Chẳng hạn chuyện xe cộ. Hai cẳng đi bộ lên xe đạp. Xe đạp lên xe gắn máy. Xe gắn máy lên xe hơi. Một quá trình dằng dặc. Lên tới xe hơi rồi, lên đâu bây giờ? Tàu bay, tàu lặn hãy còn quá xa. Cadillac, Mercedes, Lexus là những tên đã quá quen thuộc. Loan lại không ưa loại xe trưởng giả. Thời nay, phải gồ ghề, trẻ trung hơn. SUV, SUV. Người ta đua nhau mua SUV. Loan cũng đòi mua cho được một cái* Toyota Cruiser, *cái xe mà hãng quảng cáo làm công việc dụ khị khách hàng cho Toyota đã nghĩ ra một câu đáng ngậm mà nghe: "Ở một thời điểm khác, (xe này) có thể được coi là một vị thần linh đấy". Ngồi ngất ngưởng trong cái SUV, một tay cầm bánh lái, một tay cầm cái* cell phone *nhỏ xíu, mới đủ bộ sậu.*

Loan lai rai bán nhà, năm thì mười họa mới bán được một cái, (tôi nghĩ có lẽ mấy bà mua nhà, đi với chồng, e ngại người Agent quá hấp dẫn này) nhưng bíp bơ bíp biếc đủ cả. Tôi bảo Loan: "Đeo gì cái này vào người đi đâu người ta cũng gọi làm phiền mình" Loan vùng vằng: "Anh ở tiệm suốt ngày, biết gì mà nói. Người ta làm ăn, người ta cần".

Làm ăn! Đã mười lăm năm tôi làm ăn với cái tiệm chạp phô này. Chạp phô vốn kiểu Á đông nhưng nay đã được "Mỹ hóa" cho nên không thiếu một món, mà thu nhập cũng bộn. Từ bao gạo đến bao thuốc. Từ kim châm đến kim chi. Từ Jasmine Tea *đến* T-shirts. *Từ vi-đê-ô "Yêu và Hận Muôn Thuở" đến vi-đê-ô "Quỉ không đầu ở Elko"...*

Từ ghế trước chiếc SUV Cruiser *vừa "xếch xi" vừa gồ ghề, vừa mắc tiền vừa bặm trợn, Loan trườn xuống, váy* mini *xếch lên quá nửa đùi: Không ai có thể ngờ rằng cả người đẹp lẫn xế hộp đều từ cái tiệm chạp phô này mà ra. Cái tiệm chạp phô ngày ngày có mặt người đàn ông tóc đã bạc, thưa đến nỗi thấy cả da đầu láng bóng, lặc lè cái thùng nước lèo trước bụng, người đàn ông từng đầu đội thiết trụ, vai mang vòng* alpha, *đứng hiên ngang trên mũi chiến đĩnh, tay lăm le khẩu M16 chẳng khác chi người xưa trong Chinh Phụ Ngâm Khúc "Rượu thôi múa cán Long tuyền/Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo". Cái tiệm chạp phô đã đem lại cho chúng tôi thật nhiều lợi lộc vật chất mà cũng vô số phiền hà cay đắng. Với tôi, tiệm chạp phô này*

thật có khác gì cái "ngõ hẹp" trong câu thơ tầm tầm ngày trước. Tiệm càng phát đạt, bụng càng bự, "đời" càng "tàn". Thế thôi. Ôi, "đời tàn trong ngõ hẹp", câu thơ của ai, tôi không còn nhớ.

....

Cuối thập niên 80, đồng bào kháo nhau tình hình quốc nội "hình như dễ thở" hơn, có vẻ "khả quan" hơn. Thỉnh thoảng, tôi nói với Loan, nửa thật nửa đùa: "Em à, mình bán tiệm bán nhà, về Việt Nam sống đi". Tôi vẫn ước ao mơ hồ về nước sống một cuộc đời đơn giản hơn, đạm bạc hơn. Ngôi nhà nhỏ, có bộ phản kê chái bên, sau nhà có bụi chuối cạnh giếng mát, trước sân có cây quít trái đỏ rực... Giấc mơ của hàng triệu đàn ông Việt Nam sau mấy chục năm khói lửa. "Cô gái Hậu Giang" phản đối ngay: "Điên hả?! Tiệm đang phát triển ngon lành thế này mà bán à?!" Lần đầu tôi đưa ra ý kiến về sống ở quê hương, phản ứng của Loan chỉ có thế. Nhưng sau đó, cứ mỗi lần tôi nhắc đến chuyện về Việt Nam — vì đó mới thật là mối bận tâm của tôi — Loan còn đưa ra hàng loạt lý do khác để phản bác. Không là tiệm đang phát triển thì là nhà ở Mỹ đang xuống giá. Không là khí hậu ở Việt Nam nóng nảy thì là đi lại khó khăn, không là trộm cắp thì là ruồi muỗi, không là phố xá xô bồ thì là ăn uống dơ bẩn, vân vân. Tôi nói: "Nhưng đó là quê hương, là đồng bào mình em ơi". Loan thẳng thừng: "Ừ, thì anh về đi, về mà sống với bọn công an cán bộ!" Nàng dồn tôi vào chân tường. "Anh cứ mơ tưởng hão huyền. Hết rồi anh ơi. Không còn nữa đâu. Ở đó mà về với quê hương đồng bào!" Loan ăn nói kiểu đó, tôi buồn. Nhưng trong thâm tâm, tôi phải công nhận rằng những điều nàng nói không phải không có cái đúng. Bản thân tôi, tôi không nói ra chỉ vì những điều này, chúng quá phũ phàng đó thôi.

Tôi không có được sự dứt khoát của Loan. Bám víu vào một mơ ước và tưởng tượng một ngày, một ngày kia sẽ thực hiện được (tuy rằng tôi cũng biết đó là một mơ ước hão huyền) giúp tôi chống đỡ phần nào nỗi nhục nhã của một cuộc sống hèn mọn. Trong khi đó, Loan, "cô gái Hậu Giang" nay đã trên 40, tuổi bốn mươi chín muồi của một người đàn bà chín cả thể xác lẫn tâm hồn, Loan sống phây phây mặc dù nàng đã, như câu nói thường nghe, qua rồi cái "thời xuân sắc". Có lúc tôi đã thầm ví Loan, cùng nhan sắc chín muồi của nàng, với một đóa mẫu đơn mãn khai. Mẫu đơn là loài hoa lớn, dáng lộng lẫy, thơm ngát. Hương mẫu đơn nhã, tuy nồng nàn, mê hoặc. Khi mẫu đơn nở hết cỡ, cánh hoa mềm đi, dã dượi, hoa mang nét tàn tạ nhưng lại cực kỳ quyến rũ. Cũng có lúc Loan làm tôi nghĩ đến một tô phở.

Một tô phở thật bự, thật nóng, mấy lát thịt ngồn ngộn, hành, ngò, húng quế tươi rói, thơm lừng. Húp vào, nuốt xuống, đã!

Nếu Loan là một tô phở vừa bự, vừa nóng, thơm ngào ngạt, thì tôi là một chén cơm nguội. Nguội thôi, tôi không muốn cường điệu đến mức nói rằng chén cơm nguội đã có mùi thiu... Phải chi cơ sự chỉ có thế.

....

Phải chi cơ sự chỉ có thế. Phải chi! Một lần chúng tôi ngồi chơi trên bờ ao. Nhìn xuống nước tôi thấy rõ bóng Loan và những vùng mây trắng xóa. Loan ngồi bệt xuống cỏ, một chân co một chân duỗi theo mép ao. Hôm ấy nàng mặc váy ngắn mà lại ngồi như vậy cho nên bóng nàng dưới nước phô rõ một phần đùi trắng ngần và chiếc bikini *màu hồng tươi.*

Loan nhìn tôi: "Gì thế anh?" Tôi nói: "Có gì đâu". Loan cười cười: "Trông anh kỳ kỳ". Tôi quay mặt phía khác vì tôi biết mặt tôi biến sắc. Tôi chỉ nói: "Kỳ gì đâu!". Sự thật, sự thật là thấy bóng Loan dưới nước như vậy, bỗng nhiên tôi thèm Loan hừng hực. Tôi không ngờ tôi vẫn thèm muốn ráo riết như thế. Tuy nhiên, tôi đã nhẩn nha, tôi chờ... Tối đó, khi Loan đã thở đều, ngủ say, tôi mới tiếc rằng phải chi khi chiều, trên bờ ao, tôi đè ngửa Loan ra cỏ, kéo phăng chiếc bikini *qua một bên rồi dí nát môi miệng tôi lên nàng! Phải chi tôi cứ ngốn ngấu như vậy cho đến khi Loan kêu thét lên và cả mặt mũi tôi đầm đìa hương hoa của nàng! Vườn nhà mênh mông, và kín đáo vắng vẻ, muốn làm gì thì làm, nhưng tôi đã không làm thế. Tôi chỉ ngửa mặt nhìn trời: tôi chỉ thấy trời xanh cao mênh mông, mây đùn mấy đám lao đao... Và tôi thèm muốn Loan điếng cả người.*

....

Lần khác, một việc khá kỳ cục xảy ra. Tiệm đóng cửa, một ngày hiếm hoi, Loan và tôi đi dạo trong vườn. Đến gần ao, Loan nói: "Tới xem cá đi anh". Chúng tôi đến bờ ao thì thấy có một con rùa nổi lềnh bềnh. Mai rùa rêu bám xanh lè, bốn chân chìm dưới mặt nước, nhưng cổ và đầu vươn lên cao. Tôi lấy làm lạ, không biết rùa từ đâu mà đến trong ao này: đường kính mai rùa khoảng 35-40 phân tây; một con rùa khá lớn. Chúng tôi đi loanh quanh trên bờ ao. Đi tới đâu, rùa bơi theo tới đó. Tôi đứng lại nhổ một chùm cỏ dại trong khi Loan chậm rãi bước tiếp. Dưới nước, con rùa bơi theo nàng. Loan quay lui chỗ tôi đang

đứng thì rùa cũng bơi lại. Loan nói, giọng nhí nhảnh: "Chàng rùa theo em!" Tôi phụ họa: "Nó mê em rồi đó". Nói xong, tôi ngượng. Đùa cợt nhảm nhí. Tôi bảo Loan: "Thôi, anh vô nhà đây. Em vô chưa?" Loan nói: "Chưa, anh vô trước đi". Tôi lững thững đi vô nhà, trong lòng nhen nhúm một nỗi bực dọc. Chẳng lẽ tôi lại đi ghen với một con rùa! Nỗi bực dọc làm tôi thở gấp. Và khát nước. Tôi đứng ở bếp, uống một ly nước lạnh. Qua cửa sổ căn bếp, tôi thấy Loan khom mình xuống bờ ao... Tôi ngẫm nghĩ. Hôm ấy trời nóng và ẩm, Loan mặc cái áo chẽn hồng nhạt, hở vai và nách. Ngực Loan trông càng đầy và lớn, nhô cao. Đứng cách mấy bước mà tôi ngửi thấy mùi da thịt nàng. Bên dưới, Loan mặc cái quần cụt trắng, bộ "shorts" nàng vẫn mặc mỗi khi chơi quần vợt. Nói "chơi quần vợt" chứ Loan ra sân, đâu có thao dượt gì. Nàng chỉ cần đi tới đi lui thôi. Mấy anh chơi quần vợt hai sân bên cạnh mới đấy tung hoành tiến thoái vùn vụt thế mà bây giờ có vẻ chậm hẳn lại. Nhất là những khi Loan cúi xuống lượm banh. Đã nhiều lần tôi bảo Loan rằng cái "shorts" này ngắn quá, hở hang quá, đừng bận nữa, kỳ lắm, nhưng nàng không nghe. Loan mặc quần này, đôi mông vốn đã nở nang của nàng lại càng lồ lộ. Cái hình tam giác nổi rõ, căng phồng... Là chồng Loan tôi ngượng. Vừa ngượng vừa thích: một hôm, viền ren của xì-líp thế nào lại lòi ra chút xíu ngoài mép quần "shorts". Tôi ngờ rằng quần lót Loan chắc phải ẩm ướt lắm. Ướt, không phải chỉ vì mồ hôi... Chỉ nghĩ vậy, tôi đã thấy kích thích tợn. Ngượng và thích, nhưng giận. Giận, đồng lõa với ngượng và thích, làm tôi xấu hổ, và đốt cháy gan ruột tôi.

....

Tôi nói giận là giận cả chính mình. Tôi tồi đến nỗi đã không chống cự lại được những khó khăn của bản thân mà còn để cho tâm trí bại xuội đến mức bị xâm chiếm bởi những ám ảnh bần tiện, dơ dáy. Tôi thấy tôi không phải đối với Loan. Ừ thì "cô gái Hậu Giang" không còn nữa. Cũng như "người hùng sông hồ" đã chết. Ngày nay, tôi đã quá sáu mươi, Loan cũng bốn mươi hơn, chúng tôi có một đời sống khác trước kia, chúng tôi, đúng hơn, tôi, tôi phải chọn một tư thế sống khác. Tôi không thể tiếp tục sống trong hão huyền, trong hoang tưởng. Loan "đong đưa", có thể, nhưng nàng hồn nhiên, vô tội. Thật ra, đâu có thiếu lý do và cơ hội để cho Loan sa ngã. Thằng Raul chẳng hạn, thằng gốc Columbia, lái xe tải, hàng tuần chở các thứ chai, hộp nước ngọt, v.v... đến giao cho tiệm chúng tôi từ đầu năm ngoái, thằng đó nó để ý đến Loan từ lâu. Mới ba mươi ngoài, Raul là một anh đực lý tưởng!

Mỗi lần nó đến giao hàng, đẩy cái càng hai bánh vô tiệm, mặc mỗi cái áo may-ô đen, để lộ bờ vai rộng lớn, bắp thịt u nần, và hai cánh tay to tướng, chắc nịch, tôi không khỏi có cảm tưởng bị xô gạt, chen lấn. Mắt Raul lớn, đen ngòm mà sáng quắc dưới cặp mày rậm rì, quét một vòng rất nhanh lên thân thể Loan, cái nhìn sắc, gọn, hực lửa. Tôi giữ một khoảng cách khá xa đối với Raul. Tôi nghĩ rằng nó biết *là tôi* biết *rằng nó đã đánh hơi thấy con mồi ngon. Có lúc nó liếc nhìn Loan hai ba cái liền, rất gian, sẵn sàng vồ lấy. Phải coi chừng, tôi tự nhủ. Loan mà sểnh ra, thằng đó, nó ăn sống nuốt tươi. Nhưng một tháng rồi sáu tháng, một năm rồi hai năm trôi qua không xảy ra chuyện gì như tôi đã đề phòng. Tôi canh chừng mặc dù đồng thời tôi cũng để tâm xem thằng giao hàng vạm vỡ thi thố tài năng. Nhưng tôi đã phải kết luận rằng chính Loan là người giữ chìa khóa. Nàng không mở cửa thì có tài tình cách mấy thằng Raul cũng chẳng lọt được vào.*

Một người khác, có "ăn học", thuộc một giai cấp xã hội cao hơn, lại là đồng hương, biết đâu sẽ may mắn chiếm được mục tiêu. Q. Văn Trần, CPA, lo chuyện giấy tờ thuế má linh tinh cho chúng tôi mấy năm nay, người gốc Hậu Giang như Loan, cùng một lứa tuổi bốn mươi với Loan. Sáng sủa, khéo léo, chững chạc. Thỉnh thoảng, có dịp nói về đôi điều ngoài lãnh vực thủ tục, thuế má... cũng tỏ ra không phải là người nhạt nhẽo. Nhất là những khi anh ta xun xoe bên cạnh Loan. Nhiều lần tôi bắt gặp những tia nhìn thèm thuồng. "Tia" thôi: anh chuyên viên kế toán dè dặt, kín đáo hơn anh lái xe tải giao hàng. Loan, nàng chê anh chàng "gà mái". "Gà mái"? Nếu được học hành khá hơn đôi chút, có lẽ Loan đã dẫn hai câu tả Mã Giám sinh để chỉ Mr. Trần: "Quá niên trạc ngoại tứ tuần/ Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao". Chê thì chê, Loan vẫn cư xử với Q. Văn Trần một cách thân thiện, có thể nói là thân mật. Và chỉ thế mà thôi.

Ở với Loan bao nhiêu năm tôi mới hiểu rằng cái "đong đưa" của Loan là một thứ bản năng, một lẽ tự nhiên như cánh hoa gió lay ngoài dậu, ong bướm có chờn vờn thì cứ, hoa chỉ "đong đưa" để thỏa mãn chính mình, để tiết bớt hương sắc ra cho trời đất, "đong đưa" như một sự hô hấp, một phép tuần hoàn, thế thôi. Kẻ không biết, không nhìn sâu và kỹ, kẻ có sẵn thành kiến có thể cho rằng Loan là một người nữ "đong đưa" và đong đưa có nghĩa là luông tuồng. Họ lầm.

....

Tôi nói người ta có kẻ lầm trong khi chính tôi đây cũng có cái lầm to. Một cách khác.

Trưa nọ, có việc phải về nhà gấp, tôi lái xe từ tiệm về thình lình. Thấy thấp thoáng bóng Loan ở bờ ao — hôm ấy nàng nói phải đợi đem một người khách đi xem mấy căn nhà — tôi đi thẳng ra phía sau. Loan đang khom mình cúi xuống ao, không biết là tôi đã về. Nàng mặc bộ đồ tắm hai mảnh đen tuyền, bộ đồ tắm thật đẹp nhưng tôi đã nhiều lần tỏ ý không ưa. Cái nịt ngực thật tình chẳng che đậy gì cả. Chỉ hai đầu vú mới được dấu đi chứ tất cả là phơi ra. Còn cái bikini... *Loan đang cúi mình xuống nước khi tôi bước tới. Nghe động, nàng giật mình quay lại: "Trời, làm em hết hồn!" Tôi hỏi: "Em làm gì đó?" — "Có làm gì đâu, phơi nắng chút chơi vậy thôi". Tôi bước lại gần. Dưới nước, con rùa xoay lưng, quẫy một cái, lặn mất. Tôi hỏi Loan: "Em phơi nắng với rùa à?" Loan trả lời, rất thản nhiên: "À, em ngồi đây, rùa nó thấy, nó bơi lại đó mà".*

Sau hôm đó, còn nhiều bữa khác tôi bắt gặp Loan ở bờ ao, mà lần nào cũng có con rùa đâu gần đấy dưới nước. Dần dà tôi có một ý niệm rõ ràng hơn về Loan và con rùa. Lần này tôi bắt gặp Loan đang ngồi trên bờ ao, đờ đẫn nhìn theo con rùa dưới nước. Con rùa nổi lên, thấy gần toàn vẹn cái mai. Đầu rùa vươn lên, có vẻ thách thức, sừng sộ. Tôi thấy mắt Loan như ngây đi. Cách ngồi của Loan không được kín đáo: Mặc váy mà nàng lại ngồi một chân co một chân duỗi, phô bày hai bắp đùi nõn nà trắng nuột. Một ý nghĩ thoáng qua trong đầu, nhưng tôi gạt bỏ đi ngay. Quái đản!

Đêm ấy, tôi ngủ không yên. Cứ thấy trước mắt hình ảnh Loan trên bờ ao, nhìn theo con rùa nổi lềnh bềnh dưới nước. Tôi mơ thấy trời nóng nực khác thường mặc dù đã vào thu. Mùi nước hoa, mùi đàn bà của Loan xông lên làm tôi ngây ngây, say say. Con rùa vươn cái cổ dài, ướt mèm, với nhiều đường gân nổi phồng; phần trên cái đầu tròn tròn mà phần dưới lại dèm dẹp làm tăng vẻ cong cớn ngạo mạn của chiếc cổ dài. Đầu và cổ rùa ưỡn lên như với sức căng của một cánh cung, cứng mạnh, gồ ghề, trần trụi: Tôi có cảm tưởng cái đầu nở ra, to ra, và cái cổ dài thêm, dài thêm, và cả đầu và cổ trườn lên, trườn lên, toàn thịt và gân, chắc nịch, bóng nhẫy, trườn lên, trườn lên, lên đến tận giữa hai đùi Loan. Mõm con rùa hé mở, một cục trăng trắng, đặc quánh, ứa ra, rồi rớt xuống. Rồi một cục nữa. Rồi một cục nữa. Rồi chất đùng đục ấy trào ra, trào ra, rơi lõm bõm xuống nước. Rồi từ mõm rùa phọt ra những tia lớn, bắn ngược lên, tung tóe trên đùi Loan, lên bụng, lên cả mặt mũi Loan. Người đàn bà hét một tiếng, ngồi bật dậy, hai chân căng thẳng duỗi ra, rồi lại nằm vật xuống, rên rỉ. Những hình ảnh như thế cứ lởn vởn mãi trong đầu. Cả đêm tôi ngủ không yên.

Rồi mấy đêm liền tôi ngủ không yên. Mấy đêm liền những hình

ảnh ấy cứ quay lại với tôi. Có lúc tôi định đem chuyện này nói cho Loan biết nhưng lại thôi. Tôi chỉ để ý thấy Loan có điều khang khác trong lúc chăn gối vợ chồng. Khang khác làm sao, thật tình tôi không rõ. Tôi chỉ nhận ra rằng có lúc nàng vồ vập ghê gớm, có lúc lại thờ ơ lạ lùng. Cái vồ vập của Loan hình như có phần tàn bạo. Mà cái thờ ơ của nàng lại có vẻ bất cần. Tôi không vui nhưng không nói gì cả. Tình trạng này kéo dài cả mấy tuần lễ.

....

Hôm ấy đúng là ngày định mệnh. Nắng to tuy trên trời, rất cao, có dăm ba đám mây lớn, trắng xóa. Tôi đã thuyết phục được Loan bỏ tiền mướn người làm để chúng tôi được rảnh rang nghỉ ngơi nhiều hơn. Mang tiếng đã về hưu, cho đến tháng qua tôi vẫn ngày ngày còng lưng túc trực ở tiệm.

Sau giấc ngủ trưa thật ngon, tôi cảm thấy trong người thoải mái. Và rạo rực. Không thấy Loan trong nhà, tôi vào bếp rót một ly nước lạnh. Nhìn ra cửa sổ, tôi thấy Loan ngồi trên bờ ao. Tôi có thể thấy cả mặt nước và những cành thủy trúc lơ thơ trên mép bờ. Loan ngồi dạng hai chân, duỗi khom khom xuống bờ cỏ. Rất hớ hênh. Tôi càng thêm rạo rực. Tôi có nhiều "tật" xấu nhưng nhìn lén không phải là một trong số "tật" ấy. Là một người đàn ông bình thường, tôi vẫn ưa nhìn ngắm đàn bà con gái có nét hấp dẫn. Ấy vậy mà khi có người nữ nào đó cố ý phô trương hay chỉ là vô tình, bất cẩn, hớ hênh lộ liễu, tôi lại khó chịu. Khó chịu cho người nữ ấy, khó chịu cho chính mình như thể vô can mà phải chứng kiến, và chia sẻ, một sự trơ trẽn. Thế nhưng hôm ấy nhìn Loan ngồi dạng chân trên mép ao, tôi bị thu hút dữ dội. Tôi vội đi vào phòng khác để tránh thấy Loan, nhưng chỉ chốc sau tôi đã quay trở lại vị trí cũ ở cửa sổ bếp. Rồi tôi lại chạy vào phòng làm việc. Lấy cái ống nhòm. Tôi điều chỉnh ống nhòm thật rõ, và cái tôi thấy làm tôi run cả tay: dưới nước, ngay trước chỗ Loan ngồi dạng hai chân, là con rùa. Nó nổi lềnh bềnh, bất động, cổ và đầu vươn lên, dài cũng đến gang rưỡi tay. Tôi thở dồn, cầm ống nhòm rời khỏi bếp, đi vòng hành lang trong nhà, đẩy cánh cửa lớn phòng ngủ, ra hiên sau. Từ đó tôi có thể quan sát rõ ràng hơn. Tôi thấy mặt Loan đờ đẫn, mắt lim dim, miệng trễ xuống, chót lưỡi nhỏ hồng tươi lộ ra giữa đôi môi mọng. Tôi nhìn xuống thấp hơn. Hôm ấy Loan mặc cái áo "dress" mùa hè trắng lấm tấm bông tím nhạt, vải bông sợi dịu nhẹ mát mẻ, cái áo tôi vẫn rất ưa. Váy rộng, vén lên cao, thật cao. Đùi Loan no đầy, nuột nà. Và một tay nàng lọt thỏm giữa hai đùi. Loay hoay mãi, tôi vẫn không thể điều

chỉnh cái ống nhòm để thấy rõ hơn: Một góc váy che mất một phần tay Loan. Không thấy được nhưng tôi biết. *Tôi* biết *là Loan đang làm gì với bàn tay ấy. Tôi nhìn xuống thấp hơn. Dưới ao, ngay chỗ Loan ngồi. Con rùa ngỏng đầu lên. Tôi thấy cả nước giọt lõm tõm. Tôi thèm Loan điên dại. Và tôi giận sôi gan. Đặt ống nhòm xuống cái ghế bên cạnh, tôi tóm lấy cây gậy, cành sồi nặng chịch cứng như sắt, cất giữ đã nhiều năm và vẫn được dựng sau cánh cửa hiên. Tôi cầm gậy chạy vụt ra ao. Loan thấy tôi, vùng ngồi thẳng dậy, la lớn: "Anh, làm gì vậy?!" Chỉ hai ba bước tôi xuống đến mép nước. Thường thường, con rùa không dạn dĩ đến thế nhưng hôm đó nó nghiêng nghiêng đầu nhìn tôi. Tôi nhắm lưng con vật, giáng thẳng xuống một gậy. Có tiếng nổ toác, như ống bương nổ trong lửa. Loan kêu: "Anh, anh, làm gì kỳ vậy?!" Sẵn gậy trong tay, tôi quơ ngang một cái, trúng vai Loan. Nàng chúi qua một bên, mắt trợn ngược, la lớn: "Trời ơi! Điên à?! Cà chớn!!!" Cơn giận càng bùng lên, tôi nhắm đầu Loan, nghiến răng bổ một phát. Loan gục xuống. Trong khoảnh khắc, nàng đầm đìa máu. Chân tay Loan giật giật mấy cái rồi thẳng đơ, bất động. Tôi vất gậy xuống, ngồi lên cỏ, cạnh Loan. Thân xác lẫn tâm trí tê điếng. Thật lâu sau đó, khi mặt trời đã xế quá rặng thông già phía Tây, khi khu rừng xương rồng trước mặt đã dày đặc bóng chiều, tôi mới đứng dậy, đi vào nhà, tìm thấy, và gọi số điện thoại đồn cảnh sát địa phương.*

Khi hai chiếc xe tuần tiễu hụ còi, đèn xanh đèn đỏ chớp loang loáng trề tới, dừng trước cổng nhà, tôi mới mở cửa bước ra. Tôi dẫn hai anh cảnh sát mặc đồng phục đen ra bờ ao. Tôi chỉ cho họ thấy xác Loan nằm sóng soài. Tôi làm mọi việc phải làm mà lòng thấy dửng dưng, tưởng chừng như những gì xảy ra trước đó chẳng dính dáng gì đến tôi cả.

....

Từ ngày vào tù, tôi ít khi nghĩ đến chuyện cũ. Thật kỳ quái: tâm trạng dửng dưng chiều nọ cứ tồn tại trong tôi. Nhưng rồi, một đêm, lần đầu tiên, tôi nằm mơ thấy Loan. Vừa ở trong nhà bước ra, tôi thấy ngay nàng đứng ở bờ ao. Tôi nhận ra chiếc áo đầm trắng lấm tấm bông tím nhạt. Loan nhìn tôi, cười. Không, không phải cười. Loan nhe răng. Và giữa hai hàng răng cửa trắng toát, một chót lưỡi lòi ra, đỏ lòm. Tôi tiến lại gần, đưa hai tay ôm chầm lấy Loan. Nhưng tôi chỉ ôm phải một khoảng không: nàng đã tan biến mất. Tôi nghe tiếng lõm bõm dưới ao. Nhìn xuống, thấy Loan nằm dài trên mặt nước, váy tốc lên đến tận bụng. Và bên cạnh, con rùa nổi lềnh bềnh.

Giấc mơ này cứ trở lại ám ảnh tôi. Mỗi lần tỉnh giấc, tôi tự nhủ là lần sau mơ thấy Loan tôi sẽ không đưa hai tay ra nữa. Nhưng lần nào nằm mơ tôi cũng vẫn cứ đưa hai tay ra ôm chầm lấy nàng. Như thể đó là một cử chỉ chứng tỏ sự hối tiếc của tôi. Kỳ cục, vì khi tỉnh thức và sáng suốt, tôi không cảm thấy có ân hận nào trong lòng cả.

Mọi lần như một, cứ tỉnh dậy từ cơn mơ là một cảm giác kỳ quái xâm chiếm lấy tôi: vừa ghê rợn, vừa tiếc thương. Nhưng đồng thời, tôi ý thức được con người sinh lý của tôi lại no nê, đờ đẫn. Như thể mới vừa hưởng qua một cơn hoan lạc xác thịt cực kỳ thỏa mãn. Với Loan. Cả thân xác tôi đang còn rưng rưng khoái cảm. Niềm khoái cảm ấy từ từ, từ từ rút ra khỏi da thịt, xương gân tôi, thật chậm rãi, thật đều đặn, như nước rút đi khi trận lụt đã qua. Tôi thò tay xuống thăm dò: tôi đang trên đà thư giãn. Rút lại, rút lại, và nhày nhụa, đầm đìa.

Rồi suốt đêm, tôi không ngủ. Tôi nhắm mắt giả vờ ngủ say khi nhân viên kiểm tra đi rảo ngoài hành lang, rọi đèn "pin" lướt vào mỗi căn phòng giam. Khi hắn qua rồi, mắt tôi lại mở ra, thao láo. Và tôi lại thấy những cái răng cửa nhỏ và đều, trắng toát. Loan nhe răng, chót lưỡi lòi ra, đỏ lòm.

Những giấc mơ này có khi cả tuần lễ không trở lại. Rồi liên tiếp mấy đêm liền tôi nằm mơ. Lần nào cũng y hệt nhau. Một lần, tôi nhớ là đừng đưa tay ra ôm lấy Loan, và tôi đã dừng lại đúng lúc. Nhưng nàng chỉ đứng yên, cái chót lưỡi đỏ lòm mỗi lúc mỗi dài ra, dài ra cả hơn gang tay, dài ra cả hai gang tay, trông ghê tởm vô cùng. Cái lưỡi dài mà tròn bỗng chốc có hình dáng cổ và đầu rùa. Mắt Loan trợn trừng, long lanh, láo liên, trong khi cái lưỡi/đầu rùa ngọ nguậy, ngọ nguậy thòng dài xuống đến bụng nàng.

Tôi vùng tỉnh dậy, trống ngực đánh liên hồi. Cả người tôi ướt đẫm mồ hôi lạnh. Tôi biết là tôi đã sa sút lắm, sinh lực tôi đang bị bòn mót ra khỏi thể xác. Suốt cả tuần lễ, tôi cứ suy đi nghĩ lại là tôi không thể nào tiếp tục sống những ngày tù tội trong cô đơn và điên loạn như thế này nữa.

*

Đấy là trang viết cuối cùng của xấp "nhật ký" mà ông bạn Hữu đã đưa cho tôi đọc. Hữu thật chu đáo khi dặn dò phải "đề cao cảnh giác". Như Hữu nói, có *sex*, có *violence*... Đọc xong mấy trang viết của ông Nguyễn, tôi cảm thấy ê ẩm toàn thân. Tôi cứ nghĩ đến "người hùng sông hồ" thuở nào, đến "cô gái Hậu Giang" ngày trước. Họ đã đến được đất nước giàu có nhất thế giới, họ đã ăn nên làm ra, họ đã

vui buồn sướng khổ. Và họ đã chết một cách cực kỳ thê thảm.

Họ đã chết và chúng ta còn sống. Còn sống nhưng chúng ta biết được gì về họ? Vụ án mạng, xảy ra như một sự biến được tường thuật và đúc kết đầy đủ trong hồ sơ đã đến nằm trên bàn giấy của vị biện lý, và sau đó trở thành tư liệu pháp lý của tòa án, nghĩa là của mọi người. Còn những chi tiết trong đời tư của ông bà Nguyễn, thời gian ngay trước vụ án mạng, chúng ta chỉ biết được qua những trang viết bời bời đau đớn của người chồng. Cho đến giờ phút bước vào phòng giam tù chung thân, ông Nguyễn không hé môi về những chi tiết đó. Cho đến ngày nay, đọc được những trang do tay ông Nguyễn viết, chúng ta cũng vẫn không biết rõ cái gì đã xảy ra: ông Nguyễn đã giết vợ trong một tích tắc cuồng si, hay là trong hang tối sâu thẳm của tiềm thức ông đã quyết tâm đoạn tuyệt với một quá khứ? "Cô gái Hậu Giang" chỉ là một phần của cái quá khứ ấy.

Ông bà Nguyễn đã chết và chúng ta còn sống nhưng chúng ta có thể biết rõ hơn về những gì? Sau thời gian viết ra những giòng chữ trên không lâu ông Nguyễn đã đi những bước cuối cùng trong đời. Ông đã tự sát.

VÕ ĐÌNH

---

(1) nhằm nhò gì!
(2) gậy dài chừng một mét, chắc, nặng, để chơi *baseball*, thể thao số một ở Hoa kỳ
(3) (Pháp ngữ) bất đắc chí, thất vọng

VÕ ĐÌNH

rừng mắm
văn nghệ

mười tám chuyện văn nghệ

Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15MK.

VĂN NGHỆ

TN

LÊ MINH KHUÊ

Thân phận cu ly

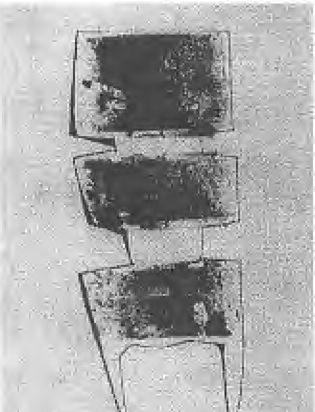

Cái xóm của mấy ông giáo bậc đại học, hằng năm nay im lìm như bãi tha ma, bỗng nhiên huyên náo như có đĩa bay hạ xuống sân trường:

- Này, con mụ Cành sắp về.

- Nó đã về rồi ông ạ. Nghe nói mới xuống sân bay...

- Khiếp, phen này thì xem ai làm thầy?

Ông giáo Trí buông một câu chua chát:

- Vậy thì thời nào cũng thế thôi. Cóc nhái nó cứ nhảy lên đĩa cả hàng đống ấy, thế mà sợ đấy.

Rồi ông bắt chéo hai chân vào nhau, bộ xương lòng khòng, cao khều của ông như cái khung gỗ sau tấm áo bông cũ.

Ông hếch mắt nhìn qua cửa sổ, tay nhổ sợi râu vô hình. Thói quen từ ngày xưa của ông mỗi khi ông nghĩ rằng trên đời này thật khó ai có thể sánh với ông.

Cái thời mọi thứ đang còn thịnh chứ không suy như bây giờ, nhà trường là một chốn thâm cung cao vời vợi, xa vời với đám chúng sinh. Ai được vào học ở nhà trường phải đạt cho đủ những tiêu chuẩn đầu tiên đề ra với mỗi sinh linh hồi ấy. Có nghĩa là phải mò cua bắt ốc từ thời cụ kỵ không bao giờ được một bữa no ra no. Suốt

đời ở thế cu li... Có như vậy khi được chọn vào trường mới lĩnh hội được hết những điều cao siêu về tương lai của nhân loại. Trường tấp nập, ai cũng có quyền vênh váo nhưng lại giả vờ khiêm tốn, để hòa nhập với quần chúng nhân dân thời ấy. Biên chế nhà trường hầu như được thả nổi. Các thầy có ai thân thích ở nhà quê là tha ra ăn gạo Nhà nước, làm cấp dưỡng, làm bảo vệ, giữ tủ... và vô số các công việc không đòi hỏi đến chữ nghĩa.

Cô Cành là em vợ ông bếp trưởng nhà trường. Cô lùn, mặt rỗ và vì quá đần nên trông cô lúc nào cũng như nghễnh ngãng. Cô được ông bếp trưởng xin ra thành phố giữ chân rửa bát ở tổ rửa bát của bếp cũng đã đông tới hơn chục người. Cô lại đèo theo một con bé con, cháu chắt gì đó trong họ. Hai dì cháu y như nhau, suốt ngày ú a ú ớ, câm không ra câm, điếc không ra điếc. Nhưng hai dì cháu đã có sổ gạo, có tem phiếu... đã là người thành phố. Cô Cành được chia cho một cái hõm, kê vừa cái giường cá nhân, ở gần sát chuồng lợn của bếp ăn. Cô rửa bát sau giờ sinh viên ăn, kiêm cả việc quét tước cho khu chuồng lợn. Được cái thỉnh thoảng cô lại thó được tảng cháy to ở trong chảo cơm, đem về giấu trong giường đến tối hai dì cháu có cái nhấm nháp. Chứ hồi ấy đối với cái bụng sinh viên lúc nào cũng rỗng, suất cơm tập thể chỉ đủ tráng qua dạ dày, chả bao giờ thấy thừa cái gì. Cô Cành sống thui thủi như vậy và được các ông giáo trong trường thương lắm, vì thấy cô hiền lành, chăm chỉ. Đi đâu về, họ thường dúi cho hai dì cháu củ khoai, củ sắn, cái kẹo hoặc có quần áo cũ đều cho để cô sửa lại mà mặc. Cô nhận với cái vẻ biết ơn câm lặng của con người cả đời chúi mũi xuống đất. Cứ thế được vài năm.

Rồi thời thế có chiều xoay vần. Biên chế nhà trường đã quá nặng. Cần phải giảm bớt. Lệnh ở trên ban xuống rành rành. Ai có tuổi thì bắt buộc nghỉ hưu. Ai không có nghề thì chuyển sang cơ quan khác. Biên chế thì cơ quan nào cũng phải gánh... và có khoảng năm suất dành cho những người có công lao nhất với nhà trường, dành cho ai khốn khổ nhất - đó là năm suất đi làm cu li ở xứ người da trắng. Cô Cành thì không có công lao, nhưng là người nghèo, người dưới đáy, cô được nhà trường chọn đầu tiên. Cô gửi đứa cháu về quê rồi khăn gói quả mướp lên đường, khóc dầm khóc dề vì cảm thương cái tình của các thầy, vì cả lo sợ: chữ nghĩa không thông, rồi làm ăn ra sao ở chỗ lạ nước lạ cái ấy? Các thầy phải an ủi mãi.

Đùng một cái, cái nước phương Tây ấy thống nhất. Rồi bùng lên những tin tức khủng khiếp về cái đồng tiền Cu tiền Đê gì đó có ma lực. Rồi rầm rì lan truyền về những số phận may mắn của

những thân phận cu li xứ ta được trôi nổi trong dòng di chuyển của đồng tiền... Vì vậy, hôm cô Cành về, các thầy đóng cửa ngồi trong nhà mà bụng dạ như lửa đốt. Sau năm năm, nhà trường cũng thay đổi mà cô Cành lại càng thay đổi. Cứ tưởng là cô vẫn lùn? Không, cô cao to phốp pháp. Bơ sữa của xứ người là thứ không phải xoàng. Lại tưởng là cô vẫn đần độn ú ớ như xưa? Đâu có! Cô ăn nói có văn có vẻ. Không thế thì làm sao sống được ở xứ mà suốt ngày người ta nói năng cũng hăng hái như làm việc? Cô mặc váy, đi giầy cao gót, đến chào tất cả các thầy. Thầy nào cũng có quà và cô rất tâm lý, cô hiểu cái dạ dày rỗng của các thầy nên gói quà nào cũng là đồ ăn. Ăn trên hết. Các thầy nhận quà, tán tỉnh cô vài câu, nói là mừng cho cô nhưng ruột gan các thầy như lửa đốt. Mẹ kiếp, nghe nói tài sản của cô lên tới tám trăm triệu. Có mà bán cả cơ ngơi cái trường này đi cũng không được phân nửa.

Cô Cành mua miếng đất ở gần cổng trường, làm nhà để sau này buôn bán cho dễ. Nhà phải sát mặt đường mới hái ra tiền. Chỉ loáng cái, ngôi nhà đúc đã lên xong. Cửa giả bằng gỗ lim chắc như sắt. Nhà hai tầng, mái bằng, không khác gì nhà cửa của các nhà giàu mới nổi lên trong phố. Khoảng trước cô trồng hoa. Cái cổng mở ra đường bằng sắt có hoa văn. Rồi cũng y như các nhà giầu mới nổi, một con chó "béc" to như con bò đứng gần cổng gầm gừ. Trong thềm, một con chó Nhật bé bằng bàn tay nhóc nha nhóc nhách bám váy cô chủ ra vào. Cô Cành đón con bé nhà quê ngày xưa cô nuôi lên. Con bé nấu nướng, đi chợ - và cũng y như dì nó, cứ tưởng nó đần độn? Có mà khối. Lúc này nó mặc váy đầm hở lưng, mặt vênh lên như bánh đa nướng. Hai dì cháu nó làm sáng choang cả cái cổng trường. Nghe nói, tối tối dì nó cho nó đi học nhảy đầm trong phố.

Buổi sáng cô Cành uống sữa và ăn bánh mì phết bơ. Cô vừa ăn vừa nhâm nhi lại cái thời cô ở bên ấy. Vốn nghèo, tính đã tiết kiệm, cô làm được bao nhiêu bỏ ống bấy nhiêu. Rồi một hôm có một ông Tây già nhìn cô, hơi nhấp nháy con mắt. Cô đi theo ông ta, nếm mùi Tây vừa hoi vừa béo. Ông Tây cho cô tiền. Tốt quá. Mình nghèo thì nên chịu khó. Và cô chịu khó thật. Cô có thêm thứ nghề phụ này, làm cho cả Tây cả ta, những kẻ xa nhà. Mấy năm như vậy, cô đã để dành kha khá. Nếu không có cái vụ đền bù thì cô cũng đã là loại cứng cựa rồi. Năng nhặt chặt bị. Có như vậy hôm nay cô mới được thong thả ngồi uống sữa với con chó cảnh. Thường dùng bữa sáng xong, cô thích đi dạo ở con đường nhỏ sau trường. Cô mặc váy, tóc cột nơ cao, hai tay mập mạp đút vào hai cái túi may trước váy, kiểu mới. Con chó trắng chạy theo. Cô cất tiếng gọi:

- Ô ô mi-nu "nại" đây?

"Ô ô" là cô học của Tây. Cô cũng nghe Tây nó gọi chó là "mi-lu."

Nhưng cô lại sinh ra ở vùng không nói được chữ "l." Thành thử nghe cô gọi chó là "Mi-nu," ông giáo Trí lại cười gằn:

- Mẹ, nó lại gọi bố nó bằng tiếng Tây.

Ông giáo Trí cay cú. Ông sinh ra trong một gia đình ba đời là quan lại. Cậu Ấm Trí ngày đó đi học có "gia sư" hướng dẫn... đi ngủ có vú em quạt màn. Thỉnh thoảng được gặp mẹ thơm phức trong bộ áo dài trắng từ trên ô tô nhà bước xuống. Cậu ấm đi theo cách mạng, làm cán bộ và thời cải cách, đã phải ký vào đơn tình nguyện cắt đứt với gia đình để giữ được trong sạch. Ông được nhận về dạy ở một trường kín cổng cao tường" cũng chỉ vì thành tích đã bỏ bố mẹ. Đến người vợ dòng dõi con quan đầu tỉnh thời ấy bố mẹ cưới cho, sau vài cuộc chỉnh huấn, ông cũng ly dị nốt. Ông lấy cô Thắm là cán bộ phụ nữ huyện, mặt to như cái mẹt, rất thích đứng diễn thuyết oang oang trước hàng vạn người và ở nhà, hễ cứ mở mồm nói với ông là dạy ông thế nào là tính giai cấp. Ông sống u mê bên cái loa thùng suốt cả cuộc đời, thực sự là đầu gio mặt muối với đàn con sáu đứa toàn vịt giời. Lúc này mụ vợ ông đã hạ cơn sốt nói, đã chịu lui về thị trấn nhà quê để còn lo hương khói cho các cụ, lại trồng trọt thêm được tí rau tí cỏ nuôi mấy con vịt giời. Con vịt lớn nhất đàn, mụ gởi lên cho chồng nuôi. Ông giáo Trí gởi nó vào ký túc xá. Mấy năm nay trường vãn người học. Các thầy đông hơn trò, lại cả đời ôm đồm đống chữ nghĩa mờ mịt nên không ai biết làm một cái gì khả dĩ kiếm thêm. Toàn bộ lương cộng với các thứ thâm niên các thứ phụ cấp của ông giáo được chín mươi tám ngàn. Ông có tới ba bằng đại học. Ông học đến hói cả tóc, giơ cả xương. Suốt đời ông giảng giải về cái thứ tương lai của nhân loại. Lúc này, trí thức và sức lực của ông chỉ dành cho một việc. Một việc vĩ đại. Ấy là ông ngồi tính toán cách ăn tiêu thế nào cho vừa với đồng lương.

Nhất thiết ông phải gửi về quê ba chục. Cho con vịt lớn đang học đại học hai chục. Còn lại phần ông. Mỗi tuần ông mua thịt một lần. Hai lạng thôi. Ông thái nhỏ kiểu quân cờ, ngâm vào nước mắm cho mặn đến từng phân tử. Rồi ông rang thật khô. Ông cho vào lọ. Mỗi bữa ăn ông lấy ra hai viên. Có hai viên như vậy nhai với cơm cũng tạo được cảm giác có chất pơrôtit... và một nồi đậu phụ. Ông mua loại đậu phụ nướng cho khỏi tốn mỡ. Ông dầm vào mắm tôm, vào muối, kho khô lên. Vậy là mỗi bữa cũng được một miếng. Hôm nào sang thì luộc quả trứng, cắt làm đôi, mỗi bữa một nửa dầm vào nước mắm. Rau thì

đỡ hơn vì sân trường rộng, chịu khó đi dạo cũng kiếm được bữa rau dại. Rồi tiền gạo, tiền điện, lại để được cả vài đồng phòng khi hắt hơi sổ mũi nữa. Ngày xưa ông giảng giải trước hàng ngàn học trò mà thấy bừng bừng, mà thấy phấn chấn, say mê, đầy tin tưởng. Ngày nay ngồi tính toán vài đồng lương ông thấy đầu đau nhức.

Cô Cành không phải loại bạc. Cô biết ngày xưa ai đã từng cưu mang cô lúc củ khoai củ sắn. Nên bây giờ thỉnh thoảng cô trả nghĩa. Nhưng đã trả thì phải trả cho đều, không thì các thầy ngấm nguýt, ghen tị nhau. Cô cũng thương ông giáo Trí. Có hôm cô mang cho cả lọ dầu ăn. Có hôm lại nửa cân giò, chục trứng. Chỉ véo trong đồng "đê mác" ra một tí là cô đã trả đủ tình nghĩa rồi. Cô cho ông giáo Trí, phải như trước kia ông đã mắng vào mặt (kẻ sĩ như ông, đời thủa nào...). Nhưng lúc này ông nở nang cả cái mặt gầy quắt vì thiếu ăn. Một lọ dầu ăn sẽ đỡ được gần vài ba chục ngàn, đâu phải chuyện nhỏ? Ông nhận ơn cô rồi sau đó lại cười gằn:

- Mẹ nó, cóc nhái thời nào cũng lên đĩa!

*

Ngày trước tôi có học với ông giáo Trí. Kiến thức của ông sâu rộng nên học trò không quên ông. Vào một ngày cuối năm, tôi vào trường thăm ông. Cái sân trường mênh mông xưa kia tấp nập yến oanh, lúc này im lìm như đã chết hết. Trông thấy một thằng bé đang tha thủi chơi một mình, tôi hỏi:

- Các thầy đi vắng hả cháu?

- Không cô ạ, các bác ấy ngủ.

- Nhưng đã bốn giờ chiều còn gì?

- Hôm nào các bác ấy cũng ngủ đến gần tối mới dậy nấu cơm ăn.

Tôi gõ nhẹ vào cánh cửa, đã nghe thấy tiếng thầy "mời vào." Nhà tối om. Tôi lần tìm cái công tắc. Ngọn điện đỏ cạch. Thấy ông giáo lồm cồm bò trong cái chăn mỏng ra, áo bông, mũ len, tất... đủ cả... y như đi ngoài trời. Tôi hỏi:

- Thưa thầy bị ốm không ạ?

Ông giáo cười gằn:

- Ốm đau gì đâu cô. Chẳng qua ăn uống chả ra gì, trời rét ăn được cái gì thì chui vào chăn cho nó tiêu hóa chậm. Một cách bảo tồn năng lượng thôi. Chứ còn đi lại thì chóng đói, mà đói thì rét...

Giọng thầy nghe rề rà, cũng đúng là "bảo tồn năng lượng"...

Tôi mở cửa sổ cho phòng đỡ tối. Ngay ở cửa sổ này, tôi nhìn thấy ngôi nhà mới của cô Cành. Cô đang đứng bên trong hàng rào, mặc váy ngắn tay. Lạy chúa, lạnh thế này mà cái áo váy làm cô có vẻ mát mẻ hết sức. Một tay cô xoa đầu con chó "béc," tay kia chỉ trỏ. Cô đang huyên thuyên gì đó với một gã đi xe máy, đang đứng ghếch một chân lên bậc thềm nhà cô. Một gã lực lưỡng, có thể bóp chết con trâu. Chiếc xe máy cũng không kém hùng hổ, trông sáng loáng lên như một khối vĩ đại toàn vàng. Anh ả đang tán tỉnh nhau gì đó, y như các anh ả thị dân mới nổi, hợm tiền khinh người như rác đang đầy rẫy ở phố phường. Ông giáo Trí lại rề rà:

- Đóng cửa lại em. Nhạc nó mở như là tiếng súng chiến trận như thế, nghe cứ ù cả đầu.

Ông ngồi vào ghế, ngay cái kiểu ngồi rụt đầu rụt cổ của ông, tôi cũng biết là ông đang "bảo tồn năng lượng"...

LÊ MINH KHUÊ

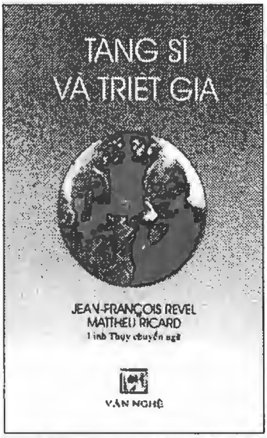

JEAN-FRANCOIS REVEL
MATTHIEU RICARD
Linh Thụy *chuyển ngữ*

tăng sĩ & triết gia

Giá 22MK

VĂN NGHỆ

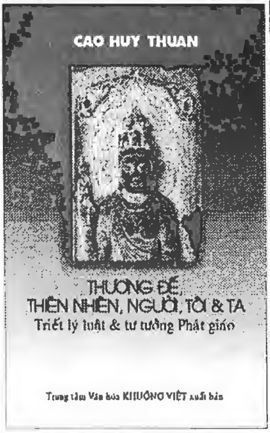

CAO HUY THUẦN
THƯỢNG ĐẾ,
NGƯỜI, TÔI & TA
Triến lý luật & tư tưởng Phật Giáo

Trung Tâm Văn Hóa
KHUÔNG VIỆT *xuất bản*
Giá 15MK

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Giao Thừa

em lễ hội 2000 trống chiêng tù và áo
                                        mớ bảy mớ ba yếm đào khăn lụa
rock xa lạ rống lên em khát anh em khát anh
ừ thì em khát anh nhưng mà anh cũng khát

anh khát một vầng sáng dịu dàng đêm quả thị
                                        em trở về là em không phải là cô Tấm
một dòng sông dân ca (không cầu xin tiên bụt vẫn) hiện lên
chảy giữa hai ta ẩm ướt khói sương tinh khiết
                                                            ngàn đời truyền giống

nếu sự chết làm hồi sinh sự sống
mùa đông là giá đỡ của mùa xuân
hai thế kỷ giao thừa ăn nước một dòng sông...

NGUYỄN TRỌNG TẠO

TRẦN THỊ NGH.

Phòng cho thuê

Chúng tôi mua căn nhà này bằng tiền của hãng bảo hiểm trả cho thân nhân sau khi con gái lớn của chúng tôi tử nạn cùng vị hôn phu Gia Nã Đại của nó trong một tai nạn xe hơi. Nhiều khi tôi và lão cay đắng nghĩ, nếu con nhỏ không chết tức tưởi, cả gia đình chắc còn phải ở nhà thuê, lê la từ khu ngoại ô này sang khu ngoại ô khác, lưu lạc dài dài.

Sartrouville là một khu ven đô cách Paris khoảng 30 cây số, mất hơn nửa giờ đường xe điện. Đường Strasbourg ngắn, cắt đại lộ Cộng Hòa không đột ngột, bởi chi chít những con đường nhỏ như Strasbourg đã băm đại lộ ra thành nhiều khúc với những dãy nhà na ná nhau. Nhưng ngôi nhà này sau vài lần sửa chữa nó đã khác nhiều so với những ngôi nhà trong khu vực. Cổng rào bằng gỗ đưa vào một lối đi hẹp hai bên um tùm cây lá. Hortensia mùa thu trổ đỏ, cầu thang sáu nấc dẫn lên hàng hiên có giàn hoa tím, rồi cửa vào. Bên phải là nhà bếp, đối diện nhà bếp là phòng lão. Sách báo bừa bộn, vớ bẩn dưới gầm giường, mùi ẩm của thảm trải lâu năm không hút bụi không tẩy không thay. Vải trải giường cũ. Quần áo máng tứ tung cái nào cũng đậm đặc mùi whisky và thuốc lá. Trông y hệt như trại tị nạn của thuyền nhân. Lão hận tôi cái tên thuyền nhân mà có lần tôi đã lỡ lời gán ghép cho lão, và luôn khi làm dữ mỗi khi tôi thập thò ở cửa phòng lão muốn

làm vệ sinh.

Giữa bếp và phòng lão là lối đi nhỏ đưa vô phòng ăn, bàn tròn sáu ghế ngồi. Lâu lắm mới có cảnh vợ chồng con cái quây quần bên cái bàn này đãi khách mời đến từ Việt Nam hoặc họp mặt vào những ngày quan trọng trong năm. Cao hơn phòng ăn một nấc mười lăm phân là phòng khách, không có vách ngăn. Cửa kính nhìn ra vườn ở sân sau, nơi mấy cây táo ngã xiêu sau một trận giông kịch liệt hồi tháng trước. Cánh trái phòng khách có một cửa thông ra cầu thang tám nấc dẫn xuống vườn. Dưới cầu thang này là một cầu thang khác đưa xuống một phòng nhỏ ở tầng hầm. Tôi sống trong đó, cạnh phòng chứa đồ cũ và phòng giặt. Cửa sổ phòng sát mặt đất, cũng nhìn ra vườn ở sân sau. Mùa thu lá rụng tấp dưới chân cửa sổ, vỗ lạch xạch vào mặt kính, nhiều khi tôi nằm ngó châm bẩm mấy chiếc lá lay lắc tự hỏi tại sao nhìn hoài không biết chán. Mùa đông thì lạnh te tái. Chờ lão gỏ cụp cụp trên nền gạch phòng khách để báo giờ cơm, tôi trùm khăn áo leo hai lần cầu thang lên nhà trên theo cửa phòng khách vào nhà bếp. Bảo đảm là lão chửi thề.

Đụ mẹ muổng nhỏ để theo muổng nhỏ, muổng lớn để theo muổng lớn. Dạy hoài không chịu nghe. Đụ mẹ đã nói bữa nay ăn bún tại sao nấu cơm ?

Tôi nín thinh. Nghe như gái vị thành niên bờ chờ bợt chợt mới về nhà chồng do tảo hôn, hoặc làm lẻ. Lão quên là năm chục năm chung sống của hai người đã tạo ra một bầy con cháu lũ khủ. Một thằng rể Gia Nã Đại, hai con dâu Tây, một con dâu Do Thái, một con dâu Đức, một con dâu Singapore, một thằng rể Trung Đông, một một lũ cháu ngoại mang hai dòng máu Việt nọ Việt kia. Lão quên tôi đã 68 tuổi còn lão thì cà thọt với xương sọ không còn tóc che.

Mặc cho tôi tỉa hàng rào, nhổ cỏ dại, quét lá trong vườn, tưới cây, bón phân, lão tỉnh bơ nhậu từ sáng tới chiều. Tính từ xu tiền điện nước nhưng lão sẵn sàng lái xe qua Carrefour vào bất cứ giờ nào trong ngày để mua rượu chí ít cũng cả trăm quan một chai. Sáng 2 ly điểm tâm lão bắt đầu kiếm chuyện. Cơm trưa từ 2 đến 3 ly. Gouté 2 ly vào khoảng 3 giờ chiều. Cơm tối 2 ly. Thêm một hoặc hai ly trước khi đi ngủ. Không thấy lão ăn gì, cứ để bụng đói nhậu, nhậu. Rồi vô nhà vệ sinh ói, xong nhậu tiếp. Mặt lão chữ điền, lúc trẻ trông cương nghị, bây giờ bạnh ra sưng bóng lên, mai mí mắt sụp, môi mỏng lại hụp vào trong do đã rụng bớt nhiều răng. Cặp chân mày tướng một thời lẫm liệt nay thưa ra như cạo. Trông lão có nét ác, mặc dù với giọng đặc quánh đàm, lão thường nói về nhân cách và phép xử thế.

Hình như trong xe cũng có mùi rượu. Mỗi lần bạn bè người quen

mời hai vợ chồng tiệc tùng, tôi luôn luôn cố tìm cách đi riêng viện cớ phải ghé qua đâu đó trước để khỏi phải ngồi chung xe với lão. Thường, lão vừa lái xe vừa chửi.

Đụ mẹ, câm hả ? Lái xe trên xa lộ mà không nói chuyện, tài xế ngủ gục là thường.

Rồi lão bật radio âm thanh lớn, nghe bất cứ thứ gì lão rà được, hoặc nhạc kích động, hoặc tin tức, quảng cáo. Chịu trận những đoạn đường như vậy nhiều lúc tôi muốn tung cửa nhảy xuống đường. Đã có lần lão hét ngay bên lỗ tai, cửa xe quay kín.

Muốn nhảy hả ? Đụ mẹ ! Cho nhảy.

Nhưng lão tạt vô lề cho tôi phóng xuống. Xong lão nạt :

Đụ mẹ lên xe không ?

Tôi đứng bên lề xa lộ như một mụ nạ giòng tuyệt vọng chờ khách. Lão lái đi sau một hồi la hét rồi quanh xe trở lại đúng lúc tôi quá giang được trên một chiếc Simca. Lần đó chén dĩa trong nhà bể hết phân nửa, công trình tôi chắt chiu mang từ Việt Nam qua Singapore rồi từ Singapore sang Pháp. Lão đu trên cái cửa ngăn phòng ăn với nhà bếp làm va bể hai ô kính, xong lão phang gãy 2 trong 6 cái ghế quanh bàn tròn của phòng ăn.

Tôi thường trùm áo quấn khăn bỏ trốn ra ngoài, đi bộ đến ga Sartrouville rồi để xe điện đưa tới trạm cuối, sau đó chuyển xe đi ngược về. Trốn trong căn phòng dưới tầng hầm đâu có yên thân. Lão sẽ dậm đùng đùng ở tầng trên hoặc lấy vật cứng đập cạch cạch cho tôi nổi điên. Khi tôi phản ứng bằng cách la hét quàng xiên, lão có cớ mắng nhiếc.

Đàn bà thúi, ăn nói với chồng hỗn hào. Ngó coi tư cách kìa !

Sau đó là một bài giảng đạo đức về phép xử thế trong nghĩa vợ chồng.

Tại sao không ly dị ? Lũ con ngồi lại bàn tính. Không được. Lão sẽ không chịu ký vào đơn và không bao giờ muốn bán cái nhà để chia đôi tài sản. Mà ly dị gì nữa, người nào cũng thất thập cổ lai hy, ra tòa bọn cháu nội ngoại nó cười cho. Bọn dâu rể ngán tới óc. Cực chẳng đã chìu vợ chìu chồng nó bồng bế nhau về thăm nhà khi có lệnh; đứa nào cũng chân trong chân ngoài dợm chạy. Con gái út của tôi bỏ nhà đi từ hồi 16 tuổi, tay lúc nào cũng kẹp điếu thuốc, chửi thề bằng tiếng Tây. Cũng không thể bỏ nhà đến tá túc với bọn chúng nó. Tây nó kỵ kiểu này lắm.

Căn nhà đẹp, hơi rậm rì huyền bí. Cuối vườn là một phòng trống khá tiện nghi mà lão định cho thuê mỗi tháng 2000 quan để có thêm tiền tiêu. Ra cái điều đạo đức, lão truy hỏi những người muốn thuê

như mẹ bề trên chất vấn đê tử muốn vào dòng tu. Không nhận phụ nữ có con nhỏ, nam giới không được nuôi chó mèo, không được phép tiếp bạn tại phòng trọ, tiền lương ổn định 6000 quan một tháng. Với những điều kiện giá cả như vậy, cho tới nay căn phòng vẫn còn bỏ trống. Chính căn phòng này cho tôi ý tưởng giết lão.

Ban đầu tôi định mua rượu đều đều để lão uống chí tử cho lủng gan, hoặc cho Arsenic liều nhẹ tăng dần; nhưng hành vi này có thể gây nghi vấn về phía lão. Vả lại tiền tiêu vặt của mấy đứa con dấm dúi không cho phép tôi xài phí như vậy. Lão không đáng cho tôi chi tiền đâu. Mà liệu lão có chịu chết sớm không ? Dòng họ nhà lão nhậu lừng danh, vậy mà ông già của lão 85 tuổi mới chịu nằm xuống sau hơn nửa thế kỷ liên tục suýt chết bờ chết buội vì nhậu. Trong căn phòng trống tôi sẽ đập cho lão vỡ sọ rồi khui nền nhà lên. Kế hoạch là sau khi giấu xác lão, trám nền nhà, đậy thảm lên vết khui, tôi sẽ lái xe của lão bỏ đâu đó ở một vùng ngoại ô phía bên kia Paris. Xong tôi về lại nhà và sẽ gọi điện thoại cho mấy đứa con.

Ba tụi bây hai ngày nay không thấy về nhà.

Cảnh sát sẽ tìm thấy cái xe ở vùng Noisy Le Grand chẳng hạn. Không có dấu tay vì tôi mang găng. Liệu có ổn không ? Tôi đi lang thang mỗi ngày trong đường hầm xe điện, ngồi nhìn không biết bao nhiêu chuyến xe dừng lại rồi đi. Dân chúng tất tả như thể ai cũng có đích đến, có việc phải hoàn tất, có cái hẹn phải đúng giờ. Tiếng accordéon vang trong đường hầm trần thấp bao giờ cũng làm tôi mềm yếu. Một nỗi buồn phơi phới, trãi dài và len lỏi. Một ngày nào đó xa Paris chắc tôi chỉ còn bị ám ảnh bởi tiếng nhạc sau lưng. Lẽ nào lại như vậy sau hơn hai mươi năm lưu vong ở đây ? Còn khu vườn ngát hương hoa hồng mùa xuân do chính tay tôi chăm chút. Rừng thu Saint German des Prés. Lối đi vàng lá hai bên bờ kinh Versailles. Quán cà phê trong khuôn viên xanh lấp ló những bức tượng của Rodin và Camille Claudel. Tôi đã thong thả rong chơi cũng nhiều. Đã đành suốt cuộc đời chung sống với lão tôi đã hoàn toàn nương dựa vào lão, hưởng thụ những cái nhất của cuộc sống vật chất cho đến khi lão thất nghiệp xa xứ; nhưng đâu có phải vì vậy mà tôi chịu lép vế nghe lão mỗi ngày kể công chì chiết, tiếp tục nhốt mình trong căn phòng ở tầng hầm, thò mặt lên vào giờ nấu ăn để chạm trán với một bợm nhậu hoặc làm cảnh trong các buổi tiệc mời. Tự ái của một người đàn ông thất thế, mặc cảm bị ruồng bỏ khiến lão tự cô lập. Càng ngày lão càng lún sâu trong vũng lầy cô đơn sền sệt cognac và whisky. Thay vì tự tử lão xoay ra dày vò tra tấn tôi. Từ những chỗ ngồi khác nhau ở các trạm xe điện ngầm, tôi manh nha và nuôi dưỡng ý tưởng mưu sát lão. Tôi sẽ bán căn nhà kỷ niệm

sau khi mọi việc đã êm xuôi, sẽ bỏ Paris, ngoại ô Satrouville và con đường nhỏ Strasbourg. Tôi lên kế hoạch, với phần nhạc nền là tiếng đàn dìu dặt len qua các đường hầm.

Vài ngày trước khi tôi bắt tay vào việc, lão lái xe qua Carrefour mua rượu rồi dẫn về một người đàn ông Ả-rập bán rau quả ở siêu thị. Từ khi nhờ dịch vụ cho thuê nhà đăng quảng cáo cái phòng cho thuê, lão luôn luôn tỏ ra bận rộn trả lời điện thoại, hẹn tiếp khách muốn thuê, hoặc tự bắt mối với những ngườilão quen biết trong khu vực. Rồi làm ra vẻ khó chịu, lão than :

Mất thì giờ quá !

Thì giờ lão để không, có gì đâu mà tiếc. Tôi đứng ngoài cuộc không muốn xía vô sợ lão mắng nhiếc trước mặt người lạ mang nhục. Sau đó một ngày lão lại đưa về một bà đầm bán cá, mập như cái thùng tô-nô. Mụ mang giày cao ống, hai bàn tay to bè, cánh tay núc ních mỡ không khép xuôi được theo mạn sườn. Tiễn bà ta ra cửa xong lão thắc mắc tại sao gả Ả rập có vợ con nhà cửa đàng hoàng còn thuê chỗ ở riêng để chi ? Còn mụ bán cá tóc râu bắp, mép có ria, liệu có bữa nào mụ chặt đầu, móc ruột làm vẫy lão chăng ? Tôi tức anh ách, buột miệng không bụm lại kịp :

Khó quá vậy thôi đi, bày đặt cho thuê làm gì ?

Ngay lập tức lão gầm lên :

Đàn bà ngu ! Đụ mẹ tao làm gì tao làm.

May mà nhà láng giềng hai bên đều cách một tường gạch xây cao, dây nho leo um tìm, ban ngày vắng lặng do mọi người đi làm cả. Nghe lão gào rú từng chập ai chẳng nghĩ nhà có nhốt người điên. Con Mimi sợ vãi đái mỗi khi thấy mặt lão. Nó là con mèo hoang bị chủ bỏ mùa đông năm ngoái. Thấy con mèo trắng nuốt như mèo tiên ngày nào cũng ngồi thu lu trong góc vườn thỉnh thoảng ngao lên một tiếng não ruột, tôi động lòng. Từ ngày có con mèo, lão thù tôi hơn. Thức ăn mèo cất trong tủ lạnh, lão tuôn ra hết xuống đất. Nó bị cấm lãng vãng lên tầng trên chỉ loanh quanh ngoài vườn hoặc trong các phòng ở tầng hầm. Lão đã xua nó một lần chạy té khói, chân sau còn kẹt trong cánh cửa lão đóng ập. Nó đi 3 chân kể từ lần đó. Thật bất nhân ác đức ! Không hiểu sao từ một giám đốc được kính nể, một người bạn hết lòng vì mọi người, một quản lý du lịch có tên tuổi, một người cha thành đạt... lão lại có thể trở thành hung hăng thô lỗ nát rượu. Ai mà chẳng có lúc thất thời lỡ vận ; hơn nữa lão già rồi, cứ mà hưởng nhàn với tiền trợ cấp của chính phủ Pháp, nếu biết thu vén cũng có thể gọi là phong lưu. Mà thôi không phải lúc để điều chỉnh lại con người lão. Đố ai làm nổi. Lão ngu không biết hưởng hạnh phúc. Con cái đứa nào

cũng có công ăn việc làm, nhà cửa vợ con tươm tất, sao lão không thấy như vậy là may quá so với biết bao gia đình Việt Nam lưu vong.

Vào buổi chiều cùng ngày lão gọi điện thoại rủ một bạn nhậu đến chơi. Chẳng là vì ông này lần nào đến cũng mang theo hai ba chai rượu ngon, lão khỏi phải mua. Tôi lợi dụng sự có mặt của người thứ ba, góp ý trong bữa ăn.

Anh Bá à, nhà tôi muốn cho thuê căn phòng sau vườn; anh coi có ai cần giới thiệu dùm.

Tôi có nghe ảnh nói. Tôi thấy giá đó hơi cao. Phòng cũ, lại phải dùng cổng chung, hơi xa Paris quá.

Tụi tôi định sửa sang lại cho tươm tất hơn rồi hạ giá xuống một chút.

Lão lừ mắt nhìn tôi định buông một câu chắc là sẽ vô cùng xúc xiểm, nhưng lão Bá nói thêm.

Chị nói đúng đó. Phòng đó để cái giường vô là choáng hết chỗ rồi, còn đâu mà đặt thêm bàn ghế. May là nhà tắm và nhà bếp trông cũng khang trang. Hay là tân trang lại rồi cho sinh viên nó thuê ?

Gần đây không có trường đại học nào. Đi bộ ra ga Sartrouville, đi Paris, rồi chuyển tới chuyển lui chắc cũng phải mất 3 tiếng đồng hồ đi về mỗi ngày. Sinh viên nào thèm mướn.

Lão ngồi im. Chắc lão chờ cho khách về. Nhưng không, tối đó sau khi lái xe đưa lão Bá về Nanterre, lão trở về êm re không gây sự. Tình hình khả quan. Tôi thức trắng cả đêm, tính tới. Sáng hôm sau tôi đi bộ ra ga bắt xe đi Tati ở Monmartre để mua keo và giấy dán tường với giá rẻ. Có tiếng violoncelle từ thềm nhà thờ Sacré Coeur. Không phải lúc lãng mạn nữa mặc dù tôi luôn nhớ mình là con gái của một nữ sĩ nổi tiếng và một nhà báo ra gì của Saigon thập niên 40. Đã có thời tôi làm thơ lấy bút hiệu Huyền Tiên, còn bây giờ tôi là một bà lão nhăn nheo sắp ăn thất tuần, bị chứng cao huyết áp thừa hưởng của ông già, với một âm mưu thâm độc trong cái đầu không còn chất thi sĩ.

Tôi loay hoay cuốn tấm thảm cũ. Trong khi còn đang lột lớp giấy dán tường, tôi thấy lão bước vô. Biết ngay mà.

Đụ mẹ làm gì vậy, sao không hỏi ý kiến ?

Tôi liếc ngó cái cuốc dựng trong góc phòng. Phải dụ cho lão bước vô sâu hơn. Lão sấn tới vài bước, hai tay chống cạnh sườn, ngó bao quát.

Bà bán cá hẹn hai ngày nữa nhận phòng. Bà làm bất tử như vầy chết tôi rồi.

Tôi tái mặt, cố ghìm giọng :

Tôi dán một buổi là xong.

Lão sấn tới. Mấy sợi lông mày thưa như dựng đứng. Tôi bước né qua một bên, đáng trống lãng.

Mới đầu đông mà sao lạnh quá. Vô sao không khép cửa lại ?

Rồi bước ra gài chốt. Sáng nay trên radio và tivi đã thông báo hôm nay mùa đông bắt đầu, 27 tháng mười; đồng hồ được điều chỉnh lui một giờ, hàn thử biểu chỉ 3oC. Lão thở phì phì nồng nực hơi rượu. Người lão căng kè trong cái áo chật. Tưởng tượng chỉ cần một vật nhọn chích lão môt cái là rượu xịt ra. Tôi nghe máu nóng bừng bừng xông tới óc. Trong khi lão đang khom lưng xem mấy cuộn giấy dán tường để lăn lóc dưới đất, tôi quơ nhanh cái cuốc đập mạnh vào gáy lão. Á lên một tiếng, lão nằm vật xuống đánh thịch. Rồi hổn hển lão ngóc đầu dậy, giọng đặc sệt.

Đụ mẹ mầy muốn giết tao hả ?

Chết tới nơi rồi còn chửi thề. Tôi giáng thêm một nhát, rồi cứ thế đập tới tấp. Lão nằm sấp, tay chân quơ quào như cánh quạt trực thăng, họng lão phát ra tiếng kêu ặt ặt. Tôi đập cho tới khi lão nằm xuội lơ. Đúng là xuội lơ cán cuốc. Máu văng tung tóe trên nền gạch cũ xỉn, trên vách loang lỗ giấy dán đang xé dỡ. Tôi ngồi sụm trong góc phòng nhìn cái sọ chỉ còn lơ thơ chút tóc ướt nhẹp máu, lẩm bẩm :

Cho hết chửi thề.

Cũng không ngờ cuộc hôn nhân 50 năm kết thúc nhanh gọn như vậy. Lúc ấy tôi là một thiếu nữ 18 xinh đẹp, lão là sinh viên trường Y Hà Nội, con trai trưởng của một đại điền chủ miền Nam. Bỏ Y, lão đi làm báo rồi kết bạn với cha tôi. Hai người về sau trở thành cha vợ con rể. Lão giỏi ngoại giao và xử thế nên thăng tiến dần trong ngành du lịch. Khi cả gia đình đang có cơ ngơi bề thế ở Singapore nhờ chức giám đốc du lịch Đông Nam Á của lão, thì giải phóng. Chạy thụt mạng sang Pháp, vợ chồng con cái phải gầy dựng lại từ đầu. Bây giờ lão nằm đây. Cuộc đời lão bỗng dưng phất ngang đầu tôi như một đoạn phim quay nhanh. Không dám đến gần coi lão thật sự chết chưa, tôi bước qua nhà bếp vặn robinet, xây xẩm mặt mày. Tôi tợp một hơi ba bốn ngụm nước nghe mùi tanh.

Phải mất cả tiếng đồng hồ mới cạy được ô gạch đầu tiên. Cái kiểu này bao lâu mới khui ra được một diện tích tối thiểu 1m80 x 1m20 ? Chỉ có 2 ngày để thanh toán cái xác trước khi mụ bán cá xuất hiện theo lời hẹn. Tôi đã không ước lượng được độ khẳn của những viên gạch có lẽ đã được lát cách đây mấy chục năm. Khi mua căn nhà này nó đã tươm tất sẳn. Đây là phần ít được sửa chữa nhất trong nhà do không có đứa con nào muốn sử dụng căn phòng. Lão đã quy định đứa nào muốn ở phải trả tiền thuê ít nhất là 2/3 giá lão rao cho người

ngoài. Bần cùng sanh đạo tặc; mà lão có bần cùng chi cho cam. Cha gì mà tính toán với con cái từng đồng xu. Sao lão không nhớ những năm đầu lưu vong, bọn nhỏ bỏ học đi làm công chí mạng để giữ cho cái gia đình này sống còn ? Nằm chình ình đó, tại sao lão vẫn còn làm tôi sôi máu, thiếu điều muốn đập thêm vài cuốc cho đã nư.

Tôi loay hoay cả đêm để khui nền nhưng gần sáng phải dừng tay chờ giờ người ta đi làm mới có thể bắt đầu đập vỡ lớp xi-măng. Hàn thử biểu chỉ một độ rưỡi mà mồ hôi tôi vả ra như tắm. Chắc lão chết thật rồi. Không chết vì mấy nhát cuốc thì cũng chầu trời vì máu ra lênh láng chảy men theo chân tường. Không biết có phải do tưởng tượng, tôi nghe mùi whisky, máu thì có màu vàng nâu như rượu.

Lổ huyệt sâu chưa được nửa thước thì tôi đuối. Nằm ập ngay miệng hố cạn sều, tôi chúc đầu xuống lổ, mắt nổ hoa lửa. Từng vòng sáng lan dần rồi thon nhọn hút tôi vào sâu trong những đường hầm quen thuộc với tiếng accordéon phơi phới len lỏi qua những cua quẹo. Như thường lệ, tôi đã không ước lượng được sức mình; một lão bà gần 70 tuổi với một công việc đòi hỏi sức lao động của một thanh niên. Chôn một người khó hơn đập chết một tên nát rượu bằng cuốc. Chân lý đơn giản vậy mà không biết. Tôi cố ngoi đầu dậy ngó qua lão. Mắt lão mở. Chợt nhớ Sombre Dimanche. Hồn lìa rồi nhưng em ơi tình còn nồng đôi con ngươi. Dẫu qua đời mắt tôi cười vẫn đăm đăm nhìn về người. Tôi cười khẩy. Đụ mẹ, cám ơn. Xin đôi con ngươi đừng nồng. Đoạn chúc đầu xuống lỗ, thở.

Tháng hai 98
TRẦN THỊ NGH.

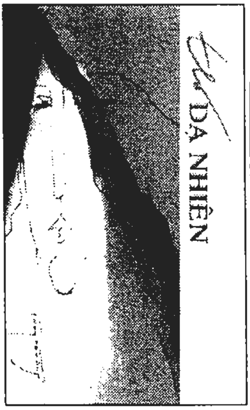

thơ DẠ NHIÊN
Tổ hợp GIÓ xuất bản
Giá 10MK. Ngoài Mỹ 12MK

11582 Gail Ln.Garden Grove, CA 92840
(714) 539-2322

DU TỬ LÊ

Những điều ta bẵng quên trong đời, sống

hãy nói lời cảm ơn, yêu dấu
cảm ơn bàn tay đấng thiêng liêng
dẫn, dắt hai thế giới, hai vũ trụ
từ hai chân trời lạ, xa
là chúng ta
gặp nhau.

đời sống không mình ên
đời sống không hề là một xâu chuỗi tình cờ, vô cấu.

hãy nói lời cảm ơn, yêu dấu
cảm ơn bàn tay đấng thiêng liêng
dẫn, dắt chúng ta vào tình yêu
như dẫn, dắt hai kẻ mù lòa
vào thiên đường
và, cho lại đôi mắt ta ánh sáng.

đời sống không mình ên
đời sống không hề là một xâu chuỗi tình cờ, vô cấu.

hãy cảm ơn, (vẫn cần thiết nói lời cảm ơn,) yêu dấu
cảm ơn bàn tay đấng thiêng liêng
đã dẫn, dắt chúng ta,
mỗi kẻ về một phía
nếu không có biệt, ly
lấy gì hiểu hạnh ngộ?
nếu chưa từng đớn đau
cách gì thấu hạnh phúc.

đời sống không mình ên
đời sống không hề là một xâu chuỗi tình cờ, vô cấu.

hãy cảm ơn (vẫn cần thiết nói lời cảm ơn,) yêu dấu
dù cho mai đây, (ngỡ là) tình cờ thấy nhau
yêu dấu có quay đi
(hoặc,) không cách gì chúng ta có thể cho nhau nụ cười
chúng ta sẽ nhìn nhau: tử thù,
nhìn nhau như quái vật
(thì,) mỗi chúng ta vẫn nên nói với chính mình
lời cảm ơn: Cảm ơn bàn tay đấng thiêng liêng

đã cho ta thấy...ta, lần nữa.

đời sống không mình ên
đời sống không hề là một xâu chuỗi tình cờ, vô cấu.

hãy cảm ơn, yêu dấu
cảm ơn bàn tay đấng thiêng liêng
đã cho ta không khí, lá, hoa, cây, cỏ
cho ta chim, muông
cho ta thực phẩm đủ dùng
cho ta lúc khỏe như...voi
cho ta lúc yếu như...sên
cho ta lúc mềm như...bún
cho ta lúc cứng như...thép
cho ta niềm tin
(mặt khác tuyệt vọng)
cho ta bố, mẹ
cho ta anh, em
cho ta bạn, bè
cho ta con, cháu
cho ta nhân loại
cho ta những đêm, bóng mình
cho ta những ngày, sốt vắng.

đời sống không mình ên
đời sống không hề là một xâu chuỗi tình cờ, vô cấu.

hãy cảm ơn, yêu dấu
cảm ơn luôn...thần chết ?
chứ sao! yêu dấu,
(thần chết (như chó, mèo) lúc nào cũng lẩn, quẩn bên ta)
vì thần chết nhắc nhở ta...đang sống
và, sống để cảm ơn
những gì ta nhận được.

như hằng đêm
tôi vẫn nói lời cảm ơn
cùng lúc:
bàn tay đấng thiêng liêng
và em,
người đã mang lại cho tôi,
sự chết.

DU TỬ LÊ
(Jan 2000)

VÕ THỊ XUÂN HÀ

Lúa và đất

Nhân vật của tôi là những nông dân đôn hậu và thông minh hơn chúng ta hằng nghĩ về họ. Cuộc đời của họ bừng sáng và héo tàn cũng đơn giản hơn chúng ta từng biết về họ. Và tôi chỉ có ý định ghi lại một khoảnh khắc bình dị trong toàn bộ chuỗi ngày mà họ đã có trên đời.

*

Từ khi biết thế nào là trời và đất. Điền đã biết đất không chỉ có màu nâu.

Nhưng trên hết vẫn là màu nâu. Mọc trên đất là màu xanh của lúa, màu vàng của lúa, sự úa tàn của những gốc rạ trơ trọi dưới bầu trời sao, ướt đẫm sương.

Anh đứng trên bờ con mương nhỏ vắt ngang cánh đồng làng, con mương đã cạn nước vào mùa.

Nhưng ký ức vụt chạy qua như cơn lốc xoáy làm tiêu tan những kỷ niệm đẹp. Trước mắt chị là cảnh người cha quật mẹ xuống nền hè vào một đêm trăng. Đầu tóc mẹ tả tơi. Nhưng hình như mẹ không hề oán thán điều gì. Đôi mắt mẹ vẫn ánh lên lấp lánh. Mẹ kín đáo cất thẻ bài giải nhì vào bọc. Chị bất giác muốn gọi thật to: Mẹ ơi, bây giờ mẹ ở phương trời nào?

Từ xa, có tiếng xe bò lăn bánh. Sương sớm đã tan, và chị đã có thể nhìn thấy người con trai làng bên hàng ngày vẫn gặp chị.

Họ thường đi ngang qua nhau vào buổi sáng sớm. Chẳng ai nói với ai câu nào, nhưng bước chân người đàn bà khẽ run lên. Còn người con trai thường giật căng dây cương trong khoảnh khắc khiến con bò kéo xe đứng khựng lại, rồi nó lại thong thả đi tiếp cho tới khi sương tan hẳn, cánh đồng hiện lên xù xì thô kệch phía sau lưng Điền.

Nhưng lần này thì Điền ngừng hẳn xe và chào:

- Chị Đào!

Đào khẽ nhướng mày. Ánh sáng ban mai hắt vào đôi mắt, lấp lánh buồn. Mái tóc dày mượt bỗng lồng lên theo cơn gió bất chợt nổi lên từ cánh đồng.

- Mạ héo cả rồi!

Chị nhìn anh ngạc nhiên vì sự chia sẻ.

- Vâng, tôi cũng đang không biết phải tính sao.

Rồi chị đứng tránh hẳn vào vệ đường, mắt nhìn anh mơ hồ lạnh lạnh.

- Tôi có thừa ít giống mới. Chị lấy mà dùng. Loại này khá lắm.

Rồi không đợi chị trả lời hay kịp phản ứng gì, anh nhảy xuống, bê mấy xảo mạ ra khỏi xe bò. Đào lắc đầu:

- Nhưng...

- Chị đừng ngại. Đằng nào tôi cũng đem cho mà. Ruộng nhà tôi cấy đủ rồi.

- Phiền anh quá. Để chúng tôi... chúng tôi gửi lại tiền...

- Không! Đây là mạ thí nghiệm của tôi. Tôi biếu anh chị đấy. Dù sao anh ấy cũng là chỗ đi lại thân quen với người bên làng. Để tôi gom gọn vào nhé.

Chị không biết nói gì hơn. Hai người bê những xảo mạ đặt trên bờ ruộng nhà chị, xếp gọn một góc. Họ vừa làm vừa tránh né nhau. Nhưng có một lần chẳng may tay anh đụng vào tay chị. Chị đỏ rực mặt, kín đáo ngoảnh lơ chỗ khác.

Khi chỉ còn mình chị trên đồng, chị cũng chẳng kịp nhớ lại những gì đã xảy ra. Những ngón chân thô kệch tóe ra bám chặt xuống mặt ruộng, y như giống lúa. Nhưng hình như có điều gì thật khó tả đang dâng lên trong chị khiến chị thấy yêu mảnh ruộng của mình tha thiết.

Lúc đó người chồng đã tỉnh ngủ, ngồi ngáp trên giường. Anh hỏi đứa con gái đang lúi húi làm cơm dưới bếp:

- Mẹ mày biến đâu rồi?

Đứa con gái tóc đuôi gà, người nhỏ xíu đến sắt lại so với cái tuổi lên mười của nó, nhanh nhẩu:

- Mẹ con ra ngoài ruộng ạ.

- Sao không bảo vác chiếu ra ngoài ấy mà ngủ? Suốt ngày lúa với chả lúa. Ăn thua mẹ gì. Tao tính đi tìm sét trắng bán cho mấy lão lò gốm còn ăn hơn. Tao làm thuê tay nhà Điền, tao biết, chỉ có vận may con ạ. Chứ tiền công nhật với thóc lúa ăn thua mẹ gì.

Con bé đăm chiêu, già dặn hơn tuổi. Anh vục dậy khỏi giường, ra sân rửa mặt, rồi ngửa cổ súc miệng sòng sọc, miệng vẫn lầm bầm bảo vợ ngu.

*

Vào quá trưa, Điền đánh xe bò đi giao gạch ở khu bến cảng. Trên bến, tàu thuyền san sát. Tiếng còi hú báo hiệu rời bến ngược sông của một chiếc tàu khách làm con bò kéo xe đứng khựng lại, hoan hỉ.

Gia đình Điền có lò gạch gốm trong làng. Nhưng anh rất yêu lúa và cũng đang muốn lên thành phố học để trở thành kỹ sư nông nghiệp. Giao hàng xong, cầm tấm giấy biên nhận từ một tay phụ trách Cung ứng vật tư ở một Công ty TNHH, Điền hờ hững bước vào một nhà hàng tầm tầm ở phố cảng. Trông anh lúc này giống hệt một tay cao bồi chăn bò vùng Nam Mỹ. Nhưng gương mặt anh đôn hậu hơn bộ quần áo anh mặc. Dù không tẩy hết mùi bò, mùa đất nung than xỉ, mùi bùn và mạ non trên người.

Quán ăn bán đủ thứ, cả cà phê và bia tươi. Trong vườn kê những bộ bàn ghế nhỏ đủ cho từng cặp trai gái ngồi với thế giới riêng họ. Phía gian hàng bên ngoài là khách uống bia, không ồn ào như ở những quán bia hơi tầm tầm khác. Có vẻ khách đều là lớp trung lưu của cái xứ sở đầy bụi và tiếng ồn này.

Điền bỗng nhìn thấy người thầy giáo cũ hồi cấp ba ngồi lặng lẽ ở một góc khuất. Anh đến gần khẽ chào:

- Thưa thầy!

Người thầy ngẩng lên, nheo mắt một lúc rồi cười:

- Anh Điền phải không? Lâu lắm không gặp.

- Thưa thầy có khỏe không ạ?

- Anh nhìn tôi thì biết. Anh uống bia nhé.

- Vâng, thầy để em gọi.

Hai thầy trò nâng ly. Ban đầu họ lặng lẽ uống. Sau hơi men ngấm vào người khiến mọi thứ trước mắt Điền đều óng ánh và trong trẻo. Người thầy nói với Điền mà như thủ thỉ cho mình nghe.

- Chiều nào tôi cũng ra đây ngồi để ngẫm nghĩ sự đời. Anh bây giờ là ông hay là thằng?

Điền thoáng nhíu mày:

- Dạ, em vẫn chưa vào đâu. Gia đình neo người quá.

- Thằng nào không làm nên trò trống gì cũng cứ cái giọng điệu như anh. Tôi thấy tiếc cho anh. Ngày trước học giỏi...

Điền trầm ngâm ngắm thầy, biết mình còn chưa học được ở thầy nhiều điều. Người thầy vẫn nhẹ nhàng:

- Ở cái quán này thấy được nhiều điều vô cùng. Anh có hay đọc sách báo không?

- Thỉnh thoảng em cũng mua một vài món. Em đọc được mấy truyện của thầy trên báo. Đầu tiên em không nghĩ đó là thầy vì thầy dạy toán. Nhưng sau thì em nhận ra giọng điệu của thầy.

- Anh đọc những cái chuyện vớ vẩn ấy, có thấy ích lợi gì không?

- Em luôn nghĩ phải đi học lên bằng được. Mỗi lần đọc được những gì hay, em lại thấy mình thật vô dụng. Em nhất định phải học thôi thầy ạ.

- Nghĩ như thế là còn muộn chán rồi đấy. Nhưng cũng còn kịp. Anh có vợ chưa?

- Dạ chưa!

- Còn may...

- Thầy bảo sao ạ?

- Tôi gặp anh thế này rất vui. Hôm qua bà vợ tôi làm cho tôi một trận. Bà ấy bảo tôi toàn viết vớ viết vẩn. Tôi không bao giờ sợ những lời nói đó của đàn bà. Nhưng tự nghĩ có lẽ mình cũng chưa viết được gì thật. Gặp anh tôi lại càng thấy đúng như thế.

- Em...

Người thầy đứng lên:

- Thôi tôi về. Tôi vừa nghĩ ra một cốt truyện khá hay phải về viết thôi. Anh đi học đi nhé. Định làm gì phải làm bằng được, vì chúng ta chỉ có mỗi một cuộc đời thôi.

Thầy đi rồi, Điền ngồi lặng lẽ một mình với ly bia. Từ trong một hành lang mờ tối của góc quán, một cô gái chạy vụt ra, ngơ ngác, xộc xệnh. Rồi cô lao nhanh ra đường phố như một con mèo hoang. Trong quán có sự xáo trộn một loáng, rồi lại lặng lẽ như cũ.

Anh chợt nhìn thấy hình ảnh lầm lũi của người đàn bà mà anh gặp mỗi buổi sáng sớm trên đồng. Đôi mắt anh sẫm lại.

*

Trong thời khắc tranh tối tranh sáng, Đào sững người trước cái chuồng bò rỗng không. Chị ôm đầu:

- Trời ơi, con Nâu...

Có tiếng người chồng khật khùng từ cổng vào vì thua bạc.

- Cô rên cái gì. Đổi đời rồi, cô không thích à? Chỉ cần một vài mẻ sét trắng là tôi sẽ chuộc được con Nâu cho cô. Cô chớ có hở ra đấy, nghe chưa.

Ngoài ngõ, thằng Tư bạn cùng lớp với con gái của họ, núp sau một bụi cây, ngó vào. Nó buồn rầu nhìn cái chuồng bò rỗng không như xẻ chia. Mặt trời bừng lên. Tiếng những chú chim liu đìu ríu ran chào ngày mới. Rồi như không chịu lép vế với những chú chim nhỏ xinh, vô tư. Thằng Tư vung tay quất ngọn roi vào không khí. Nó dừng chân bên bờ ruộng, vốc nắm đất dẻo nặn tượng Bao Công xử án.

"Kẻ quỳ dưới công đường kia là ai?"

"Dạ, dân nữ là Nguyễn Thị Đào, nhà ở..."

"Có việc gì mà nửa đêm đánh trống kêu oan."

"Xin cho tôi hỏi! Bao Thanh Thiên có xử cho dân đen nỗi oan khuất mà xưa nay không ai chịu xử?"

"Cứ nói!"

"Đàn bà chúng con liệu có bao giờ được đối xử công bằng với đàn ông? Vì sao đàn bà lại là chiếc xương sườn của đàn ông?"

"Ngươi có nhân chứng nào không?"

"Dạ, thưa có con bò tên là Nâu ạ."

Thằng Tư vung roi lên làm bay tung cả Bao Thanh Thiên với người đàn bà bằng cỏ trên mặt đường đầy bùn đất và phân gio.

*

Đào bước lầm lũi. Chiếc cuốc trên vai nặng trĩu. Chị nhớ đến con Nâu. Không biết người ta đã đưa nó đi đâu rồi? Nó sắp sinh ra một con bê. Và có lẽ số phận của mẹ con con Nâu là vào lò mổ. Chị biết dù có giận chồng đến mấy thì sự việc cũng đã rồi.

Ngang qua đầm súng, chị nhìn thấy Điền đang bò ẹp bên mép đầm, bên cạnh là chiếc xuồng nhỏ. Mặt đầm đầy hoa súng, hoa bèo tây óng ánh hồng trong hơi sương.

- Đào!... Tiếng người con trai tan trong sương sớm.

Chị ngập ngừng, đứng lại, chống cuốc xuống vệ cỏ.

- Sao anh ấy không ra ruộng? Lúc nào tôi cũng thấy chị một mình?

- Tôi quen rồi. Anh đang làm gì vậy?

- À, chị có vội không? Giúp tôi một tay!

Chị đến gần chiếc xuồng.

- Anh làm gì vậy?
- Đào chống xuồng ra đầm giúp tôi nhé.
- Tôi chèo không được thạo lắm đâu.
- Không sao! Chỉ cần giữ thăng bằng, để tôi đo lại độ sâu của đầm. Tôi đang định nhận khoán mặt đầm này. Mặt ruộng bên cạnh tôi cũng tính xin nhận khóa.
- Nhưng chỗ này là bãi ruộng làng anh xin để...
- Để làm chỗ cho người chết chứ gì? Thì bây giờ còn rộng mà.

Anh cười tươi. Chị quệt mồ hôi, dù hình như chẳng có giọt nào. Chị chống xuồng. Chiếc xuồng xoay xoay rồi tiến ra giữa đầm. Những bông hoa dạt sang hai bên. Anh dùng sợi thừng buộc hòn đá thả xuống đáy đầm ở một vài chỗ, chị thấy sốt ruột:

- Đã xong chưa?
- Ừ, xong. Chờ tôi đã.

Anh thò tay hái một bông hoa súng rồi đưa cho chị.

- Chị Đào có biết hoa súng còn có tên gọi là gì không?
- Tôi chịu thua.
- Là hoa tiên tử. Một nàng tiên bị chết trong bùn.
- Vì sao vậy?
- Tôi không nhớ nữa. Nhưng ngày xưa mẹ tôi kể thế. Giá bà còn sống tôi sẽ hỏi vì sao cho Đào...

Anh mỉm cười mơ hồ. Chị nhảy lên bờ làm xuồng chòng chành suýt hất anh xuống nước. Nước bắn tung tóe làm ướt áo, ướt tóc anh. Chị chào:

- Tôi về đây!
- Để tôi đưa về cho nhanh!
- Không! Họ cười chết. Chồng tôi...

Chị vớ cuốc quày quả đi. Bông hoa súng trên mái tóc chị rơi xuống mặt đường, như một nàng tiên bị hắt hủi, lạc lõng giữa đám cỏ gan gà cứng ngắc.

*

Lúc đó tôi đi ngang qua cánh đồng. Tôi về nông thôn ngàn đời xa lạ với cuộc sống của mình để đi tìm một người. Khi anh chia tay với tôi rồi, tôi mới nhớ ra mình chưa hỏi quê anh ở đâu. Và thế là tôi đi ngang qua đó. Tôi nhìn thấy bông hoa tiên tử màu tím hồng đang héo dần dưới ban mai. Tôi nhìn thấy người đàn bà trẻ khi chị cắm đầu bước trên đường đồng. Chị đẹp đôn hậu, không rực rỡ, hơi thô kệch

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Chừng ấy đủ

thơ chưa viết là bài thơ hay nhất
môi chưa hôn là môi mãi ngọt ngào
lời chưa nói là lời ru tẩm mật
tình chưa trao, tình lấp lánh muôn sao!

người hãy giữ chút lòng trong thinh lặng
để em mơ, ngày ngũ sắc cầu vồng
để em mơ, đêm nguyệt bạch vô cùng
Để em mộng, cuộc đời lừng nhã nhạc.

người hãy tỏ mắt nhìn, chừng ấy đủ,
tơ lòng em dư dệt thảm muôn màu
êm ái phủ suốt đường trần lỗ chỗ
em vui chân, đi những bước mộng du.

người hãy đón hồn em, trong giấc ngủ,
chốn chiêm bao, nơi hò hẹn đôi mình
chốn chiêm bao, ngày mãi mãi bình minh
đời với mộng, khác gì chăng, phù ảo?

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

và không xáo trộn. Tôi nhìn thấy người con trai khi anh ngồi thừ trên bờ đầm.

Tôi cũng nhìn thấy những gốc rạ và những mảnh ruộng cấy sớm, mạ đang bén rễ. Lúc đó tôi nghĩ rằng họ giống như lúa và đất, bám sâu và che chở.

Và những tình cảm thoảng qua, chân chất ấy sẽ giúp họ luôn đứng vững trên mảnh đất lầy bùn của mình.

VÕ THỊ XUÂN HÀ

HOÀNG XUÂN SƠN

Chị em thơ

Buồn buồn
cõng chị đi chơi
bế em ra ngõ nhà người
nói
thơ
hát cho đỡ tủi
cơ đồ
trăm câu thân ái
ru bờ bụi hoang
đầy thơ
cho đựng bát vàng
nghiêng trăng nhân loại bình an rót về
vịn em
thơ
đứng giữa hè
thắp tình chị sáng mù mê bụi hồng
hát lên thơ
hát lên
chồng
trăm năm đá tảng
một dòng sông ngân
chị em thơ
nuối
vô ngần
hồn lên vạn kỷ
trùng hưng
buổi
người .

HOÀNG-XUÂN SƠN
tháng mười một chín chín

THÙY DƯƠNG

Nền trời màu ghi

Bố mẹ mất sớm, ông Trâm đi khỏi làng từ năm mười sáu tuổi, phiêu bạt khắp nơi đến gần ba mươi năm mới quay về làng, lấy cô vợ là bạn chăn trâu thuở trước rồi lại đưa vợ con đi. Người làng nói tại ông giận anh chị không về. Bỗng dưng vào giữa tháng Tư ông Trâm cùng vợ và đứa con trai út về quê, nghe nói để chữa thuốc nam. Ông đi thăm họ mạc, thơ thẩn ra chơi cánh đồng, đòi vợ hái cho một nắm rau tập tàng về nấu canh mắm. Trưa hôm sau ông đổ bệnh và đi luôn.

1. Ánh nến chập chờn trên cái quan tài đỏ hoa văn và tua rua viền vàng. Bà Thuận đi ngang qua -gương mặt người chết nằng nặng vô cảm. Trong bà bỗng như đập vỡ cái gì đó. Bà ngồi xệp xuống chân quan tài: "Chú sống khôn chết thiêng - mọi điều đã qua chú bỏ cả lại trần, đừng đeo theo vướng víu. Tôi có tội với chú. Cũng vì con cái mà xưa kia tôi có nhiều điều không phải!" Trước mắt bà ba bát cơm đơm cho con thì đầy, bát cho em lại vơi. Đêm không ngủ nổi chú bấm cháu dậy ra vườn. Không kiếm nổi cái gì bỏ vào mồm, hai đứa đành ôm nhau nằm co. Cháu liều mạng chui vào buồng bốc ra mấy con cá muối kho. Chú lập bập đưa lên miệng. Chị dâu xô từ buồng sau ra soi đèn dầu tận mặt, giật phắt mấy con cá và tru tréo lên. Nhà như có cướp đêm... Bà lôi chiếc khăn

xô thấm hai mắt, nghẹn ngào: "Cá chuối đấm đuối vì con, chú hiểu cho tôi. Gian nhà nhỏ sau vườn ông bảo dành cho chú nhưng nếu không bán đi, tiền đâu nuôi chú ăn học. Tôi một nách sáu đứa con - nuôi chúng còn chưa xong huống hồ còn cả chú." Đội kèn sau lúc nghỉ xơi cơm đã lục tục vào chỗ. Lại sắp có đoàn khách đến viếng. Bà Thuận lật đật đứng dậy ra đón khách. Đêm còn dài. Bà sẽ còn có dịp ngồi với chú ấy. Nhiều điều chưa nói được với người sống bà phải nói với người chết.

2. "Mất cha còn chú. Thế chú Trâm mất sao chú không bàn với tôi một tiếng. Nhà ông bà đây, tôi lại là cháu đích tôn, sao không đưa chú ấy về đó. Chú tự quyền quá!" - Thì trước khi chú ấy nhắm mắt chú đã hỏi ý kiến mẹ cháu. Bà ấy bảo tùy. Nhà chú đây cũng do ông bà làm cho. Bà cũng ở rồi mất tại đây. - Ai mà chẳng biết. Nhưng mà khối người làng cứ hỏi. Tôi khó ăn khó nói. Cả bà già nhà tôi nữa. Tôi đâu còn phải trẻ con. Việc to lớn phải hỏi qua tôi chứ. Thái vùng vằng bỏ đi sau cuộc đấu khẩu với chú ruột. Anh ra đầm cá. Phải cắt đặt công việc. Trời này khéo đến đêm có mưa. Hạn to thì mưa sẽ lớn. Tràn bờ một cái chỉ còn nước nhảy xuống đầm tự tử. Ở quê muốn mở mày mở mặt được với dân làng thì phải có tiền. Kiểu gì cũng phải có tiền. Chú Trâm là tấm gương tày liếp. Ngày xưa trước lúc chú đi xa chú chỉ nói với anh mỗi điều: "Tao thề là bao giờ giàu có mới trở về làng!" Vậy mà chưa kịp giàu thì đã... Vẫn cứ phải trông cậy vào họ hàng anh em. Thái đã định bụng đứng ra lo ma chay cho chú ấy từ A đến Z. Cũng chỉ dăm triệu là cùng, tiền phúng viếng của mọi người có khi gần đủ -mà lại trả được món nợ tình cảm giữa chú cháu ngày xưa. - Sao bố nó giờ này còn ở đây? Người đâu mà vô tình thế! Thái lừ mắt: - Về đi, ai khiến ra tìm làm gì. Xay ba chục cân nếp mang sang đám. Bảo thằng Hải nấu cơm cho các em ăn rồi trông nom cửa nhà. Đêm nay tôi với cô ở bên ấy... Nhìn dáng vợ lủi thủi, tất tả quay về, Thái thở dài rồi ngồi bệt xuống bờ đầm. Anh bứt mấy cọng cỏ đưa lên miệng nhai. Cô Tươi xinh nhất nhì làng chờ ai chẳng rõ mà từ chối khối đám trong làng, trong đó có cả Thái. Thằng bạn thân rỉ tai: "Sao mà mày ngu đến thế là cùng. Con Tươi nghe đâu hứa hẹn với chú mày rồi!" Thái hất mặt lên: "Ông ấy đâu có tài cán gì, lại bỏ đi biệt tăm thế. Đếch tin. Nhất cự ly nhì cường độ. Thế nào nó cũng về tay tao." Trước vẻ mặt bán tin bán nghi của đứa bạn, Thái nói như dao chém đá: "Còn tao còn mày - chỉ cuối năm là tao sẽ cưới nó cho mà xem." Thái lại thở dài. Anh không muốn nhớ lại chút gì cái mưu mô đã bày đặt để Tươi ngã vào vòng tay mình.

3. Tôi là cháu dâu của người mới chết. Ngày tôi lấy chồng, mẹ

tôi xót xa: “Rồi con phải gánh vác việc nhà chồng - nặng đấy. Nhà nó ở quê, con là người thành phố - phải thật khéo léo nghe con.” Chồng tôi ở nước ngoài, việc đối nhân xử thế với nhà anh, tôi lo hết và được tiếng là con dâu hiền thảo. Nhưng tôi không sao hiểu hết chồng mình. Được tin cậu mất tôi vội vàng gửi con cho bà ngoại phóng xe máy về. Trên đường mấy lần tôi ứa nước mắt khi nghĩ đến con gái cậu đang bụng mang dạ chửa. Hôm qua nhấc máy, nghe tiếng nó cuống quýt: “Bố em chết rồi phải không chị, chị đừng giấu em.” Tôi khóc. Không phải thương cậu mà thương nó thắt lòng. Sáng mai nó mới ra đến đây - tội nghiệp. Có mấy ngày mà không còn cha nữa. Bước vào cổng, tôi chững người lại. Phía trái bếp tiếng lợn bị chọc tiết kêu ằng ặc. Mấy bà chị họ gánh bát đĩa, rau đậu, đồ ăn... ra vào tấp nập. Không rõ nét đau khổ, chỉ có sự tất bật. Cậu ấy nằm trên giường giữa hai bịch chè khô to tướng, mặt đậy tấm giấy bản. Tôi bỗng thấy cảm giác xa lạ - cậu ấy không phải người nằm kia. Dường như trong một giây nào đó tôi tưởng tượng ra rằng cậu ấy lởn vởn ở đâu đó, nhìn hình hài mình vừa trút ra nhìn bọn người chúng tôi lăng xăng, đau khổ... - Cháu ra giếng rửa mặt rồi vào ăn cơm, tí nữa người làng đến hỏi thăm đông lắm. Tôi không khỏi sững sờ trước vẻ tỉnh táo của bà mợ. Đôi mắt nâu ráo hoảnh, chỉ hơi trũng sâu và khô khốc. Bỗng dưng tôi không kìm được ý muốn nhìn sang bà chị dâu họ. Chị ấy lầm lũi làm trong bếp, hai mắt mờ đỏ. Ngoài câu chào lại tôi, dường như chị chưa hề mở miệng nói tiếng nào từ sáng. Hơn chục mâm bê ra, người đơm, người xúc rào rào. Có tiếng ai đó pha trò. Tôi cố nuốt chút canh bí rồi đứng dậy ra vườn. Người chết vẫn nằm kia, người sống ăn uống, chuyện trò và còn đùa được. Có vẻ bất nhẫn quá. Mợ tôi xốc nách cô con gái. Nó rũ xuống, lả đi như tàu lá. Thằng em, nước mắt nước mũi nhòe nhoẹt. Bà mợ nghiêm giọng: “Hai đứa nghe mẹ nói đây. Bố mất, người khổ nhất, thương nhất là mẹ. Nhưng mà phải nín tâm lại. Bố bỏ làng đi từ nhỏ, chẳng đóng góp cho làng nước được chút gì. Vậy mà bố ốm về làng, họ mạc dân làng đến thăm tấp nập. Rồi còn năm ông già thay mặt cả họ tộc mang quà đến. Bây giờ cả làng đến viếng. Tình nghĩa thế, chẳng biết đến bao giờ mẹ con mình báo đáp được. Phải tỉnh trí lại cho bố. Con còn ít tuổi nhưng là con trai, trụ cột cả nhà bây giờ - Nghe mẹ... còn có đêm nay nữa thôi!” Hai đứa đã thôi nức nở. Chúng cùng mẹ đứng dậy, sắp hàng một bên bàn thờ và đứa nào cũng nghiêm trang già dặn. Bà bác nhìn tôi thông cảm: “Mẹ Tươi đưa em nó về bên nhà nghỉ đi. Chỉ cần thanh niên với mấy ông bà già đêm nay thức là đủ rồi!” Tôi nhìn thấy cạnh bà là anh Thái mặt lầm lì đến sợ khi nghe lời

mẹ dặn: "Chú ấy còn lẩn quất quanh đây, nếu có về thì cũng đừng ai sợ..." Chị Tươi khẽ tìm tay tôi kéo đi. Tôi trằn trọc không sao ngủ nổi. Cuộc đời chẳng lẽ chỉ có thế thôi ư! Người ta sinh ra để làm gì nhỉ? Cứ loay hoay với những câu hỏi chợt đến tôi càng thêm hoang mang. Có tiếng động nhẹ phía sập gụ, tôi ngoái lại, cậu Trâm ngồi khoanh chân hút thuốc, mặt thanh thản lạ kỳ. Tôi chỉ lắp bắp được hai tiếng: "Cậu, cậu..." rồi ngồi bật dậy trong màn. Cậu cười hiền lành như những lần tôi gặp: "Chị em cô lơ đãng đến thế thì thôi. Cửa sau đã cài đâu mà đi ngủ." Tôi ngạc nhiên thấy không còn chút nào sợ sệt: "Thế cậu về để nhắn điều gì?" "Có gì mà phải nhắn." Cậu đứng lên lững thững đi ra phía sau nhà. Chắc cậu ra vườn. Tôi gọi với theo... Chị Tươi ôm choàng lấy tôi run lẩy bẩy. Tôi mở bừng mắt: "Mình mơ à?" Chị Tươi vẫn chưa hết run: "Tôi thấy chú ấy về. Chú ấy vạch màn nhìn vào mặt tôi đăm đăm, chẳng nói điều gì rồi quay lưng bỏ đi." Chị khóc òa lên, nức nở. Tôi vỗ về an ủi. Chị vẫn không sao bình tâm nổi. "Tôi có tội với chú ấy. Vì tôi mà chú ấy bỏ làng đi, lặn lội nơi rừng xanh núi đỏ... Thế mà ở nhà tôi đã làm gì. Mà với ai kia chứ? Trời ơi là trời." Chị hào hển nắm chặt tay tôi: "Ngày nghe tin chú ấy về, tôi chỉ muốn bỏ đi, đi hẳn, không bao giờ quay lại cái làng này nữa... Đêm ấy chồng tôi lại vào. Anh ta lột tôi ra và lại y như cái lần chưa cưới dụ tôi đến nhà... Tôi biết là tôi không thể bỏ đi đâu được, không thể xa anh ta... Đàn bà trao thân cho ai thì phải gắn chặt đời mình với người ấy. Không còn con đường nào khác!" Lần ấy về, chú gặp riêng tôi: "Chuyện đã lỡ - tôi không ân hận, không trách gì Tươi. Thằng Thái nó cũng không đến nỗi nào. Tôi đã giành dụm sẵn cho Tươi đôi vòng tàu. Tươi cứ giữ lấy, sau này có con gái cho nó làm vốn riêng..." Chị nói lập cà lập cập. Tôi khêu ngọn đèn cháy sáng lên, đưa cho chị cốc nước. Chị uống ừng ực như người sắp chết khát, hai mắt sáng ngốt, vẫn chưa hết ánh dài dại,.hoang dã. Tôi bước về phía sau và giật mình. Cánh cửa mở ra sau vườn vẫn chưa cài chốt! Sáng hôm sau đưa cậu ra đồng. Trời bất chợt nổi giông. Mây vần vũ đầy trời. Ai đó nói chôn người chết xong mà mưa thì điềm may mắn. Tôi nhận ra chị Tươi mới đeo đôi vòng tàu. Tiếng đất rơi lộp bộp trên nắp ván. Mợ đổ vật ngất xỉu. Bên kia, chị Tươi cũng gục xuống. Tôi ngửa mặt lên nhìn trời tìm một sự bấu víu mơ hồ. Nền trời tuyền một màu ghi sẫm.

THÙY DƯƠNG

http://www.saigonline.com/hopluu/

SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY

Điên nam rao bắc

có ai xõa tóc dưới đời
mà tôi rung núi, viết lời hợp tan...
(Sư Trưởng HQH)

trên chồng bản thảo phù hoa
ngày sau phấn bụi, điên, qua tay người

trên chồng bản thảo máu tươi
khép trang cung kiếm
ngậm ngùi
hư không

cột dây trói cái má hồng
cõng ta xuôi ngược
hết đông tới đoài
bao giờ đá dậy sương mai
dắt nhau
trở lại giang đài ngắm trăng

ấy là tôi nói lăng nhăng
từ khi
dấu ấn đã hằn vết đau
từ khi
nguyệt lạnh giang đầu
sa thân tuyệt lộ,
lộn nhầu, đảo điên

ấy là tôi nghĩ huyên thuyên
mai sau
nhật nguyệt
đừng phiền hà chi
ngày em nhẹ dạ trốn đi
cái quân bất nghĩa bất nghì...
là tôi

ấy là tôi nói thế thôi
thật ra tôi đã... chết rồi từ xưa

gập trang giấy bản che mưa
mặc tôi oà khóc chưa vừa lòng em

còn trang lụa ngọc hoa tiên
mấy điều
vàng đá,
nhớ, quên lùng bùng

ấy là tôi kể lung tung
từ khi
mê lộ khật khùng bủa vây

nay tôi gối chốn trời tây
ăn hoa độ nhật, thương mây bềnh bồng

chắp tay xá
giữa trời không
điên nam, rao bắc. Má hồng,
hỡi ơi !

SƯ TRƯỞNG HÀ QUỐC HUY
cho Thiên An
tuyệt tình thảo trang 9.9.1999
trích ôm bình bát đi giữa chiến trường, xưa

LỆ HẰNG

Tình non tình già

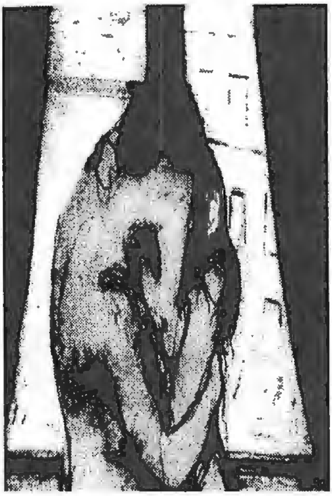

Đúng là thời gian! Như một chớp mắt, quay qua quay lại tiêu tùng một năm. Mới hôm nào cuống quít lo bài Tết, bây giờ bạn bè réo réo hỏi bài số xuân. Giận quá mắng thầm... đồ ăn gian. Chưa làm gì hết. Thần thời gian lại cướp mất của mình một năm.

Mọi năm về trước cuối tháng 11 thiên hạ túa ra đường, rục rịch mua sắm ai cũng diện quần soọc hay váy lụa mỏng tang. Năm nay gió vẫn cơ hàn. Nhiều nơi tuyết vẫn chưa tan hẳn. Thiên hạ lo ngại hỏi nhau. Trời đất gì lạ vậy? Tháng này lẽ ra phải nóng nực lắm rồi. Ai tin nổi mùa hè, đêm vẫn phải chui vào hai lớp chăn, sáng vẫn co ro choàng thêm áo ấm. Thấy thời tiết rối loạn, thiên tai hoạn nạn xảy ra khắp nơi, con người e ngại ngửa mặt lên trời. Hỏi trăng, trăng méo miệng cười. Hỏi sao, sao nhấp nháy. Hoảng hồn giáo phái mọc như nấm, tiên tri sấm truyền bay như bươm bướm. Tận thế tới nơi rồi, không đủ ngày giờ để thương nhau nữa đâu, ngu gì chửi bới hằn thù nhau uổng lắm.

Tạm coi chúng ta đang tà tà kết thúc một thế kỷ. Tạm coi chúng ta là những kẻ may mắn mở đầu cho đệ tam thiên niên kỷ. Sống hân hoan hay sống bùi nhùi cũng là sống, sao không dành chút thì giờ nhìn lại đoạn đường đã qua, xem dòng dõi Eve, cháu chắt của bà Trưng bà Triệu đã vùng vẫy như thế nào để không bị các ông, hậu duệ của Adam túm tóc dí đầu xuống đất đen.

Chiều qua đi dạo vòng quanh quả đồi, cảm hứng đọc cho rừng

núi dội lên câu đồng dao Việt Nam:

Ai xui em đến chốn này
Bên kia là núi bên này là sông.

Thấy núi cao lừng lựng bọc quanh nhà, thấy sông Nepean uốn mình chảy, tận ngọn cuối nguồn của sông tôi đều không biết. Không phải sông Hàn và ngọn Trà Sơn, cũng không phải sông Hương và Núi Ngự, Vàm Cỏ - Bà Đen cũng không luôn. Tôi đang ngẩn ngơ giữa núi và sông lạ mặt. Một Blue Moutains trùng trùng. Một Nepean thanh bình và êm ả. Tôi không còn là người phụ nữ Việt Nam 100 phần trăm như mẹ tôi. Các con tôi cũng không còn lấy 50 phần trăm cốt tính của người Việt trong người chúng. Đã quá trễ để làm người Việt và quá sớm để làm người Úc, người Mỹ... Tôi cũng chịu thua các con, không biết chúng nghĩ gì về cái lý lịch Việt Nam phiền phức này.

Nhân loại đang hăm hở đón một trăm năm mới và một nghìn năm mới. Cuộc chiến giữa người với người có vẻ lùi xa từ lúc con người ngộ ra, trò chơi Chiến Tranh Lạnh cũng chẳng vui vẻ gì mấy mà cũng chẳng béo bở gì cho túi tiền của các ông nhà giàu nên đã hè nhau vác búa đập nát bức tường Bá Linh từ mười năm trước.

Nghĩ cũng tủi, bọn mũi lõ tưởng ngu té khôn hơn người mình nhiều, Đông Tây bị chia cắt, dân Đức lặng thinh xây dựng hai miền, cuối cùng rủ nhau giật sập bức tường ô nhục xuống trèo qua nắm tay nhau. Huề! Không bại không thắng, không tốn nửa giọt máu. Người Việt có con sông tên Hiền Lương vậy mà sắt máu hơn thiên hạ nhiều. Nghe người ngoài xúi dại gằm ghè giết nhau. Gần bốn triệu người Việt chết oan, hận thù đời này chồng lên đời trước. Cho đến bây giờ máu oan xương hận giải chưa xong.

Có hàng triệu bài thơ, bài nhạc, tranh ảnh... Có hàng nghìn tiểu thuyết nói đến niềm đau của người mẹ, người vợ, người tình. Có ai đủ lòng xót thương ngồi đếm dùm tôi có bao nhiêu người vợ lòng như dao cắt lúc đưa chồng ra trận? Trước hay sau cũng đón xác người thân trở về. Khóc lóc trời không nghe. Bom rơi đạn nổ, quan tướng chủ tịch hăng máu tai nào chịu nghe. Ba mươi năm, một trăm năm, hai nghìn năm ai đếm nổi có bao nhiêu người mẹ lọm khọm đi tìm xác con hay nhận về cho mình những đứa con què cụt bệnh hoạn vì chiến tranh? Nước mắt của đàn bà trong các cuộc chiến từ trăm năm qua, từ ngàn năm qua có thể tạo thành đại hồng thủy dìm ngập thế giới.

Vậy mà khi quyết định đánh nhau, giết nhau, các ông chẳng bao giờ tham khảo ý kiến hay trưng cầu dân ý đàn bà bao giờ cả! Thảm kịch chỉ vì sống chết với nhau, nhưng đàn ông ít khi chịu coi đàn bà là người như mình, hay tối thiểu cũng là một kẻ ngang hàng với mình.

Cả ngàn năm qua các ông cứ vin vào kinh thánh bắt phụ nữ phải nhắm mắt tin tưởng đàn bà chỉ là một mảnh xương sườn của người đàn ông. Từ một mảnh xương, xác thân sinh ra để phục vụ lạc thú cho chồng, dẫn đến thân phận tôi đòi lệ thuộc vào chồng. Đoạn đường khổ nạn này coi bộ không xa xôi gì lắm.

Người Việt cũng bày trò nam trọng nữ khinh xôm trò lắm, một hai các ông cứ hỉnh mũi lên... hèm hèm đàn bà ấy à, ngồi không cao hơn ngọn cỏ bàn bạc việc lớn với họ làm gì cho nhọc bụng. Mặc dù sử chép rõ các cuộc nổi dậy đầu tiên của dân tộc vùng lên chống xâm lược từ phương Bắc đều do đàn bà khởi xướng, Trưng Trắc, Trưng Nhị và Bà Triệu.

Lễ nghi phong kiến nặng chình chịch như người Nhật cũng hãnh diện khoe năm châu bốn bể, họ là con là cháu của single mother. Single mom của Nhật là Thái Dương Thần Nữ. Xưa nay chữ Dương thường được dùng để chỉ mặt trời, tượng trưng cho quyền lực đàn ông. Mặt trăng dịu dàng hơn, tượng trưng cho đàn bà. Dương nam, âm nữ. Không hiểu sao người Nhật lại đảo lộn thế cờ nhất quyết gọi bà mẹ vĩ đại của họ là Nữ Thần Mặt Trời?!

Câu hỏi này sau một công trình nghiên cứu rất cẩn trọng đã được các nhà sinh vật học chứng minh rõ như ban ngày. Viện Nghiên Cứu Whitehead, Massachusetts vừa xác định huyền thoại cái trứng sinh con gà, giống cái sinh giống đực, đàn bà sinh ra đàn ông không phải là chuyện mộng mị xa vời nữa. Xin các đấng tu mi nam tử hiện đang vểnh râu trê thủ đắc địa vị ưu thắng của đàn ông trên mặt đất đừng vội hoảng hốt. Phe phụ nữ sinh ra để làm mẹ, bản năng trời cho vốn rộng lượng họ không tranh dành những mảnh danh vọng hão huyền đó. Danh vọng là thứ may ra chỉ để hửi, mang về sợ may tã lót váy đụp cũng không xong.

Các nhà khoa học tuyên bố như thế này, yếu tố Nam-Nữ tuỳ thuộc sự phát triển của nhiễm thể hay chromosome. Nói rõ hơn nhiễm thể cội nguồn của sinh vật là X. Ích-xờ căn bản này nếu đụng vào một nhiễm thể X khác, sinh vật được hình thành trăm phần trăm sẽ thuộc về giống cái, hay con bé tí. Nếu nhiễm thể căn bản Ích-xờ này đụng nhằm nhiễm thể Y, sinh vật hình thành trăm phần trăm sẽ là giống đực. Nếu là người, tên tục của nó là thằng cu. Nhiễm thể Y rất nhỏ, chỉ bằng một phần ba nhiễm thể X. Khoa sinh vật học truy lùng nhiễm thể Y tới tận căn nguyên của nó và khám phá ra một điều khá lạ lùng... Khoảng 300 triệu năm trước quả đất có vô vàn nhiễm thể X mà thôi, một ngày lộn lạo nhiễm thể X bị tách lìa ra một mảng nhỏ, phần nghịch tử này chuyển thái thành nhiễm thể Y. Như vậy về phương diện khoa học, dù tự ái có sôi lên sùng sục đi nữa, các nhà khoa học cũng phải long trọng xác quyết như

thế này... từ muôn triệu năm trước, chính đàn bà đã sinh thành ra đàn ông.

Vô danh thiên địa chi thủy
Hữu danh vạn vật chi mẫu.

Thủa u minh vũ trụ chỉ là nước. Vạn vật nên hình nhờ nguyên mẫu Mẹ. Lão Tử nói như đinh đóng cột trong Đạo Đức Kinh vậy đó.

Vậy mà từ xa xưa chuyện trọng nam khinh nữ ở xã hội của mấy ông Tây bà Đầm không phải chỉ bắt nguồn từ huyền thoại. Để biện minh cho chủ trương coi thường đàn bà, sách vở Tây phương có hàng trăm chuyện khởi đi từ một chủ đề - đàn bà là căn nguyên cội rễ của tội tổ tông. Khắp nơi và mọi thời, đàn ông cha truyền con nối cứ hùa nhau phạm đủ mọi giống tội, có ai hỏi tới... đổ cho đàn bà là xong. Con hư tại mẹ cháu hư tại bà. Từ cổ chi kim, mọi lỗi lầm lớn nhỏ, đều qui tội cho đàn bà. Nhan sắc cũng bị răn đe là bẫy sập khiến đàn ông rơi vào sa đọa, vân vân và vân vân. Trong các chiến dịch truy lùng phù thủy ở Âu châu thời Trung Cổ, đàn bà bị buộc tội tà giáo nhiều hơn đàn ông, ít nữa cũng theo tỷ lệ một trên bốn, cứ bốn bà phù thủy bị điệu lên giàn hỏa hay trấn nước cho chết mới có một phù thủy ông bị giết.

Có đến hàng nghìn năm đàn bà bị cấm chỉ không được mó vào việc nước. Đi lính, bầu cử và ứng cử tuyệt đối cấm ngặt. Khoảng vài chục năm gần đây người ta mới cho phụ nữ gia nhập một vài binh chủng như quân y và ngành nữ trợ tá... Người đầu tiên cố gắng vươn lên ngang hàng với nam giới về phương diện tôn giáo, Nữ Thánh Teresa d'Avila, và về phương diện đời Nữ Thánh Jeane d'Arc. Jeane d'Arc là bà Trưng, bà Triệu của Pháp. Bà Trưng bà Triệu không cần giả trai như Hoa Mộc Lan của Trung Hoa, nhưng Jeane d'Arc thì phải ăn mặc như đàn ông để cầm quân ra trận. Nữ Thánh Teresa kết thúc đời mình trong một dòng tu kín, Nữ Thánh Jeane d'Arc chết oan trên giàn hỏa, như một phù thủy! Hai cái chết này chứng nghiệm lời cáo buộc của phụ nữ... Quyền lực cho đến bây giờ vẫn được xem là trò chơi độc quyền của đàn ông!

Kỳ thị phái tính không chỉ là một chuyện tôn giáo thôi. Đó còn là một vấn đề kinh tế xã hội nữa. Khi khoa học và nông nghiệp chưa phát triển, thiếu ăn và bệnh hoạn là những ám ảnh hàng đầu của con người. Xã hội ngày xưa rừng rú hơn bây giờ. Nhà nước không có bộ nào lo cho người nghèo. Ai nghèo đói bệnh tật đơn côi tự bơi lấy. Đa thê là chuyện ắt phải xảy ra. Có ruộng đất nhiều muốn bao nhiêu vợ cũng có. Không có chế độ Welfare, nên bà lớn bà bé ngậm đắng nuốt cay vẫn phải bám cứng vào chồng, thương nhờ ghét chịu. Ôm con bỏ chồng không lạc chợ trôi sông cũng lầu xanh lầu đỏ, chết vô danh thị, sợ không có được nấm mộ bên đường như mả Đạm Tiên.

Mãi sau này nhờ các phong trào triết lý, văn học, nghệ thuật,

nhất là những tiến bộ vượt bực về khoa học, quan niệm chồng chúa vợ tôi dần dần bị đẩy vào bóng tối. Đàn bà mạnh dạn hơn trong việc đòi nữ quyền. Cách mạng phái tính khởi đầu trong các triều đình ở Âu Châu, các salon văn chương hay những hội quán văn nghệ do các mệnh phụ phu nhân lập ra. Đàn bà đã biết dùng sự khôn ngoan, sắc đẹp, tiền bạc để tạo thế đứng của họ dưới ánh sáng mặt trời.

Cách mạng Pháp 1789 là thành tựu đầu tiên cho phụ nữ khi cuộc cách mạng nầy thừa nhận đàn ông và đàn bà bình đẳng trước luật pháp về những quyền công dân căn bản. Thật ra sự bình đẳng này chỉ mới đạt được trên lý thuyết. Bằng chứng hơn một thế kỷ sau, mãi đến năm 1902 phụ nữ Úc mới được quyền đi bầu, trước đó a lê ở nhà quạt lò nấu ăn. Ở Mỹ mãi đến năm 1920 phụ nữ Hiệp Chúng Quốc mới túm váy lên lò dò đi vào phòng bầu phiếu. Ở Anh tới tận năm 1928 phụ nữ Anh mới phe phẩy đi bầu viện dưới. Thụy Sĩ cổ hũ chậm như rùa bò lệt bệt tới năm 1972 nước này mới cho nữ cử tri sờ đến lá phiếu của đàn ông.

Trong thập niên 90, ở Mỹ, nữ sinh viên chiếm 60 phần trăm tổng số sinh viên tốt nghiệp, Ở Úc nữ sinh viên ra trường chiếm 50 phần trăm. Nhưng 90 phần trăm những việc làm ngon lành béo bở kiểu Tổng Thống, Thủ Tướng, Thủ Hiến, tổng giám đốc các công ty... đàn ông vẫn ngang xương chiếm hết, cố trấn, cố đè không cho phụ nữ chen vào, sợ lộ chân tướng kém tài hơn phụ nữ.

Hiến pháp nước nào cũng ghi rõ - Luật pháp bảo vệ quyền bình đẳng nam nữ - trên giấy tờ. Phụ nữ gọi hiện tượng bất bình đẳng này là -the glass ceiling. Hàng trăm bộ luật dầy cộm cũng vậy thôi, thách các bà chồm chồm nhảy lên đòi ngang vai ngang lứa với đàn ông đấy. Thử đi! Không vỡ đầu cũng bể trán.

Phát minh thần kỳ nhất của y khoa giúp cho phụ nữ cởi bớt xiềng xích của đàn ông chính là thuốc ngừa thai. Mang nặng đẻ đau là cái cùm cột cẳng phụ nữ vào giường đẻ hết đời này sang đời khác. Các bà cố bà sơ ngày xưa nhiều cụ năm nào cũng ì ạch mang bầu làm sao học hành để tiến bộ được nữa. Về điểm này có lẽ khoa học cũng cần tiến thêm một bước nữa nếu muốn tỉ lệ đổ vỡ gia đình giảm bớt, con cái đủ cha đủ mẹ, xã hội ổn định hơn, tỉ lệ tội ác không tăng. Các viện bào chế phải cấp tốc chế loại thuốc ngừa bệnh ma-chô cho đàn ông. Các bà tháo còng quẳng đi từ khuya lận nhưng các ông hỏng chịu cứ hục hặc hoài. Loại đàn ông hoặc tài ba hoặc có bắp thịt, ma-chô nhiều khi còn dễ thở. Kinh hoàng nhất là các ông trói gà không chặt, ra đường bị mặc cảm thua bại, về nhà càng hoạnh họe vợ con dữ dằn hơn. Họ đay nghiến không muốn các bà tỏ ra năng động, càng không muốn vợ tài ba hơn mình, họ bắt lỗi bắt phải vợ suốt ngày suốt đêm. Tỉ lệ đổ vỡ gia đình thường thuận

chiều với những người đàn ông kém cỏi không thành công. Không phải vì đàn bà ham danh hám lợi đâu. Số người này rất ít, phụ nữ một khi đã lập gia đình đa số coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi giống của cải phồn vinh giả tạo bên ngoài. Tam đoạn luận giản dị lắm - Đàn ông thất bại vì xã hội không chịu nổi họ - Xã hội không chịu nổi - Làm sao vợ con chịu nổi.

Người Trung Hoa nổi tiếng lễ giác và nghiêm đường. Tiết lễ thực sự bày ra chỉ để răn đe giai cấp quan lại trung gian, quan trên ép xuống dân đen trông vào mà thôi. Cung đình vua chúa loạn dâm, cướp vợ chia chồng bầy hầy từ ngai vàng bầy hầy xuống. Dân giả cũng vậy, hội hè đình đám đống rơm đống rạ, váy tốc lên đầu, các ông tha hồ cày sâu cuốc cạn, tung hoành gieo giống mùa nào cũng ổn. Chẳng thế, văn chương Trung Hoa đã sản sinh ra một hiện tượng nam nữ bình quyền thong dong thoải mái đến không ngờ. Đó là hình ảnh các nữ hiệp, lưng đeo kiếm tay vung chưởng hành hiệp giang hồ, xuất quỉ nhập thần không thua trượng phu một ly nào. Hoàng Dung, Tiểu Long Nữ, Triệu Minh của Kim Dung là những nhân vật bất tử trong tâm tưởng người đọc. Âu Mỹ thua xa, Mỹ chỉ mới có Wonder Woman, Tân Tây Lan và Úc sau này có Xena.

Xena có trở thành một biểu tượng nữ quyền của xã hội Tây phương trong thế kỷ tới không? Thế kỷ 20 và đệ nhị thiên niên kỷ đang cuốn gói ra đi với hình ảnh của một vài người đàn bà nổi tiếng chịu chơi như Madonna, Diana, Spice Girls, Pamela Anderson. Diana và Madonna là người của thế hệ cũ, Diana đã chết, Madonna đang rút vào bóng tối. Spice Girls nổi lên nhờ có tài quậy. Luật chơi trội mau tàn, nhóm này đang như vụn cám. Pamela Anderson gây sóng gió nhờ có nhân dáng hao hao giống Brigite Bardo ngày trước. Một thời Hillary Clinton cũng được soi gương như một người đàn bà biết làm chủ đời mình. Cũng có người vặn hỏi Hillary nổi tiếng vì tự chủ hay nổi tiếng lây nhờ thói lăng nhăng ba trợn của ông chồng?

Một buổi trưa tình cờ xem show của Oprah. Người mẫu đàn chị của buổi nói chuyện thời trang thiên niên kỷ là Jerry Hall. Jerry Hall giới thiệu một số y phục khá hấp dẫn, nhưng hấp dẫn nhất... vẫn là tin sốt dẻo... Jerry Hall quả quyết rằng các mẫu y phục dành cho thiên niên kỷ tới phụ nữ nhất định sẽ tẩy chay... đồ lót!

Dông dài chuyện đàn bà... sang năm cũng không hết chuyện. Vài tháng nữa thôi, mọi việc lớn việc nhỏ sẽ trở thành chuyện của thế kỷ 21. Nói rõ hơn chuyện của đệ tam thiên niên kỷ! Oai vọng như vậy đó, không hỉnh mũi lên sao được. Nổ nhất trong những ngày áp chót của thế kỷ vẫn là chuyện các người mẫu đẹp như tiên đang rao bán trứng của họ

trên internet. Rẻ thôi, cỡ năm bảy chục ngàn đô la một cái trứng nhỏ xíu. Ông nào muốn mua trứng của họ cứ liên lạc với số đó, số đó trên liên mạng... Các hội đoàn tương trợ phụ nữ, hội bảo vệ đạo đức gia đình, nộ khí xung thiên chửi ầm trên báo chí. Các cô nường bán mông bán đùi đã đời rồi... chồng con chúng tôi nhòm lòi cả mắt... chưa đủ sa hỏa ngục? Bây giờ đòi bán trứng hóa ra trứng của người khác vứt thùng rác cả sao?

Ngày xưa, cả nước Việt Nam chỉ có Hồ xuân Hương dám ca bài không chồng mà chửa mới ngoan. Ngày nay, single mother lền khên ngoài đường. Chẳng thấy hội Khổng Mạnh nào đòi ném đá cả. Có tiền chỉ cần đến bác sĩ mua giống cho con như Jody Foster, Madonna, Micheal Jackson chẳng hạn. Nước Mỹ cái gì cũng mua bán được. Nên sau chuyện rao bán tinh trùng của các ông kẻng trai thông minh, tốt giống... tại sao cấm đàn bà bán trứng? Chưa chừng các nhà khoa học dám đang hì hục clonning Hitler, Napoleon, Chopin, Einstein từ khuya lận. Ai biết nổi lòng dạ khôn lường của các nhà khoa học?

Ngày xưa, thấy thời gian vùn vụt trôi đi, Xuân Diệu hoảng quá bảo người yêu:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Mau đi em tình non sắp già rồi!

Bị thời gian qua mặt cái vù, những người yêu nhau thắm thiết chỉ còn nước đánh dấu chàm dấu thẹo nghéo tay hẹn tìm lại nhau ở kiếp sau. Ngày nay khoẻ ru, khỏi cần cắn cấu hẹn hò lôi thôi lếch thếch chi cho mệt, cứ giao chuyện đó cho mấy nhà kỹ thuật sinh vật là xong hết. Muốn yêu nhau kiếp nữa dễ ợt, cứ clonning để đó. Đây không phải là chuyện thần thoại, liêu trai. Đây là chuyện có thể - đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra trong tương lai không xa gì mấy. Một ông chủ nhà quàng ở Adelaide vừa thông báo cho quần chúng một tin rất hào hứng, hãng nhà đòn của ông tự nguyện tồn trữ DNA của người chết chờ khi kỹ thuật clonning hoàn thiện người đó dư sức trở lại trần gian sống thêm một kiếp nữa. Vậy là đã đời nhé! Mai mốt chết đi sống lại dễ như chơi.

Lại một mùa Giáng Sinh, và một năm mới tinh khôi đang lò dò bước tới. Câu hỏi dễ thương nhất vẫn là hỏi về tình yêu. Thiên niên kỷ thứ ba con người sẽ yêu nhau như thế nào? Nhân danh tình yêu loài người sẽ có nhiều thời giờ hơn để mê đắm hay để hành hạ nhau? Có lăm le mua trứng, đổi chác tinh trùng lộn tùng phèo lên không? Loài người sẽ mặc áo quần không có đồ lót hay mặc quần áo kiểu Adam và Eve? Đây là những câu hỏi của thiên niên kỷ tới.

LÊ HẰNG

TN

LÊ ĐẠT

Tim vĩ cầm

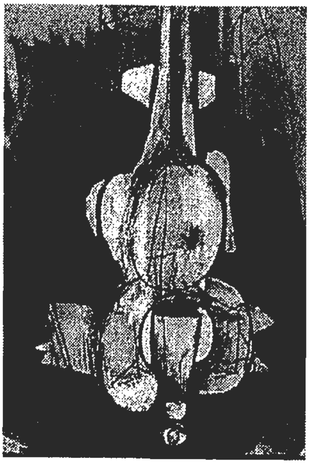

Chập chững khuông cầm
lòng lạc ngã tương tư

Không ai tường tận một tình yêu hình thành và đổ vỡ như thế nào. Cổ nhân thường ví von hạnh phúc đời người với mây nổi mùa thu lúc tụ lúc tan thất thường như đàn bà.

Mới ngày nào cả giới thượng lưu Pari hoan hỉ chúc mừng cuộc hôn nhân của Đa-may-an và Luy-xi. Có nhà báo ưa văn chương đã so sánh cuộc hôn lễ của một ông Hoàng Đa-nơ-mác với một nàng Bạch Tuyết.

Chú rể Đa-may-an, người Pháp gốc Nga ba mươi tuổi, đã là một bậc thầy vĩ cầm nổi tiếng thế giới. Cô dâu Luy-xi, hai mươi tuổi, con một ông chủ ngân hàng thuộc nhóm "top ten" của nước Pháp, không những giầu, còn đẹp và mang một tâm hồn "trên tiền mà trong danh từ đời thường người ta thường gọi một cách trìu mến là tâm hồn nghệ sĩ." Luy-xi là học trò yêu của Đa-may-an.

Tuần trăng mật của đôi vợ chồng trẻ hình như kéo dài vô tận. Hai người sống cuộc đời những "goloble Trotter" sang trọng trong các khách sạn năm sao, tận hưởng hầu hết những Thủ đô lẫy lừng trên trái đất với những ánh đèn đêm kỳ ảo, những sàn diễn đầy mê hoặc và những bó hoa bất tận mùa xuân.

Đời một nghệ sĩ vĩ cầm bậc thầy như Đa-may-an không lúc nào

thôi rực rỡ, thôi lấp lánh.

Và hạnh phúc của cặp vợ chồng trẻ khuấy động không ít những giấc mơ của đám trai thanh gái lịch đủ các mầu da trên cái quả địa cầu ngày mỗi thu hẹp trước khát vọng của con người.

"Ôi ước gì mình được sống cuộc đời lộng lẫy và huyền thoại kia chỉ là một năm, dầu chỉ là một tháng."

Tin vợ chồng Đa-may-an ra tòa ly dị hay nói chính xác hơn tin Luy-xi đâm đơn ra chốn pháp đình để giải quyết việc riêng tư nổ ra vào mùa thu muộn làm Pari sửng sốt chẳng kém gì tin tai nạn máy bay Loc-kơ-bi hay tin núi Ve-su-ve trở lại hoạt động. Một nhà thơ già bạn của Luy-xi đã bình luận.

"Hạnh phúc quá tải đeo đẳng đến mười năm có thể hơi bị dài."

Cứ gì thiên hạ. Ngay chính Đa-may-an cũng choáng váng. Anh không hiểu sao mọi sự lại đổ đốn quá nhanh đến thế. Trời đang trong xanh bỗng sấm chớp và giông bão ầm ầm... Chuyến lưu diễn tại Mêhicô vừa qua đã thu được kết quả ngoài sức tưởng tượng. Điện mừng từ bốn phương trái đất và hoa rực rỡ ăn mừng lễ kỷ niệm mười năm cuộc hôn lễ của mối tình hạnh phúc nhất hành tinh.

Được Đa-may-an hỏi về quyết định "kỳ quái" này, Luy-xi mặt kem lạnh chỉ lắc đầu trả lời vắn tắt và khó hiểu như một sấm ngữ.

"Một người thông minh như anh chắc chắn là phải hiểu"...

"Thông minh, thông minh, Đa-may-an bàu nhàu - lần nào có chuyện rắc rối người ta cũng đổ thứ bệnh siđa ấy cho mình..."

Giá túng ăn túng tiêu và cuộc đời bị những nhu cầu mưu sinh hành hạ thì Đa-may-an không đến nỗi thắc mắc... Đã có bao nhiêu cuộc tình đẹp tan vỡ vì những bận tâm độ nhật...

Những lý do cơm áo thường cụ thể dễ thấy và tàn nhẫn. Những lý do tinh thần thường phức tạp, éo le và cũng tàn nhẫn không kém. Có thể còn tàn nhẫn hơn vì cả bên nguyên lẫn bên bị đều không lý giải được một cách minh bạch. Người ta như bị thúc đẩy bởi một sức mạnh mù lòa độc đoán, thất thường, rồ dại không biết từ đâu tới. Ôi! Con người.

Phiên tòa diễn ra hỗn độn ồn ào, nhiều tạp âm quá. Như có muôn ngàn mũi kim đâm vào màng nhĩ người nhạc sĩ quen sống với sự hài hòa tuyệt vời của âm thanh. Các trường phái nhạc hiện đại nói nhiều đến việc sử dụng những nghịch âm khiến không ít người hiểu lầm. Những nghịch âm trong nhạc là những hòa âm ở một mức độ cao hơn, tinh tế hơn.

Những nghịch âm của đời thường vốn sống sượng, nhiễu loạn, bạo lực, ô nhiễm và xâm hại di dưỡng tinh thần. Đa-may-an lấy hai

miếng bông cách âm bịt kín lỗ tai...

Anh ngơ ngác nhìn mọi người múa tay múa chân miệng lắp bắp như trong một cuốn phim câm ma quái và ác mộng. Anh thấy đầu chòng chành như sắp rơi xuống một vực tối thẳm. Đa-may-an thét lên "không" và ngất đi.

Điều bất hạnh là anh tỉnh hơi nhanh và phiên tòa lại tiếp tục.

Vị Chánh án yêu cầu anh bỏ bông cách âm ở tai và phát biểu về việc phân chia gia tài. Cái tài sản quan trọng nhất là trái tim đã không phân chia được thì những của chìm của nổi còn lại có đáng gì.

Đa-may-an đã làm cử tọa ngạc nhiên khi anh tuyên bố.

"Tôi để lại toàn bộ tài sản cho Luy-xi..."

Cả cử tọa ồ òa như vỡ chợ khiến ông Chánh án có bộ mép Na-pô-lê-ông đệ tam phải lắc chuông lia lịa. Đa-may-an lấy mùa xoa lau mồ hôi... cố gắng lắm mới bập bẹ tiếp.

- Tôi chỉ xin lại cây vĩ cầm.

Phiên tòa kết thúc nhanh chóng. Đa-may-an chạy vội ra ngoài hít lấy hít để như một thợ mỏ vừa thoát nạn sập hầm.

Anh tha thẩn đi bên mép nước sông Xen. Cảnh thu muộn, những cây platan vàng một vẻ vàng rồ dại, nó nhắc người ta đến những cánh đồng hướng dương miền Prô-văng-xô của Van Gốc, *nhưng liễu vẫn xanh, xanh xót xa. Tiếng con sông dịu và an ủi. Ước gì ta tìm được một tâm hồn nữ suốt đời vỗ về đời ta như dòng sông.*

Không hiểu sao Đa-may-an bỗng thấy âm thanh bài "Đanúp Xanh" của Strốt ồn ào và hời hợt một cách khó chấp nhận.

Có lẽ đã khuya lắm rồi, nhưng Đa-may-an không muốn, sợ thì đúng hơn, về nhà, nó đã trở thành một nhà xác đầy mùi tử khí. Đúng... ngôi nhà đã chết theo cuộc tình đã chết. Và những kỷ niệm như những oan hồn đêm có thể về bóp cổ anh ngạt thở. Kỷ niệm, thứ tài sản quý nhất và cũng khủng khiếp nhất của con người! Đa-may-an thuê khách sạn. Khách sạn là mảnh đất trung lập giữa những vùng bời bời khói lửa của cuộc đại tình chiến.

Đa-may-an rất có thể dùng phương pháp thông dụng trong trường hợp này cụ thể là lục lọi tất cả những thói xấu, những khuyết điểm trong ngân hàng dữ liệu trái tim cố trình bày một hình ảnh phản diện của Luy-xi để phỉnh nịnh lòng tự ái bị thương tổn, cố khuây khỏa nỗi tiếc thương, níu lấy những chứng cớ mỏng manh này như níu một chiếc phao cứu sinh lúc đắm tầu. Nhưng Đa-may-an vốn là người tự trọng. Hơn nữa dầu có sử dụng hạ sách này chắc chắn nó cũng chẳng đem lại kết quả gì. Đa-may-an đã nhiều lần nhận xét về Luy-xi: "Đó là một tâm hồn cao thượng."

Anh không có thói quen tật lưỡi của đám nghệ sĩ ngồi lê đôi mách lành nghề lươn lẹo.

Đa-may-an bất giác thở dài: "Chẳng lẽ vô tình mình đã trở thành kẻ đồi bại. Làm sao hai con người tử tế lại không thể chung sống được với nhau?" Trưa hôm sau Đa-may-an về nhà thì thấy cây vĩ cầm đã bị đập tan tành và một mảnh giấy của Luy-xi.

"Tôi không muốn kẻ tình địch đắc thắng. Anh có thể ở lại căn nhà quỷ ám này."

Đa-may-an thấy tim mình vỡ tan ra từng mảnh... Anh thẫn thờ nhặt những mảnh xác vĩ cầm (mà anh yêu như Luy-xi, hơn cả Luy-xi, cây vĩ cầm đã chia sẻ với anh những buồn vui gần cả cuộc đời, cây vĩ cầm đã trở thành trái tim thứ hai của anh) xếp vào hộp đàn như một chiếc quan tài, đậy nắp lại. Đa-may-an có cảm giác mình đã chết.

Một nghệ sĩ bậc thầy như Đa-may-an suốt đời chống lại sự dung tục và tầm thường ắt phải có một nghị lực, một ý chí ngoại cỡ nhưng họ cũng có nhược điểm ngoại cỡ. Những nhân vật xuất chúng tương tự loài kỳ mã không chướng ngại nào cản nổi lộ trình nhưng lại rất có thể té ngã khi va vấp phải một bông hoa bé bỏng...

Tên Đa-may-an thưa thớt dần trên mặt báo và trên màn ảnh nhỏ.

Đa-may-an nhún vai nửa buồn nửa cam phận:

"Thế lại hóa hay. Tự dìm mình trong quên lãng là một cách tự sát đỡ ồn ào nhất."

Không hiểu Sal-va-to-rê Ri-car-đô làm cách nào để truy lùng được dấu vết kẻ đào tẩu âm nhạc. Sal-va-to-rê không phải là một cảnh sát hình sự, cũng không phải một thám tử tư. Anh là một cao thủ vĩ cầm cấp thế giới. Bằng sự thiên tài của một tâm hồn tài tử "nòi," bằng trực giác của một nghệ sĩ, bằng mối quan hệ "quảng giao" Sal-va-to-rê đã phát giác được nơi ẩn nấu của kẻ tội đồ vào những giây phút bi kịch nhất một kiếp người.

Đọc câu thơ E-xê-nhin nguệch ngoạc viết trên cuốn tổng phổ nhàu nát của Đa-may-an:

Chết không có gì mới.

Sống cũng chẳng có gì làm mới lạ hơn.

Sal-va-to-rê rùng mình. Anh đến vừa đúng lúc. Đa-may-an bị "áp giải" một cách thân ái và quyết liệt về Rôma để chuẩn bị cho cuộc ra mắt trong vòng ba mươi ngày. Hiểu rõ cuộc ra mắt này có một tầm quan trọng quyết định đến sinh mệnh của bạn, Sal-va-to-rê đã chuẩn bị hết sức thận trọng và chu đáo. Đêm biểu diễn được tuyên truyền rầm rộ trên tất cả các phương tiện truyền thông đại chúng.

Vé không đủ bán. Và một số "fan" người Nhật điện sẽ thuê bao thẳng một chuyến bay đến dự đêm khai mạc. Sal-va-to-rê vỗ vai bạn "Thế cậu đã vượt cầu Ruybicông rồi có muốn rút cũng không được nữa."

Một tháng chuẩn bị có thể nói là "lao lực khổ sai" hết mức, dẫu là đối với một tài năng bậc thầy. Lao động nghệ thuật nhiều khi vất vả "phu phen" chẳng kém gì lao động chân tay.

Sal-va-to-rê đã đưa cho bạn mượn cây vĩ cầm "ruột" của mình, một trong mười cây vĩ cầm nổi tiếng thế giới, cây Stradivarius chế tạo năm 1728 và được giới mộ điệu mệnh danh là "con chim lửa."

Đêm biểu diễn thành công "hết sẩy." Chưa bao giờ Đa-may-an chơi hay đến thế. Những tình cảm dồn nén như muốn trào ra khỏi đê âm thanh tràn ra ngoài đe dọa làm đứt tung dây đàn và làm vỡ chiếc hộp cộng hưởng mỏng mảnh. Nó đạt tới độ mãnh liệt của những bi kịch cổ Hy Lạp nơi cuộc đấu tranh giữa con người và định mệnh diễn ra một cách gay gắt.

Đời thường đã bị nghệ thuật đánh bại. Người nhạc sĩ từ đáy thất tình vươn lên đã vững tay quyết chế ngự được đoàn quân ma quái quá khứ vốn bất trị.

Điều cốt tử đối với Đa-may-an giờ đây là kiếm được một cây vĩ cầm thích hợp. Đây là một công việc cực kỳ khó khăn chẳng kém gì "tìm chim" nó không những đòi hỏi một thái độ kiên nhẫn tột cùng mà còn phải cậy nhờ cơ may bất định. Có nghệ sĩ suốt đời tuyệt vọng một cây đàn tri âm tương tự một tâm hồn tài tử trọn kiếp không lần ra hồng nhan tri kỷ.

Giới sành nhạc mai mối cho nghệ sĩ đa tình kia không đếm xuể những cây vĩ cầm cự phách. Nhưng đâu phải cứ "number one" là tình hợp. Một hoa hậu thế giới rất có thể là một bạn tình "nửa đời nửa đoạn."

Ngay như cây vĩ cầm "con chim lửa" của Sal-va-to-rê, một cây đàn thuộc hàng "top ten" cũng chưa hẳn là người tình mong đợi của Đa-may-an.

"Đúng là một cây vĩ cầm tuyệt vời, nhưng tiếng nó sắc sảo quá, sôi động quá hợp với một tâm hồn Địa Trung Hải như Sal-va-to-rê hơn là một tâm hồn thảo nguyên như mình."

Lúc này thì Đa-may-an đương có mặt tại Lơn-đơn, quê sương mù và gió hú. Cửa hàng "Bin và con trai" ("Bill's and son's" là một tiệm bán nhạc cụ nổi tiếng thế giới, đặc biệt là các thể loại đàn dây). Trước mắt anh là bẩy cây Gac-nơ-ri-uýt mà chỉ riêng nhãn mác của chúng cũng đủ làm say đắm không ít giới mộ điệu.

Nhưng Đa-may-an ám ảnh trong lòng một âm thanh nó đeo đuổi, nó hành hạ như một định mệnh. Anh thử cả 7 chiếc Gac-nơ-ri-uýt, thử đi thử lại miệng lẩm bẩm như một kẻ mắc bệnh tâm thần.

"Đúng rồi... đúng là một âm thanh tuyệt vời... Đây chính là cây đàn ta tìm kiếm. Nhưng có lẽ không phải... nó còn thiếu... thiếu một âm sắc gì đó hòa hợp với tiếng đập của trái tim."

Người bán đàn già đã mệt lắm. Nhưng là một người lâu năm trong nghề và có bản lĩnh nghiệp vụ... ông vẫn cố chiều khách. Ông dẫn Đa-may-an đến chiếc tủ cuối cùng lấy ra một bao đàn. Một cây vĩ cầm tuyệt đẹp gỗ màu cánh dán đã ngả màu đen hệt như một con mèo rừng nằm ngủ. Cho đến nhiều năm sau người nghệ sĩ bất hạnh vẫn như cảm giác thuở ban đầu.

"Tôi đặt vĩ cầm lên dây đàn và bước khởi nhạc hôm ấy đột ngột tuyệt vời như nhịp tăng tốc của một chiếc xe Fe-ra-ri. Cái âm sắc quằn quại, lãng mạn, xót xa, mới Nga làm sao! Tất cả những thớ thịt Sla-vơ trong tôi rung lên. Tôi biết rằng tôi đã tìm thấy. Đây là chiếc Ko-san-xki huyền thoại."

Mặt sau đàn vẫn còn nổi bật dòng chữ đầy ma lực: "Stra-di-va-ri-uys Cre-monensis faciebat."

Cây Stra-di-va-ri-uyx được chế tác tại Cremon năm 1717. Không hiểu sao nó lại rơi vào tay Nga hoàng Nicola II. Năm 1917 hình như linh cảm trước thảm họa, Nicola tặng nó cho nhạc sĩ nổi tiếng người Ba Lan Ko-san-xki, bạn của hai bậc thầy nhạc lẫy lừng Xtra-vin-xki và Pro-ko-fi-ep. Ko-san-xki đã mang cây đàn hai trăm tuổi lưu lạc qua không biết bao nhiêu biên giới của một châu Âu đầy bão gió khói lửa của cách mạng và chiến tranh để cuối cùng hết tiền đành phải bán nó cho cửa hàng "Bill's and son's."

Trong nhật ký Đa-may-an viết: "Cây đàn có một âm vang hiếm rất hiền dịu. Ngược lại với những chiếc Stra-di-va-ri-uyx khác, thường có giọng soprano và cất lên những âm thanh lực lưỡng quý phái, rực rỡ như ánh mặt trời. Cây đàn này có một âm sắc hết sức đặc biệt, nó tròn trịa hơn, và da diết hơn."

Cây đàn lão trượng hình như vẫn còn mang dấu ấn gian truân đầy kịch tính của một số phận biệt xứ.

Người bán hàng già nhìn vẻ mắt say sưa của Đa-may-an khẽ thở dài:

- Cây đàn này rất hợp với ngài, nhưng rất tiếc là ông chủ không bán.

Đa-may-an rời Lơn-đơn lòng trĩu nặng như vừa đưa đám một giấc mộng. Hạnh phúc đến nhanh quá và đi cũng nhanh quá. Người

nhạc sĩ bước những bước bỗng già nua dọc bờ con sông Tamizơ sóng vỗ một điệu ru xa vời... Một lần nữa... anh lại muốn nhẩy xuống đó... đắm chìm trong dòng nhạc một con sông bao dung.

E-chiên Ha-le-tô, một nghệ nhân đàn dây bậc thầy đã rất ngạc nhiên khi vừa bảnh mắt Đa-may-an đã gõ cửa nhà ông mà không báo trước, mặt tái mét như vừa bị mất cắp hay bị người tình tống cổ ra khỏi giường.

Giọng anh rụt rè và khổ sở:

- Bác phải giúp tôi một việc.

Ha-le-tô rót cà phê ra tách:

- Uống đi rồi hãy nói... Có việc gì mà đến sớm thế.

Đa-may-an uống hai tách expresso đặc sánh như uống nước lã... lẩm bẩm.

- Sớm... Tôi đã đi bách bộ hơn một giờ đồng hồ trước cửa... Nghe nói bác rất quen với ông Bill phải không?

- Rất thì không nhưng quen thì có...

Đa-may-an nắm chặt lấy tay Ha-le-tô.

- Vậy thì bác phải giúp tôi...

Bằng một giọng run run anh kể cho Ha-le-tô nghe đầu đuôi câu chuyện...

- Nhất định bác phải giúp tôi... không tôi chết mất...

Ha-le-tô vừa tức cười vừa cảm động trước sự đam mê gần như rồ dại của bạn. Một nhạc sĩ lừng lẫy thế giới mà không ít nguyên thủ quốc gia lấy làm vinh dự được ngồi cùng bàn giờ nom ngơ ngác tội nghiệp như một đứa trẻ mồ côi.

Người nghệ nhân già của cộng đồng âm thanh bỗng thấy trách nhiệm đè nặng trên vai mình. Ông không thể nói cho Đa-may-an biết rằng Bill là một con người rất kỳ quái, hay nói kiểu dân dã "hơi cám để trên vung."

Bên cạnh những tính toán tiền nong lạnh lùng, nhà buôn là một tâm hồn nghệ sĩ nóng bỏng. Một nhà buôn có thể bán chiếc Ko-san-xki với một giá cắt cổ, nhưng một tâm hồn nghệ sĩ lại không dễ dàng từ bỏ một mối tình si mê.

Giọng Đa-may-an khẩn khoản:

- Bác viết cho tôi bức thư giới thiệu...

Đúng, chữ ký của một người như Ha-le-tô trọng lượng còn hơn vàng ròng... nhưng Ha-le-tô hoàn toàn ý thức được rằng kết quả của nó có ảnh hưởng sinh tử đến vận mệnh của người bạn trẻ... Ông lưỡng lự.

Đôi mắt Đa-may-an lo lắng đến sợ hãi... như chờ đợi phán

quyết một phiên tòa thượng thẩm. Thời khắc mới khó thở làm sao... Ha-le-tô bỗng nhìn đồng hồ và vỗ vai vị khách tội nợ.

- Xin lỗi... mình phải chuẩn bị ra sân bay cho kịp chuyến đi Lơn-đơn trưa nay...

Ba hôm sau, Đa-may-an nhận được một cú điện thoại của Ha-le-tô từ Rôma, nội dung như sau:

- Bill đã đồng ý nhượng lại cây "Ko-san-xki" với giá 100,000 livro stecling.

Nhà nghệ sĩ trong Bill nhân nhượng, nhưng nhà buôn thì không. Đúng 100,000 livrơ, khoảng một triệu phrăng Pháp, không bớt một "penny" (một xu tiền Anh).

Ngày trước với Đa-may-an thì số tiền này chẳng thành vấn đề... nhưng từ ngày hoạn nạn anh đã gần như bị vô sản hóa... Lẽ dĩ nhiên Đa-may-an có thể đi vay, nhưng sự giáo dục và tư tách của anh lại ngăn cản việc đó. Sau này, Đa-may-an mới hiểu chính bản thân anh đã làm rắc rối vấn đề thêm rất nhiều. Đúng là thân làm tội đời. Anh chỉ việc đơn giản đến ngân hàng làm thủ tục vay tiền. Một giám dốc ngân hàng sau này khi nghe Đa-may-an kể lại băn khoăn vì không có tài sản thế chấp đã phá lên cười:

- Nguyên cái tên Đa-may-an cũng đáng giá hai triệu quan.

Nhưng đó là chuyện về sau. Lúc này thì Đa-may-an đương vò đầu bứt tai về việc xoay đâu cho đủ số tiền quái ác!

Thời gian trôi chẳng biết nhanh hay chậm, chỉ biết một hôm soi gương người nhạc sĩ trẻ đã thấy dăm sợi tóc ngơ ngác bạc trên đầu.

Thì có điện của Bill.

- Tôi cần gặp ông gấp.

Hay là Bill muốn đánh tháo. Hay là có ai đó muốn mua một giá cao hơn. Hay... hay... bao nhiêu câu hỏi thấp đến sáng một trời sao mất ngủ.

Đa-may-an bổ nháo bổ nhào ra sân bay tóc xù, râu lởm chởm, quần áo nhàu nát như một phạm nhân vừa ra tù. Bill vào đề ngay.

- Tôi mời ngài đến để nhận cây Ko-san-xki.

Và không để ý đến vẻ mặt ngạc nhiên của khách, Bill trịnh trọng nâng hai tay đưa cây đàn cho Đa-may-an, giọng bình thản một cách hết sức buồn bã.

- Chắc ngài hiểu giá trị cây đàn này hơn tôi.

Sau khi đã cụng ly chúc mừng, Bill giải thích:

- Bà Luy-xi đã mua cây đàn này tặng ông...

Đa-may-an như bị rắn cắn:

- Thưa ngài, tôi rất xúc động, nhưng như ngài biết tôi không

thể nhận được...

Bill chậm rãi:

- Tôi cũng biết trường hợp khó xử của ông, nhưng tôi không thể khước từ ý muốn cuối cùng của một người sắp vĩnh biệt cõi đời.

Đa-may-an lắp bắp:

- Ngài nói gì tôi không hiểu. Ngài muốn nói... Luy-xi.

- Vâng, bà Luy-xi đã vĩnh biệt cõi đời... Luật sư của bà là bạn tôi... Trong di chúc bà ghi rõ mua tặng ông cây Ko-san-xki bằng mọi giá... Số tiền còn lại sẽ tặng một trường trẻ câm điếc.

Đa-may-an không che giấu nữa, mà cũng chẳng cần phải che giấu, anh khóc... khóc nức nở... như giữa chốn không người. Những giọt nước mắt ân hận và nuối tiếc.

Hình như cách ứng xử của con người đa phần đều được xây dựng vội vàng trên một chuỗi dằng dặc hiểu lầm của nhân sinh hữu hạn.

Việc đầu tiên Đa-may-an thực hiện sau khi tiếp nhận cây vĩ cầm là tìm đến nơi yên nghỉ cuối cùng của Luy-xi. Mùa xuân Mônacô xanh náo nức. Công quốc nhỏ, cổ xưa với những con đường đá lâu đời rợp bóng ký ức. Chúng đã biết nhau và yêu nhau ở đây.

Lối cũ bước một đi hóa lạ.

Cỏ đành xanh nợ trả vô danh.

Ngôi mộ đá trên đồi cao nhìn xuống biển sóng với mấy cây xipre buồn. Lá như héo hắt, u uất. Đa-may-an bắt đầu đàn... Nước mắt chảy ròng ròng... Trời nín gió...

Nhưng qua những giọt nước mắt long lanh anh bỗng thấy rặng cây xipre khe khẽ đung đưa xanh bất thường...

Luy-xi, có phải tiếng tim em đập hay tim vĩ cầm!

LÊ ĐẠT

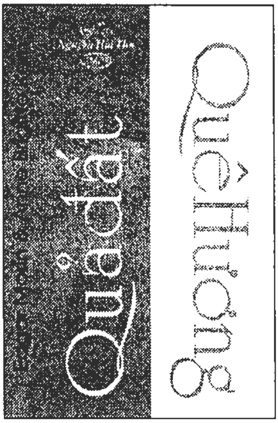

EDGAR MORIN
& ANNE BRIGITTE KERN
Nguyễn Hồi Thủ *dịch*

QUẢ ĐẤT, QUÊ HƯƠNG

Giá 88FF (12,25Euros)

CMCT xuất bản

NDP

Trăng đức hạnh

mặt trời tôi
đốt từng ngày cháy lên
bằng trái tim mỏi mệt
nuôi nấng từng ngày
niềm le lói về một mặt trời sẽ mọc ngày hôm sau
và, không chừng hôm sau nữa

mặt trời tôi
từng ngày đi xuống cùng hoàng hôn
ẩn mình phía bên kia (của phía bên nào?)
chợt thấy trăng em, vời vợi
đong đưa sợi kim nhũ lấp lánh lấp lánh lấp lánh
những đức hạnh hồng hào ký sinh
trên huyết quản em chảy dòng thương tích
và nước mắt em vỡ thành muôn triệu hào quang
điểm trang con ác thú mỹ miều
quấn em dịu dàng chiếc vòi bạch tuộc
có-tên-gọi-là-đời-sống

mặt trời tôi
hoàng hôn sẽ lạnh
thèm hơi ấm không đến từ phủ tạng mình quắt queo cháy xém
xin em chút lửa môi ngon mùa Đông *
em bận bịu vỗ về ác thú
mảnh hào quang tù ngục xót xa
lập lòe nụ hôn băng giá
lặng thinh

mặt trời tôi
từ những kênh máu sẽ cạn khô mãi mãi
từ trái tim mỏi mệt sẽ cho em hết một lần
cháy lên xôn xao lời yêu thương đã muộn
nước mắt em ngược dòng
oằn gánh đời em nghiêng vai
tình tôi rơi
mất hút

mặt trời tôi
hấp hối
hỡi em trăng đức hạnh
hãy rơi xuống trên mặt trời tôi đã vỡ tan
và vỡ tan
để đêm sẽ là miên viễn
chở che trái tim em trần truồng hoan lạc

ai cần chi
mặt trời căng phồng ảo tưởng
mặt trăng đức hạnh màu kim nhũ
và ngay cả những vì sao
khi em tan vỡ trong tôi
một đời

NDP
12.1999

---

* từ *Ru đời đi nhé* – nhạc Trịnh Công Sơn

TN

TRẦN THÙY MAI

Lửa của khoảnh khắc

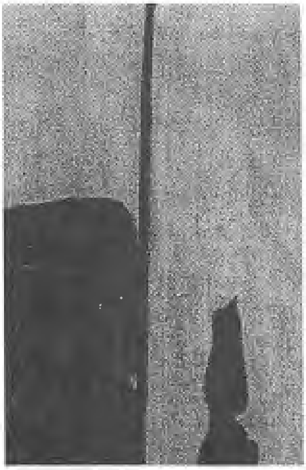

Đã cầm bút không dưới hai mươi năm, nhưng gần đây Trần Thùy Mai có vẻ không ồn ào nhập vào phong trào chị em làm văn chương. "Lửa của khoảnh khắc" là một trong những truyện ngắn mới nhất của chị. Khi từng trải và sâu sắc hơn, những câu hỏi về Karma (nghiệp báo), Moska (giải thoát) và Jnana (giác ngộ)... luôn ám ảnh từng khoảng khắc của đời người. Không rõ Trần Thùy Mai đang ở khoảnh khắc nào, nói như nhà hiền triết Ấn Độ Gaudapada: "Cái gì không ở chỗ khởi thủy và không ở tại chung cục thì bắt buộc phải là không ở đoạn giữa" (Karika).

Thằng Cọt ngồi trên chiếc ghế gỗ, đôi mắt trừng trừng ngó ra ngoài vườn. Trên đầu nó, mái hiên chùa im mát rợp bóng. Không gian im vắng thoang thoảng mùi nhang trầm tinh khiết. Tất cả sạch sẽ, tinh tươm, thanh tịnh. Trên cái nền ấy, thằng Cọt nổi bật lên như một vật kỳ dị, lạc lõng, không ai hiểu tại sao nó lại ở đó, trên đời này, trong khung cảnh này. Thằng Cọt không có tuổi. Nó hiện thân như nỗi ám ảnh của quá khứ. Dưới mái chùa này, vãi Thông sống với nó như sống với nghiệp chướng của chính mình. Mỗi buổi sáng, vãi thức dậy từ sớm. Sau giờ trì tụng công phu, vãi lo nấu cơm, vực thằng Cọt dậy cho nó ngồi vào ghế và lặng lẽ đút từng muỗng cơm cho nó. Cứ thế từng ngày, vãi sống lơ lửng giữa cõi tu và cõi tục. Sau những giờ trầm lắng

trong hoa hương, kinh kệ và viễn cảnh siêu thoát mà vãi hằng khao khát, là những giờ đối diện với đứa con trì độn, với đôi mắt mở trừng nhìn vào khoảng không. Bao giờ cũng thế, đôi mắt ấy giữ trong đáy sâu của nó hình ảnh cái làng quê trên vùng bán sơn địa cằn khô. Vùng đất bốn mươi năm trước Niết đã về làm dâu. Đám cưới đi bộ qua cánh đồng cỏ úa. Đồng cỏ rộng và hoang vu như một cái truông dài. Để được an tâm, nhà chồng Niết cho cu Dõng, lực điền giúp việc trong nhà vác ngọn lao đi đầu phòng khi gặp mãnh thú trong cỏ lau. Ở vùng này, nước khan, người ta chỉ làm ruộng một mùa. Nghề phụ kiếm sống là săn bắn. Người ta sử dụng cung tên giáo mác và giỏi tài đặt bẫy hơn cả người tiền sử. Hoài niệm về đám cưới quá xa mờ, chỉ còn hình ảnh đoàn người đi sau mũi giáo, băng qua con đường đất đỏ như màu tiết đọng, giữa hai bên lau cỏ vượt quá đầu người. Niết cúi đầu đi dưới nắng, giữa các bà già đi quanh. Thoáng nghe tiếng xì xào: "Thằng Dõng đi đầu, vác ngọn giáo mà mũi lại hướng ngay về cô dâu chú rể, thật chẳng hay tí nào." Niết nghe nói nhìn lên. Ánh mặt trời tụ lại trên mũi lao thành một chùm sáng lóe. Những bắp thịt của người tráng đinh cuộn lên dưới nắng. Đêm cưới Niết, trong sân nhà chồng tụ lại đông như ngày hội. Đống lửa hồng trên sân. Mùi thịt nướng tỏa lan trong không khí. Niết nằm trong buồng nhìn qua khe cửa sổ. Tiếng ông trùm phường săn đang hát bài tế *"Sơn quân"* trước xác con vật cách đấy mười tiếng đồng hồ còn thuộc về rừng núi: *"Âa... â... Sơn quân trong rừng sâu, Sơn quân trên núi cao. Thú vào bẫy, người nhỏ máu. Rừng núi rộng lòng, người ta nương náu..."* Trong tiếng hát, một tráng đinh lực lưỡng đang dọc ngang trên xác con heo rừng, tay cầm con dao sáng loáng. Lúc hắn quay mặt ra ánh lửa, Niết nhận ra người đàn ông vác mũi lao đi đầu đoàn người qua truông. Ngọn lửa dần tàn, người tản đi bớt. Đêm dần lặng yên, trong lúc Niết mệt nhoài vì chuyến đi, vì những xúc cảm của ngày đầu xa nhà và những lạ lùng ở vùng đất mới. Nàng thiếp đi, trong giấc mơ ngọn lửa cứ bập bùng cho đến khi một bàn tay chạm vào cánh tay nàng. Niết giật mình, bàn tay đầy mồ hôi, nhớp nháp lạnh. Nàng mở mắt. Thầy Thông, người chồng mà giờ phút này nàng mới rõ mặt đã ở bên cạnh. Niết nằm im lặng, mở to mắt. Thầy Thông làm việc dưới thị trấn. Một viên chức, dù chỉ là viên chức ở một thị trấn nhỏ bé, cũng là một danh giá lớn. Mặc dù có tiền và thuộc loại "ăn trên ngồi trốc," trong làng, thầy Thông hiền như đất. Dự định của hai vợ chồng là khi nào ông bà già trăm tuổi sẽ cùng ra ở thị trấn, giao cơ ngơi ở quê lại cho ông Chánh Hội, trùm phường săn, chú ruột thầy Thông. Từng năm qua nàng dần quen với phong tục kỳ lạ của vùng săn. Bài hát tế "Sơn quân" hầu như cứ mười hôm một lần, được

hát lên trong sân nhà nàng - cái sân gạch duy nhất trong ngôi làng đìu hiu khô cằn này. Ở đây, nghề săn là thu nhập chính. Bởi vậy nhà chồng Niết, vốn không có tráng đinh, phải nuôi cu Dõng để vừa giúp việc làm việc, vừa đi săn. Dõng lầm lì, ít nói. Hắn là tráng đầu phường, lúc nào mũi giáo đầu tiên xiên vào con thú cũng là hắn. Những ngày mưa, hắn vừa vá lưới săn vừa kể cho mấy đứa tớ gái kinh nghiệm của hắn với các loại thú rừng. Con lợi lòi dạ dày, lông lởm chởm. Mũi giáo không đâm thủng. Muốn hạ nó phải bình tĩnh xiên mũi giáo và dưới nách, hoặc nhắm vào chỗ dưới khấu đuôi. Gấu càng nguy hiểm hơn, hễ thấy người là lao tới vả vào mặt. Phải đối diện với nó trong lúc nó lao tới, ở tư thế quỳ, mũi giáo cầm chắc, chếch mũi lên hướng phía trước. Con gấu theo đà phóng tới rơi ngọn trên mũi thép, cổ bị xuyên thủng. Hoặc là mũi giáo đâm trúng cổ gấu, hoặc là xương thịt người săn sẽ bị cắn nát. Hai đứa tớ gái nghe say sưa đến há hốc miệng. Công việc trong nhà với những động tác giản đơn và lặp đi lặp lại biến cuộc sống của Niết thành một vòng tròn những bổn phận và thói quen, kể cả lúc thầy Thông thỉnh thoảng trở về, cái vòng tròn ấy cũng không hề bị phá tung, bởi Niết luôn sống trong cõi đời với tư thế một người chấp nhận, trước cả nỗi buồn và niềm vui, chia xa và hội ngộ. Thường thầy trở về thì căn nhà đã vắng lặng, ai nấy đều ngủ yên, kể cả Niết. Nàng tỉnh giấc khi bàn tay chồng chạm vào người. Cảm giác nhờn và nhớp nháp lạnh làm nàng bất giác co người lại. Mọi điều sau đó, nàng lặng im chấp nhận một cách ngoan ngoãn, để mặc mọi chuyện xảy ra, như đang làm một công việc cuối cùng trong ngày. Sau đó, nàng tự thắt lại dây lưng, gài lại nút áo và quay mặt vào vách ngủ tiếp. Vòng tròn lại khép kín. Bao giờ cũng thế, cho đến ngày cả làng xôn xao lên vì vụ án giết người ngay trong sân nhà ông bà Bá, cha mẹ chồng Niết.

*

Thằng Cọt lại chấp chấp môi, ú ớ. Nó khát nước. Nó kêu. Vãi Thông lại gần. Trán nó nóng hầm hập. Nó ốm đã mấy hôm nay. Khi nó ra đời ai cũng tiên đoán nó chết non. Nhưng ngược lại với những lời tiên tri, thằng Cọt vẫn sống, sống dai nhách một cách vô lý và oái oăm. Ba mươi năm qua, mưa nắng không chạm tới nó, chiến tranh không động tới nó. Nó sống để ám ảnh người còn sống. Vãi Thông nghiêng chén nước vào miệng thằng Cọt. Người ta gọi nó là Cọt, tiếng vùng quê nghĩa là: còi cọc, không lớn lên. Nhưng bọn trẻ con quanh chùa thường gọi nó là Gấu. Nom nó giống hệt một con gấu, với những nếp nhăn hằn sâu trên trán, với đôi tai vểnh và cái mũi thỉnh thoảng khịt

khịt đánh hơn. Khuôn mặt nó còn in những nét của cái đầu con gấu nằm ngửa bất động bên đống lửa cháy. Đến nửa khuya lửa tàn, phủ bụi tro lên xác thú bị bỏ rơi... Trong mắt vãi Thông hiện lên muôn ngọn lửa. Lửa. Lửa. Lửa bừng bừng khắp nơi trong đêm đen. Những ngọn đuốc truy lùng khắp nơi trong đêm tối. Tiếng mõ khua lốc cốc. Tai biến xảy ra trong phút chốc, hết sức bất ngờ và vô lý, một cuộc cãi cọ trong lúc chia phần thịt giữa những người đi săn. Trên thân xác con gấu nằm kia, ai là người đâm giáo đầu? Vốn hững hờ với mọi việc, Niết chỉ nghe tiếng quát tháo của thằng con Chánh Hội, tiếng nó sỉ nhục lanh lảnh như giọng đàn bà vẳng vào trong nhà. Khi nàng nghe tiếng gầm của Dõng, nàng chợt giật mình nhìn ra, bởi tiếng gầm ấy rất giống tiếng gầm của loài thú dữ. Sau đó khi tất cả tán loạn trong một nỗi khiếp hãi ghê gớm, khi tiếng khóc gào của người nhà Chánh Hội, tiếng hò hét truy đuổi trong đêm ầm ĩ vang lên, Niết mới hiểu là tai họa đã xảy đến. Trong cuộc ẩu đả, con Chánh Hội đã chết. Người ta tìm bắt Dõng. Mọi xôn xao rồi cũng dịu xuống dần. Nhà Chánh Hội treo giải: ai bắt được Dõng sẽ cho mười thúng thóc. Mười thúng thóc ở cái vùng vừa ven núi vừa ven biển ấy quý lắm. Bởi vậy người ta lùng sục khắp hang cùng ngõ hẻm còn quá hơn con thú trên rừng lùng sục kiếm ăn. Nhưng vô hiệu. Lần thầy Thông về thăm nhà ấy, từ ngày cưới, tính đã sáu năm. Đêm đó Niết tỉnh giấc khi bàn tay lạnh và nhờn mồ hôi của chàng chạm vào người. Im lặng. Một lát, Niết nhận ra trùm lên căn chái nhỏ không còn ánh lửa tàn, không còn mùi lông cháy khét. Một cảm giác nguội lạnh chợt nhắc đến điều lâu nay vẫn lởn vởn trong tâm trí: sự muộn màng của một đứa con. Chồng nàng yên lặng không trả lời. Thêm một lần, Niết im lặng chấp nhận cái công việc cuối cùng của một ngày, trước khi quay mình vào vách chờ giấc ngủ. Không bao giờ Niết tưởng tượng được con người thường ngày điềm đạm và gần như lạnh giá ấy lại có lúc cầm con dao kề vào ngực nàng, với khuôn mặt điên cuồng vì ghen tuông. Người đàn ông ghen, khủng khiếp gấp mấy trăm lần người đàn bà, bởi vì ngoài lòng căm thù man rợ họ có quyền lực và sức mạnh. Hai hàm răng nghiến ken két trong lúc hạch hỏi, rất nhỏ, để khỏi làm kinh động những người đang ngủ bên ngoài căn chái: “Khai không thì tao cho mày chết.” Niết nằm rũ riệt, mồ hôi lạnh vã ra khắp người. Hôm nay chồng nàng đã nhìn thấy dấu hiệu thai nghén nơi hai bầu ngực đầy vun, hai núm vú sưng lên, đen thẫm. Người đàn ông tự biết mình nên cũng hiểu ngay điều gì đã xảy đến. Niết nhắm mắt. Mũi thép lạnh kề vào ngực. Nước mắt trào ra, nàng lắc đầu. Nàng biết mình mở miệng nói thì tất cả sẽ sụp xuống như ngàn cân đá. “Tôi xin chết. Cậu đừng hỏi, tôi không nói đâu, đằng

nào tôi cũng chịu chết." Mũi thép ấn xuống. Bất chợt, cả sức nặng đe dọa tan biến... Niết mở mắt, thấy chồng đã quăng dao, ôm mặt khóc như đứa trẻ. Nàng ngồi dậy, định đến nâng chồng lên nhưng thầy Thông đẩy nàng ra. Niết ngồi yên, một phút sau nàng bảo: "Cậu tha lỗi cho tôi. Tôi có tội. Ngày mai tôi xin ra khỏi nhà này." Thầy Thông lắc đầu: "Mày ra khỏi nhà, mày chết đói. Tao nuôi mày, mày cứ ở đây. Tao không bỏ mày đâu nhưng tao không đụng đến mày nữa." Niết gãy gập xuống như cái cây bị bão. Hình như hình phạt lớn nhất không phải là roi đòn mà là sự bao dung. Về sau này, nghĩ lại, đôi khi Niết tiếc tại sao lúc đó mình lại không chết. Lúc đó mà chết thì nhẹ nhàng biết bao. Nhưng nàng đã sống, mà cả thầy Thông cũng muốn cho nàng sống, bởi dù gì, cả gia đình cũng đang cần một đứa con... Nhưng chín tháng sau, khi đứa trẻ ra đời, mọi hy vọng cuối cùng đã sụp đổ. Thầy Thông bỏ đi. Phía trước là con đường đất đỏ mòn lấp giữa truông lau. Gió lạnh quất buốt rát. Niết chạy theo hổn hển khóc. "Tôi lạy cậu, cậu quay lại với ông bà..." Thầy Thông giãy mạnh, nàng ngã vật ra đất. Hai đứa tớ gái chạy theo, khóc lóc, níu lấy chủ. Thầy Thông đành quay lại, mắt đỏ au nhìn trừng trừng vào khoảng không. Đêm hôm ấy, thầy lẳng lặng ra đi. Và không bao giờ về nữa. Bất hạnh chồng chất làm Niết muốn ngã gục. Nhưng phải sống. Vì đứa con không thành người. Vì cha mẹ chồng đang trong cảnh già tuyệt vọng. Không ai biết điều gì để phiền trách nàng. Ai cũng tưởng nàng là nạn nhân của bất hạnh như họ. Chỉ có nàng biết mình là thủ phạm. Niết xuống tóc và ăn chay từ ngày đó. Nàng chỉ còn một mong mỏi được quên.

*

Sau khi ông bà Bá mất, Niết bán hết nhà cửa rồi lưu lạc theo những cơn lốc của thời cuộc vào phía nam. Ở đó, trên mảnh đất ngoại ô, Niết đem hết lưng vốn thu gom xây một ngôi chùa tư nho nhỏ. Hơn năm mươi, Niết được chung quanh gọi là vãi. Vãi tu hành và nuôi con. Đứa con mà vãi đã đẻ ra với khuôn mặt dị dạng, đôi tai vểnh to, đôi mắt lệch lạc ngay khi nhìn tia sáng đầu tiên. Không hiểu sao vãi lại không chết ngay khi nhìn thấy nó lần đầu. Nó đã từ chối sự lừa dối mà một người lớn quảng đại nhất dành cho nó. Tại sao? Sao tôi lại sinh ra một con thú nhỏ trong lúc đã thai nghén nó trong một khoảng khắc rất người? Vãi Thông cúi đầu, một giọt nước mắt lăn tăn trên mí mắt đã khô nhăn. Mãi mãi, dù sớm chiều kinh kệ, vãi biết mình chưa thật đi vào giải thoát, chừng nào còn nhìn thấy trong đôi mắt trừng trừng vô cảm của thằng Cọt cái khoảng khắc xa xưa ấy. Một khoảng khắc vang

dội và mãnh liệt trong một đời người dài, rất dài. Không biết sự tình cờ nào chiều hôm ấy đi củi về Niết ghé vào hang Cổ Gà ngồi nghỉ. Cảm giác của người bị nhìn từ sau lưng làm nàng quay lại: Dõng, con người bị truy lùng đang ở sau lưng nàng. Lẽ ra nàng đã hét to lên và bỏ chạy, nếu nàng không kịp nhớ rằng hồi còn ở nhà, hắn rất hiền, và bây giờ nom hắn tiều tụy thảm thương quá. Niết nhìn hắn và chợt nhớ đến hình ảnh chùm lửa trên mũi giáo hắn vác ngược sau lưng trong ngày cưới của mình. Hôm sau, nàng quay lại hang Cổ Gà, đem cho hắn thịt khô, lưỡi dao để cạo râu tóc, và cả một bộ quần áo cũ để chống chọi với cái rét lúc đêm về. Một tuần sau, nàng bắt đầu ít sợ hãi hơn, đã có thể ngồi lại trong hang một chút. Lúc đó lần đầu tiên nàng thấy ánh mắt hắn khẩn cầu. Một bàn tay hắn đặt lên chân nàng. Niết sợ, vội vàng đứng dậy, hấp tấp ra khỏi hang. Những con dơi chờn vờn đập cánh trên trần động. Niết đi như chạy vì sợ Dõng đuổi theo, nhưng lúc đến bên khe nước mặn, ngoái đầu lại, nàng chỉ thấy một bóng mình trong hoàng hôn. Trong bóng chiều, cảnh hoang vu của khe núi làm nàng chợt thấy trơ trọi. Nàng đã trơ trọi như thế bao lâu mà không nhận ra. Nàng thấy hình ảnh Dõng nằm trong cái túi đá kia, cô độc và bị bỏ rơi. Hắn trơ trọi giữa rừng núi cũng như nàng trơ trọi giữa vòng tròn khép kín. Niết run chân. Nàng đứng sững trước khe cho đến khi hòn đá lớn giữa dòng bị nước dâng lên ngập đến hai phần ba - mặt nước lúc hoàng hôn đã dâng cao, chắn đường về. Hoặc là liều lội qua khe. Hoặc là quay trở lại... Nửa giờ sau, trong lòng hang, Niết thấy Dõng dựa lưng vào vách đá. Hắn không hấp tấp khi thấy Niết. Hình như hắn tiên liệu rằng Niết sẽ trở lại, với cái linh khiếu thông tuệ của người luôn luôn ước lượng chính xác được chỗ hiểm của các loài dã thú. Niết thì thầm: "Nước ngập hòn Ông rồi." Dõng gật đầu và một giây sau nàng cảm thấy hơi nóng rừng rực từ thân thể người đàn ông. Nàng thấy đầu hắn ở trên hai gò ngực mình, khát khao như đứa trẻ rúc tìm mẹ. Hắn không hung bạo như nàng thoáng lo sợ, trái lại hắn xúc động như đứa trẻ được quà, mắt đỏ au và rạng rỡ. Hai cánh tay to và thô vừa ôm siết vừa lót quanh lưng Niết như để giữ cho nàng khỏi bị nghiến vào nền đá. "Lát nữa anh sẽ cõng em sang sông. Đừng sợ." "Nhưng anh không thể..." Niết muốn nói Dõng không thể sang bên kia khe mà không bị nguy hiểm đe dọa. Nhưng nàng không nói được hết câu. Nàng nhìn vào mắt Dõng, ánh mắt của lửa chớp trong cơn giông và biết trong giờ phút này, với hắn và cả với Niết nữa, cái chết chẳng có nghĩa gì hết. Sau khoảng khắc đó, Dõng cõng Niết qua khỏi khe nước mặn. Phút giây đó hắn chợt trở nên can đảm. Hắn nói hết ý định trốn đi, nhân chuyến vượt khe này. Niết ứa nước mắt nhìn theo bóng người đàn ông

biến mất trong đêm tối. Nàng biết, hắn không thể sống suốt đời trong hang Cổ Gà. Hắn đi rồi, Niết quỳ sụp xuống đất, úp mặt trên đám cỏ. Nàng thầm thì cầu nguyện cho hắn được sống và có ngày trở về. Đúng một năm sau, sau khi thầy Thông bỏ nhà ra đi, Niết bế thằng Cọt đi tìm chồng. Đi ngang qua cầu Đa Lý, trước ngã rẽ về Quảng Thụ, nơi vốn là quê cũ của Dõng. Niết bất giác ngừng lại. Không biết một sức mạnh nào đưa đẩy chân nàng về hướng đó. Để làm gì? Không, chẳng để làm gì cả. Nàng không thể cũng không muốn đòi lại những gì nàng đã cho. Nhưng trái tim nàng bỏng rát ê chề, cứ muốn tìm một giọt nước mát. Dù chỉ một giọt chia sẻ mà thôi! Đến Quảng Thụ, hỏi tung tích Dõng, nàng nghe kể một chuyện vừa xảy ra chưa đầy ba tháng. Dõng đã trốn về làng và lại làm lực điền cho một ông xã. Nhưng có lẽ hắn đã tiên liệu không thể ở yên lâu dài, nên, một lần nữa, hắn lại trốn đi. Cùng trốn với hắn là cô con gái ông Xã. Người ta đồn hai đứa lên mạn ngược. Có người lại bảo cả hai cùng vào Nam... Chẳng rõ hư thực ra sao. Niết lủi thủi bế con ra đi. Nàng nghĩ tới những cơn lửa trời trong truông vắng.

*

Nhưng thằng Cọt vẫn còn. Nó không phải là ảo ảnh. Nó sống thực, lì lợm và gớm ghiếc. Giờ đây nó nằm thoi thóp, y hệt con gấu bị xiên thủng họng nằm trước đống lửa. Hơn ba mươi năm rồi. Những đớn đau đã chìm vào năm tháng. Lưng vãi Thông đã còng. Tóc bạc hết. Quá khứ không buông tha, đeo riết, trì kéo linh hồn bà. Xin hãy buông tha tôi. Xin ngủ yên, những gì trong lầm lỡ một đời. Vãi Thông một tay đặt lên trán thằng Cọt, một tay lần tràng hạt. Ba mươi năm nay, nhắm mắt niệm Phật, vãi thấy niềm an ủi của viễn cảnh siêu thoát. Nhưng mở mắt ra, nhìn đôi mắt vô hồn trừng trừng man dại, vãi lại thấy hiện ra miệng hang Cổ Gà, những con dơi quạt cánh vào vách đá, và bóng tối đang trùm xuống từ vòm cao...

Thằng Cọt chết. Nó chết vào một đêm trời giông bão. Vãi Thông quỳ bên giường, lẩm bẩm tụng kinh. Nó đã thoát nghiệp. Vãi lâm râm cầu siêu cho nó. Vãi tự liệm và chôn con trong góc vườn chùa. Vãi chôn thằng Cọt, chôn cả nỗi ám ảnh suốt đời người. Ngày đản sinh sắp tới. Giờ đây chỉ có một mình, vãi định đi hành hương ba ngày lên chùa Lớn để nghe thuyết pháp. Nhưng chuyến đi ấy mãi mãi chỉ có trong dự tưởng. Một tuần sau những người làm hương không thấy vãi đến nhận hương liệu về làm như thường lệ. Rồi cỏ trong sân chùa cứ mọc cao, mọc cao dần, che khuất cả lối đi. Khi dân xóm đổ vào thì đứng từ tam

cấp, người ta đã ngửi thấy mùi của cái chết. Trái tim héo hắt của vãi Thông đã ngừng đập vào đúng lúc người đàn bà ấy nhận ra, không có nỗi ám ảnh của quá khứ thì cả cuộc đời của bà cũng chẳng còn gì để sống. Phải chăng dù trì độn và quái dị đến đâu, đôi mắt thằng Cọt vẫn không ngừng phản chiếu ánh lửa cháy rực của một khoảnh khắc bất tử. Ba mươi năm qua ngay trong từng giây đày đọa, vãi đã sống với hồi niệm về ánh lửa ấy mà không hề tự biết. Và giờ đây, khi ánh lửa tắt đi vĩnh viễn, tất cả tháng ngày của bà chỉ còn lại hư không.

TRẦN THÙY MAI

PHÂN ƯU

HỢP LƯU vừa nhận được hung tin

Ông ĐỖ NĂNG AN

thân phụ của nhà văn ĐỖ KH. đã từ trần
vào lúc 9 giờ ngày 16 tháng 12 năm 1999
tại Sài Gòn, Việt Nam, hưởng thọ 77 tuổi.

Ban biên tập Hợp Lưu
các văn thi hữu, họa sĩ cộng tác xin chia buồn
cùng nhà văn Đỗ Kh. & tang gia.

Cầu mong hương hồn người quá cố
sớm về cõi vô ưu

THƯỜNG QUÁN

Từ một chỗ đứng

Từ chỗ tôi đứng nhìn ra một thành phố về xanh cửa biển
Nó mọc lên ở chân trời, đường lưới xanh dưới khuya
những con mắt đá lẻ
em trên một chuyến tàu điện
không có ai trừ em
tuyệt đối yên tĩnh
trong chiếc hộp vàng cháy
ai hát trong mắt em
những căn nhà và những căn phòng
những cửa sổ vừa tắt đèn (đồng loạt) một đóa hoa
cứ mất đi
và một chiếc ban công
và một thang gác chạy xuống
trong bóng xanh đêm   một bàn tay
vừa rút đi
Em ngồi quay lưng lại
những công thự vuông vức những khối bóng cực tối
hàng rào sắt chạy dọc ngôi giáo đường đá xanh thấp tối
dưới hầm nhà chung những thầy dòng già
trên những chiếc giường gỗ cứng
ly rượu cam dỗ giấc
bên kia đường nước rịn chảy mùa hạ
những chị sắp thức giấc
cho hồi lễ đầu
không ai được nằm uốn cong, tay để xuôi
sườn ngực bó chặc
tôi từng thấy em đi trong hành lang ấy
và một buổi sáng khác

dưới một tán cây
      một trang sách mở
và tôi tội lỗi mang khuôn mặt Mê-phis-tô-phê-les
không thể ngó nhìn em
trong trí tưởng gô-tíc
những người đàn bà nở hoa nửa khép
thầm kín man dại hung hãn
rồi bây giờ chuyến tàu
em ngồi quay lưng lại
những hồi chuông đã lắng, đá phẳng
đá ngoài đêm, tuyệt đối
trước giờ gió và hắn
bên này cửa đêm
chiếc cửa vòm đứng, chiếc cửa làm nên
từ kiến trúc người Moor
và vùng sâu trong mắt em
dưới gò xương hốc mắt ấy
    ánh cười, em từng cười nói
xanh, một buổi trưa
tôi thấy em
khi đi xa (vẫn lẽ loi)
một xóm chài đứng bóng
đường xương rồng, những mộ đá
và mây khối bên trên
hắn đang đến đón em
ở ngưỡng trắng ngoài mọi huyễn tượng
em thản nhiên
không phải sự can đảm
của những bà mẹ
sau chiến tranh
hay của những đứa con trai
trong chiến tranh
hôm nay dưới tối tăm những đầu rễ xương rồng
không phải những can đảm ấy
chỉ sự thản nhiên
của em, kẻ bước xuống
ra đi

THƯỜNG QUÁN

ĐINH LINH

10 X 50

1. Hứa Trung. Nam, 22, 5feet5, 115lbs. Ngăm đen. Răng vẩu. Kiếm tiền bằng công việc linh tinh. Cách đây vài ngày chui xuống cống. Nếu kiếm được 20,000 buổi sáng sẽ dùng 4,000 để ăn phở buổi chiều, tiền còn lại dùng đánh bài. Lúc 18 tuổi mò mẫn một bé gái 5 tuổi.

2. Lý Lan. Nữ, 23, 5feet 6, 124lbs. Mặc xú-chiêng độn. Luôn nói đùa chuyện tiền bạc. Thường cúng dường tiền vào các chùa. Moi tiền đàn ông rồi bỏ họ. Có lẽ sẽ kết hôn với một gã Đài Loan lớn tuổi gấp đôi và cụt một tay. Nói tiếng Việt, Tàu và 10 từ tiếng Anh.

3. Trần Nam Thái. Nam, 31, 5feet3, 98lbs. Bị quân đội từ chối vì thiếu ký. Mua bán phụ tùng xe jeep cũ. Có một đứa con trai ở Mỹ chưa bao giờ thấy mặt. Không nói nhưng chỉ khụt khịt (môi trề ra). Xức nước hoa cạo râu CK. Cặp với một ả bán thịt lợn.

4. Nguyễn Thị Thơm. Nữ, 21, 5feet4, 130 lbs. Ngờ nghệch, một người ở đợ mù chữ. Ngủ trên sàn nhà cạnh con chó mực. Nói lắp bắp. Cười ngớ ngẩn mỗi khi nghe ai đó nói từ "yêu." Thuộc tên tất cả các tài tử Hồng Kông. Bố là một người nát rượu. Mê Hứa Trung.

5. Dương Quang Long. Nam, 26, 5feet8, 145lbs. Nghiện ma túy. Thích xục xạo trên Internet và ngồi bia ôm. Có một đứa con gái trông giống như con trai. Cách đây một tháng vợ uống thuốc ngủ định tự tử

trong khi có thai. Hiếm khi về nhà vào ban đêm. Rất thích cá vàng.

6. Đoàn Thị Hoài. Nữ, 19, 5feet2, 106lbs. Xếp hạn kế chót trong cuộc thi thời trang ở khu phố. Thích mặc áo lưới mỏng vào buổi tối. Chưa bao giờ thấy biển, núi, ngựa, hay bất cứ một người thuộc chủng tộc khác. Làm việc trong một nhà máy giày. Đang để dành tiền để mua một chiếc xe đạp.

7. Nguyễn Mạnh Tuấn. Nam, 38, 5feet4, 127lbs. Ăn chay trường. Dành riêng một phòng trong nhà để thờ Phật Bà Quan Âm. Dương vật nghe nói rất nhỏ. Lúc trẻ hơn theo đuổi tất cả những đứa con trai trong xóm. Hâm mộ Michael Jackson và cầu thủ Renaldo. Đã thề không bao giờ coi hình khiêu dâm nữa.

8. Bùi Phụng Hòa. Nữ, 43, 4feet10, 96lbs. Cộng sản nòi và còn trinh. Giỏi với những con số. Mặc dù người tình đầu tiên đã vượt biên cách đây 20 năm, vẫn còn thường mang những tấm hình của gã ra ngắm nghía. Thích chép những bài thơ dài vào sổ tay trước khi đi ngủ. Thích nghiên cứu các bản đồ và từ điển.

9. Nguyễn Huy Lộc. Nam, 40, 5feet7, 141lbs. Kiếm tiền bằng cách ngủ với những bà đứng tuổi hơn. Xa lánh vợ. Luôn mơ tưởng việc đi đến Úc và trở thành một chủ trại nuôi cừu. Có lần tự giam mình suốt hai tháng trời trong phòng tối để vẽ những bức tranh tục tĩu trên tường bằng phấn màu. Một nhà thơ.

10. Vũ Thanh Thảo. Nữ, 32, 5feet1, 108lbs. Có ba đứa con bởi hai người cha khác nhau, phá thai bốn lần. Xếp hạng chót trong cuộc thi thời trang khu phố. Lúc còn trẻ hơn tin rằng mình sẽ trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Tình nhân của một thầy chùa nổi tiếng trong vòng một năm. Kiếm sống bằng nghề sơn móng tay.

PHAN NHÊN HẠO

dịch từ nguyên bản tiếng Anh.

---

10 x 50: chân dung 10 nhân vật, mỗi nhân vật 50 từ trong nguyên bản tiếng Anh.

TN

NGÔ THẾ VINH

Từ Ất Dậu_ 1945 sáu mươi năm đi tới cây cầu Cần Thơ_ 2005

Gửi nhóm bạn Cửu Long

La vie humaine commence de l'autre côté du désespoir.
Jean-Paul Sartre (Les Mouches, 1943)

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Từ Paris bằng chặng đường xe lửa hơn 700 km đi tới một trong những miền đất nổi tiếng của miền Nam nước Pháp đầy tính lịch sử, nơi có nhà thờ Saint Sauveur cổ kính, nơi có *Con Đường Cézanne* đi về hướng *La Montagne Sainte-Victoire* đã trở thành bất tử trong bức danh họa đang nằm trong viện Bảo Tàng Luân Đôn mà ông Khắc mới xem trong dịp sang làm việc với đài BBC đầu năm rồi, nơi có cả những cây hồng leo rạo rực hoa đỏ trên những thân mộc già.

Từ bao năm rồi ông Khắc vẫn thích tranh Cézanne. Chuyến xe lửa tốc hành hơn một lần đang đưa ông tới quê hương người họa sĩ tài danh để lại thấy được *mặt trời thì đỏ dữ dội* trên những mái nhà ngói đỏ, trên những đỉnh đồi và cả trên mặt biển Địa Trung Hải, để sống lại những cảm xúc thị giác mà Cézanne đã chuyển thành hình khối với *"màu sắc là nơi mà tâm hồn và vũ trụ đã kết hợp hài hòa"*. Ảnh hưởng

cùng một lúc trên nhiều trường phái: *ấn tượng, dã thú, lập thể*, sau Cézanne thì hầu như tất cả những họa sĩ lẫy lừng của thế kỷ 20 như Matisse, Dufy, Braque, Chagal, Picasso... đều tới đây tìm cảm hứng và sáng tạo nên những tác phẩm để đời.

Khí hậu Địa Trung Hải vào mùa Thu trời vẫn chan hòa nắng ấm và long lanh như ngọc. Thời gian sống ở Aix-en-Provence là những tháng ngày có thể coi là hạnh phúc nhất của ông Khắc. Ngày hai buổi đều đặn cho dù thời tiết thế nào, ông đi bộ từ căn phòng thuê tới thư viện_ *Khu Văn Khố Đông Dương*, đầm mình vào đống tài liệu chuẩn bị cho cuốn sách *Cahier d'Asie du Sud-Est* mà ông Khắc dự định sẽ cho in trước ấn bản tiếng Việt vào dịp Tết Nguyên Đán Canh Thìn năm 2000.

Mỗi ngày là một ngày mới và không ngày nào mà không là ngày hạnh phúc tuyệt vời. Cho dù đã ở khá xa cái tuổi *cổ lai hy*, ông Khắc thấy mình như trẻ lại đang sống đời sinh viên. Giữa tràn ngập sách vở và tư liệu dồi dào, với ông thì Aix-en-Provence như một thiên đường cho nhà nghiên cứu về Việt Nam trong giai đoạn Pháp Thuộc.

Tình cờ gặp lại Duy và Giang trong dịp hai người sang dự Đại Nhạc Hội chào mừng *"Một Thế Kỷ Âm Nhạc"* đón Thiên Niên Kỷ Mới, hôm nay tự thưởng cho mình một ngày nghỉ, ông Khắc rủ hai người bạn trẻ tới *Le Bistro Latin* ăn trưa _ không chỉ vì thức ăn ngon như món *risotto scampi* có chút hương vị Ý mà ông Khắc rất thích nhưng còn vì giá cả phải chăng 89 quan đồng hạng cho mỗi bữa ăn gọi là bình dân nhưng đã là đắt với túi tiền của một lão sinh viên như ông Khắc.

Lúc chia tay, cả Duy và Bé Tư cùng nắm tay ông Khắc mời dặn thiết tha: *"Bận gì anh cũng phải về Tây Đô dự đám cưới tụi em!"* Ông Khắc cười trấn an: *"Về chứ, làm sao có thể vắng mặt trong một đám cưới của Thế Kỷ."*

Cao và Điền trước đó cũng đã gửi vé máy bay cho ông về dự cuộc *Hội Thảo về Môi Sinh Sông Mekong* mà chủ lực là các thành viên của *Nhóm Bạn Cửu Long* lần đầu tiên tổ chức trong nước nhân dịp *Lễ Động Thổ xây Cây Cầu Cần Thơ* _ tất cả như một kết hợp tình cờ cùng diễn ra trong tuần lễ đầu tiên của tháng 8 năm 2000.

SỔ TAY NHÀ BÁO.

Buổi sáng sớm như thường lệ, trước khi xuống đường ông Khắc ngồi trước máy điện toán lướt qua địa chỉ trang nhà của một số tờ báo quen thuộc. Tin của tờ báo *Nhân Dân* trong nước sáng nay khiến ông Khắc chú ý và dừng lại đọc:

"Ba năm sau ngày Việt Nhật ký kết dự án cầu Cần Thơ, ngày 04 tháng 10 năm 1999, đoàn đại diện Công Ty Nippon đã tới làm việc với Ủy Ban Nhân Dân hai tỉnh Vĩnh Long và Cần Thơ để chuẩn bị cho đợt khởi công vào tháng 8 năm 2001 và hoàn thành vào tháng 4 năm 2005.

Cây cầu sẽ cách phà Cần Thơ hiện nay khoảng 3km phía hạ lưu ngang Cồn Âu, nối với Quốc Lộ 1 phía Vĩnh Long tại cây số 2061 qua Cái Vồn - Bình Minh và đầu kia phía Cần Thơ tại cây số 2077 thuộc khu du lịch Ba Láng. Cầu dài 2615m, sẽ là cây cầu dây căng dài nhất Việt Nam có độ tĩnh không cao 39.1m, mặt cầu rộng 24.9m với toàn công trình có chiều dài hơn 15km."

Như một sự thực hiển nhiên, trong Thế Chiến Thứ Hai Nhật đã gây không ít tang thương đổ vỡ: *thảm sát Nam Kinh, nạn đói Ất Dậu...* đã làm chấn động lương tâm của chính nhân dân Nhật và họ đang phải trả giá. Sau đập *Thủy Điện Đa Nhim* công suất 160 ngàn KW ở Đà Lạt vào những năm 60 với ngân khoản 39 triệu đôla, nay tới *Cây Cầu Cần Thơ* bắc qua Sông Hậu với kinh phí lên tới 249 triệu đôla cũng do Nhật tài trợ không hoàn lại, như khoản *bồi thường chiến tranh* khác.

Phải chăng đó là cái giá cao nhất mà người Nhật muốn đền bù cho ngót hai triệu mạng người Việt chết oan khiên năm Ất Dậu.

Nhưng quan trọng hơn cả bồi thường là *"sự thật lịch sử nạn đói năm Ất Dậu là thế nào?"* Theo ông Khắc thì không thể nhìn nạn đói 1945 một cách riêng lẻ với 2 triệu người Việt Nam chết mà phải xem xét tấn thảm kịch *trong bối cảnh Đông Dương lúc đó với cả người Pháp và Nhật cùng hiện diện.*

Những tưởng rằng từ 1945 hai triệu người Việt ấy đã vĩnh viễn nằm xuống nhưng không họ đã gượng dậy âm thầm đi thêm một chặng đường dài 60 năm để hoàn tất *điểm nối cuối cùng trên Con Đường Thống Nhất* sau khi hoàn tất cuộc Nam Tiến.

Cứ như bên tháp Babel, rồi ra tùy theo tâm cảnh mỗi người cây cầu Cần Thơ sẽ mang những tên gọi khác nhau: cầu Ất Dậu cho những ai không quên được quá khứ như với ông Khắc, cầu Hữu Nghị Việt Nhật cho chánh quyền hiện tại và là cây cầu Thống Nhất cho những tấm lòng mong mỏi hướng về tương lai.

Sau 1975, một phần tư thế kỷ đã qua mà vẫn chưa làm xong một con đường chạy xuyên suốt chiều dài đất nước và lòng người thì vẫn cứ vỡ ra từng mảnh.

ÔNG KHẮC VÀ BỘ NHỚ VỀ NẠN ĐÓI ẤT DẬU

Lúc đó ông Khắc đang sống ở Hà Nội, bố dạy trường Bưởi, mẹ thì trông coi hiệu sách ở Tràng Thi; ở cái tuổi 16 chưa thành người lớn nhưng cũng đã qua thời trẻ con tuy chưa gánh vác được gì nhưng lại đủ lớn để cảm nhận và nhớ như in những gì xảy ra trong sáu tháng đầu của năm Ất Dậu ấy.

Lúc đó tự thấy sách vở không ích gì cho buổi ấy, ông Khắc đã sớm rời gia đình ở cái tuổi 17 đi theo người chú làm cách mạng. Người mà ông ngưỡng mộ như một thần tượng ấy gốc Quốc Dân Đảng, sau đó bị mất tích trên đường sang Côn Minh. Có lẽ ông bị Việt Minh bắt và thủ tiêu sau đó.

Tuổi 30 từ Bắc di cư vào Nam với mấy chục năm làm báo không ngưng nghỉ, bằng những phấn đấu tự bản thân, ông Khắc đã trưởng thành trong nghề nghiệp, đã vươn lên vị trí hết sức được kính trọng không chỉ bằng các bài báo mà qua cả nhân cách _ vì thế mà ông rất được yêu mến và được các nhà báo trẻ gọi ông là *"nhà báo của các nhà báo"*.

Năm 1975, hiểu biết cộng sản không ai hơn ông vậy mà ông Khắc quyết định ở lại để rồi sau đó là 14 năm tù đầy _ tuy không đảng phái nhưng ông Khắc cũng cứ nghiễm nhiên được gắn cho cái nhãn hiệu *Việt Quốc* do thời gian theo chân ông chú. Qua bao nhiêu đầy ải vẫn như một *cây tùng trước bão*, ông vững vàng qua cơn bão táp. Ra được tới ngoài này, ông Khắc không thể không ngạc nhiên về sách vở chữ nghĩa ở hải ngoại. Cả đất nước vừa trải qua những kinh nghiệm kinh hoàng vết thương nào cũng còn rướm máu, vậy mà làm sao người ta vẫn có thể viết hay vẽ như trước đây được nữa. Dĩ nhiên là vẫn cứ phải viết nhưng làm sao mà tránh được thứ *ngôn ngữ bầm dập* cùng với nỗi bầm dập đầy ải của con người. Viết trong hoàn cảnh cực đoan như thế đã trở thành một thách đố và chữ nghĩa đã trở thành những mũi tên đánh động khiêu khích ngay với chính người đọc_ là đồng bào mình cả bên trong lẫn bên ngoài.

SỔ TAY NHÀ BÁO

Kinh Nghiệm Pháp. Với trong tay tập tài liệu *"Témoignages et documents francais relatifs à la colonisation francaise au Vietnam, 04/1945"*, như một *flashback*, ông Khắc bỗng chốc sống lại những ngày tháng của năm Ất Dậu _ nhưng lần này với mắt nhìn của người Pháp.

... "Họ đi thành hàng dài bất tận gồm cả gia đình, đàn ông đàn bà, già lão có, trẻ con có, người nào người nấy cũng rúm người dưới sự

nghèo khổ, toàn thân lõa lồ để trơ những bộ xương run rẩy, ngay cả những thiếu nữ đang ở tuổi dậy thì lẽ ra đẹp đẽ và e thẹn thì cũng chẳng hơn gì. Thỉnh thoảng họ dừng lại để nếu không là vuốt mắt cho một người trong bọn vừa ngã xuống thì cũng cố lột cho được miếng rẻ rách còn che trên thân người mới chết đó. Chứng kiến những hình người xấu xí hơn cả những con vật xấu nhất, nhìn thấy những xác chết nằm co quắp bên lề đường chỉ có chút rơm che thân thay cho tấm vải liệm, người ta lấy làm tủi hổ thay cho cái kiếp con người".

... "Nạn đói khủng khiếp năm 1944-45 đã làm chết 2 triệu người Miền Bắc từ Quảng Trị trở ra, là hậu quả không thể tránh khỏi của một chánh sách nhằm hai mục đích:

_ Về chánh trị là làm chết đi một bộ phận quan trọng dân chúng và nhấn chìm số còn lại trong nạn đói, đó là cái dây thắng hữu hiệu để hãm bớt nhiệt tình yêu nước mà *Thống Sứ Bắc Kỳ Chauvet* đã thấy rõ.

_ Về kinh tế là cho phép các công ty Pháp Nhật *(Denis Frères, Mitsubishi...)* độc quyền thu mua và tích trữ hàng triệu tấn gạo với giá rẻ mạt. Cũng bằng cách ấy họ dễ dàng tuyển mộ những *cu ly* bản xứ cho các đồn điền cao su và hầm mỏ sang Tân Thế Giới ..."

Kinh Nghiệm Nhật Bản. Người Pháp ở Đông Dương từ bấy lâu đang ở vị trí chủ nhân ông với tất cả quyền uy bỗng một sáng chiều đối diện với Nhật _ *L' Indochine francais en face du Japon / Gaudel* đã mau chóng trở thành công cụ tay sai của người Nhật.

Sách Giáo Khoa cho học sinh Nhật Bản trước đây khi viết về Thế chiến Thứ Hai phần liên hệ tới Á Châu đã cho rằng: "Nước Nhật đưa quân vào Á Châu không phải với mục đích xâm lược cướp bóc mà là để *giải phóng nhân dân các nước Châu Á khỏi ách nô dịch Da Trắng*" . Đó cũng chính là *thuyết Đại Đông Á* mà Nhật không ngừng tuyên truyền với chính dân Nhật và cả trước dư luận thế giới.

Nhưng qua cái nhìn phản tỉnh của những người Nhật lương tâm thì lại rất khác như *Katsumoto Saotome trong cuốn "Ký Lục Nạn Đói Hai Triệu Người Chết ở Việt Nam"*, như *Furata Moto* thì đang cặm cụi đi tìm ý nghĩa lịch sử của nạn đói Ất Dậu trong bối cảnh lịch sử cận đại Việt Nam qua những nhân chứng còn sống sót, như Yoshizawa Minami trong tập tài liệu *"Chiến Tranh Châu Á Trong Tiềm Thức của Chúng Ta"* cũng đã nhận định: **

..."Tình hình khu vực Việt Nam thật đặc biệt do sự có mặt thường xuyên của 80 ngàn quân ta và 200 ngàn lực lượng hậu cần đã khiến tình trạng kinh tế ở đây hỗn loạn đến cực độ..."

... Đông Dương có vị trí then chốt đối với Nhật Bản về lương thực. Ngoài lượng gạo nhập khẩu vào Nhật, quân đội Nhật còn rất cần một trữ lượng gạo lớn lao để tiếp tế cho các mặt trận đang lan rộng ra khắp Á Châu và khu vực Thái Bình Dương. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp gây nạn chết đói cho 2 triệu người Việt năm 1945.

... Cảnh người Việt chết đói la liệt ngay bên ngoài những kho thóc của người Nhật chất cao như núi chưa dùng tới và bỏ cho mục nát là điều được chính nhân chứng *Kawai* người Nhật, viên quản lý kho lúa gạo ở Nam Định kể lại: *"Tại một khu nhà thờ Thiên Chúa giáo, gạo chứa đầy ắp trong kho, lại thấy người chết đói ngã lăn dọc đường suốt từ Nam Định lên tới Hà Nội, tôi đã cố thuyết phục tùy viên kinh tế của Đại Sứ quán Nhật mở các kho gạo đó nhưng họ không nghe..."*

Tưởng cũng nên nhắc lại là người nói điều nhân nghĩa trên cũng là tác giả của câu nói để đời: *"Bọn người Việt đều là kẻ ăn xin"*.

Nạn đói 1945 chỉ là hậu quả tất nhiên của chính sách tàn bạo của Nhật trong khắp vùng Á Châu Thái Bình Dương, chủ trương cai trị bằng cách gây khiếp sợ. *Câu chuyện lính Nhật treo cổ người đói cướp xe lúa, mổ bụng ngựa để nhét một phụ nữ Việt Nam vào khâu lại đem chôn sống vì tội danh đã trộn mạt cưa vào cám làm ngựa chết, tất cả không phải là giai thoại mà là tấm gương chính người Nhật muốn rêu rao để răn đe dân chúng bản sứ.*

Kinh Nghiệm Việt Nam. Khái Hưng, báo Bình Minh, 12-04-1945 đã viết về *"Mưu Sâu Của Thực Dân Pháp Ở Xứ Này"*:

... "Trong toa hạng nhất, ngồi đối diện với chúng tôi là 2 người Pháp. Họ đàm thoại với nhau:

_ Đó là môn thuốc hiệu nghiệm để giữ trị an cho xứ này.

_ Phải, phải lắm... nếu dân chúng nó sung túc thì chúng nó chỉ nghĩ làm giặc, *nhàn cư vi bất thiện mà !*

_ Đúng ! Thỉnh thoảng cũng phải mất mùa vỡ đê đói kém cho chúng nó phải khó khăn xoay sở cái ăn cái mặc, cho chúng nó chỉ đủ thì giờ nghĩ đến sống mà không có cuồng vọng phản đối chúng ta..."

... Tô Hoài trong *"Chuyện cũ Hà Nội"* nói về cảnh đói 1944-45 đã phải thốt lên _ *Chữ nghĩa tôi run rẩy, thổi bay được, khủng khiếp quá.* Trong khi bên ngoài Hà Nội người chết đói như rạ, thì người dân trong thành phố bị khủng khiếp xanh mặt về nạn đói. Cái lý do dân Hà Nội chưa phải chết đói vì cả Pháp Nhật đều muốn che mắt thế giới, muốn *giữ tươi tỉnh bộ mặt phố xá* nên họ được *đong gạo bông.* Cảnh

chết đói thê thảm là do những đoàn người đói từ các nơi ngoại thành kéo về cho dù cả đội xếp Pháp và lính Nhật hết sức đánh đuổi nhưng không xuể, họ vào được thành phố để rồi chết la liệt trên các vỉa hè. *Suốt ngày đêm chỉ có những chiếc xe kéo xác lầm lũi đi qua.*

... Rồi Võ An Ninh qua *"Ống Kính Nhà Nhiếp Ảnh* đã chụp lại những thảm cảnh của nạn đói từ tháng Giêng tới tháng Sáu năm 1945", cho dù ở đâu và lúc nào ai xem những tấm hình ấy cũng chỉ để mà khóc, đau thương và uất hận và không bao giờ quên. Chỉ thấy xác là xác, nếu chưa chết thì cũng chỉ là chiếc xác còn biết đi như những bóng ma. Người đàn bà sắp chết đói đẻ rớt con trên đường, nhìn xác con đỏ hỏn cũng chẳng còn sức và nước mắt đâu để thương sót vì biết chính mình cũng chết sau đó. Từ những tấm hình chụp giữa thủ đô Hà Nội mà cũng nồng lên mùi hôi thối của xác chết và cả của người còn sống. Ngày đêm những chuyến xe bò âm thầm đi nhặt xác để chở xuống nghĩa trang Hợp Thiện đổ xác người như đổ rác vào những hố chôn tập thể.

.... Văn Cao chứng kiến cảnh tượng não lòng ấy đã viết nên những lời thơ ai oán trong *"Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc"*:

Áo thế hoa rũ rượi lượn đêm trường
Từng mỹ thể rạc hơi đèn phù thế
Bóng tối âm thầm rụng xuống chân cây
Tiếng xe ma chở vội một đêm gầy

... *Một nhà báo từ Sài Gòn_* Những năm 1944-45 phương tiện truyền thông rất ư là hạn hẹp, lại thêm ảnh hưởng chiến tranh Mỹ Nhật, nên cho dù nạn đói đã xảy ra ở miền Bắc mà *không vang ngay tới Sài Gòn.* Mãi tới khi có một thanh niên tên Chu Hương Mậu một thân một mình lặn lội đường bộ đem vô được xấp hình cảnh đói. Tôi thực hiện cuộc phỏng vấn và đăng tít lớn ngang trang nhất trên một Nhật Báo (chủ nhiệm: ông Tín Đức Thư Xã) với đầy đủ hình ảnh. Tập hình đã là động cơ thức động tâm tư nhiều người và được làng báo hưởng ứng. Phong Trào Cứu Đói mở rộng_ được sự tiếp tay của một số trí thức, giới kinh doanh và dân chúng. Lạc quyên được rất nhiều và bắt đầu ngay các chuyến gởi gạo ra Bắc bằng thuyền, chỉ một số rất ít bằng đường bộ_ không có vụ chở gạo bằng đường xe lửa vì thiết lộ đã bị cắt và máy bay Mỹ thì oanh tạc dữ dội. *Cho dù bằng ngả đường nào thì áp tải theo những bao gạo ấy là những thanh niên không chỉ*

có lòng vị tha mà còn vô cùng can đảm và cả chịu hy sinh nữa... Nhưng rồi cũng thật đau lòng khi được biết là đã *không một thuyền gạo nào tới miệng người đói*: do bị bom dọc đường, bị Nhật tịch thu và cả tổ chức đón nhận kém, còn bao nhiêu tiền bạc thì cuối cùng bị *trưng thu vào quỹ kháng chiến* sau đó. Qua vụ cứu đói Ất Dậu, kinh nghiệm làm báo đầu đời cho tôi thấy: *cầm bút hô hào khác xa với thực tại của sự việc.*

... *Nhân chứng nhà họ Vũ _ không ai khác hơn là Vũ Kiên thuộc Viện Sử Học Hà Nội.* Thái Bình thuộc Châu Thổ Sông Hồng là tỉnh điển hình, nơi nạn đói diễn ra trầm trọng nhất. Là một tỉnh đất chật người đông cũng là cái nôi của nhiệt tình cách mạng. Họ Vũ chúng tôi số gia đình cũng nhiều, số miệng ăn cũng đông mỗi nhà chỉ có vài sào ruộng đất công. Giàu nghèo trong làng chẳng khác biệt bao nhiêu, gặp thiên tai dịch hạn mất mùa thì *"nhà giàu được ăn cháo đặc thì chúng tôi ăn cháo loãng độn với củ chuối và rau"* nhưng tới năm Dậu 1945 thì vấp phải nạn đói khủng khiếp quá. Bảo rằng do thiên tai thì cũng có, ruộng lúa cấy mới trổ đòng đòng thì buổi sáng dậy đã thấy cả cánh đồng trắng xóa do bị rù_*sâu rầy* . Chuyện thiên tai hạn dịch qua suốt lịch sử lúc nào mà không có nhưng nay dân còn bị cưỡng bức nộp hết lúa gạo tới cả những đấu cuối cùng vốn chỉ để *tích cơ phòng hàn,* đã thế còn bị quân Nhật *bắt phá ruộng ngô khoai để trồng đay*, khiến lương thực hoa màu hoàn toàn cạn kiệt.

Cho dù có *tinh thần lá lành đùm lá rách* nhưng chẳng còn gì để mà chia xẻ. Riêng gia đình tôi chín người ngoài bố mẹ còn có năm anh em và hai đứa cháu. Không muốn là gánh nặng thêm cho gia đình đang túng đói, tôi xin phép bố mẹ liều thân bỏ làng ra Hà Nội tìm đường sống. Tôi không bao giờ quên cái hình ảnh khắp các đường ngang ngõ xóm trong ngoài làng nơi nào cũng nhan nhản những xác chết đói khô héo. Ra tới Hà Nội, không phải đã hết thấy cảnh người chết đói. Tôi đã phải đi ở, làm thuê bán bánh mì bán báo làm bất cứ việc gì chỉ để kiếm sống. Đến lúc Pháp đánh Hà Nội, tôi gia nhập Tự Vệ Thành, cho tới khi trở về làng thì gia đình đã chẳng còn ai nữa.

Sau đó Kiên vào Bộ Đội trong suốt 9 năm Kháng Chiến Chống Pháp, được kết nạp Đảng Cộng Sản trước ngày kết thúc trận Điện Biên Phủ. Sau năm 1954, do công trạng và có trình độ, Kiên được cử đi Liên Xô học, có bằng tiến sĩ sử học, trở về nước và trở thành một trong số ít trụ cột của Viện Sử Học Hà Nội, Kiên có mối liên hệ rất thân cận với Tướng Võ Nguyên Giáp mà báo Pháp mệnh danh là Nã Phá Luân Đỏ_*Napoléon Rouge.*

Ở nơi chân trời góc biển Aix-en-Provence này ông Khắc đã gặp Kiên. Như một *saga novel,* bản thân mỗi người đã đi qua những những biến cố lịch sử bằng những ngả đường khác nhau, rồi như một may mắn tình cờ và cũng rất hiếm hoi, cả hai còn sống sót, còn được gặp lại nhau nơi đây ở những năm muộn màng của đời người, để cùng đi tìm ý nghĩa về những *Kinh Nghiệm Việt Nam* với rất nhiều mảng tối cần được chiếu dọi.

Phải chờ tới hơn 40 năm sau *Nhân Văn Giai Phẩm,* Kiên mới cảnh tỉnh và chọn con đường phản kháng trong một chuyến ra nước ngoài. Được hưởng quyền tỵ nạn chánh trị lại cả được một năm trợ cấp của *Hội Đồng Văn Hóa Âu Châu* để làm việc tại Aix-en-Provence cho một đề tài nghiên cứu tùy nghi. Kiên không tệ đến nỗi về hùa để hãm hại các bạn cầm bút của mình nhưng cũng đã rất khôn ngoan giữ im lặng. Nỗi oan khiên của Kiên bây giờ là vẫn bị một số người bên ngoài tàn nhẫn nhìn như một thứ quạ đen *cơ hội,* bấy lâu xấu xí nay thì lại muốn trở thành những cánh én cho một mùa Xuân muộn màng. Đâu phải tới bây giờ những người như Vũ Kiên và mấy ông đảng viên trên 30 năm tuổi đảng ấy mới biết điều sai trái. Chẳng qua _ *nói theo kiểu Nguyễn Tuân là bấy lâu họ đã biết sợ để sống còn.* Và nay thì lại là những con chuột khôn lanh đang tìm cách thoát chạy ra khỏi con tàu đắm.

***Nạn đói Ất Dậu* vẫn còn là một vấn nạn. Cố thổi phồng tấn bi kịch hay giả bộ làm ngơ là hai khuynh hướng có thật và dễ thấy. Đổ hết tội lên đầu người Nhật là không đúng khi mà bộ máy cai trị Pháp lúc đó vẫn còn hiện diện. Đổ lỗi cho Mỹ và Đồng Minh oanh tạc cắt hết đường tiếp tế gạo từ Nam ra Bắc cũng không đúng khi mà vẫn có gạo chuyển được từ Sài Gòn ra tới Nam Định chất vào các kho thành núi chưa dùng tới. Thiên tai mất mùa là có thật *nhưng làm sao mà giải thích được cảnh la liệt người chết bên những kho thóc gạo của Nhật còn đầy ắp?* Và cũng đâu phải không còn kho thóc nào của người Việt ngay giữa trung tâm nạn đói như qua câu nói của một nhân chứng người Thái Bình: *"Trong nhà còn nhiều thóc nếu bà cụ moa không..."*

HỘI NGHỊ MÔI SINH ĐÔNG NAM Á

Hội Nghị lần đầu tiên được tổ chức tại *Tây Đô Cần Thơ* nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long gồm các nước thành viên của Ủy Hội Sông Mekong_ *Mekong River Commission.* Đã qua giai đoạn nói về *Con Sông Mekong Trước Những Nguy Cơ* mà tiến thêm một bước nữa là *Hợp Tác Môi Sinh và Phát Triển* với ba chủ đề lớn: (1) Bảo vệ phẩm chất nước, (2) Quản lý nguồn nước và (3) Ứng dụng kỹ thuật sinh học

trong nông tác.

Những ngày trước Hội Nghị, Cao và Hộ đã cùng tiến sĩ Chamsat thuộc Đại Học Thammasat Bangkok, có thêm 1 *Tùy Viên Kinh Tế* của Đại Sứ Quán Việt Nam tại Thái Lan đi quan sát thực địa _*field trip* để chọn địa điểm cho trạm EcoWatch xa nhất đầu tiên nơi thượng nguồn trong *Hệ Thống Thăm Dò Môi Trường EMS (Environnmental Monitoring Systems)* thuộc Lưu Vực Sông Mekong.

Qua ảnh hưởng của Cao, Hộ đã hết sức thuyết phục ông Ngoại Trưởng đi tới chấp nhận một quan niệm mới về vai trò của các *Tùy Viên Kinh Tế* nơi các Tòa Đại Sứ bao gồm cả chức năng *Tùy Viên Môi Sinh*, ít ra bước đầu là tại các nước thuộc *Lưu Vực Sông Mekong.*

Bản Houei Sai do nằm sát biên giới Hoa Lào, ngay dưới Khu Kỹ Nghệ Vân Nam, theo Cao sẽ là địa điểm lý tưởng của *tiền trạm EcoWatch xa nhất* khoảng 2000km cách Đại Học Cần Thơ.

Bản Houei Sai nơi xưa kia trước 1954 từng là tiền đồn Carnot của Pháp nay còn lại là mấy cỗ súng cối hoen rỉ theo khí hậu và thời gian. Houei Sai nay là thị trấn thương mại phát triển bên sông Mekong, nơi có một ngọn đồi là Chùa Phật, trên một ngọn đồi khác trước đây là khu bệnh xá của Tom Dooley. Bản Houei Sai không chỉ buôn bán với thị trấn Chiang Khong bên kia sông Mekong mà còn là nơi tàu bè lớn từ Trung Quốc ghé qua trên đường xuống Louang Prabang và Vạn Tượng. Những cửa hiệu mọc lên như nấm và tràn ngập hàng hóa *Made in China.* Từ năm 1997 đã có dự án một cây cầu biên trấn bắc qua sông Mekong từ Bản Houei Sai sang Chiang Khong Thái Lan nhưng tất cả đã bị khựng lại do cơn khủng khoảng kinh tế Á Châu.

Cái Giá của Ô Nhiễm, đó là đề tài thuyết trình của Cao tại Hội Nghị Cần Thơ và *Làm Sao Bảo Vệ Nguồn Nước Trong Lành.*

_ Vào những năm 50 ở Nhật, dân làng Minamata bỗng nhiên chứng kiến một hiện tượng lạ: những con mèo bắt đầu nhảy múa điên cuồng lên cơn co giật rồi sau đó là chết. Sau mèo, tới người, phụ nữ sinh ra quái thai, trẻ sinh ra sống sót thì cũng bị những dị tật bẩm sinh và chết dần.

Bất ngờ và quá trễ để mà ngăn ngừa tấn thảm kịch môi sinh của thế kỷ ấy: bấy lâu công ty hóa chất Chisso đã đổ các chất phế thải kỹ nghệ có thủy ngân xuống vịnh Minamata, tạo ra một chu kỳ nhiễm độc trước hết trên các loại rong tảo tôm cá; tiếp theo là các động vật như mèo và dân cư sống trong vùng bị nhiễm độc gián tiếp do ăn phải những loại hải sản có hàm lượng thủy ngân rất cao ấy.

Tang chứng thì đầy rẫy vậy mà Chisso vẫn khăng khăng không nhận trách nhiệm.

Mãi cho tới khi xuất hiện những tấm ảnh của Eugene Smith chụp năm 1972 gây xúc động và kinh hoàng cho toàn thế giới.

*Tomoko Uemura*_ như một điển hình, một thiếu niên 17 tuổi tại làng Minamata ngay từ lúc sinh ra đã mù lòa câm điếc co quắp biến dạng không còn là hình người _ Tomoko sống như cây cỏ, hoàn toàn trông nhờ vào bà mẹ tâm hồn thì đẹp đẽ và vô cùng ẩn nhẫn nhưng cũng rất can trường phấn đấu cho nhân phẩm và sự sống còn của đứa con. Tomoko được mẹ bón cho từng miếng ăn được vệ sinh tắm rửa trong suốt từng ấy năm cho tới ngày cuối cùng. Điều đáng nói là cha mẹ Tomoko cũng như bao nhiêu dân làng khác trước đó đều khỏe mạnh.

Cuối cùng thì công ty hóa chất Chisso dù bất ưng cũng phải đứng ra nhận trách nhiệm và chịu tẩy rửa cả con vịnh.

Phải hơn nửa thế kỷ sau _ 1997, nước trong vịnh Minamata mới được coi như trở lại trong lành nhưng những nạn nhận như Tomoko thì chết trước đó đã 20 năm rồi.

No More Minamata _ Nhắc lại tấm thảm kịch ấy như điều tâm niệm của mỗi người dân đang nơi *Lưu Vực Sông Mekong*, khi mà mỗi ngày chúng ta phải sống với đủ loại nước thải đổ xuống từ các khu kỹ nghệ khổng lồ Vân Nam và cả từ Thái lan.

Ngay sau đó là câu hỏi đặt ra trước Hội Nghị:

_ Vấn đề nêu ra quá lớn và liệu sức chúng ta làm được gì? Ngăn Trung Quốc không xây chuỗi 8 con đập bậc thềm Vân Nam là không thể được rồi, Bắc Kinh vẫn tiếp tục hoàn thành kế hoạch của họ. Là các quốc gia hạ nguồn, chúng ta chỉ còn cách phòng ngừa qua ba giai đoạn. *Primary Prevention* là bước phòng ngừa tích cực tốt nhất ngăn chặn sớm ngay từ gốc nguyên nhân, nhưng chúng ta đã bị động không làm được gì, cả không được quyền dòm ngó vào các nhà máy kỹ nghệ Vân Nam. *Secondary Prevention* là bước phòng ngừa thứ hai nhằm phát hiện được sớm nhất dấu hiệu suy thoái để kịp báo động ngăn chặn, đây không phải thượng sách nhưng là điều chúng ta còn có thể làm_ đây là chủ đề mà tôi sẽ đào sâu trong kế hoạch lập *Mạng Lưới Thăm Dò Môi Sinh*. *Tiertiary Prevention* là bước thứ ba cũng là tệ hại nhất tức là để cho thảm họa đã xảy ra như tấn bi kịch môi sinh Minimata phải trả giá bằng bao sinh mạng và nỗi khổ của con người, sau đó phải cần cả một tài nguyên khổng lồ để sửa sai lỗi lầm.

_ Thực hiện *Phòng Ngừa Thứ Cấp* chúng ta có khả năng theo

dõi độ thải và mức di chuyển của ô nhiễm từ các nhà máy Trung Quốc bằng sử dụng những máy thăm dò đặt tại các *Trạm Sinh Thái / EcoWatch* ở các địa điểm khác nhau nơi hạ nguồn. Vào đầu những năm 60, tiến sĩ *Leland Clark* đã sáng chế ra một *màng điện cực* có khả năng đo nhanh và chính xác *độ oxy hòa tan trong nước*. Phương pháp này được áp dụng rộng rãi ở Mỹ và sau đó lan rộng ra nhiều nước kỹ nghệ phát triển với kết quả là gia tăng bảo vệ được phẩm chất những nguồn nước trong lành.

Tiến xa hơn nữa, các nhà môi sinh cho rằng theo dõi một hay hai thông số _ *parameters* là không đủ nên đã có một dụng cụ mới có khả năng theo dõi cùng một lúc nhiều thông số trong một thời gian liên tục *(long-term multi-parameters monitoring)*.

_ Là dụng cụ gọn nhẹ_ *a compact sonde* có khả năng thử và đo đạc nước trong các môi trường rất khác nhau: *nước ngọt, nước mặn và cả nước ô nhiễm*, đo cùng một lúc 9 thông số như: độ pH, nhiệt độ, độ mặn_*salinity*, độ đục_*turbidity*, độ dẫn_*conductivity*, độ oxy hòa tan_*Dissolved Oxygen DO*, bao gồm cả *ammonia, nitrate*, tiềm năng khử oxy_*Oxygen Reduction Potential ORP* và cả độ sâu_*non-vented depth*.

Các dữ kiện trên có thể chuyển qua một máy điện toán PC nhỏ dùng *EcoWatch for Windows*.

_ Lấy mẫu nước mỗi tháng để thử là phương pháp lỗi thời có thể đưa tới lượng giá sai lạc tình trạng suy thoái của nguồn nước vốn luôn luôn biến động. Được thay thế bằng kỹ thuật *Thu Thập Dữ Kiện Chính-Thời (Real-Time Data Collection)* có khả năng phát hiện rất sớm chất ô nhiễm trong nước.

_ Bước đầu cơ bản sẽ lập 6 *Trạm Sinh Thái* : trạm xa nhất đầu tiên sẽ là Bản Houei Sei Bắc Lào sát khu kỹ nghệ Vân Nam, một trạm Kratie dưới Thác Khone biên giới Lào Cam Bốt, hai trạm Tân Châu_ *Sông Tiền*, Châu Đốc_ *Sông Hậu* sát biên giới Việt Cam Bốt và cuối cùng là hai trạm hạ lưu nơi cầu Mỹ Thuận và cầu Cần Thơ với thêm chức năng *triều ký*. Các dữ kiện thu thập từ các trạm EcoWatch được chuyển về *Khoa Môi Sinh* thuộc các Đại Học Cần Thơ Việt Nam, Đại Học Hoàng Gia Cam Bốt, Đại Học Vạn Tượng Lào và Đại Học Thammasat Thái Lan. Xa nhất là Đại Học Cần Thơ cách trạm Bản Houei Sai tới cả 2 ngàn km phía thượng nguồn _ *một khoảng cách không có nghĩa lý gì với máy điện toán qua mạng lưới Internet.* Các

chuyên gia môi sinh thuộc các Đại Học sẽ phân tích và tổng hợp những dữ kiện của các *Trạm Sinh Thái* để kịp thời báo động cho toàn vùng và đề ra phương pháp giải quyết.

_ Vài ý nghĩa về các *thông số ứng dụng* trong EMS: như độ pH của dòng sông Mekong bình thường là 7.0. Nếu vì lý do gì như do chất phế thải kỹ nghệ mà độ pH xuống thấp hơn 5.0 _ *acid* hay cao hơn 9.0 _ *kiềm* thì tôm cá sinh vật trong nước có thể bị tiêu diệt tùy theo loại. Đối với các chất hữu cơ hòa tan do ô nhiễm, thì thay vì độ oxy hòa tan DO trong nước thông thường vào khoảng 7.5 đến 8.0 mg/L, nếu xuống thấp hơn 6.5 mg/L sinh vật trong nước có thể đã bị chết ngộp. *(Ví dụ một vài nơi trên sông Sài Gòn, DO đã xuống thấp hơn 3.5, có nghĩa là chẳng còn giống tôm cá nào sống trong nước nữa).*

Còn đối với các kim loại độc cũng có các máy xách tay có độ chính xác cao để có thể phát hiện.

Ứng Dụng Bản Đồ Dữ Liệu Dạng Số về Nước trong Vùng Hạ Lưu Sông Mekong.

Là đề tài thuyết trình của chủ đề thứ hai do tiến sĩ Chamsak Ủy Viên Viện Quản Lý Nước Quốc Tế *IWMI* đảm trách.

_ Bước vào Thế kỷ 21, chúng ta chưa đến nỗi quá thiếu đất nhưng sẽ rất thiếu nước. Hiện tại đã có một phần tư nhân loại đang lâm vào tình trạng thiếu nước trầm trọng. Điều dễ hiểu là dân số tăng theo cấp số nhân mà thực phẩm thì chỉ tăng theo cấp số cộng. Áp lực phải gia tăng nhanh thực phẩm đòi hỏi thêm một lượng nước khổng lồ mà hành tinh này thì khó đủ cung cấp.

Đã vậy nhiều vùng nông tác đã khai thác nguồn nước quá mức, tưới dẫn phí phạm đưa tới tình trạng *nền nước dưới sâu* bị tụt thấp tới mức báo động. Phải điều chỉnh ngay tình trạng không hợp lý kéo dài này nếu không muốn bị rơi vào *cái vòng lẩn quẩn* tiếp tục phung phí một tài nguyên đang ngày càng khan hiếm.

Đây cũng là nhận định của *Nhóm Tham Vấn Nghiên Cứu Nông Tác Quốc Tế CGIAR* khi khảo sát về nhu cầu nước nơi các vùng trồng trọt trong thế kỷ tới. Họ đang có nỗ lực dùng máy điện toán để khảo sát và phân tích các vùng đất đai có thể đưa vào canh tác. *CGIAR* đang bảo trợ cho *IWMI Viện Quản Lý Nước Quốc Tế* hoàn thành một *Bộ Phận Tổng Hợp _ Synthetizer* có tên là *Bản Đồ Dữ Liệu Dạng Số về Nước và Khí Hậu Thế Giới _ World Water and Climate Digital Atlas* nhằm cung cấp thông tin về thời tiết và trữ lượng nước trên mỗi vùng,

với *điểm ảnh_ pixels* có thể đạt tới độ chi tiết thu hẹp trong nửa dặm vuông. Bất cứ ai từ cấp chánh phủ tới xuống tới các nông gia đều có thể sử dụng bằng cách *tải xuống_ download* từ mạng lưới điện toán *Internet* hoặc qua dạng *CD* do *IWMI* cung cấp.

_ Nói một cách dễ hiểu mà không cần tới *mô hình toán học*, nếu vòng tròn trái đất được tính là 360 độ, thì ở vùng xích đạo *mỗi cung giây* tương đương với 0.2 dặm. Và độ chính xác đạt được hiện nay là 2.5 phút tức khoảng 3 dặm, đủ dữ kiện cho vùng rộng như hạ lưu của các con sông. Mục tiêu hướng tới của IWMI là tăng *độ nét* hay *độ phân giải_resolution* xuống tới 30 giây tức là khoảng nửa dặm vuông đáp ứng cho cả những vùng hẹp của Đồng Bằng Châu Thổ như Đồng Tháp Mười nơi mà tính chất thổ nhưỡng rất là biến thiên.

_ *Bộ Phận Tổng Hợp* sẽ luôn luôn được cập nhật hóa không chỉ về trữ lượng nước, thời tiết mà còn kết hợp với nhiều *biến số khác* giúp nhà nông hoạch định một cách hợp lý vùng đất nào, loại hoa màu nào, mùa nào là thích hợp cho việc gieo trồng và cả không phí phạm nguồn nước.

Không Có Kỹ Thuật Sinh Học _ Nhân Loại sẽ Đói.

Đó là chủ đề thứ ba kết thúc Hội Nghị nhưng thực sự là một cánh cửa mở ra cho tương lai thịnh vượng chung của các quốc gia trong Lưu Vực Sông Mekong. Thuyết trình viên là tiến sĩ Martina, khách đến từ Đại Học Stanford.

Trong dịp về giảng dạy Đại Học Cần Thơ lần này, Duy đã mời được Martina, cô bạn đồng sự thân thiết bấy lâu của Duy _ thân tới mức tưởng như hai người có thể sẽ lấy nhau cho tới khi Duy gặp được Kiều Giang.

Camellia _ Trà hoa mộc là bó hoa Duy chọn tặng Kiều Giang trong ngày cưới, như nhắc lại kỷ niệm của chuyến đi Vân Nam_vậy mà đã cách đây hơn 2 năm. Ngay từ buổi ban đầu mới gặp, Giang đã bị cuốn hút về quan niệm độc đáo của Duy, một ngôi sao đang lên của Đại Học Stanford. Theo Duy thì Đồng Bằng Sông Cửu Long sẽ là cái nôi của nền văn minh Việt Nam bước vào thiên niên kỷ mới do cái *gene* trẻ trung khỏe mạnh sẽ thay thế cho văn minh sông Hồng đã già cỗi suy kiệt và cả biến thể _ *defective gene* nói theo ngôn ngữ Di Truyền Học của Duy.

Tuy là vợ của Duy rồi nhưng các mối liên hệ kiểu rất Tây Phương

ấy của Duy không phải không làm Bé Tư đôi lần phải ghen tức nhất là khi mà những phụ nữ quanh Duy đều là những người đàn bà đẹp như Martina cô gái gốc Ý tóc vàng trẻ trung, hiện là Giám đốc *Chương Trình Kỹ Thuật Sinh Học (Biotechnology Program)* tại Đại Học Stanford.

Cũng nhân chuyến *Du Lịch Xanh* nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long, Martina sẽ được mời nói chuyện tại Phân Khoa Khoa Học Canh Nông và Môi Sinh của Đại Học Cần Thơ về đề tài: *Ứng Dụng Kỹ Thuật Sinh Học Trong Nông Tác.*

Trước một cử tọa gồm ban giảng huấn và đông đảo sinh viên các phân khoa khác, bằng lối nhập đề trực tiếp và sống động Martina nói:

_ Trước hết tôi xin được ngỏ lời công khai cám ơn bác sĩ Duy, người bạn đồng sự của tôi ở Stanford đã tạo cho tôi cơ hội lần đầu tiên được đi thăm Việt Nam đặc biệt là Đồng Bằng Sông Cửu Long trong chuyến *Du Lịch Môi Sinh* đầy kỳ thú. Và điều làm cho tôi xúc động nhất khi được nghe một nhà báo lão thành nói về *Nạn Đói Năm 1945* đã làm chết ngót 2 triệu người Việt _ điều không thể tưởng tượng có thể xảy ra ngay trên một đất nước có một vựa lúa giàu có nhất Á Châu này. Cũng nhân đây chúng ta nên để một khắc tĩnh lặng để truy niệm những nạn nhân oan khiên và xấu số ấy.

Ngay từ phút đầu tiên đầy cảm xúc ấy, Martina đã chinh phục trái tim của toàn thể cử tọa. Cô tiếp:

_ Thực ra từ bấy lâu ở nhiều nơi trên hành tinh này nạn đói như một nạn dịch _ *epidemics* vẫn cứ xảy ra tuy ở quy mô lớn nhỏ khác nhau: như ở nhiều nước Phi Châu, như ở Bắc Hàn ngay bên cạnh Nam Hàn phồn thịnh ...

Bước vào *Thế Kỷ Toàn Cầu Hóa,* trong khi chúng ta vẫn phải cung cấp cái ăn cái mặc cho dân số thế giới ngày một tăng nhanh, để tránh nạn đói nhưng đồng thời cũng phải giảm thiểu tác hại của sản xuất trên môi trường sống đã bị suy thoái tới mức báo động. Rừng ngày một thu hẹp, đất màu mỡ ngày một bị sói mòn, cảnh sa mạc đang bành trướng mau lẹ, không lẽ cứ tiếp tục phá thêm các khu rừng mưa _ *rainforest* ở Lào Cam Bốt hay cầy xới cả những công viên quốc gia như Cúc Phương để không rơi vào cảnh đói kém.

Đã không có một hàng rào ngôn ngữ nào qua trực tiếp thông dịch rất lưu loát của Duy, cô Martina tiếp vẫn bằng tiếng Anh giọng BBC Luân Đôn:

_ Thực ra với kỹ thuật sinh học _ *biotechnology* khác hẳn với lối

canh tác cổ điển, chúng ta có thể tránh được sự hủy hoại môi sinh lẽ ra phải có. Khi biết ứng dụng các *phương pháp phân tử* như DNA tái kết hợp _ *recombinant DNA* và kỹ thuật di truyền _ *genetic engineering*, dùng vi sinh vật và những diếu tố... các nhà khoa học đã có thể sản xuất gấp bội thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao với các sinh tố, các chất chống acít hóa _ *antioxydants*, các chất sợi...

Kỹ thuật sinh học phân tử đang trở thành phổ quát trong thập niên cuối của thế kỷ này. Một ví dụ điển hình, Viện Lúa Gạo Quốc Tế đang nghiên cứu tạo các giống *lúa siêu thần nông* không những có năng suất rất cao mà còn có khả năng chịu hạn kể cả cái nắng hạn của Tây Phi Châu, lại có cả khả năng tự chống sâu rầy đi tới chỗ nông gia không còn bị lệ thuộc vào các hóa chất như phân bón thuốc trừ sâu...

Kỹ thuật sinh học đang chứng tỏ tiềm năng khổng lồ để bảo vệ các nguồn tài nhiên thiên nhiên và cả cải thiện sự thanh khiết của môi trường đã bị ô nhiễm như dùng các vi sinh vật để xử lý rác và các chất phế thải...

Bị cuốn hút vào những điều quá mới mẻ, ông Khắc tự thấy mình là *quá khứ*, ông như đang dừng lại ở bên này đầu cầu Cần Thơ mà tương lai thì ở phía bên kia, phải chăng nói như Sartre *"Cuộc sống bắt đầu từ bên kia bờ tuyệt vọng."*

NGÔ THẾ VINH

12/99

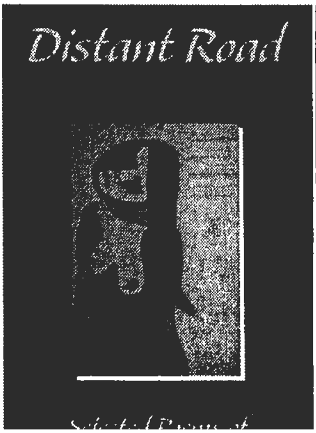

DISTANT ROAD

Selected Poems of

NGUYỄN DUY

Translated by

KEVIN BOWEN & NGUYEN BA CHUNG

US$15.95

CURBSTONE PRESS

HOÀNG NGỌC BIÊN

Tên một quê hương

12:00 12.00 12.00
ta đếm những giây phút cuối cùng của thế kỷ
những giây cuối cùng
sống lại một đời người

năm ông qua đời
thị trấn ấy
đường phố nồng một mùi rượu
lính tây say
bãi chợ sình lầy
những vũng nước mưa in một màu trời
lam biếc

năm ông qua đời
sông nước xanh màu
sâu thẳm
bên kia sông
làng xa đỏ mặt trời
sông không biết chiến tranh
những rừng cây
không biết chiến tranh
vẫn đưa ta vào nơi cổ tích
sáng chiều

năm ông qua đời
đêm nằm võng

ta còn nghe thơm lừng mùi thuốc
đường phố vang tiếng hát
lính tây
(tiếng hát nhịp cho tiếng súng xa)
trẻ em lớn lên
ngủ không biết thao thức
đã biết thao thức
nỗi lo

năm ông qua đời
lá ngoài sân rụng vàng thành giếng
những con chim cuối ngày
lạc tiếng
tìm đàn
bài kinh cầu an buổi chiều
âm vọng những hồi chuông
hàng thông trước chùa vẫn rì rào
nỗi khổ

năm ông qua đời
ngọn gió lào đã qua
ngọn gió khắt nghiệt đã qua
sương trên sông ửng hồng lửa khói
sóng nước nhấp nhô sự bất an
cát bên cồn ánh sáng
lấp lánh
tiếng sáo trưa lạc nhịp giữa dòng
cả thị trấn chìm trong mênh mông
như mảnh đất hoàng hôn
mất trong vũ trụ

năm ông qua đời
bên kia ngày là ngày
những người đàn ông đi dần về phía bắc
núi rừng ngày đêm thắp sáng một ngọn đèn
bên này sông
những người đàn bà cũng có một ngọn đèn
thắp sáng ngày đêm
　　　　sự đợi chờ

nửa kỷ thế kỷ đã qua
kể từ ông qua đời
12:00 12:00 12:00
ta đếm những giây cuối cùng
　　　　của trăm năm
những giây cuối cùng một đời người
những giây cuối cùng những đời người
những đời người trôi trong sương
những đời người trôi trong kỷ niệm
những đời người
　　　　mất hút trong đêm

còn lại gì trong ký ức
　　　　- tên một quê hương?

HOÀNG NGỌC BIÊN
SLC, 12.1999

TN

PHAN NGUYÊN

Ngấn đêm

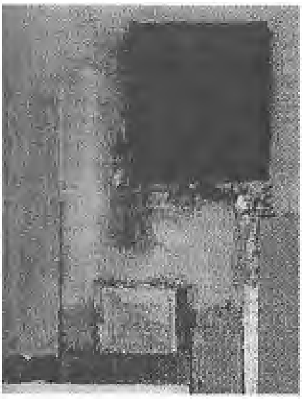

Tê đến lúc nào hắn không biết, lúc nửa đêm hay gần sáng? Nhưng chẳng hề gì. Chỉ biết Tê đến không phải với vẻ đẹp sắc sảo của loài người mày ngài mắt phượng mà của loài cây cỏ muông thú mắt đen nhung. Đã gần như thói quen, Tê có mặt khi hắn làm việc vào những đêm mất ngủ bên gian nhà gỗ, và ngồi cách xa trên mảnh chiếu lá, chân co chân duỗi, ngực để trần, căng tròn một màu da nâu sữa, bất động. Tê không nói thứ tiếng của giống người văn minh nhưng bằng cặp mắt đen nhung óng ánh sao trời, Tê nhìn thấu được tham vọng của hắn như tai hoạ hiển nhiên cho thân phận trước lũ lụt giông bão. Tê đến vào lúc hắn đang tạt mảng sơn đỏ tươi cùng mồ hôi trong vắt xuống mặt vải, thẳng tay vung những nhát cọ như những nhát chém, thân xác chẻ đôi, đong đưa như vượn, vùng vẫy trên khung vải vuông trải ngay giữa nền nhà bóng lạnh. Tê không ngạc nhiên trước bút pháp cật lực bất bình thường kia. Nhưng lạ thay, những nhát cọ sắc gọn vẫn không bật ra âm vang nào, tuyệt nhiên không một tiếng động, chỉ nghe nhịp tim dồn dập gấp rút đuổi thời gian còn tất cả vẫn trượt đi trong khoảng không im lìm, hụt hẫng. Hắn thấy trập trùng

lập lại muôn lần những động tác tưởng là tuyệt chiêu nhưng vô hình vô ảnh, tắt ngấm, lạnh tanh từ bao giờ. Chất dầu hăng mùi nhựa thông lẫn sinh lực hắn vãi trên mặt đất, lan thành một vùng khổ hạnh triền miên không dứt. Và từ xa, Tê lặng lẽ mỉm cười, dõi nhìn những ý tưởng trên tay hắn tuột ra như cuộn chỉ, lỏng lẻo rơi xuống một vũng đen vô vọng rồi mất hút. Không thể nào! Không thể nào!... Toàn thân hắn sôi sục, tròng mắt bỏng rát, mạch thái dương nổi lên, căng thẳng. Không thể chấp nhận được! Hắn hét to và không tự chủ được nữa, bất thần trở cán cọ nhọn hoắt như dao phập một nhát vào cái vũng đen ấy, rồi cứ thế, liên tiếp đến hụt hơi, mệt nhoài. Hắn bật người đứng dậy, thở dốc, cảm nhận rất rõ chất lỏng dính trên tay đang từ từ đặc quánh rồi ngả sang màu đỏ bầm. Màu đỏ của máu.

... Bây giờ thì Tê nằm trên mảnh chiếu lá, cặp mắt đen nhung không còn mở nữa nhưng môi vẫn mỉm cười. Lúc ấy trời vừa hừng sáng, nhưng vũng đen không khép lại mà cứ loang loang ra mãi như một niềm đau xót khôn nguôi.

*

Những năm sống ở thị thành tôi vẫn mơ có được căn nhà thoáng mát như thế, chẳng nguy nga gì nhưng rộng rãi, đủ để chứa hàng trăm tác phẩm tôi quí hơn con đẻ từ bấy lâu. Về đây, sung sướng nhất vẫn là đồi núi bạt ngàn vây quanh, dân cư lại hiền lành như mây trắng, mọi điều gian ác ti tiện ở đời tưởng chừng cứ theo gió mùa mà tan thành sương khói quanh năm. Tôi chiếm căn nhà bỏ hoang nửa gạch nửa gỗ ở lưng chừng đồi kia đã được hai mùa nắng, dân địa phương còn gọi là đồi voi phục, vì từ dưới lên phải men theo mấy hàng đá tảng màu đồng đen, bóng nhẫn, nhìn từ xa có dáng một đàn voi khổng lồ tiễn rồng bay về trời một thuở hồng hoang nào đấy. Trẻ con còn cho là đá đẻávà đồn rằng, cứ mươi năm lại thấy xuất hiện thêm vài tảng quanh đây, dọc bờ suối lượn sau chân đồi và xa hơn nữa rải rác về phía rừng Bằng Lăng tít tắp. Không biết lời con trẻ có xác thực hay không, nhưng những tảng đá nghìn cân vẫn còn trơ ra sương gió, cam phận hình hài nặng kiếp với thời gian.

Nhưng thời gian là canh bạc mà hắn đánh cuộc trên thân xác ngà ngọc và tâm hồn trong trắng của Tê. Vì hắn biết, trong cuộc nhân sinh này, hắn không thể tồn tại mãi mãi, chỉ bằng say đắm cuồng nhiệt một

lần rồi có ra tro bụi, cũng đành.

Lần đầu gặp Tê bên triền đồi, nơi dòng suối xanh róc rách xuyên qua rừng, hắn đã ngây người sửng sốt và manh nha ý đồ chiếm đoạt một vật báu. Với vẻ đẹp sơ khai vừa độ xuân thì kia, hắn có thể tạo nên một tuyệt tác để đời và tất nhiên ngay bây giờ, làm của riêng cho hắn. Trời hôm ấy rất nhiều mây, Tê nhẹ gót trên thảm cỏ lá, tóc chẩy trên vai để thấp thoáng hai đầu vú nhỏ hồng. Vóc dáng tiên hạc đang dạo chơi trong rừng chiều và không biết có kẻ lạ đang ngắm nhìn mình từ xa. Thỉnh thoảng, Tê cúi nhặt vài cành hoa khô dại rồi khoan thai bước về nơi dốc suối. Khi gần chạm mặt, bất giác Tê ngước lên nhìn hắn, ngạc nhiên với đôi mắt rất đen, mi đậm ướt, đủ để hắn lặng hồn rồi vội vã lách sau những tảng đá... biến đâu mất. Hắn cố chờ để làm quen nhưng bốn bề đều lặng im, chỉ nghe một luồng gió mát thốc lên từ phía suối và tiếng chim đập cánh bay xa.

Hắn bỏ ăn bỏ ngủ, xanh xao, tư lự từ dạo ấy, lòng mơ tưởng gặp lại đôi mắt sau này hắn gọi là mắt đen nhung, dẫu chỉ một lần, một lần thôi cũng thoả. Hắn lặn lội dò hỏi khắp nơi, nhưng chẳng ai biết tung tích hay từng gặp thiếu nữ lạ lùng như thế. Ngày ngày ròng rã , không chiều nào hắn không trở lại dốc suối, khắc khoải mong chờ một làn tóc mây trôi. Mọi người bảo nhau là hắn mê dại cuồng si và với khối tình cháy bỏng đó, gỗ đá cũng phải mềm lòng mà bồi hồi thương cảm.

*

Đêm nay là đêm thứ chín. Chín đêm dài bằng chín thế kỷ trần gian mà sao cứ như chớp mắt. Tê lắc đầu thầm bảo tôi đừng đếm nữa, thôi đừng vạch ngấn thời gian lên vách gỗ căn buồng thoang thoảng mùi hoa ngâu, mùi của da thịt nàng. Tê trườn người hôn lên trán tôi, lên mắt, lên má, lên môi để an ủi vỗ về mỗi khi tôi sợ trời lại sáng. Đêm nay hơi lạnh, ngọn lửa trên bếp nhấp nhổm toả hơi ấm và rọi sáng những tấm lưng trần đang hối hả yêu nhau. Tôi vuốt ve làn da óng mát, mịn màng như tơ lụa phủ lên khắp người và ghì lấy từng hơi thở ngọt ngào trên môi. Tê choàng cánh tay ôm lấy cổ tôi lật nửa vòng, rướn cong người với đôi mi khép, rồi nấc lên đón lấy thứ hạnh phúc thuỷ tinh đang trào dâng, dâng mãi, dâng đầy... Tôi vùi đầu vào ngực Tê như con trẻ, áp má lên hai bầu vú êm ái thiếp đi, trong lúc ngoài hiên hình như gió vẫn rì rào thổi, cơn mưa đầu thu vẫn xối xả lên mái ngói từng hồi. Trong giấc ngủ chập chờn tôi bỗng thấy mình bay bổng lên

cao như chắp cánh, gió vù vù bên tai, ánh lửa bếp dưới kia đang nhỏ lại và xa dần. Tê nắm tay tôi bay cao mãi về phía chân trời có màu tím bạc và rõ ràng, đôi cánh chim đại bàng đang phần phật trong gió, xoải thân đưa tôi qua những khu rừng mênh mông, mênh mông, ngút ngàn...

Choàng tỉnh giấc khi trời sáng, Tê đã ra đi từ lúc nào như mọi lần để trở về với hình hài cổ xưa, xa xa có tiếng chim kêu văng vẳng não nề và mùi hoa ngâu vướng vất đâu đây. Qua khung cửa sổ, rừng mù mờ sương, mưa đêm làm ướt đẫm cả thung lũng, khiến tôi một mình ngậm ngùi nhớ nước mắt Tê đã giàn giụa suốt đêm qua, khi biết tôi đang hoạ bức chân dung cho nàng lần thứ nhất...

*

Trọn một đời bôn ba, gọi là tài hoa đa cảm, nhưng chưa bao giờ hắn hao mòn thể xác, tiều tuỵ tinh thần, bại nhược niềm tin vì tình yêu đến thế! Ngay buổi đầu chạm ánh mắt đen nhánh của Tê, lòng hắn đã chơi vơi trống rỗng và mơ hồ cảm thấy danh vọng là gió thoảng mây bay, bao nhiêu năm tháng tiêu hao để ngây ngô trau chuốt loại bóng không hình và dường như, cả sự nghiệp sáng tác hơn mấy mươi năm tâm lực của hắn cũng chỉ là ảo ảnh không tên giữa sa mạc trắng xoá. Qua cặp mắt ngây thơ vô tội của thiếu nữ, hắn tiếc thời gian đã vội vàng cướp đi tuổi trẻ tinh khôi và xót xa nhận ra rằng, đã chưa một lần thực sự yêu ai...

Tê trở lại dốc suối thân quen một hôm hắn chỉ còn da bọc xương, ngồi gục đầu lên một phiến đá mê man quên cả đường về, trông rất thảm thương. Tê dìu hắn lên nhà đồi ân cần chăm sóc, lo lắng thuốc thang, mài thân làm bột hoà với nước suối cho uống. Khoảng vài ngày sau hắn đã hồi tỉnh, da dẻ hồng hào và sức khoẻ gần như bình phục. Hắn vui sướng ôm Tê vào lòng, cảm động rơi nước mắt khi biết Tê chính là chủ nhân của căn nhà nửa gạch nửa gỗ bỏ hoang, hằng đêm, vẫn âm thầm ngồi bên cạnh hắn, am hiểu tỏ tường mọi nỗi buồn đau như mảnh tâm linh trong suốt từ ngàn năm hiện về...

Rồi hắn yêu Tê như chưa bao giờ được yêu, làm tình với Tê như chưa bao giờ được làm tình, quên cả ngày đêm, nồng nàn, ngây ngất, vô tận. Hắn chiều chuộng từng tấc da tấc thịt, nâng niu từ gót chân đến ngọn tóc và mê mẩn nhất, ba ngấn tròn màu son như đeo vòng ở cổ chân, khác người. Có lần hắn gặng hỏi nhưng Tê cũng chỉ cười. Trên

cõi đời này chắc chắn chẳng còn ai, chỉ còn Tê và hắn với mùa thu đang đến.

Chỉ còn tôi với nàng và mùa thu rực lửa trên từng ngọn lá. Thu đến đột ngột lạ kỳ. Mới hôm qua đồi núi còn xanh rì mà nay đã lung linh vàng đỏ, ửng cả khung trời. Tôi ngỡ không gian đang thay màu đổi sắc, để vui mừng cho một cuộc tình dài mãi trăm năm, cho dòng suối xanh chẩy xiết trong tâm hồn, hay cho những giọt rượu nồng đang ngấm ngầm say trong từng huyết quản. Tôi yêu Tê tha thiết, nhưng không hiểu sao Tê lại chan hoà nước mắt khi tôi nhất định giữ lại nét dung nhan của nàng, để cho đời sau bằng đầu ngọn bút. Tê khóc nhiều cả đêm đến sáng, nhưng rồi cũng nguôi ngoai, vẻ độ lượng, cảm thông, cam chịu...

Bây giờ thì hắn hiểu, Tê là hiện thân của chuỗi thời gian đã mất, là tiếng kêu thương của rừng thiêng nguyên thuỷ vọng về, là vẻ đẹp hồn nhiên thơ dại hiển hiện trong mộng tưởng, từng đêm, hắn khát khao vươn tới nét chân thật, nét tuyệt mỹ của con người. Tê là tất cả. Và hắn không thể giữ được dung nhan những cõi hồn trong sáng, cô đơn nơi mảnh đất hoang vu này. Khi cặp mắt đen nhung đã khép với đôi môi vẫn mỉm cười, hắn chợt hiểu là Tê đã ra đi vĩnh viễn. Hắn vừa giết đi, trong đêm đen điên cuồng, một kiếp hồn thạch đá hiển linh. Hắn kêu gào thảm thiết, đau đớn, khóc than, thương tiếc, rồi nhất quyết nổi lửa đốt căn nhà bỏ hoang cùng toàn bộ tác phẩm mấy mươi năm hết lòng gìn giữ. Hôm ấy, đất trời phủ trùm một màu tro hiu quạnh, u ám thê lương, rồi cơn mưa bất thường đổ xuống, ào ạt như thác lũ. Hắn cõng xác Tê lao thẳng xuống đồi, mất dạng, biệt tăm vào rừng sâu thăm thẳm.

*

Trên đống tro tàn bên sườn đồi voi phục, ngày nay sừng sững một tảng đá nghìn cân màu đồng đen bóng nhẫn, ba ngấn tròn đỏ son chạy vòng quanh như ba vòng kim cô siết chặt lấy đời người.

PHAN NGUYÊN
tháng 11 / 1999

ĐỨC PHỔ

Đêm cuối, cùng thế kỷ

Ta về qua ngõ vắng
đêm tối lửa tắt đèn
ví xưa đừng ước hẹn
đâu bận lòng nhớ mong.

Ngõ quen giờ bỗng lạ
người gần giờ bỗng xa
rót tràn chung tiễn biệt
uống tràn nỗi can qua.

Mai rồi ta mạt kiếp
hồn còn vương vấn sầu
đêm cuối, cùng thế kỷ
lệ biết chảy về đâu ?

Thắp đầu môi ngọn thuốc
đốt mãi tình không già
sao nghe hồn giá buốt
thương trái tim không nhà.

Đêm nay trọ quán vắng
men buồn thấm ướt mi
cố nuốt cơn mộng đắng
ôi còn đâu! Xuân thì ?

Ta về qua ngõ hẹp
nghe hồn miên man buồn
đêm cuối, cùng thế kỷ
bỗng dưng thèm: Cố nhân!~

ĐỨC PHỔ
(99-2000)

FERNANDO AINSA

Số mạng của Hector

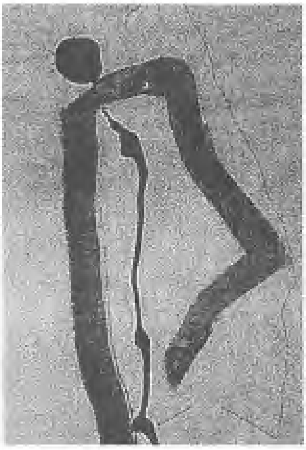

Fernando Ainsa sinh năm 1937 ở Tây Ban Nha, đã sống ở Uruguay giữa những năm 1952 và 1970. Là tác giả của nhiều tiểu thuyết và tiểu luận đã được dịch ra Pháp văn. Từ 1974 sống ở Paris và từng là công chức UNESCO.

Hector vừa giam mình trong chòi. Cửa lớn và cửa sổ đều đóng, chắc có điều gì khác thường trong mấy hôm nay. Mũ sụp xuống mắt, điếu thuốc cầm trong tay phải, gã dán mắt vào cây xà cao nhất trên trần ám đen vì nhà không có ống khói. Trong vẻ trầm tĩnh của mọi cử chỉ biểu hiện một niềm tin mãnh liệt do tập trung ý chí. Nếu gã cầm điếu thuốc ở bàn tay phải, thì bàn tay kia trong túi quần nắm chặt cái vé số mà gã hy vọng là sẽ thắng được con ngựa màu xám vàng tuyệt đẹp.

Khi con vật được dắt đi dạo trong đường làng, vừa thấy nó là Hector có cái ham muốn không kìm được, và vô lý nữa. Gã tức khắc cảm thấy bị thu hút bởi bộ áo loáng bóng đến rùng mình của nó. Gã quyết định mua và hỏi giá.

Lắc nhẹ đai yên ngựa, Matias nói với Hector :

- Nó không có giá. Con ngựa xám vàng này không bán, ai mà thắng giải tombola thì được nó thôi.

Bây giờ thì ai cũng rõ là - bởi vì chắc Matias có kể trong quán cà phê - Hector đã nần nì mãi như thể không hiểu :

- Cho biết nó đáng bao nhiêu, tớ trả. Tớ chịu nó quá.

Matias giải thích :

- Tớ thì, công việc của tớ là tổ chức các giải tombola với những con ngựa thuộc loại này đây... Có may mắn hay không là việc của người khác.

Và Matias sững sờ khi Hector quay gót bỏ đi mà không hề mua vé nào.

Chúng tôi, những người hay tới lui quán cà phê Jimenez, đã cắt nghĩa cho Matias rằng không bao giờ Hector thử thời vận nữa đâu, bởi từ lâu gã tin là mình không bao giờ có may mắn. Gã từ chối tất các trò chơi may rủi từ khi người ta đọc các đường chỉ trên tay gã. Gã không bao giờ chơi cá độ nữa, khinh bỉ các trò chơi tombola và xổ số, và xem thường tiền đặt cùng các trò gian xảo trong quán cà phê. Để đáp lại sự nhạo báng về thái độ "thiếu nam tính" của mình, gã chỉ mỉm một nụ cười ngạo nghễ.

Mọi việc xảy ra như thế này : Hector tin một cách mù quáng cái điều cô gái sống lang thang với giọng đặc sệt Bồ Đào Nha đã nói, vừa nói vừa lướt nhẹ các móng tay dài bẩn thỉu của mình trong lòng tay gã :

- Anh sẽ rất thành công trong đời, mọi cái sẽ đến với anh do sức làm việc và do lòng chân thật chớ không do may rủi. Cái gì do may rủi sẽ mang lại cho anh bất hạnh.

Và để chứng thực những gì mình nói, cô gái chỉ cho gã cái đường chỉ taykhúc khủyu của sự rủi ro trong trò chơi may rủi và đường thật sâu của những lợi lộc gã sẽ có được nhờ sức lực và ý chí của mình. Cứ mỗi lần chúng tôi cố thuyết phục Hector chơi cái gì, gã đều nhìn vào lòng bàn tay để xem với thời gian, các đường ngang dọc có khác xưa không. Nhưng những đường chỉ định mệnh không bao giờ thay đổi.

Khi chúng tôi kể những điều này cho Matias, Matias đưa cao ly rượu lên và thề là sẽ không rời khỏi El Paso nếu không bán được cho Hector cái vé. Không ai bị quyến rũ bởi bộ vó nóng hổi của con ngựa này như Hector. Làm sao gã có thể bỏ qua một cơ hội như vậy để thắng con ngựa ? Matias hết vé rồi, tất cảdân làng đều ít nhiều tham gia vào trò chơi, vậy mà anh ta thề là sẽ không để yên Hector.

Cuộc đọ sức khá đặc biệt giữa hai người bắt đầu như vậy, với ý muốn hoàn toàn đối nghịch : người muốn bán và người không muốn mua.

Không có gì lạ lùng nếu Hector gặp Matias và con ngựa rất nhiều lần. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên nếu Hector nghe tiếng hí sau cánh cửa và chợt thấy trên cửa kính in bóng một cái bờm. Trong những cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy, Matias không quên nhắc khéo Hector với nụ cười khả ái nhất của mình, rằng anh ta hãy còn vài cái vé, và rằng cứ mỗi ngày trôi qua, số vé giảm đi chừng nào thì cơ may của Hector cũng sẽ giảm theo chừng đó.

Tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng tới ngày xổ tombola, Matias vẫn không đạt được như ý, thì một buổi sáng, mọi người nghe nói Nilda - con gái của Sébastien và Na Catalina, chuyên môn đủ trò phù phép - trở về từ biên giới phía bắc, với nhiều cách ứng dụng mới mẻ. Sáng hôm đó, Hector đi tìm cô ta với vẻ bướng bỉnh đến nỗi ai cũng không dấu được ngạc nhiên. Tiếng đồn lan rất nhanh trước vẻ nghiêm trọng của Hector và vẻ an nhiên bất ngờ khi từ giã Nilda sau một giờ trò chuyện. Anh ta vào cà phê Jimenez ngay với vẻ quả quyết và gợi chuyện Matias lúc đó đang uống bia lạnh ở quầy. Chúng tôi chứng kiến tất cả, và ai cũng nhận thấy là Matias chờ đợi cơ hội này từ lâu. Nếu mọi việc đang thay đổi thì rõ ràng là người này cũng như người kia đã đoán thấy trước rồi.

Những gì Hector và Nilda đã nói với nhau, mọi người đều được biết cũng chính từ miệng cô, vì cô ta hấp tấp muốn chứng minh bằng thực tế những gì cô ta đã học được. Cô ta kể rằng Hector tới hỏi là điều cô gái sống lang thang đã nói về chỉ tay gã, có đúng không. Cô ta bèn cầu khẩn Xango, thần bổn mạng của Hector, và ném mấy con ốc sên giữa các đốt tay của Ogun và bảy đường Umbanda. Xem cách bố trí của chúng, cô ta cho rằng không có gì bất lợi cho gã, và rằng tất cả đều tùy thuộc vào sức mạnh tinh thần và sự tập trung tư tưởng của gã thôi. Bởi vì sự thiếu niềm tin luôn luôn giết chết cái may mắn, và chỉ nhờ khả năng của tư tưởng mà người ta có thể lôi kéo cái may mắn này khiến cho các con số trên vé tombola của mình trùng hợp với những con số sẽ trúng. Rồi để cho lời mình thêm đáng tin cậy, Nilda kể là đã làm lại nhiều lần các trò phù phép đó trước mặt Hector.

Nilda nói Hector không hoàn toàn tin tưởng cô ta vì gã chìa cho cô xem lòng bàn tay với đường chỉ bất hạnh, mà đối với gã đó là một lý lẽ không bác được. Dường như chính Nilda cũng thấy nghi ngờ nên một lần nữa lại ném ốc sên vào các đốt tay rồi xác nhận rằng với một ý chí sắt đá, người ta có thể hay đổi những đường chỉ tay định mạng. Cô ta nhắc đi nhắc lại là Hector phải có sự tin tưởng vào khả

năng tư duy của mình.

Cô ta nói thêm :

- Không có gì sắp đặt trước cả. Và nếu ta tin rằng có gì sắp đặt trước thì tinh thần ta có thể xoá bỏ cũng dễ dàng như khi nó được viết ra vậy.

Chính nhờ sự tin tưởng và sự bảo đảm mới từ Nilda mà Hector đã vào quán cà phê và tới thẳng chỗ Matias. Chúng tôi không ngạc nhiên gì khi nghe Hector bảo Matias :

- Lấy quyển sổ chết tiệt của cậu ra và cho tớ bất kỳ con số nào cậu muốn, bởi vì đó sẽ là con số trúng giải và con ngựa sẽ thuộc về tớ thôi.

Matias bán cho Hector một vé và nhìn gã bỏ đi, với một nụ cười mãn nguyện. Hector đi ra, cái vé nằm trong túi quần trái, chẳng chào ai cả. Lúc đó chúng tôi hiểu là đối với Hector, trò chơi đã trở thành xác tín.

Và chúng tôi cũng bị khắc phục ngay : nửa giờ sau, Hector tới tiệm mua hoa cỏ để làm maté, mua thuốc lá, xúc xích và bích-qui. Không một lời hay cử chỉ gì khác, gã tự giam mình vào chòi.

Và bây giờ gã nằm đó, điếu thuốc trong tay mặt, tay trái luôn luôn trong túi quần, mũ sụp xuống trán, mắt dán chặt vào cây xà cao nhất của căn chòi. Đó là hình ảnh trông thấy mỗi lần chúng tôi liếc nhìn qua khe hở cánh cửa.

Ban đầu mọi người đều chế nhạo. Trẻ con đập vào cửa và la lên : "Có cháy ở El Paso", hay giả cảnh sát. Nhưng dần dà, với sự im lặng lì lợm, gã chiếm lòng tôn trọng của mọi người. Ba ngày trước hôm xổ tombola, mọi người im phắc khi ngang nhà gã, có người còn phóng đại bước trên đầu ngón chân như thể sự yên tịnh sẽ thực sự giúp gã tập trung tư tưởng và kéo may mắn tới cho con số trên cái vé, số 342, con số mà gã bất động để vừa miên man nghĩ tới, vừa hút thuốc.

Nếu sự chế diễu nhường chỗ cho lòng kính trọng, vài giờ trước khi xổ, một nỗi lo âu và bứt rứt bất thường xâm chiếm chúng tôi. Ngay cả Matias luôn luôn tự mãn, dường như cũng muốn chấm dứt cái trò xổ số tombola với ngựa này phứt cho rồi, và rời làng đi tới nơi nào mà trò may rủi không phải là một cuộc chạy đua ghê gớm như vậy. Matias ngồi suốt ngày ở cà phê Jiminez, trả lời nhát gừng những câu hỏi lo âu của chúng tôi và dường như chỉ chú tâm tới mấy giây phút ít ỏi còn lại se tách anh ra khỏi cuộc xổ số cùng số phận của con ngựa đã dắt đi diễu, với biết bao kiêu kỳ.

Tôi chắc là không ai làm việc ngày xổ số. Tôi cũng chắc

rằng cả làng im lặng theo sau Matias khi Matias đi tới trường, mang theo một quả cầu tròn đầy số, trẻ con leo bám trên mép cửa sổ lớp học cố xem nghi lễ sắp diễn ra. Ông hiệu trưởng là người bảo lãnh cuộc xổ: thằng bé Romualdo Perez quay quả cầu và con bé Celeste bốc một tờ rồi đọc to con số lên cho chúng tôi nghe cái điều mình hy vọng từ khi Hector mua vé, tức là số 342.

Sau cơn nhẹ nhõm, một nỗi lo âu dữ dội xâm chiếm cử tọa. Tiếng xầm xì theo sau tiếng rao của Celeste con số 342 bỗng loãng nhạt đi và chúng tôi hoàn toàn bất động. Nhiều giây, có lẽ nhiều phút trôi qua trước khi Matias lấy con số để kiểm chứng cái điều tai đã nghe, và ông hiệu trưởng nói :

- Đúng, đúng là số 342.

Và tất cả chúng tôi cùng đồng thanh lặp lại : "Số 342", như thể không một con số nào khác có cơ may thắng được, như thể trong cái tranh tối tranh sáng của căn chòi mình, Hector đã biến tất cả các số trong quả cầu tròn thành con số duy nhất 342 vậy.

Rõ ràng là như một đám rước đi theo Matias, tay nắm bộ dây cương. Hầu như toàn thể dân làng dừng lại trước cửa chòi Hector mà không ai dám lên tiếng gọi gã. Vicente tới gần nói:

- Hector, cậu đã thắng con ngựa.

Và vì không ai trả lời, anh ta nói thêm một cách trịnh trọng:

- Tớ xin thề trên sự bình yên phần hồn của vợ tớ đấy.

Chỉ lúc đó mới nghe tiếng kọt kẹt, rồi những bước chân chầm chậm, và cuối cùng là then cửa đẩy ra.

Hector xuất hiện ở ngưỡng cửa y hệt như lúc bắt đầu sự ẩn cư : điếu thuốc trong tay phải, tay trái trong túi quần, mũ ấn sâu xuống. Không nói gì, nhưng khi mắt bắt đầu quen với ánh mặt trời, gã dán mắt vào Matias, không quên đảo mắt qua con ngựa trước đã, như thể muốn kiểm tra xem có đúng con vật ấy và nó có mạnh khoẻ không.

Sự việc tiếp theo đối với chúng tôi là một điều khiêu khích dường như vô ích của Matias, bởi vì tới lúc đó mọi người đều tin chắc rằng lời khuyên vững chải của Nilda và sự tập trung tư tưởng của Hector đã đóng vai trò quan trọng. Dĩ nhiên là chúng tôi quên bẵng lời tiên đoán của cô gái sống lang thang giọng đặt sệt Bồ Đào Nha về chỉ tay Hector. Matias vừa trao cho Hector dây cương vừa nói với vẻ bực tức :

- Cầm đi, nó thuộc về cậu đấy. Nhưng đừng quên là tớ đã sắp đặt trước với Nilda để cô ta nói những điều như cô ta đã nói với cậu cho tớ bán được cho cậu cái vé.

Hector không trả lời. Ném tàn thuốc, gã cầm dây cương

TRẦN SA

N.

người buồn như đứa con vắng mẹ
tôi buồn như đứa mẹ không con
tôi lạnh lắm bởi người đang rất rét
hai đứa cùng chia một chiếc chăn đông

người cứ khóc cho tôi còn biết khóc
lệ của đời là lệ của nhau thôi
những giòng lệ đã rơi thành châu ngọc
tôi về đeo lộng lẫy cuối chân trời

ở góc bể hồn tôi người mới gặt
hãy còn nương trên đấm đuối môi tươi

TRẦN SA
12.99

ngựa và chậm chạp như thể bị đau, rút tay ra khỏi túi quần.

Trong tay gã là tờ tombola, chúng tôi nhìn thấy bàn tay đẫm máu, da trầy trụa, hoàn toàn rách nát kiểu không để dấu vết của đường chỉ tay nào, như thể số mạng gã đã được bôi xoá đi bằng cách duy nhất của người đời: sự đau đớn.

MIÊNG
Paris, Oct. 1996.
Dịch từ bản tiếng Pháp "Le destin d'Hector"
của Catherine Guiloineau-Hubert

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Nhện

Ô nhện, nhện cái và nhện đực, nhện cả và nhện con. Nhện đen sì mặt sắt, nhện lông lá lổm chổm lờ nhờ, hai mắt lòi cú vọ. Nhện tơ mơn mởn lông măng, eo thon đít cong, mắt tươi vút, giọng cười linh hoạt đong đưa. Nhện già to sụ, sức vóc, đi đứng chậm chạp. Phát ra tia nhìn lừ đừ hung hãn. Nhện phải và nhện trái, nhện hắc, nhện bạch. Thiệt là, thiệt là rắc rối. Nhưng bánh xe cứ vậy quay quay, màng nhện cứ vậy phải se se, tơ giăng mắc, mắc mình, mắc người, mắc mồi. Ồ ruồi, ồ muỗi, ồ sâu bọ gì, miễn là mồi. Mồi thì sống, không mồi thì chết, buồn vui, sướng khổ, sợ lo, may rủi, số phận đãi đưa hay phụ rẫy, chỉ là mồi. Không bận rộn vì mồi thì làm gì cho hết đời?

Bây giờ thì Keo đã có chồng, có năm con và có hai cháu đề huề rồi. Ở Huê kỳ gần hai mươi năm, cái ngày khủng khiếp Pathet Lào lên nắm chính quyền, nước láng giềng Khơ me đang loang máu vì Pôn Pốt, Souk đã ra khỏi nước hun hút làm việc cho Liên hợp quốc. Xa vời, nhưng rồi Souk cũng ra sức bảo lãnh vợ con. Cái lúc Keo lại mang bịnh phong ngứa ở chân và thằng Boun mới một tuổi rưỡi, bây giờ nó đã là Mỹ với tên quốc tịch là David Sayasithsena, lấy vợ Mỹ và cô vợ tóc vàng mắt nâu lớn con hơn nó một cái đầu này đã sanh cho gia đình ba năm hai đứa con gái, lớn hơn tuổi David lúc nó mới ra khỏi nước. Bây giờ, Keo dựa thế lực và quen biết của chồng đã vào dạy tiếng Lào ở một trường của chính phủ liên bang Mỹ, lương lậu nghề nghiệp đều đã ổn định. Bây giờ, tình gia đình có tăng thêm vì đông đúc thêm, mà

tình vợ chồng lừ đừ phai nhạt không ra phai nhạt và đậm đà không ra đậm đà.

Thời kỳ tắt kinh kèm theo những mỏi mệt vì bịnh cũ tái phát, vì cứ sanh con, nuôi con, và làm việc để thích nghi với đời sống nhiều thay đổi, bây giờ Keo cơ thể khô róc giảm hết ham muốn tình dục. Đi với nhau, mấy lần Keo thấy tận mắt ánh mắt chồng sáng bừng lên mỗi khi có bóng đàn bà trẻ đẹp lướt ngang. Ánh mắt nhắc Keo thời làm vợ làm người tình đã cáo chung, và vợ, một tên gọi mờ nhạt vô hình vô ảnh, di động ơ thờ không ý nghĩa. Có lẽ với Souk, căn nhà, nơi trở về sau những buổi ngày làm việc hay dong chơi mệt mỏi. Bếp núc, cửa hàng cung cấp thức ăn quen mùi, quen miệng, an toàn, và có thể miễn phí. Tổ ấm, uyên ương, xài mãi thì phải cạn. Xe chạy hàng tuần phải đổ xăng, thức ăn tiếp máu cho cơ thể người, còn tình yêu đàn ông đàn bà biến thành tình chồng vợ, lấy con cái, tiền bạc, nhà cửa bù đắp được không?

Keo chưa hề muốn thử lấy lại tình yêu từ chồng, nhưng thử khơi lại lòng yêu của mình, Keo cũng thấy khi đầy khi vơi khó biết. Bên cạnh cảm giác chồng là sở hữu bất khả xâm phạm, tự nhiên đưa đến thói quen ghen tuông bực bội, có chút đạo lý cho phép người đàn bà có quyền và nên canh giữ chồng, thật ra Keo yêu chồng được bao nhiêu? Những vinh nhục bỏ qua, những hờn lẫy không được vỗ về, những khát khao không được đáp ứng đúng lúc và đúng chỗ, chồng chất lâu ngày dẫn đến lý luận xà quần hờn lẫy, hắn không còn yêu tôi, tại sao tôi lại phải yêu hắn?

Nhện cái nhện đực, ngày ngày se tơ dệt cửi. Đàn nhện con từ những bọc trứng trắng xóa nở bung ra thành trăm ngàn triệu những nhện bé, trong lòng đã chất chứa rối nùi tơ. Giăng tơ bắt mồi, nuốt trửng mồi để lấy sức làm tơ, dệt tơ để nhăng nhện. Nhện giăng mắc khắp nhà, góc cây, xó củi, cực nhọc quăng mình từ hóc này sang hẻm khác, đi đi lại lại mắc cửi lo toan.

Lưới càng dày càng chắc, càng dễ dính mồi. Tơ càng buông càng dài càng dễ dàng được gió đẩy đưa. Móc dính móc ngoặc. Tham vọng mở rộng mạng lưới toàn cầu, nhện nào cũng có, và cứ loại mồi nào ao ước là tùy theo mộng lớn mộng con và lục phủ ngũ tạng mỗi loài.

Hòa sang Mỹ năm 19 tuổi, trước hơn tất cả những phong trào vượt biên, vượt biển, hát ô, ô đi bộ, ô bảo lãnh và ô đi ghe. Thơ ký đánh máy tại căn cứ Mỹ Long Bình, cặp bồ với William Smick phó phòng nhân viên, thế là đám cưới tiệc mặn, Bill mặc áo thụng xanh, đầu trần vì đầu to quá không mướn được cái khăn vừa, rồi thế là đi. Sống với cò nhà đất Bill, về Mỹ, Bill giải ngũ làm cò nhà đất, Bill làm

giàu được cho Hòa một mớ vốn liếng từ vựng Mỹ, và giọng nói phát ra từ mũi, và cái thói quen đi ngủ trần truồng, dù là trong những mùa đông lạnh cắt thịt nhất của Bắc Mỹ. Qua những cuộc tranh cãi nhau tới cái độ phải văng vào mặt nhau những từ con chó con mèo và các cái, con thô tục nhất, vì cái tội Bill hay ngủ lang với mọi loại đàn bà, Hòa ly dị với bằng chứng trình tòa, cuộn băng vi đê ô thuê thám tử tư thu cảnh Bill ngủ lang, tòa xử Hiền lãnh căn công đô về ở một mình. Và lấy Việt. Và cũng không ngờ ngày lại càng quyến rũ được anh trai mít này vì thói quen ngủ truồng của mình. Hòa sinh con trai rồi con gái cho người chồng đồng chủng, nuôi dưỡng thờ kính mẹ chồng trong nhà đủ phận dâu con bắc kỳ chính cống, dù Hòa sanh đẻ và xuất thân trong gia đình mấy đời ruộng rẫy miền nam. *Kính mẹ, con xin kính mẹ, thưa mẹ, mời mẹ xơi cơm* từ từ biến thành *bà, bà ăn cơm trước đi, bà, bà trông dùm các cháu tối nay tôi phải đi tiệc, bà, bà khó tánh quá, thôi bà tự nấu lấy cơm mà ăn đi* lúc nào không biết. Nhưng với Việt, Hòa trước sau như một, vẫn một mực *dạ, dạ, em đến ngay bây giờ, dạ, dạ phải, mai anh có thích bê thui, để em đi chợ*...Thì vẫn *em em dạ dạ* ngọt ngào, vẫn ngủ truồng, nhưng hai mươi năm rồi, Việt phải mỗi ngày một khác. Làm ở US Airways, lúc này Việt tha hồ đi mây về gió. Khi đi họp, khi đi công tác cho hãng, khi hội ái hữu các trường tây, vé máy bay tốn sá chi vài ba chục bạc. Việt còn lấy cả giấy đi Miami tắm biển một mình, hay với ai?

"Đám cưới xong, bà dọn về ở, để cho con Hòa nó hầu bà."

Bà chị chồng dặn thế trong hôn lễ, Hòa đã làm không nề hà. Đái đường rồi cao máu, vẫn thui thủi đi bác sĩ một mình. Chiếc gối ôm lù lù ngăn hai giường ngủ hai vợ chồng lúc nào không biết, tật ngủ truồng của Hòa cũng từ từ biến mất, Hòa hay buồn, hay mệt, mi mắt sụp xuống, những vết nhăn chân chim đã bắt đầu thấy rõ. Giải phẩu thẩm mỹ để kéo xếch mắt lên Hòa cũng đã nghĩ đến, nhưng rã rời.

Tâm sự với Keo:

"Hôm qua thằng chồng tao nó bảo tao: người gì đâu mà không có sở thích."

Hai người đàn bà lườm nguýt một người vô hình thứ ba.

Hòa lục giỏ móc ra tấm vé nhầu nát:

"Nó lén đặt vé hai chỗ đi Las Vegas đánh bài, cùi giấy rớt ra trong máy giặt, tao lượm được."

Điện thoại reo. Hòa quờ tay bắt phôn, gọi Keo. Keo trả lời xong trở lại câu chuyện.

Năm phút sau, điện thoại lại reo, hê lô, hê lô, ai đó, lại Souk gọi Keo.

Hòa đùa, mỉa:

“Hôm nay chồng nó nhớ mày dữ, năm phút gọi một lần, hả?”

“Xe nó hư máy...,” im lặng một lát, “không, không còn chuyện nhớ tao nữa đâu!”

Lê đi vào, hai cái miệng im bặt.

Phòng làm việc, ba người đàn bà không ưa nhau nhưng phải ngồi chung. Một Lào hai Việt, không nói, nhưng mặt trận ngầm hai chiến tuyến: hai người ghen với một người có chồng vốn là giáo sư đại học, giờ đã về hưu lại ngày ngày chăm chỉ đưa đón người vợ trẻ...

Lê văn minh hẹn nhau ở một thành phố lạ. Cứ lấy khách sạn riêng ở riêng như hai người chưa từng quen, hẹn nhau ở nhà hàng Le Canard, Quân biết nhà hàng đó trong một lần công tác trước, đọc địa chỉ cho Lê, có thể Lê sẽ tự đến bằng xe tắc xi. Một nhà hàng Pháp ít có Việt nam vãng lai. Vẫn giấc mộng mơ màng lúc nhỏ, làm sao hai đứa đi ăn với nhau được một lần ở La Frégate có sóng biển rì rầm?

Lê đến, áo choàng đen to sù khăn lông quàng kín cổ, rõ là dân xứ lạnh, mập hơn xưa khá nhiều, tóc đen nhưng cắt ngắn, Quân nhận ra ngay.

“Em ngồi xuống đây đi.”

Thức ăn và rượu đã dọn ra, cả hai vẫn ấp úng chưa biết phải bắt đầu nói gì. Chuyện lơ đãng bâng quơ, bỗng nhiên Quân bắt được một chuyện:

“...Đóng quân ở B.S, suốt ngày phải thủ chặt trong doanh trại, vùng đất nổi tiếng là du kích hay về bắn sẻ, anh em trong đồn lúc nào cũng căng thẳng. Dòng sông trước mặt chảy qua, lặng lờ, lơ lửng, khiêu khích. Ngày cuối, mai lại là anh sẽ đi phép nửa tháng ở thành phố, rồi sẽ chuyển qua một mặt trận khác, miền tây.”

Lê vẫn chăm chú, câu chuyện có thể hấp dẫn, Quân tiếp:

“Kỳ lạ, anh khao khát không cưỡng lại được muốn xem dòng sông trước mặt, sẽ chảy về đâu, đi tới đâu, anh quyết định lấy một chiếc xuồng con bơi dọc theo sông, mặc kệ bọn bạn và binh lính mê tín trong đồn gầm gừ, *chắc thằng này ông này tới số, bao nhiêu sĩ quan cứ bỏ mạng trong những ngày cuối.* Sông chạy vòng quanh doanh trại uốn khúc giữa hai bờ đất đỏ, rồi vào tận làng mạc xa. Hai bên, hàng dừa nước thân tươi mập mạp, có một khoảng đất sạt lở mấy cây nâu gục chết do máy bay oanh kích, rồi lại tiếp tục một vệt xanh tươi nờm nợp. Về đâu, nước sông trong vẫn chảy, lác đác bóng nhỏ những người đi chợ xa đội, gánh đã về, lao xao tiếng khoác nước, tiếng bước chân hình như vội vã, anh vẫn cứ muốn chèo, chèo nữa, chèo mà đi. Hai người lính đi theo kêu thảng thốt, đại úy, đại úy đừng đi nữa, sắp tối

mất rồi, đi mãi, sông sẽ chảy tận sang Lào...Anh trở về hoang mang. Tiếc nuối và hụt hẫng..."

Lê ngã người trên ghế, mắt lim dim nhìn Quân, giọng lạc đi nhưng không dấu được vẻ kiêu hãnh ngấm ngầm dẫu đã cố tình hạ thấp giọng xuống thì thào:

"Thật ra mấy chục năm rồi anh vẫn chỉ đi tìm em."

Tiễn Lê lên tắc xi ra về, Lê có vẻ nghẹn ngào và hơi sửng sốt. Biết làm sao, nhện giăng tơ, Quân đã mắc những lần lúng túng vùng vẫy mới ra khỏi lưới. Thuở mười bảy, Quân bỏ học, bỏ nhà đăng lính, để cho Lê cũng mười bảy, tươi tắn lên xe hoa lấy chồng giáo sư đại học. Chuyện lưới tình như vở cải lương lẩm cẩm, nhưng trái tim tươi non thuở ấy một lần tổn thương không lành lại được.

Lê, mắt kính Lê lấp loáng, vẻ non dại xuân thì thuở ấy giờ đây chắc đang thuộc về con gái của em. Mà Quân, Quân vẫn ôm ấp hình ảnh của Lê nào. Có lẽ còn chút môi, khóe miệng còn vướng chút cũ càng, Quân thường chăm chú nhìn khóe môi khi Lê nói, và thả hồn bay tưởng tượng. Dãy bàn học con gái trước dãy bàn của Quân, mái tóc đen xõa dài, hai vai gầy nhỏ mong manh.

Tắc xi đem Lê chạy xa rồi, đêm phủ xuống chập chùng, Quân chập hai tay buốt lạnh của mình lại với nhau, còi xe cứu hỏa ở đâu ré lên bất tử. ·

Ơ nhện, nhện đực và nhện cái, nhện tơ và nhện lão, nhện hắc ín và nhện bạch tạng, nhện giăng tơ, tơ đan lưới nhện, chằng chịt nhập nhằng. Hơn nửa đời người, chỉ là nhện chờ mối ai thôi, Lê bảo vậy. Chỉ vậy thôi a? Nếu chỉ có thế thì...

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

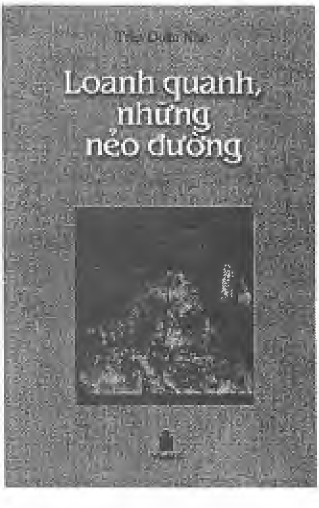

KÝ TRẦN DOÃN NHO
Loanh Quanh
Những Nẻo Đường

Giá 10MK. Ngoài Mỹ 12MK

VĂN MỚI *xuất bản*
VĂN NGHỆ *tổng phát hành*

DUNG NHAM

Để, không làm gì cả

Tôi là một xác chết, trần truồng trong phòng hơi ngạt
Xếp đống trên xe đưa đến lò thiêu
Để
không làm gì cả.

Tôi là một thằng chõng trôi trên sông nước
Mắt bịt - tay chân trói - sọ bể
Tôi trôi bềnh bồng - không người vớt -cho đến khi tan rã.
Để
không làm gì cả

Tôi là
một tội đồ bị trói vào cột hành hình - mắt miệng bịt kín
một tội đồ ngồi trên ghế điện - tay chân cột chặt
một tôi đồ đứng dưới giá treo cổ
- đầu tròng vào thòng lòng
sắp bị hàng chục viên đạn găm vào tim
sắp bị cho điện giật, bị tiêm vào người thuốc độc
sắp bị treo cổ lên
Để
không làm gì cả.

Tôi là
một bé thơ bụng đói, không được học hành,
không chốn nương thân
Tôi là
một người già bệnh hoạn không thuốc men,
không cơm ăn áo mặc, không bà con thân thích,
đi lang thang giữa thành phố đông người qua kẻ lại,
van xin miếng ăn, manh áo.

Tôi là một nhà thơ
tâm hồn tan nát
trái tim tình thương nhân loại bao la
Tôi viết những bài thơ thương khóc
Để
không làm gì cả.

Tôi hóa thân thành con rắn - bị lột da
trần truồng, thân thể rướm máu
Tôi cố leo lên trên vách đá cheo leo đến chỗ cao nhất
nằm khoanh lại chờ chết
Để
không làm gì cả.

DUNG NHAM
10.3.99

PHẠM HẢI ANH

Huyết đắng

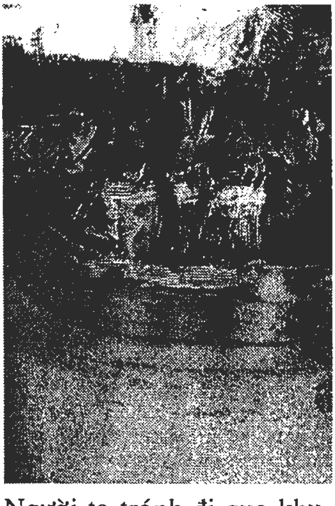

Miếng đất ấy được rao bán đã lâu nhưng chẳng ai dám mua. Người đàn bà sống ở đấy hồi trước còn trẻ lắm, không biết vì sao lại thắt cổ chết. Ông chồng không đưa vợ ra nghĩa địa mà lại chôn ngay ở vườn nhà. Được ít lâu ông ta cũng bỏ đi biệt tích. Ngôi nhà vắng chủ dột nát, tiêu điều, chỉ có hàng rào duối bao quanh nhà và đám rau lang ăn lan trên mộ người đàn bà chết trẻ là cứ tốt om lên, xanh rợn cả con mắt. Dân làng bảo vào những đêm trăng vẫn thấy bóng người đàn bà xõa tóc thấp thoáng sau bụi duối, có khi nghe cả tiếng khóc nỉ non. Người ta tránh đi qua khu đất ấy, còn ai dám tính đến chuyện về ở. Bỗng dưng, có người đàn ông từ đâu đến, nghe xong câu chuyện cứ nhất định đòi mua cái nhà. Ông ta tên là Thản. Đến ủy ban xin giấy phép cư trú, ông ta nhận mình gốc người vùng này, phiêu bạt mãi nay muốn về ở hẳn tại quê nhà. Đường làng ngõ xóm ông ta biết vanh vách, nhưng hỏi kỹ lại chẳng có họ hàng với ai trong làng cả.

Ông Thản phá bỏ cái nhà cũ, dựng một căn nhà gỗ kiểu cổ ở miếng đất mua được. Ông giữ nguyên hàng rào duối bao quanh nhà, giờ đã cao quá mang tai. Thành thử ông Thản làm gì trong nhà, người qua lại không thấy được. Mấy người hàng xóm kháo nhau rằng ông đã cuốc hết các dây khoai lang trong vườn, hí húi gieo trồng rau cỏ gì đấy. Ông Thản ở với cô con gái tên là Mận, cỡ mười tám, mười chín tuổi.

Cô ta ít nói, suốt ngày quanh quẩn trong nhà. Ông Thản về ở ít lâu thì có những người lạ mặt từ tận đâu đến hỏi thăm bốc thuốc. Té ra ông là ông lang mà hẳn cũng có tiếng tăm nên người thiên hạ còn biết. Người làng bắt đầu gọi ông là ông lang Thản, trong cách gọi cũng có đôi phần kính nể. Người ta qua lại trước ngõ nhà ông tự nhiên, ai ốm đau gì lại đến xin thuốc. Uy tín của ông bố làm cô con gái cũng được mọi người để ý hơn. Nhưng cô Mận có vẻ gì làm bọn trai làng cứ ngãng ra. Về đây đã hơn một năm song cô vẫn chẳng đánh bạn với ai. Đi đâu cũng sùm sụp cái nón che già nửa mặt. Cô ăn vận theo lối tỉnh thành nhưng không diện , mà theo bọn trong xóm bình luận thì cũng chẳng đẹp. Có dạo thằng Hùng đen, nổi tiếng táo tợn, lăm le tìm hiểu cô Mận. Hùng đến nhà ông Thản, lấy cớ xin thuốc giải cảm. Cô Mận lảng ra vườn không tiếp. Hùng cũng trơ, theo ra tận nơi. Vườn nhà ông Thản trồng toàn cây thuốc. Đêm hạ tuần tháng bảy, ánh trăng mỏng xuyên qua lớp lá cây chỗ sáng chỗ tối. Cô Mận đứng dưới một khóm dây leo, tóc xõa dài đến tận khoeo chân. Hùng sấn đến, chộp lấy tay cô Mận kéo sát vào mình. Cái trò này, nó làm mấy lần với bọn con gái ở bãi chiếu bóng làng, thạo lắm, mà lần nào cũng thành công. Nhưng cô Mận vùng ra, bíu vào dàn dây leo. Hùng đâm lúng túng. Xưa nay nó thường tán gái bằng tay, bằng hích, véo, chộp ... chứ tán miệng thì quả chưa quen. Cô Mận vẫn nín thinh. Hùng hỏi khỏa lấp: “Mận níu vào dây leo gì lạ thế ?”. Cô Mận vụt quay đầu lại, nhìn thẳng vào gã con trai, nói gọn lỏn: “Dây máu người!”. Ánh trăng chảy tràn trên mặt cô trăng trắng. Trong một thoáng, Hùng cảm thấy mắt cô Mận lóe lên một ánh kỳ dị. Nó chợt lạnh toát người. Gương mặt cô Mận hình như nó nhìn thấy ở đâu đó, phải rồi, chính là người đàn bà trẻ đã thắt cổ chết ở đây, tóc tai xõa xượi. Chỗ khóm dây leo này , ông chồng đã chôn xác chị ta. Hùng cắm cổ bỏ chạy thục mạng. Từ ngày ấy, bọn trai làng không đứa nào dám bén mảng đến gần cô Mận nữa.

Người ta đồn ông Thản có một thứ thuốc gia truyền quý lắm. Con bệnh thập tử nhất sinh được ông nhận lời chữa là kể như cầm được mạng sống. Sân nhà ông Thản căng thêm mái che cho người ngồi đợi mỗi ngày một đông. Quần vải đen gấu xoăn tít kề bên váy, quần âu. Những bàn tay xám đen nứt nẻ bên những đôi tay được chăm chút sạch sẽ, móng tay cắt hoặc sơn màu. Bụng lép kẹp, bụng phệ, bụng thắt eo... đủ loại. Chỉ có bệnh tật là bình đẳng đến khắc nghiệt. Dường như có một làn sóng âm u từ địa ngục vờn qua tất cả những bộ mặt sang hèn, nhấn chìm chúng trong nỗi lo âu khắc khoải không phân biệt. Ngày của cô Mận trôi giữa những bộ mặt u sầu ấy, bận rộn cuống quít. Ông Thản không có thời gian trò chuyện với con gái, nếu có cũng chỉ

toàn về thuốc và bệnh.

Trong đám khách nhà ông Thản hôm ấy có một gương mặt là lạ. Cô Mận liếc nhìn đôi lông mày kẻ hai vạch đen đậm trên vầng trán sáng sủa người khách, tự hỏi sao anh ta phải tới đây. Người khách bắt gặp cái nhìn của Mận, mỉm cười. Nụ cười của anh ta thật lạc lõng ở chỗ này. ễ nhà ông Thản, người ta thương xót hỏi han nhau, có khi mừng rỡ hi vọng, nhưng không ai cười cởi mở và nhẹ tênh như thế. Cô Mận cắm cúi đi vào nhà. Ông Thản tiếp khách rất nhanh. Anh ta đi ra tay không, chẳng mang theo thuốc thang gì... Tối hôm ấy, cô Mận ra đóng cổng, giật nẩy mình thấy một bóng đen đứng im lìm cạnh hàng rào duối. Người khách ban sáng! Anh ta nhận ra Mận, lại mỉm cười. Trong bóng tối, cô Mận chỉ nhìn thấy hàm răng anh ta sáng bóng, đôi mắt lấp lánh hướng về mình.

-Anh đứng đây làm gì?

-Tôi chưa lấy được thuốc.

-Sao...?

-Ông lang từ chối không chữa...

-Cho anh à?

-Vâng, cho tôi.

Mận nhớ lại gương mặt người khách lúc sáng. Xanh xao nhưng đầy vẻ tự tin. Chẳng lẽ lại thế? Ông Thản rất ít khi từ chối bệnh nhân, trừ khi có lý do đặc biệt. "Anh chờ một chút nhé!" , cô Mận dặn người khách rồi vội vã quay vào. Lâu lắm mới thấy cô quay lại, tay cầm một gói thuốc:

-Anh sắc lên uống. Bốn bát nước cạn lấy hai. Ngày uống hai lần.

-Tôi uống hết chỗ này rồi sao?

Cô Mận ngập ngừng một lát, bảo:

-Nếu cần nữa, anh lại đến đây. Nhưng đừng vào. Cho người vào nhắn, em sẽ đem thuốc ra.

Người khách im lặng, chỉ có đôi mắt vẫn lấp lánh dõi vào Mận. Cô gái bối rối cúi đầu.

Đã thành lệ, cứ tuần hai lần, cô Mận đem thuốc ra bờ sông cho người khách. Những buổi gặp mỗi lần lại dài hơn. Anh ta hay chờ Mận ở chỗ con sông uốn lẹm vào bờ một vạt cong cong. Hai người ngồi xuống bãi cỏ mềm mại. Mận dứt dứt những bông chua me nở tím, đưa lên mũi ngửi dù biết nó chẳng có hương gì. Anh ta kể cho Mận nghe về thành phố thơm mùi hoa sữa đầu đông, về biển xanh lộng lẫy ngập nắng, về những triền núi bát ngát hoa đào... Gói thuốc để giữa hai

người. Cặp lông mày của anh ta ngày càng sẫm đậm hơn trên vầng trán xanh xao, nhưng những câu chuyện anh kể mỗi lúc một kỳ lạ và quyến rũ hơn. Đêm, Mận thường mơ thấy anh ta. Họ dìu nhau bơi ngược dòng nước xiết. Vạt đất lở bến sông xa tít, mờ mờ bé như mảnh lưỡi liềm. Cặp lông mày anh ta rướn lên, rướn lên, bứt khỏi vầng trán xanh xao, biến thành đôi cánh chim đen bay vút đi. Mận choàng tỉnh, ngộp thở như bị sặc nước... Một buổi chiều ông Thản đi vắng, Mận dẫn người con trai vào thăm vườn. Đang tháng ba, cây cam thảo đơm hoa nặng trĩu đầu cành. Những cánh hoa hình cánh bướm nhỏ xíu, quần tụ xúm xít với nhau, hồng tươi. Xuyên bối mẫu cũng đang nở hoa. Từ kẽ lá, những bông hoa chuông vàng lục nhạt lung liêng đùa với gió. Chiều sẫm dần lại lúc nào không biết. Nắng rớt trên khóm ngải phù dung lá trắng ánh lên như tráng bạc. Mận quen tay dứt mấy cái lá hoắc hương vò vò. Không gian thoảng mùi hương dễ chịu, hơi hăng hắc của hoa và lá thuốc. Mận trỏ cho người con trai khóm dây leo:

-Cây này bố em quý nhất. Em vẫn hái nó làm thuốc cho anh. Mỗi lần cắt dây để làm thuốc, từ vết cắt nhựa nó ứa ra đỏ như máu nên gọi là ỏdây máu ngườiõ, tên chữ là ỏhuyết đằngõ.

Khóm huyết đằng đã bị đốn vợi đi nhiều lắm, chỉ còn ba bốn dây. Một chùm hoa huyết đằng màu vàng rụt rè buông xuống chạm vào mái tóc cô Mận. Người con trai thở dài:

-Thôi, em đừng chặt dây làm thuốc nữa. Anh uống thế đủ rồi. Có lẽ tuần sau, anh không tới nữa đâu.

Mận nín thinh. Khóm huyết đằng ông Thản khó khăn lắm mới gây được. Nghe bảo chỉ có máu người mới làm cho nó trở nên tươi tốt, linh thiêng. Vì thế mà ông Thản đã cầy cục mua bằng được mảnh đất này, cốt để trồng huyết đằng đúng trên mộ người đàn bà xấu số. Chắc chắn ông sẽ không cho Mận chặt hết cả khóm huyết đằng đi để cứu người mà ông đã từ chối không chữa bệnh. Ngay buổi tối đầu tiên, ông Thản đã bảo con gái: “Bệnh anh ta nặng lắm. Cố cứu cũng vô ích thôi.” Nhưng Mận không tin. Càng ngày cô càng lao theo một mong mỏi mãnh liệt là đem lại cuộc sống cho người con trai ấy. Cô thắp hương ở gốc huyết đằng, cầu xin người đàn bà dưới lớp đất kia ban phép màu nhiệm vào dây thuốc, truyền cho anh sự sống mà chị ta đã từ bỏ. Cô giấu cha, đêm dùng dao chặt từng dây huyết đằng, nước mắt hòa vào dòng nhựa cây ròng ròng máu đỏ. Cô sợ anh sẽ ra đi, mang theo thành phố của cô, biển xanh của cô, rừng đào của cô..., mang theo vĩnh viễn cái thế giới lung linh màu sắc và tình yêu mà anh vừa hé mở cho cô thấy. Không có anh, cô sẽ ra sao ở đây, sau hàng rào duối, giữa những bộ mặt lo âu khoắc khoải vì bệnh tật, bên bụi huyết đằng hàng

năm trổ hoa trên xác người đàn bà trẻ ?

Mấy tuần sau, một buổi sớm ông Thản ra vườn, thấy trống quang một góc. Khóm huyết đằng đã bị chặt sát tận gốc. Nhựa cây thẫm lại quanh vết chặt, tím đỏ, đặc quánh. Cô Mận bỏ nhà đi từ hồi đêm, đem theo toàn bộ thân huyết đằng, để lại mảnh giấy tạ tội với bố.

... Người con trai nắm tay Mận, nhìn bọc thuốc cô gái đem theo vào bệnh viện, mỉm cười. Nụ cười độ lượng làm Mận đau nhói, chợt hiểu rằng thế là hết. Cô gái quay gương mặt đẫm nước mắt về phía khác, không dám nhìn anh ta. Ngoài cửa sổ bệnh viện, một nhành xanh non nhô lên, xanh đến trớ trêu ở chốn này, lá vẫy vẫy như đùa. Trò chơi số mệnh! Sao có thể đặt cược bao nhiêu hi vọng vào một dây leo mỏng manh đến thế? Huyết đằng -thuốc bổ máu. Còn anh ta bị ung thư phổi. Cô đã biết thế ngay từ đầu. Và vẫn dùng dây huyết đằng ràng buộc anh phải đến với cô. Sao không thể cứng rắn từ chối anh từ đầu như cha cô ? Sao biết là vô vọng mà vẫn chặt trụi khóm huyết đằng để tặng anh cùng với những gì quý giá nhất mà mình có ?

Người con trai yên lặng nghe những lời thú nhận lộn xộn của Mận. Bọc huyết đằng xổ tung, vung vãi trên giường. Đã có lúc anh ta tin mạng sống mình nằm ở đấy. Anh ta đã dầm chân đợi Mận hàng tiếng, dồn tất cả niềm khát sống lên mỗi ánh mắt nụ cười, đoạt cho được tình yêu của cô gái và cùng với nó là thuốc cải tử hoàn sinh. Bây giờ trước mắt anh ta chỉ là những xác cây đứt đoạn, xám xịt. Hình như trước đây, anh ta đã xem nó là toàn bộ mục đích của mình. Những mẩu huyết đằng khô héo thầm thì với anh ta rằng không phải thế. Người con trai nhắm mắt lại. Hiện lên trong anh ta khu vườn nhỏ đầy hoa thuốc, đôi môi người thiếu nữ khát khao dâng hiến, bóng chiều sẫm lại và những dây huyết đằng lá xanh thẫm rủ xuống quanh hai người... Lạ lùng là anh ta chưa từng có những giây phút như thế với người yêu mình. Cô ấy đẹp hơn Mận rất nhiều, hợp với anh ta hơn về mọi mặt. Vậy mà trong lúc tìm mọi cách để lấy thuốc, anh ta lại cảm nhận từ Mận một niềm rung động mãnh liệt. Chưa bao giờ cuộc sống hiện lên dưới mắt anh ta đầy quyến rũ và khao khát như vào những buổi chiều ngồi kể chuyện Mận nghe. Lúc đó, cả hai không dám tin rằng huyết đằng đối với họ thực ra chẳng quan trọng gì. Lúc đó, chính anh ta không biết rằng mình đang gửi gắm ở Mận cái phần đẹp đẽ nhất để cô gái mang theo, đi tiếp trong cuộc đời này... Lặng lẽ, gần như thanh thản, anh ta tìm bàn tay Mận, đặt lên bọc thuốc;

-Em mang huyết đằng về đi. Đừng khóc nữa. Nó không phải

NGUYỄN NAM AN

Trước ThanksGiving một ngày

Xếp bảo dơ tay lên
Tôi đưa ra một ngón!
(Áo cơm có vui buồn
Nhưng lúc này đáng tởm)
Tôi không thể sống gượng
ThanksGiving and go!

NGUYỄN NAM AN
Fremont 24.11.99

là vô ích đâu...

...Mùa đông năm ấy buốt giá chưa từng có. Người ta thấy cô Mận giúp bố đốt rất nhiều rơm, lấy tro ủ quanh các gốc cây thuốc. Dáng cô nặng nề, chắc sắp đến ngày ở cữ. Mấy bà trong xóm chép miệng bảo ông Thản dại, nhà làm thuốc mà không biết phá cái thai hoang ấy đi để giữ tiếng cho con gái. Có người bênh ông, cãi rằng thế mới là có đức, mạng sống quý lắm, ai nỡ vứt bỏ đi được. Ông Thản và cô Mận hình như chẳng bận tâm đến những lời bàn tán. Việc nhà vốn đã bận, lại còn phải mua sắm đủ thứ chờ đứa trẻ ra đời. Tháng một, đầu giờ tí, cô Mận sinh con trai. Tiếng khóc chào đời oe oe vang cả căn nhà xưa nay vốn yên tĩnh. Ông Thản đốt đèn ra vườn chôn cuống nhau cho thằng bé. Chợt giật mình thấy gốc huyết đằng tưởng đã chết từ lâu lắm bật nhú lên một cái mầm xanh non... ./.

PHẠM HẢI ANH

TÔN THẤT THƯƠNG

Bitch

"Bitch"
I was not angry when you called me like that. I was just
surprised why it took you twenty years to shoot it out . I
imagine that word grew as big as a fist in your stomach
for ten years, it moved to your heart as big as a
watermelon and stayed there for seven years then moved
up to your throat then your mouth for another three years .
I could see how difficult it was when you carried it around .

The first time I was called so when I was 6
a naughty girl tried to take away my doll
and I pulled her hair until she cried
and let go my doll
so she called me
" Bitch " .

I thought it was a miracle that finally you could spit it out ,
but your first sound that came to this world was not a
miracle at all as I put your tiny and bloody body into the
toilet and flushed . Water could not drain you down that little
hole and you cried, you cried so loud that my sister rushed
into the bathroom and screamed as she found your being
and called 911. Nobody knew that I was pregnant and
she never asked why I flushed my daughter down the toilet.

My father was a literature professor
and my mother was a teacher
people bent their head and said "professor"
as my parents walked by
and she called me " Bitch " .

So I hated your crying and slapped you until your mouth shut . That was the reason why you are so afraid of water and never cry even in the evening when we were in Atlanta , you came home under the rain and knocked at the door like a small bird shakening in wet, but I was having sex with the man I had you called "dad"; No, not "Morris the gorilla" but "James the kid", the guy who took all of our savings and left us waiting at the airport until I figured out that he would never come back .

Your grandma called me bitch when I had you
your father called me bitch when he knew I was pregnant
people called me bitch when I left home
you called me bitch when I forbid you to have sex with your college boyfriends, and
I called myself bitch
when you ran away.

I was amazed that you did not hit me back when I slapped you on the face like the way I slapped back your grandma as she attempted to hit my face. She could hit me anywhere but the face

So I slapped her so hard that her left eye popped out and we could not find it until the next day when our dog
dropped dead and
the veterinarian found it in the dog's throat.

" Bitch " , " Bitch " , " Bitch "
I practiced to say it for a hundred times
I practiced to say it for a thousand times
I practiced to say it for ten thousand times
and I found it as smooth and as lovely as the
very first time I said " Mother " or " Father " or " Dear "
or " Honey " .

I carried you in a handbag and walked through the I 90 bridge

night after night; the water was so dark and cold, I could hear the
wave roared and feel immense wind blew. I thought nobody would
hear your cry if I dropped the handbag and Seattle was a beautiful
place to bury you. But how I would explain
if people started asking
about you so I moved to Texas but I couldn't
find a river there then you grew up.

Every morning you push me around downtown.
On the wheelchair, life goes slowly as you drop me off
at "The Garden Club", kiss me goodbye and leave for work.
I saw "the bitch" in mirror this morning.

TÔN THẤT THƯƠNG

Đồ đĩ chó

"Đồ đĩ chó"
Mom hổng giận khi cưng chửi mom như vậy .
Mom chỉ ngạc nhiên rằng sao phải mất đến hai mươi năm cưng mới phọt nó ra . Mom tưởng tượng lời rủa đó lớn dần như nấm tay trong bụng cưng cả chục năm rồi nó bò lên tim cưng ngự ở đó bảy năm nữa thì nó đã bự bằng trái dưa hấu sau cùng nó bò lên tận cổ họng nằm đó thêm ba năm nữa . Trời đất , làm sao mà cưng có thể khổ sở mang nó lòng vòng ngần ấy lâu .

Lần đầu tiên Mom bị chửi như vậy năm lên 6 , cái con nhỏ hàm hồ giật con búp bê trên tay mom nên mom lôi tóc nó cho tới lúc nó buông con búp bê réo toáng:
"Đồ đĩ chó"

Mom nghĩ chỉ có phép lạ mới làm cưng phun điều
đó ra . Nhưng tiếng khóc oa oa đầu đời thì chẳng
có đếch gì là phép lạ khi mom bỏ cái hình hài máu me
tí nị đó vào bồn cầu mà giật nước. Lỗ cầu nhỏ
quá không trôi tuột nổi cưng rồi cưng khóc ầm lên
làm dì ba chạy vào, bả la toáng lên khi thấy mom đẻ rồi
gọi 911. Đâu có ma nào biết mom có bầu mà bả cũng
chẳng hề hỏi sao mom bỏ cưng vào bồn cầu mà giật
nước.

Ông già mom là giáo sư văn chương
còn bà già là giáo viên
mọi người cúi đầu chào "giáo sư"
khi ổng bả đi ngang
vậy mà bả kêu mom là "đồ đĩ chó".

Mom ghét cưng khóc nên vả cho nín. Đó là lý do
tại sao cưng sợ nước và không hề khóc ngay cả lúc
mình còn ở Atlanta cái buổi chiều cưng về nhà dưới
mưa tầm tả gõ cửa như con chim ướt rũ, mà lúc đó
mom đang bận làm tình với thằng cha mà mom bắt cưng
gọi "ba", hổng phải đâu, hổng phải thằng cha "Moris
đười ươi" mà là thằng cha "James nhóc" cái thằng khốn
nạn đã cuỗm hết tiền nong dành dụm của hai má con rồi
bỏ mặc tụi mình ở phi trường chờ dài cổ tới lúc mom
tuyệt vọng biết gã chẳng bao giờ trở lại

Bà ngoại chửi "con đĩ chó" khi mom đẻ cưng
thằng cha cưng chửi mom "đồ đĩ chó" khi chả biết mom có bầu
ai cũng chửi "con đĩ chó" lúc mom đi hoang
cưng chửi "đồ đĩ chó" khi mom cấm cưng lang chạ
với mấy thằng bạn học
mom tự chửi mình "con đĩ chó" khi cưng bỏ đi bụi

Mom kinh ngạc sao cưng không đánh trả khi mom vả mặt

cưng như ngày xưa mom vả lại bà ngoại khi bả cố vả
mặt mom. Bả có thể đập bất cứ chỗ nào trừ cái mặt.
Nên mom táng bả mạnh tới nỗi mắt trái bả phọt ra ngoài,
cả nhà đổ xô đi tìm mà hổng ra cho tới bữa sau con Ki lăn
đùng ra chết giãy, rồi cha thú y thấy mắt bả kẹt trong họng nó.

"Đồ đĩ chó", "Đồ đĩ chó", "Đồ đĩ chó"
mom tập phun nó ra hằng trăm lần
mom tập phun nó ra hằng ngàn lần
mom tập phun nó ra hằng chục ngàn lần
rồi cũng nghe êm tai dịu dàng như lần đầu đời
cất tiếng gọi "Mẹ ơi" "Bố ơi"
"cưng ơi", rồi
"yêu dấu ơi"

Hằng đêm mom bỏ cưng trong xách tay đi qua đi lại cầu I-90
nước chảy tối thui cóng lạnh sóng ì oạp dạ cầu gió giàn giụa mặt
Mom nghĩ nếu thả cái xách tay chắc chẳng ma nào nghe u oa
cưng khóc mà Seattle là nơi tuyệt đẹp để chôn kín cưng.
Nhưng mom phải trả lời làm sao nếu người ta hỏi cưng
nên dời nhà về Texas mà Texas làm gì có nhánh sông nào
để rồi cưng lớn dần ở đó.

Mỗi sáng cưng đẩy mom quanh phố. Trên xe lăn đời trôi
trì độn khi cưng hôn tạm biệt bỏ mom lại "vườn già",
đi làm.
Sáng nay mom ngó sững "con đĩ chó",
trong gương.

THẬN NHIÊN *chuyển ngữ.*

HOÀNG MAI ĐẠT

Những ngày về Biên Hòa

MIẾU BA CÔ, THÁC DAMBRI

Sau hơn một ngày ở Sài Gòn, chúng tôi trở lại Biên Hòa sáng thứ Bảy. Về đến nhà được mấy tiếng đồng hồ, vợ chồng tôi nghe nhiều tiếng cười nói từ dưới bếp. Các anh chị đang mở một cuộc họp lớn chung quanh bàn ăn. Đúng lúc chúng tôi thò đầu vào bếp, nhóm chủ tọa yêu cầu chúng tôi phải đưa ra quyết định tối hậu: Nên đi chơi ở đâu, Vũng Tàu hay Đà Lạt?

Ban đầu chúng tôi còn chần chừ, không muốn đi chơi xa. Thế nhưng khi nghe má khuyên các anh chị em nên có dịp du lịch cùng một lần, vợ tôi đồng ý đi chơi và "đá" nhiệm vụ chọn địa điểm sang cho tôi. Buổi "hội nghị du lịch" có trên một chục người đứng và ngồi ở trong bếp, kể cả hai bà lão ngồi nhai trầu bõm bẽm và bốn, năm đứa con nít đang sung sướng vì biết sắp được đi xa. Lúc đó chấm thi hoa hậu chắc còn dễ hơn cho tôi (cô nào "bự" nhứt là thắng, miễn thi các tiết mục "cao cấp" khác). Lựa chọn giữa Đà Lạt và Vũng Tàu hơi khó, vì tôi biết trong bếp đang có hai phe đảng. Một phe gồm những người "rừng" muốn đi Đà Lạt, như anh chị Bảy và út Minh Hải, trong khi phe thứ nhì gồm dân "biển" muốn đi Vũng Tàu, như chị Năm và... anh Năm. Đám con nít thuộc thành phần trung lập, dễ bị lung lay, đi đâu cũng được, miễn được lên xe minivan là vui rồi. Tôi đoán anh chị Bảy thích đi Đà

Lạt, có lẽ vì họ có nhiều kỷ niệm lãng mạn trên phố núi khá xa này. Về bãi biển Vũng Tàu, tôi đoán chị Năm thích rời Sài Gòn hâm hấp nóng để đón gió biển Vũng Tàu, vừa gần vừa tiện việc "tham quan" mấy tiệm ăn hải sản nổi tiếng. Tôi phân vân nhìn người này "Ừ" một tiếng trong miệng, rồi lại ngó người kia "À" thêm tiếng nữa, lưỡng lự chưa biết chọn biển hay rừng.

Trong lúc mọi người im lặng chờ đợi, tôi hết ngó chị Năm rồi lại nhìn chị Bảy, xong quay qua chị Sáu, rồi nhíu mày liếc đám trẻ để "câu" thêm giờ. Tôi xoay đầu như xem đánh banh quần vợt, hết "À" rồi lại "Ừ", như đang học đánh vần. Đến khi nghe có người hớp nước bia kêu "ực" rất "rừng rú", có lẽ từ anh Bảy hoặc út Hải, tôi liền quyết định chấm Đà Lạt. Vài người "Ồ!" lên, trong lúc tôi bối rối nhìn về phía chị Năm, người đang xuống tinh thần. May quá! Anh Năm đưa ra một đề nghị hòa giải, vừa cứu tôi mà cũng vừa làm hài lòng chị Năm. Anh nói rằng sau khi lên Đà Lạt, "mình" có thể "bồi dưỡng" riêng cho tài xế, đề nghị anh lái về Biên Hòa bằng đường dài vòng qua Phan Thiết, cho chị Năm có dịp được nhúng chân xuống nước biển mà không phải trả thêm lệ phí cho công ty du lịch. Mọi người đều tán thành. Thế là các anh chị liền sắp xếp giờ khởi hành ngay sáng hôm sau. Như những lần đi ăn ngoài, các anh chị không cho chúng tôi được chung tiền thuê xe. Mọi người nói chúng tôi đã tốn nhiều tiền mua vé máy bay rồi. Không biết tôi may mắn lọt vào một gia đình có nhiều anh chị em biết lo cho nhau, cho chúng tôi được "ăn theo", hay gia đình nào ở Biên Hòa nào cũng vậy?

Chuyến đi được dự định khởi hành vào bốn giờ sáng Chủ Nhật. Có lẽ vì nôn nao, mọi người đã dậy sớm và chờ đợi vợ chồng tôi từ lâu. Người nhà thuê chiếc xe Toyota màu trắng cùng với tài xế từng rước chúng tôi từ sân bay Tân Sơn Nhất về Biên Hòa. Chiếc minivan chở tổng cộng mười bốn người, chưa kể tài xế, nhiều túi đựng quần áo và thức ăn được nhét bên dưới gầm ghế. Anh chị Năm, bé Vân Anh, Bé Cù và hai vợ chồng tôi ngồi ở hàng ghế trước gần tài xế. Chị Sáu với Anh Vũ và Phượng Các ngồi ở hàng ghế giữa. Anh chị Bảy cùng với Quốc Dũng và Quỳnh Như ngồi ở hàng ghế chót với Út Hải. Xe chưa lăn bánh, hành khách ở hai hàng ghế sau đã nhốn nháo thay đổi chỗ, với mấy phụ nữ ngồi ở ghế giữa và đám đàn ông con trai ngồi ở dưới cùng. Đám phái nam ngồi hàng ghế chót này thường hú hí, đùa giỡn với nhau, vừa nói vừa ăn khô mực lấy ra từ trong những túi hành lý. Chúng tôi khởi hành trễ hơn dự định, khoảng gần năm giờ sáng. Ở nhà còn lại hai má, chị Hai, cháu Cường, cháu Phụng và ba con chó Đốm, Lu và Luốc.

Như một gánh hát đến giờ trình diễn, vừa lên xe mọi người đã tranh nhau nói chuyện rổn rảng. Đám con nít gọi nhau om sòm giữa những hàng ghế, trong khi đám người lớn lao xao bàn về những nơi gánh hát này sẽ băng qua. Không khí ồn ào lại càng chộn rộn hơn, sau khi tài xế mở máy cassette và chơi một băng nhạc giựt gân, kích động thêm cho đám hành khách chưa ngồi yên. Chiếc Toyota rời ngõ hẻm với tiếng ồn vui nhộn đệm với tiếng nhạc giựt của tài xế. Như người kéo cánh gà, tôi yên lặng chìm vào cuộc sống xa lạ bên ngoài cửa sổ. Từ chợ Biên Hòa, chiếc xe ì ạch chạy qua Ngã Năm Biên Hùng và rồi te te tiếng kèn lên Quốc Lộ 1.

Xe băng chầm chậm qua cổng trường Ngô Quyền, lấy thêm đà nhanh hơn trong lúc chạy gần đến Quảng Trường, nơi đang có mấy thanh niên tập thể dục. Qua ngã rẽ hướng vào Bệnh Viện Tâm Thần Biên Hòa, chiếc xe phóng mỗi lúc một nhanh hơn, lèo lách nhiều hơn ở giữa đường và đưa chúng tôi vào một buổi bình minh đang ló dạng trên khắp Biên Hòa. Ánh sáng mặt trời chiếu loáng thoáng xuống lề đường, cho tôi thấy nhiều bóng người đang thoăn thoắt dưới những đòn gánh nặng chĩu hoặc lầm lũi đẩy xe hàng chất cao quá đầu người. Trong bóng tối bên lề đường, dăm ba đứa bé lem luốc đứng tần ngần nhìn xe chen nhau trên đường.

Bên cạnh những cuộc đời đen đủi bên đường, chuyến xe khởi hành vào sáng sớm Chủ Nhật cho tôi thấy một cảnh tượng rất huy hoàng. Từ khi chiếc Toyota tiến vào vùng Hố Nai, tôi chăm chú quan sát nhiều đám đông giáo dân dự lễ tại những nhà thờ Công Giáo. Ở mỗi nhà thờ tôi đều thấy người dự lễ ngồi chật kín trong sân và đứng tràn đầy ra ngoài lề đường. Tôi từng nghe người ta nói về vùng Hố Nai của người Công Giáo. Đến khi được mục kích các đám đông yên lặng đứng trong sân nhà thờ, tôi mới biết người Hố Nai mộ đạo đến dường nào. Tuy có thể xem họ dự lễ, tôi không thể nghe lời thuyết giảng hoặc những âm thanh từ nhà thờ. Tiếng xe chạy ồn đã đành, mà tiếng loa phóng thanh dọc theo hai bên đường cũng quá lớn, át hẳn những tiếng động từ trong nhà thờ cùng với mọi sinh hoạt khác bên ngoài đường phố.

Đến khi hỏi người nhà, tôi mới biết tiếng phát ra từ các loa dọc đường là lời nhắc nhở người dân sống theo sự chỉ đạo của đảng và nhà nước. Loa phóng thanh xuất hiện trên những cột điện dọc theo Quốc Lộ 1 xuyên qua vùng Hố Nai. Thì ra trong một buổi sáng tinh mơ, tôi tình cờ chứng kiến một cuộc cạnh tranh ráo riết để chiếm lòng dân. Tuy tiếng loa có lớn hơn và choáng hết mọi thứ âm thanh khác, chỉ cần nhìn những đám đông từ trong nhà thờ tràn ra lề đường, tôi biết

nhà thờ đã mua được nhân tâm, ít nhất là trong vùng Hố Nai này. Đến khi xe rẽ trái rời Quốc Lộ 1 và tiến vào Quốc Lộ 20, tôi vẫn thấy những người dự lễ rải rác dọc hai bên đường cho đến tận khu chợ Định Quán khi mặt trời lên gần đỉnh đầu.

Tôi nhớ rõ Định Quán hơn nhiều làng xóm khác dọc theo Quốc Lộ 20 từ Biên Hòa đến Đà Lạt, một phần vì nơi đây có ba tảng đá lớn đứng sừng sững sát bên đường, và một phần cũng vì bụng tôi đói cồn cào khi xe băng vèo qua nơi đây. Vì vội vã "tranh thủ" lên đường sớm, chúng tôi chưa kịp ăn gì khi bước lên xe. Đến khi xe rẽ vào Quốc Lộ 20, băng qua các hàng quán bên ngoài những đồn điền cao su, có người ngồi ở cuối xe rên đói bụng và đề nghị tài xế dừng xe mua bánh mì. Thế nhưng anh Trung, người tài xế rắn chắc, thường xuyên hút thuốc lá và hay nhìn kiếng chiếu hậu chạm mắt tôi, không chịu dừng xe. Anh chỉ nói một lần rằng chút nữa xe sẽ ghé vào một nơi có đồ ăn rất ngon. Sau đó xe chạy qua nhiều lần "chút nữa" mà chúng tôi không thấy xe ghé vào nơi nào "có đồ ăn rất ngon". Vì thức sớm và nói nhiều trong giờ khởi hành, đến khi xe chạy vèo qua Định Quán thì hầu hết mọi người đều đã ngủ gật trong cơn đói. Tôi vẫn thức, rán quan sát những nơi được thấy lần đầu tiên trong đời. Qua ba khối đá ở Định Quán, tài xế Trung tiếp tục bấm còi "te te", đưa xe chậm rãi lên miền cao nguyên trên một con đường chật hẹp, quanh co, đôi lúc ép sát vào lề đường tưởng chừng như sắp rớt xuống vực đồi.

Đến một khúc quanh quẹo ngang như một góc vuông, bốn tiếng đồng hồ sau khi rời Biên Hòa, anh Trung mới dừng xe, cho mọi người có cơ hội được đi tiểu và co giãn bắp chân. Khúc quanh giữa rừng núi có phòng vệ sinh công cộng, không khác một trạm nghỉ xe ở Hoa Kỳ. Dọc theo quốc lộ, tôi đã thấy nhiều xe đậu sát bên đường. Đâu đó quanh xe thế nào cũng có người vội vàng chạy vào rừng hoặc đủng đỉnh bước ra từ những bụi cây. Người tiểu đường thường là đàn ông và trẻ con, nhưng đôi khi cũng có phụ nữ ăn mặc tươm tất, vừa đi vừa sửa lại quần. Có lần tôi lo ngại mình sẽ không nhịn được thêm và phải kêu tài xế "khẩn trương" dừng xe cho tôi xuống đường, để tìm một bụi cây tiện việc "xử lý nội bộ" như mọi người. Cũng may anh Trung đã dừng xe kịp thời. Trong lúc tôi đi bộ qua lại cho các bắp thịt mà nhất là cho đôi mông được sắn lại, anh Năm và anh Bảy nói chuyện riêng với tài xế. Hai anh đề nghị "bồi dưỡng" thêm cho anh Trung. Kể từ lúc có cuộc hội thảo "bồi dưỡng" đó, tôi thấy tài xế nói chuyện nhiều hơn, lái xe êm hơn, và thường xuyên dừng xe ở những nơi chúng tôi muốn ghé lại.

Cũng tại khúc quanh vuông góc này, xa xa ở bên kia đường là

một đền thờ rất lớn, lớn như một ngôi chùa. Người nhà nói đây là Miếu Ba Cô, nơi linh thiêng nhất trên tỉnh lộ nối liền Đà Lạt với Sài Gòn. Nhiều năm trước đây, tại đoạn đường đèo rất quanh co và nguy hiểm này, ba cô gái trong một gia đình đã bị thiệt mạng trong một tai nạn thảm khốc. Sau khi lập miễu thờ ba thiếu nữ, dần dần người ta nới rộng miễu và biến nơi ấy thành một miếu thờ lớn có cả bãi đậu xe cho khách thập phương. Tôi được biết dân chúng thường xây miễu tại địa điểm có người bị thiệt mạng.

Không ai trong đám chúng tôi kể cả tài xế biết người nào dựng miễu thờ dọc lề đường, thân nhân của người lâm nạn hay người địa phương. Từ khi xe bắt đầu leo lên miền núi của tỉnh Đồng Nai cho đến Miễu Ba Cô, tôi đếm được trên một chục miễu nhỏ nằm ở những khúc đường đèo rất ngoằn ngoèo. Trong hai ngày sau đó, tôi thấy thêm hàng chục miễu nhỏ như bàn thờ nằm khuất bên đường, từ Bảo Lộc, Di Linh cho đến Đà Lạt, và từ Đà Lạt qua đèo Ngoạn Mục cho đến thủy điện Đa Nhim. Đường càng dốc càng quanh co lại càng có nhiều miễu cô hồn xuất hiện. Miễu cũng được dựng bên cạnh các đoạn đường tuy thẳng băng, không mấy nguy hiểm cho người lái xe mà lại kinh hoàng cho người chạy giặc trong thời chiến tranh. Nhiều miễu chỉ cách nhau có vài chục bước. Đến khi xe xuống đến miền đồng bằng gần vùng duyên hải, tôi mới thấy miễu thờ thưa dần ở bên đường.

Một lần dừng xe bên đèo hoang vắng, anh tài xế kể cho tôi nghe về một miễu thờ rất linh thiêng gần Quốc Lộ 1 từ Phan Rang xuống Phan Thiết. Trong một tai nạn nọ gần Phan Thiết, người mẹ nhất định ôm con từ miền Trung về miền Bắc, mặc dù hài nhi đã thiệt mạng trong tai nạn. Sau đó, nhiều vụ đụng xe xảy ra trên cùng đoạn đường, cho đến khi có người lập miễu thờ và hài cốt của đứa bé được mang trở lại chôn gần lề đường. Những tài xế lái xe vận tải thường ghé thắp nhang mỗi khi họ băng qua đoạn đường này. Tuy còn ngờ vực sự linh thiêng của các miễu thờ cô hồn, tôi thấy các miễu này dù sao cũng rất cần thiết cho người qua đường, không những trên đèo núi quanh co mà ngay ở cả các quốc lộ và tỉnh lộ khắp Việt Nam.

Đường lộ ở Việt Nam có rất ít bảng ấn định tốc độ hoặc cảnh cáo về sự nguy hiểm, đóng góp thêm cho tình trạng có quá nhiều tai nạn tại nơi đây, đến nỗi khi nhắc tới mấy con số thống kê người ta tưởng chừng như chuyện nói giỡn quá đáng trong một dịp tán dóc. (Khi viết đến hàng chữ này, tôi tình cờ đọc được một bản tin từ Hồng Kông liên hệ đến tai nạn xe cộ tại Việt Nam. Bản tin của nhật báo South China Morning Post đề ngày 28 tháng Sáu, 1999 cho thấy các con số

rất hãi hùng. Từ tháng Giêng cho đến hết tháng Năm 1999, có đến 2,883 người bị thiệt mạng vì tai nạn xe cộ trên khắp Việt Nam. Trong thời gian này có khoảng 11,000 người bị thương do 9,656 tai nạn gây ra. Trên bản đồ du lịch Việt Nam, tôi đếm được chừng 30 quốc lộ và tỉnh lộ ở khắp ba miền. Vậy trung bình mỗi tỉnh lộ và những con đường phụ cận ngang dọc có trên 900 người bị thiệt mạng trong năm tháng, mỗi tháng có 18 người, mỗi tuần có ít nhất bốn người, và cứ mỗi hai ngày lại thêm một người bị tông chết trên đường. Bản tin cho biết số người thiệt mạng trong năm 1999 gia tăng so với cùng thời gian một năm trước đó, tức là năm tôi đang được nhìn thấy những miễu hoang bên đường lên cao nguyên Đà Lạt.) Trong hơn một ngày ở Sài Gòn, tôi từng chứng kiến hai tai nạn có đổ máu ở giữa đường đông nghẹt xe. Trên đường lên Đà Lạt và cho đến giờ cuối cùng trước khi vào sân bay Tân Sơn Nhất, tôi còn thấy thêm ba tai nạn khác, và tai nạn nào cũng có người nằm ở giữa đường. Những miễu thờ có tác dụng như lời cảnh cáo tối hậu dành cho tài xế, trước khi họ lao xe vào đoạn đường khuất hẹp trước mặt.

Đến Bảo Lộc chúng tôi mừng thầm khi thấy xe chạy chậm lại. Không biết là nhờ có "bồi dưỡng" hay vì cũng đói bụng, anh Trung cho chúng tôi ghé vào một quán ăn. Như nhiều tiệm ăn khác dọc theo Quốc Lộ 20, tiệm này có hai, ba người đàn ông đứng chào khách ở ngoài lề đường. Có nhiều khi họ đứng giữa đường để vẫy xe ghé vào tiệm. Trong lúc ngồi ăn, tôi chọn một ghế nhìn ra ngoài và quan sát những thanh niên ngoắc xe. Mỗi khi thấy bóng xe xuất hiện, khoảng một chục thanh niên từ bốn, năm tiệm ở hai bên đường vội vã chạy ra đường và ngoắc xe. Họ cầm nón cáp và vẫy xe vào bên lề. Những thanh niên đen nắng này mặc quần dài, mang dép và phanh ngực áo để bớt nóng, và áo của họ đẫm ướt giữa nắng trưa. Nhìn đám đàn ông đang tự do cạnh tranh trên thị trường cơm tiệm bằng những cái ngoắc tay giữa Quốc Lộ 20, tôi không biết đây có phải là viễn tượng mà những người quản lý quốc gia đã thấy khi đưa ra chính sách đổi mới kinh tế.

Sau bữa ăn trưa, chúng tôi lên xe và rẽ vào một con đường đất ngoằn ngoèo, hẹp hơn Quốc Lộ 20 rất nhiều. Con đường thưa xe đưa chúng tôi vào thác Dambri, một thắng cảnh mới đang được khai thác trong rừng sâu. Qua nhiều vùng đồi hoang vắng, tôi thấy lác đác nhiều mái nhà vách đất hoặc vách tranh xen lẫn giữa những đồn điền trà và cà phê. Ngoài dăm ba đứa bé chạy chơi với chó, hầu hết những ngôi nhà nền đất đỏ đều vắng bóng người lớn. Có lẽ họ làm việc ở trong đồn điền hoặc trong rừng. Dọc theo con đường đất không

có một cột đèn nào, và nhiều căn nhà nằm chơ vơ giữa đồng không có dây điện truyền vào mái nhà. Ở nơi hoang vắng và cô tịch, số ít người nơi đây chắc cũng gắn bó với nhau lắm, bằng không họ khó sống được lâu ở nơi hoang vu như thế này.

Đến thác Dambri, chúng tôi ghé vào sân nuôi voi ở ngoài cổng. Một con voi già được dẫn đến cho du khách xem. Trên lưng voi có đeo ghế mây dành cho những ai muốn leo lên ngồi. Chúng tôi mua mía cho mấy đứa nhỏ mang đến cho voi ăn và rồi mua thêm vé cho các em được leo lên lưng voi. Theo thói quen của du khách, tôi lấy máy chụp hình và bấm lia lịa được vài tấm hình lưu niệm. Thế nhưng vừa chụp xong hình các cháu đang được cậu Bảy dắt lên cầu thang bước sang lưng voi, tôi bị một bà bán vé đến chặn ngang trước mặt. Bà yêu cầu tôi phải trả tiền. Thấy tôi chưa hiểu chuyện gì, bà bán vé liền nói rằng tôi phải trả 1,000 đồng cho mỗi tấm hình vừa chụp xong. Vừa nói bà vừa chỉ cho tôi xem một tấm bảng có ghi lệ phí chụp hình voi. Tôi miễn cưỡng móc một đống tiền giấy ra và nộp tiền. Thấy mấy đứa cháu đang rụt rè bước lên lưng voi, tôi liền đưa thêm tiền cho người đàn bà. Tôi chụp hình mấy đứa bé cười khúc khích ngồi trên ghế voi và nghe người đàn bà đang đếm từng tấm hình để tính tiền.

Vào bên trong khu vực thác chúng tôi không phải đóng thêm những thứ tiền bất ngờ nào khác, ngoại trừ tiền vé vào cửa (5,000 đồng cho một người) và tiền dùng phòng vệ sinh (2,000 đồng cho một lần bài tiết). Thác Dambri nằm kín bên trong một vách núi với rừng rậm bao bọc chung quanh. Đến vách núi người ta mới thấy một thác nước ngoạn mục và sống động cao cả trăm thước. Chúng tôi đi vòng quanh đỉnh thác một hồi, rồi bước xuống hàng trăm bậc thang xi-măng gần như thẳng đứng, để đến đáy thác và hứng bụi nước mát rượi bắn ra từ dòng nước đang ầm ầm rơi xuống. Bù lại nhiều tiếng đồng hồ ngồi trên xe nóng nực, thác Dambri mang đến những giây phút tươi mát đầy lý thú cho chúng tôi. Trong các tấm hình lưu niệm, mấy anh chị và chúng tôi đã ngồi sát bên nhau từng cặp như những vợ chồng mới cưới, để cho đám con vừa chụp hình vừa cười khúc khích chọc ghẹo cha mẹ.

Rời thác Dambri, chiếc xe trở về con đường đất băng qua những vùng đồi thưa thớt nhà cửa. Mọi người đều thấm mệt và dựa vai nhau ngủ vùi. Tôi cố chống cự với cơn mệt và cơn buồn ngủ, để rán thức nhìn cảnh vật ở chung quanh đường. Thời gian về Việt Nam của tôi quá ngắn. Tôi thèm thu hết những hình ảnh quê hương vào trong đầu, để bù đắp lại một khoảng trống trong ký ức kéo dài nhiều năm qua.

Chiếc Toyota ì ạch chạy đến Quốc Lộ 20 thì trời đổ mưa. Đây là lần thứ nhì tôi thấy mưa từ ngày về đây. Anh tài xế đã cho chúng tôi nghe đi nghe lại hai băng nhạc từ lúc rời Biên Hòa. Hai băng nhạc có vài đoạn bị "nhão" mà loa trên xe lại bị rè, khiến cho nhiều lúc tiếng nhạc lại tưởng chừng như tiếng ma rên chầm chậm trong một thạch động. Hầu hết những bản nhạc sang lại có lẽ hợp với không khí ăn uống ồn ào trong một quán ăn bình dân, hơn là trong một chuyến du hành qua một miền cao nguyên đất đỏ. Vậy mà cũng có lúc tôi xúc động khi nghe một bản nhạc mộc mạc tình quê hương với một giọng hát nữ từ Nam California. Qua những mái nhà lác đác ở hai bên đường, chiếc xe chậm rãi leo dốc, đưa tôi cùng với bản nhạc vào cơn mưa phùn mù mịt trước mặt. Quê hương tôi có lúc sao quá xa lạ, vậy mà tôi vẫn cảm thấy có sự ràng buộc sâu đậm không thể tách ra được.

HỒ XUÂN HƯƠNG CẠN

Mưa vẫn rơi cho đến khi xe băng qua vùng Di Linh, nơi mà tài xế lái xe vào một tiệm "quen" chuyên bán trà và cà phê đặc sản miền Lâm Đồng. Tiệm có để sẵn những tách cà phê nhỏ trên bàn, cho khách nhấm nháp uống thử trong lúc lựa mua hàng. Để mấy anh chị lựa trà, vợ chồng tôi dắt mấy đứa nhỏ ra sân đằng sau tiệm tìm phòng vệ sinh. Ở sân nhau có một khoảng trống rộng rãi, với một dãy nhà nằm bên trái và chạy dài cho đến những phòng vệ sinh sạch sẽ nằm ở cuối sân. Trong lúc chờ đợi mấy đứa nhỏ, tôi dắt Bé Cù đến thám hiểm dãy nhà, vì tôi nghe có tiếng động phát ra từ bên trong. Qua một khung cửa rộng, hai cha con nhìn vào một khoảng tối ở bên trong nhà, và rồi tôi thấy ba phụ nữ đang ngồi sàng sấy lá trà. Họ ngồi lẫn giữa những khối trà đổ bên trên mấy tấm bạt lớn. Sau lưng họ là một máy sấy lá trà lớn bằng cả ba người. Họ mặc áo nâu sờn vai và rách ở cùi chỏ. Trên mặt, họ che khăn để tránh bụi trà. Có lẽ vì phải lao động nhiều, tôi thấy họ cằn cỗi và già trước tuổi. Chỉ khi thấy họ cười bằng mắt và nghe họ nói chuyện, tôi mới biết họ chưa tới bốn mươi tuổi, tức là trạc tuổi tôi.

Họ liếc xem máy chụp hình trên vai tôi và dè dặt nhìn xuống những thúng trà mà họ đang sàng sẩy nãy giờ. Nhìn ba người làm việc giữa một vùng cao nguyên vắng vẻ, tôi không đành bước đi mà không nói với họ một lời. Thế nhưng thấy họ có vẻ e ngại với người lạ, nhất là họ có thể biết chúng tôi về từ nước ngoài, tôi chưa dám hỏi chuyện thẳng với họ một cách thiếu tự nhiên. Cũng may con gái tôi bỗng thì

thầm hỏi về những khối lá khô ở trong nhà. Con bé còn nhỏ và đi đứng lẩm đẩm như một con búp bê Nhật, dễ gây chú ý cho người lạ, và cả ba phụ nữ đều bị con bé thu hút. Thấy một người liếc nhìn con bé với ánh mắt thiện cảm, tôi liền mỉm cười với người này. Bà cũng nhìn lại tôi, tháo khăn che mặt và rồi giải thích cho con tôi nghe bà đang sàng lại những thúng lá trà. Bà nói với tiếng Trung rất nặng, và khi hai người kia nói tiếp lời, tôi được biết cả ba đều từ Quảng Trị đến đây làm công.

Từ quán ăn trưa ở Bảo Lộc, trong khu vực du lịch thác Dambri cho đến tiệm trà này, hầu hết người buôn bán là người nói tiếng Bắc. Có lẽ họ là người đến đây lập nghiệp sau năm 1975. Khi nói chuyện với ba phụ nữ trong nhà sàng trà, tôi chợt nhớ đến mấy thiếu nữ giúp việc mà tôi từng gặp ở nhà người quen tại Sài Gòn. Cũng như mấy "con người làm" ở Sài Gòn, ba phụ nữ cằn cỗi tại Di Linh đã rời bỏ quê nghèo ở miền Trung nắng cháy, để tìm sống tại những nơi xa xăm. Khi nghe tôi hỏi họ rời quê lâu chưa, một phụ nữ cho biết cả ba người chưa trở lại Quảng Trị trong gần hai năm.

Mấy "con ở" tại Sài Gòn cũng vậy. Có đứa rời quê miền Trung hơn ba năm và chưa về thăm gia đình. Vì đường xá xa xôi và vì sợ mất việc làm, những "con ở" chỉ gởi tiền về cha mẹ vào mỗi dịp Tết. Có đứa đi ở từ khi mới có mười hai, mười ba tuổi và phải nói dối là mười sáu tuổi để được nhận việc làm. Các em còn nhỏ, phải làm việc quá sớm và không được đi học. Tuy vậy, các em vẫn hồn nhiên và có rung cảm như những thiếu nữ ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Tôi nhớ một "con ở" trong nhà người bạn mặc một áo thun có hình nam tài tử Leonard DiCaprio, nhân vật chánh trong "Titanic", một phim về hai người trẻ tuổi yêu nhau say đắm trong lúc tàu chìm xuống biển băng giá ở Bắc Đại Tây Dương. Em đã đi tới đi lui nhiều lần trước mặt chúng tôi, như cố ý khoe áo mới mua. Em nhoẻn miệng cười khi nghe vợ tôi khen áo đẹp, dễ thương.

Trước khi rời ba phụ nữ sàng trà, tôi bảo con gái khoanh tay lễ phép chào họ. Tôi cũng chúc họ được những điều như ý và có dịp được về quê. Không cứ gì ở bên Mỹ, ngay trên đất nước tôi cũng có những người Việt phải lìa xa quê quán của họ. Thấy hai cha con quay bước, một phụ nữ chỉ đường tắt vòng lên trước tiệm, thay vì phải trở lại bếp như chúng tôi từng bước qua trước đó. Đi được vài bước tôi quay lại, như muốn ghi thêm hình ảnh ba phụ nữ trong trí nhớ. Tôi chợt cười bẽn lẽn theo phản ứng tự nhiên, khi thấy cả ba phụ nữ đang chăm chú nhìn theo cha con tôi. Họ vẫn che mặt, mặc áo nâu sờn vai và lẫn vào bóng tối trong trí nhớ của tôi.

Trên đường đến Đà Lạt vào buổi chiều cùng ngày, với lời đề nghị sắp lên đến mức khẩn thiết của người nhà, chúng tôi xiêu lòng và ghé qua thác Prenn dọc Quốc Lộ 20. Trên tấm vé 5,000 đồng vào cửa, tôi được biết thác Prenn nằm cách trung tâm Đà Lạt khoảng mười cây số. Tuy nhỏ hơn thác Dambri và gần thành phố, thác Prenn cũng giữ được nhiều nét đẹp thiên nhiên, kể cả một hang động mà người ta có thể đi xuyên qua bên dưới thác và sờ tay vào màn nước đang rơi xuống ầm ầm. Phong cảnh chung quanh thác được xây dựng rất hữu tình. Thác Prenn có một cầu treo và hai nhà chòi của người sắc tộc Tây Nguyên. Nhà chòi nằm trên cây cao hơn mười thước và có thang tre vòng quanh thân cây rất khó leo. Trong một lúc tập họp giữa sân để điểm danh, chúng tôi khám phá thiếu anh Bảy. Sau vài giây đồng hồ ngoái cổ tìm kiếm, chúng tôi thấy anh đang đứng chót vót trên một nhà chòi. Anh đang tươi cười vẫy tay chào mọi người. Trong đám chúng tôi có lẽ anh Bảy là người thích Đà Lạt nhất. Anh thích nơi đây cũng phải. Ngoài không khí mát mẻ và dễ chịu hơn, miền cao nguyên Đà Lạt còn nhiều cảnh thiên nhiên rộng thoáng dành cho người từ thành phố ngột ngạt khói xe. Xa hẳn mấy ngõ hẻm chật chội ở Sài Gòn, thác Prenn và những nơi chúng tôi băng qua vẫn còn nhiều đồi thông xanh mát chập chùng.

Bên những đồi thông miên man trôi bên ngoài cửa sổ, chiếc minivan đưa chúng tôi đến Đà Lạt vào chiều ngày Chủ Nhật, cũng với tiếng còi te te thường xuyên đến quen tai. Năm tôi được sáu, bảy tuổi, mẹ từng đưa hai anh em tôi ghé qua Đà Lạt trên đường từ miền Trung về Sài Gòn, nơi mà tất cả bà con bên ngoại tôi sinh sống từ khi họ di cư từ Hải Dương vào miền Nam năm 1954. Chỉ có mấy mẹ con tôi lang thang ra miền Trung theo nghiệp buôn bán của mẹ và đời lính ngắn ngủi của cha tôi. Lúc còn bé ấy, có lẽ là vào năm 1965 hoặc 1966 gì đó, chỉ còn sót lại trong trí nhớ tôi với hình ảnh vài mảng đất bùn màu cam đỏ vướng trên dép, khi tôi bước xuống tại một bến xe đò. Đến nay, tháng Bảy của mùa hè 1998, tôi có dịp được trở lại Đà Lạt một cách thong thả hơn và cũng với nhiều suy tư hơn. Trong lúc chiếc xe leo vòng quanh những đường đồi tiến vào trung tâm thành phố, tôi nhìn theo dòng xe xuôi ngược và dáo dác tìm bến xe đò đất đỏ năm xưa. Cố nhiên là tôi không tìm ra cho dù bến ấy chắc vẫn còn đâu đây và có thể xuất hiện ngay trước mắt mà tôi không biết. Ký ức tôi đóng khung một cảnh trí mơ hồ trong quá khứ, và cho dù tôi có thấy lại nơi chốn xưa sau hơn ba thập niên, hiện tại vẫn khó xóa nhòa hình ảnh mà tôi còn nắm giữ thật chặt, như còn ngờ vực cảnh tượng trước mặt. Cũng may đất Đà Lạt vẫn đỏ, và chỉ trong phút chốc,

bụi đất đỏ Đà Lạt lại bám lấy đôi chân tôi như thuở nào.

Đến lúc xe đổ xuống một con dốc ngoằn ngoèo, tài xế Trung đưa tôi về hiện tại với một tin rất lạ. "Hồ Xuân Hương cạn queo rồi!" Anh nói lớn tới lần thứ nhì thì tôi mới nghe rõ. Thế ra bãi đất trống lốc trước mắt tôi lại chính là hồ Xuân Hương. Bãi đất sâu chừng ba thước, có chiều ngang hơn một sân đá banh và chiều dài bằng ba, bốn sân banh. Ngoài vài chiếc xe ủi đất, bãi đất hồ Xuân Hương không có gì khác, đang khô cằn dưới ánh nắng chiều. Tài xế Trung cho biết hồ được tháo nước vài tháng trước đó, đáy hồ được đào sâu hơn trong kế hoạch kiến thiết lại khu vực du lịch nổi tiếng nhất Đà Lạt này. Dọc theo hai bên bờ hồ, lác đác dăm ba người đang đạp xe chậm rãi, và xa hơn trên một đại lộ thẳng tắp, xe cộ đang tấp nập hướng vào chợ Đà Lạt. Khu chợ và những dãy nhà cao ở chung quanh chính là trung tâm của thành phố. Trong lúc chiếc Toyota còn ì ạch và te te tìm đường đến khách sạn, tôi nhìn lại hồ cạn khô, trống lốc, và có cảm tưởng như khuôn mặt của Đà Lạt đang bị sún hai cái răng cửa.

Xe chạy lòng vòng một hồi thì ghé vào một khách sạn nhỏ thuộc loại minihotel, có tên là Phước Hải và nằm trên đường Bùi Thị Xuân. Bà chủ khách sạn quen với anh Bảy, và có lẽ nhờ sự quen biết này, thủ tục ghi danh vợ chồng tôi với cán bộ phường cũng không khó khăn. Có lúc tôi thấy anh Bảy, anh Năm và bà chủ xì xào gì đó, rồi bà chủ có ngước nhìn chúng tôi đang khiêng hành lý xuống xe. Tuy nhìn chúng tôi với vẻ do dự, cuối cùng bà cũng gật đầu. Trước khi về Việt Nam, tôi biết những dịch vụ ở đây có hai giá biểu khác nhau, một giá dành cho người địa phương và một giá cao hơn, có khi cao đến gấp đôi, dành cho ngoại kiều. Các anh lo liệu mọi thứ và không cho vợ chồng tôi được biết lệ phí khách sạn được trả theo giá như thế nào. Khách sạn có khoảng mười hai phòng lớn nhỏ khác nhau. Tất cả mười bốn người chúng tôi thuê ba phòng trên tầng thứ ba, tầng cao nhất của khách sạn. Ba gia đình anh chị và Út Hải phân chia người trong hai phòng lớn bên kia hành lang, với mười một người nằm trên bốn giường ngủ. Gia đình tôi được anh chị ưu đãi và cho ở một phòng riêng, có cửa sổ nhìn xuống đường Bùi Thị Xuân. Phòng này có giường nệm, bàn viết với bình thủy cùng với gói trà, và một lu nhựa hứng nước trong phòng tắm. Đây là lần đầu tiên tôi ở khách sạn tại Việt Nam.

Sau khi sắp xếp giường ngủ và tắm rửa, chúng tôi tập họp dưới phòng tiếp khách và ăn tối ở một quán ăn bên kia đường. Vì quán Uyên có giao kèo gì đó với khách sạn, chúng tôi chỉ ăn ở quán Uyên trong hai đêm và một ngày sống ở Đà Lạt. Những khách trọ khác từ

khách sạn Phước Hải cũng chỉ ăn ở quán Uyên. Nhờ ăn chung một quán, vào mỗi giờ ăn sáng, ăn trưa và ăn chiều đám Biên Hòa chúng tôi vẫn "đụng độ" với những đám du khách khác cùng khách sạn, trong lúc băng qua đường và giành bàn ghế trong quán. Đà Lạt nổi tiếng với rau xà lách sống, và hầu như trong bữa ăn nào chúng tôi cũng được một dĩa rau xà lách xanh tươi, mát rượi. Tuy không phải là một quán ăn hạng sang, Uyên cho tôi những bữa ăn bình dân mà lại ngon miệng, nhất là với mấy chai bia Saigon lạnh ngắt trong ly nước đá kêu lon con.

DÔ, DÔ, DÔ!

Sau bữa ăn tối, vợ chồng tôi mệt mỏi và về phòng ngủ vùi, trong khi đám người lớn kéo nhau đi chơi đêm dưới chợ Đà Lạt . Trước khi đóng cửa phòng, tôi có dặn em Minh Hải nhớ kêu tôi dậy lúc 1 giờ sáng, để tôi có thể xem trận chung kết giải vô địch túc cầu thế giới giữa Pháp và Ba Tây (người trong nước gọi Ba Tây là Braxin). Tôi theo dõi giải vô địch túc cầu thế giới từ những ngày đầu tại California. Ở Mỹ người ta gọi là World Cup '98, ở Việt Nam là Mondial '98, và ở đâu thì người xem cũng hét lớn "Dô, dô, dô!" mỗi khi các cầu thủ như Ronaldo của Ba Tây, Zidane của Pháp hay Suker của Croatia lừa banh về khung thành của đối phương.

Tại California, khán giả xem những trận đấu trên đài ESPN đều được "bơm" trước giờ đấu với một bản nhạc hùng mạnh, đầy sức sống của ca sĩ trẻ Ricky Martin. Ca sĩ này có khả năng song ngữ, hát lưu loát trong cả hai thứ tiếng Anh và Tây Ban Nha. Tài hát song ngữ không những hớp hồn hàng triệu thiếu nữ khắp Mỹ Châu, từ New York, Mexico cho đến Rio de Janeiro, Buenos Aires, mà trong "La Copa De La Vida/The Cup of Life" (Vinh Quang Trong Đời Sống), anh còn "bơm" chúng tôi hăng máu đá banh với điệp khúc "Ale, ale, ale!" Điệp khúc này tôi được nghe tiếp trên đài truyền hình tại Biên Hòa, và cũng như ở Nam California, tôi thấy các tín đồ túc cầu Biên Hòa cũng hăng lên như những cầu thủ sắp ra trận một sống một còn. Điệp khúc này có một đoạn thúc đẩy dồn dập như sau:

Here we go! Ale, ale, ale! Go, go, go! Ale, ale, ale! Arriba va! El mundo esta de pie. Go, go, gol! Ale, ale, ale!

Đây cũng là bản nhạc chủ đề của giải Mondial '98.

Tại phi trường Hán Thành, trong mấy tiếng đồng hồ ngồi đợi trước khi lên phi cơ đến Sài Gòn, tôi và nhiều hành khách nằm dài

trên ghế xem lại trận đấu "nguội" giữa Đức và Croatia. Thỉnh thoảng đám đông bất chợt la lên. Go, go, go! Tôi cũng la lên. Dô, dô, dô! Ale, ale, ale!

Rời phi trường Tân Sơn Nhất, tôi ngạc nhiên khi nghe cácchị trong xe thuộc tên những cầu thủ quốc tế. Mấy đêm đầu tiên ở Biên Hòa, tôi vẫn gắng gượng và lồm cồm bò dậy khi nghe tiếng gõ cửa của Minh Hải sau nửa đêm. Trong trận đấu giữa Croatia và Pháp, má Sáu cũng rán thức làm cho tôi một tô cơm, vì sợ tôi đói trong lúc mải la "Dô, dô, dô!" với Minh Hải, Hiệp, và vài người bạn. Với bộ đồ ngủ xộc xệch, tôi trố mắt xem các cầu thủ đá phạt đền trong trận bán kết giữa Ba Tây và Hòa Lan. Túc cầu nối liền người dân trên thế giới, khắp Việt Nam, và giúp tôi được gần gũi hơn với mấy anh chị em ở Biên Hòa. Dô, dô, dô! Ale, ale, ale!

Đúng 1 giờ sáng ở Đà Lạt, tôi choàng dậy với tiếng gõ cửa của Minh Hải, rồi bước xuống nhà trong tình trạng còn mớ ngủ, vừa đi vừa vịn tay vào lan can xuống ba tầng lầu, y như một tín đồ đang hành xác cho mấy ông thần đá banh. Lần mò đến phòng tiếp khách của minihotel, tôi thấy bốn, năm tín đồ đang ngồi đối diện một máy truyền hình treo trên tường. Họ "chiếm" được chỗ ngồi tốt trên ghế sofa trực tiếp trước máy và đang im lặng xem các cầu thủ được giới thiệu trên sân đấu. Chúng tôi xuống trễ, phải kéo ghế ở đâu đó đến sát tường đối diện và ngồi chéo góc với TV. Anh Năm xuống trước và ngồi đầu hàng ghế, tôi ngồi bên cạnh, trong khi Minh Hải còn chạy lên chạy xuống cầu thang, kêu thêm mấy người chưa thức dậy nổi sau buổi đi chơi đêm. Đến lúc các cầu thủ giao banh, một mớ tín đồ khác mới lục tục xuống từng người. Anh Bảy xuống một lúc thì đến Quốc Dũng, con trai của anh. Anh Vũ, đứa cháu ròm của tôi cũng bò xuống trong đôi dép lẹp xẹp. Một hồi sau thì đến chị Bảy. Chị mê xem đá banh không thua gì anh Bảy. Ngoài gia đình chúng tôi và bà chủ khách sạn, trong đám người ngóng cổ, rung đùi xem cầu thủ vờn banh còn có hai tài xế của hai đoàn du khách khác, và một người thợ thâu hình video cho một cặp vợ chồng Việt kiều từ Hoa Kỳ.

Đám chúng tôi được xem một trận đá banh tuy không gay cấn nhưng đầy lý thú. Đội Pháp thắng 3-0 với hai cú đội đầu tuyệt vời của anh Zinedine Zidane trong hiệp đầu. Tiền đạo Ronaldo, hai mươi mốt tuổi, của Ba Tây gây lo ngại cho đồng đội ngay trong những phút đầu tiên, sau khi anh bị thương và có vẻ đau đớn khác thường. Kể từ đó đội Ba Tây dần dần tan rã và không còn là một đội có dàn tấn công hùng hậu nhất thế giới. Tuy thích xem đội Ba Tây đá banh với những kỹ thuật cá nhân thượng thặng, tôi ngầm hy vọng đội Pháp thắng

trận. Ba Tây thắng vô địch thế giới bốn lần và có nhiều triển vọng đoạt giải lần thứ năm, trong khi Pháp chưa một lần nào mang "vinh quang của đời sống" về nhà. Tôi thường có khuynh hướng bênh vực kẻ yếu thế. Trong trận đấu này, từ một đội có vẻ yếu thế trước khi bàn giao banh, Pháp trở thành kẻ mạnh và xứng đáng trở thành người hùng của sân cỏ túc cầu thế giới, trong khi Ba Tây bị thua trận thê thảm nhất trong lịch sử tranh giải World Cup của họ. Go, go, go! Ale, ale, ale! Dô, dô, dô! Ale, ale, ale!

Cho đến nhiều ngày sau, tôi vẫn không quên những giây phút ngồi bật dậy và la to "Dô, dô, dô rồi!" trong phòng tiếp khách nhỏ bé của khách sạn Phước Hải. Trên một chục người chúng tôi hét "dô, dô" tại Đà Lạt vào sáng sớm, cùng lúc dăm ba đồng nghiệp của tôi cũng "dô, dô" vào buổi trưa tại Nam California, trong khi tám mươi ngàn người trong sân vận động Stade de France gào thét "gôn, gôn", và khoảng một tỉ bảy trăm triệu người khắp trái đất cũng thức tỉnh với những tiếng "dô, dô" trong ngôn ngữ của họ. Sau này, qua phim "The Cup" của Lạt Ma Khyentse Norbu, tôi được biết mấy tăng sĩ Tây Tạng và Bhutan tại tu viện Chokling, ở chân núi Hy Lã Lạp Sơn, cũng bừng lên trong cơn mặc khải của một tôn giáo có đông tín đồ nhất hoàn cầu. Thế giới chưa bao giờ có một cuộc cách mạng xách động được đông đảo người như thế trong vòng chín mươi phút đồng hồ. Cuộc cách mạng tháng Bảy, Chủ Nhật ngày 12 tại Ba Lê và sáng sớm ngày 13 tháng Bảy tại Đà Lạt, mang đến chiến thắng cho mọi người, ngoại trừ người Ba Tây. Đây là một giá quá nhỏ cho hạnh phúc của nhân loại. La Copa De La Vida! Ale, ale, ale! Dô, dô, dô!

HOÀNG MAI ĐẠT

*(Trích đoạn trong tạp ghi **Giữa Hai Miền Mưa Nắng**)*

HOÀMG MAI ĐẠT

giữa hai miền mưa nắng

Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15MK

VĂN NGHỆ

ĐINH TRƯỜNG CHINH

Đêm cạn

Giữa lòng đêm rêu
Tôi ngồi hớp những vì sao mọc muộn
Vũ trụ là hố bom đen ngụt
Trút rũ sọ, xương .
Tôi chôn chân cuối những ngày tận thế
Một chỗ ngồi nứt nẻ thời gian
Nứt nẻ tôi bằng tiếng thét
Từ ký ức kiệt sức
Đang vắt cạn
Những hạt máu đau . . .

Đêm. Đuối ngực sâu.
Nụ hôn em . Cháy cùng tôi những bức tranh dị dạng.
Của đêm nhà thờ và tiếng thét. Của què cụt. Mắt trợn. Máu đổ.
Hiện về đây ánh chớp đêm hải hùng.
Cơn giông em đêm biển trôi .
Ai thở ngực đau ?
Ai thở bằng giấy trắng?
Ai thở dưới quan tài ?
Tôi đầu thai trong mỗi hơi thở
Bỗng khát tranh, khát em, khát vũ trụ
Muốn nuốt đầy vào dòng thơ đuối .
Đêm. Nuốt đầy mây.
Như tôi đang hớp cạn những vì sao
Hớp thơ giữa lòng rãnh cống,
linh thiêng .

Đêm . Còn nhau .
Em rũ tóc vào lòng bóng tối.
Tôi thảng thốt trôi
Như đám mây hoang ....

-12/1999
ĐINH TRƯỜNG CHINH

TN

PHAN TRIỀU HẢI

Một tối ở quán Bar

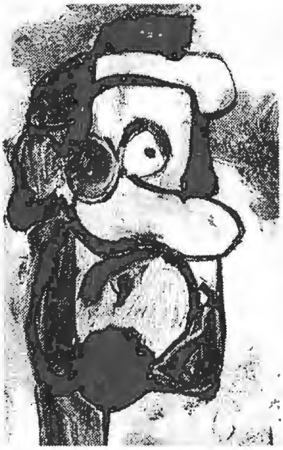

Tôi nhớ là chưa bao giờ mình có được một đêm Trung thu nào cho ra hồn ở đất Sài Gòn này ngoài việc năm nào cũng như năm nào đầu óc luôn bận rộn suy tính quanh quẩn với mấy loại bánh nướng, bánh dẻo, nhân đậu xanh hay nhân thập cẩm, một trứng hay hai trứng, vi cá hay gà quay. Suốt mười mấy năm ở đây, tôi thấy cũng chẳng có mấy dịp trẻ con được cầm lồng đèn giấy chạy ra ngoài hưởng một Trung Thu khô ráo. Hiếm hoi lắm. Và đêm nay chắc cũng thế thôi, chắc cũng như năm ngoái, như năm kia, mà không chừng lại có phần thê lương hơn, bởi mưa đã bắt đầu tầm tã từ hai hôm trước, chừng mười hai âm lịch kéo dài cho đến tận bây giờ. Mưa cho tới tận tối, khi tôi vào quán. Tôi phải chạy men theo cái hành lang hẹp tí xíu lợp mái rơm có nước nhỏ thành dòng, mà nhớ một cái thống kê khoa học mới công bố gần đây rằng, khi bạn thong thả đi bộ trong mưa thì sẽ nhận được một lượng nước nhiều hơn khi bạn chạy từ ba mươi đến bốn mươi phần trăm, nói nôm na là sẽ bị ướt nhiều hơn. Và trong lúc tôi vừa đi vừa nghĩ xem làm thế nào có thể từ mái hiên ấy chạy băng qua sân để vào được quán mà ít bị ướt nhất thì một giải pháp giản dị xuất hiện ngay trước mặt với cái mặt dài và một nụ cười đầy vẻ nghề nghiệp. Anh chàng phục vụ quen thuộc cũng y như lần cuối cùng gặp tôi, mái tóc dợn sóng và phong cách nhanh nhẹn, đứng đón ngay từ cuối lối lên đi với một chiếc ô căng rộng và áy náy bảo như thể đó chính là lỗi của anh ta "Chà, mưa gì mà lớn quá chừng." Quán hôm nay chỉ có mỗi hai người phục vụ, người kia trông có vẻ lớn tuổi và lặng lẽ mà tôi không quen. Tôi tự tìm chỗ ngồi bên cửa sổ. Bên ngoài trời đang đổ nước xuống một cái sân vắng tanh buồn hiu hắt. Suốt từ sớm tinh mơ,

bầu trời đã nhuốm một màu mờ mờ mịt mịt y như màu của mùa mưa bão miền Trung, khiến không thể nào nhận ra được dáng vẻ của một thành phố lúc nào cũng sắc sảo với nắng, với gió, với khô hanh và khói bụi xe cộ qua lại ào ạt trên đường.

Hồi sáng, tôi vào công ty, câu đầu tiên chào mọi người là: "Trung thu ở đây chán thật, năm nào cũng mưa lê thê." Lúc ấy, ai cũng ngẩn người ra, rồi tròn xoe mắt nhìn trời, rồi cố bươi móc trong cái trí nhớ già nua và hờ hững của họ xem liệu Trung thu năm trước có thật là đã mưa không, rồi đưa một cái kết luận ba phải: "Làm gì có chuyện đó." Tôi không cãi được, bởi phải từng trải qua một đêm Trung thu thực sự thì người ta mới biết mình thiếu gì. Họ ít ra cũng đã từng được hưởng những mùa Trung Thu năm nào cũng hứa hẹn như năm nào, trời khô mà xanh đen ngăn ngắt. Phía trên thành cổ, trăng từ từ lên như một ngọn đèn lồng đong đưa soi bóng xuống ao hồ, rót đầy thứ ánh sáng hư thực ấy vào những lá sen có phủ một lớp lông tơ mịn màng, khiến quanh đó ếch nhái bị đánh động bắt đầu cất tiếng, rộ lên nhịp nhàng bất tận như ru, ít ra họ cũng đã từng được đi chân trần trên những con đường đất lạnh, ngoằn ngoèo luồn qua xóm này xóm nọ, trên tay bập bùng ngọn đuốc tỏa ra một mùi khói thơm, cay cay, nồng nồng của thứ lửa rất đượm từ lá. Và thế là trong tiếng trống rộn ràng, một Trung Thu nữa đến, dịu dàng thơ mộng như mọi lần, như một giấc mơ giản dị hiện ra trong một không gian khô ráo, trong vắt, huyền hoặc. Tôi cứ nghĩ lan man như thế cho đến khi người phục vụ quay lại: - Anh uống gì? Anh ta hỏi. - Như mọi lần. - À, tôi nhớ ra rồi. Anh ta ngẫm nghĩ một chút rồi đáp. Lúc ấy, một thanh niên đẩy cửa bước vào, trông dáng vẻ rõ là khách quen, theo sau là một thiếu nữ gọn gàng trong chiếc áo tay ngắn màu ngà và chiếc váy ngắn, để lộ đôi chân thon thả. Cả hai dừng ở giữa quán, nhìn quanh như tìm chỗ ngồi, rồi đi về phía quầy bar nơi có treo ngược mấy hàng ly trong suốt khô khốc và những chiếc ghế cao đứng im lìm như thể được đặt ở đó chỉ để trang trí. Tôi không thể rời mắt khỏi chân thiếu nữ, đôi chân thon mảnh và đầy đặn, đang thả xuôi dưới ghế. Bao giờ tôi cũng cho rằng, cái mà phụ nữ được tạo hóa ban cho hào phóng nhất, không phải là khuôn mặt, mắt hay mũi, mà là đôi chân. Và một phụ nữ đẹp trước hết phải là người có đôi chân đẹp.

PHAN TRIỀU HẢI

tìm

ANTHONY JANSON

Lê Bá Đảng, một cái nhìn từ không trung

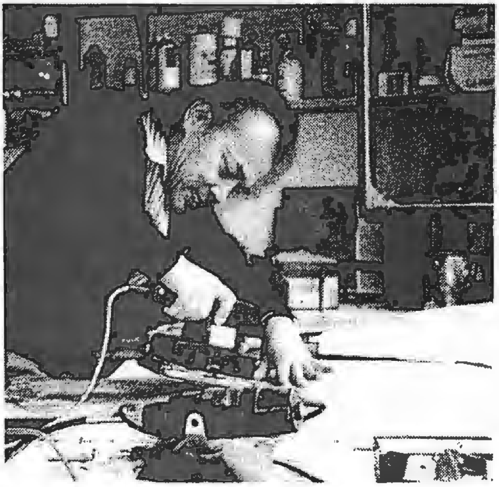

Trong số các họa sĩ Việt Nam đang sống và sáng tác ở Tây phương, chắc hẳn Lê Bá Đảng là người nổi tiếng nhất. Về phương diện kỹ thuật, tác phẩm của ông thật là ngoạn mục; về phương diện thẩm mỹ, chúng thỏa mãn người thưởng ngoạn. Đồng thời trông chúng không giống như những tác phẩm của một họa sĩ Đông phương điển hình. Nghệ thuật của Lê Bá Đảng có vẻ Tây phương một cách rõ rệt và điều này bổ túc cho những đặc tính Đông phương của chúng.

Tại sao lại có chuyện đó? Một phần là do thiết kế, một phần là do tình cờ. Lê Bá Đảng sanh tại Quảng Trị, Trung Việt, năm 1921. Năm 18 tuổi, vì mong muốn được biết về thế giới, nhất là nước Pháp, nên ông đã sang Âu Châu. Sau đó ông thình lình bị mất liên lạc với quê nhà, với gia đình và những nguồn trợ cấp tài chánh, khi Đệ Nhị

Thế Chiến bùng nổ. Ông gia nhập quân đội Pháp, và đã bị bắt làm tù binh. Sau khi được thả năm 1945, ông ghi danh nhập học Trường Mỹ Thuật (École des Beau-Arts) ở Toulouse — hồi đó trường này không đòi hỏi người xin học phải xuất trình thẻ căn cước hoặc bằng cấp gì cả. Trong sáu năm kế tiếp ông học hỏi về nghệ thuật và ấn họa, đồng thời tự mưu sinh bằng những việc làm khác nhau (trong số đó có việc làm tại một nhà in thương mại), và những việc làm đó sau này đã đóng góp vào sự đa năng của ông. Cuộc triển lãm riêng đầu tiên của Lê Bá Đảng, tổ chức tại thư viện Librarie du Globe ở Paris năm 1950, đã khá thành công. Dần dần càng ngày tác phẩm của ông càng được nhiều người biết tới qua những cuộc triển lãm trong các phòng trưng bầy tranh khắp nước Pháp. Lê Bá Đảng bắt đầu nổi tiếng trong giới nghệ thuật quốc tế từ năm 1966, khi ông tổ chức những cuộc triển lãm một mình tại *Newman Contemporary Art Gallery ở Philadelphia*, và *Cincinnatti Art Museum*. Ngày nay tác phẩm của ông được trưng bầy trong những phòng tranh khắp nơi ở Hoa Kỳ, Đức và Nhật Bổn, và từ năm 1980 đã được in trong nhiều cuốn sách về nghệ thuật.

Nhà họa sĩ này đã ứng xử với di sản Đông phương của mình như thế nào, trong khi ông đã có kinh nghiệm lâu dài về nghệ thuật Tây phương như vậy? Ông nói: “Tôi không vẽ theo kiểu gì Đông phương hoặc Tây phương. Ở bên trong tôi đã có cả hai thứ đó. Tôi suy tư như một người Đông phương nhưng lý luận như một người Tây phương. “Sự tổng hợp giữa Đông phương và Tây phương hiện ra rõ ràng trong những tác phẩm của ông từ thập niên 1970, nhất là những bức ấn họa. Những chủ đề của chúng mang đặc tính Đông phương điển hình, nhưng về phương diện thẩm mỹ thì chúng có đặc tính của Trường Phái Paris của thập niên 1950, không những trong sự sử dụng mầu sắc tươi sáng mà trong cả những phẩm chất xuất sắc và điêu luyện của kỹ thuật hội họa trừu tượng tìm thấy trong những tác phẩm của các họa sĩ đồng thời với Lê Bá Đảng, như Georges Mathieu.

Năm 1981 Lê Bá Đảng từ bỏ lối sáng tác đó để quay sang một kỹ thuật ấn họa có tính cách Đông phương rõ rệt hơn, với tác phẩm *Hài Kịch Nhân Sinh*. Tác phẩm này đã khai phá một chủ đề mà ông vẫn thường sử dụng lại trong những năm qua. Bộ tác phẩm đó cũng đã đánh dấu một khúc rẽ trong sự nghiệp của Lê Bá Đảng: lần đầu tiên ông sáng tác cho chính mình. Sự thay đổi đã lập tức hiển hiện trong lối vẽ với một vẻ súc tích và trong sáng. Bốn năm sau, Lê Bá Đảng thực hiện tác phẩm *Những Không Gian (Spaces)*, cho thấy nghệ thuật của ông đã tới độ hoàn toàn chín mùi. Hết sức vi tế trong sự biểu hiện và điêu luyện về kỹ thuật, bộ tác phẩm này truyền đạt những ý nghĩa đa

dạng và phức tạp.

Từ ngữ "không gian" cần phải được hiểu ở nhiều tầng lớp cùng một lúc. Nó là một không gian phong cảnh — nhưng là một không gian đặc biệt Việt Nam. Đối với Lê Bá Đảng, Việt Nam là một thiên đàng đã mất. Ông nói: "Tôi chưa bao giờ rời khỏi quê hương. Dù rằng thân xác tôi đã bị đem đi, nhưng tâm hồn tôi vẫn còn buộc chặt vào nơi đó. Tất cả tác phẩm của tôi là phản ảnh của tình yêu quê hương trong hàng ngàn khía cạnh. "Những ký ức này — được bồi đắp thêm bởi những chuyến về thăm quê hương thường xuyên kể từ năm 1976 — thường ám ảnh trí tưởng tượng của ông. (Lê Bá Đảng đã hiến tặng nhiều thì giờ và tiền bạc vào việc tái thiết ngôi làng sinh quán của ông, và đã góp nhiều công sức để phát huy nghệ thuật ở Việt Nam.) Bất cứ ai từng ở Việt Nam sẽ lập tức nhận ra dấu ấn đích thực của những đặc điểm trong những phong cảnh của Lê Bá Đảng. Theo lời ông thì đó là quê hương trong trí nhớ về thời thơ ấu. Tuy nhiên, đó là một phong cảnh nhìn từ trên cao, một cái nhìn từ trên không trung nhìn xuống, cho nên nó có vẻ trừu tượng. Thực ra, sự sắp đặt bề mặt bức tranh của Lê Bá Đảng cũng phù hợp với cách bố trí các ngôi làng ở Việt Nam. Để khiến nó có thêm nhân tính trong khi bầy tỏ "sự liên hệ mật thiết giữa Người và Vũ Trụ," ông thường đem những đường nét loài người vào một hình thể trừu tượng, trích ra từ hình vẽ nhỏ gần với *dạng chữ Hán* mô tả một gia đình (tâm điểm truyền thống của đời sống Đông phương) mà ông dùng làm dấu triện ký tên trên tất cả các tác phẩm của ông.

Giấc mộng của Lê Bá Đảng về quê hương Việt Nam cũng là một nhịp cầu dẫn tới một quan điểm nhận thức và triết lý về nghệ thuật. Ông đã mô tả những khoảng không gian mà ông vẽ như là đồng thời "trống rỗng và đầy ắp," giống như trạng thái Niết Bàn của Phật giáo. Niết Bàn có nghĩa là tìm thấy chân tánh hay Phật tánh, là thứ hư vô vì nó là "vô ngã," nhưng đồng thời nó cũng đầy ắp, vì nó đồng hóa với vũ trụ.

Do ảnh hưởng Lão giáo thâm sâu của Trung Hoa cho nên Phật giáo ở Trung Hoa có những đặc tính khác với Phật giáo nguyên thủy xuất phát từ Ấn Độ. Tác phẩm của Lê Bá Đảng đã tiêm nhiễm một cách tự nhiên từ cả Lão giáo và Phật giáo, vì Trung Hoa đã đô hộ Việt Nam khoảng một ngàn năm. Đối với Lão Tử — tác giả Đạo Đức Kinh, nền tảng triết lý của Lão giáo — cũng như đối với nghệ thuật của Lê Bá Đảng thì thiên nhiên không có giới hạn, giống như những hình dạng khác nhau trong *Những Khoảng Không Gian* và chúng thường ám chỉ một không gian khác nữa.

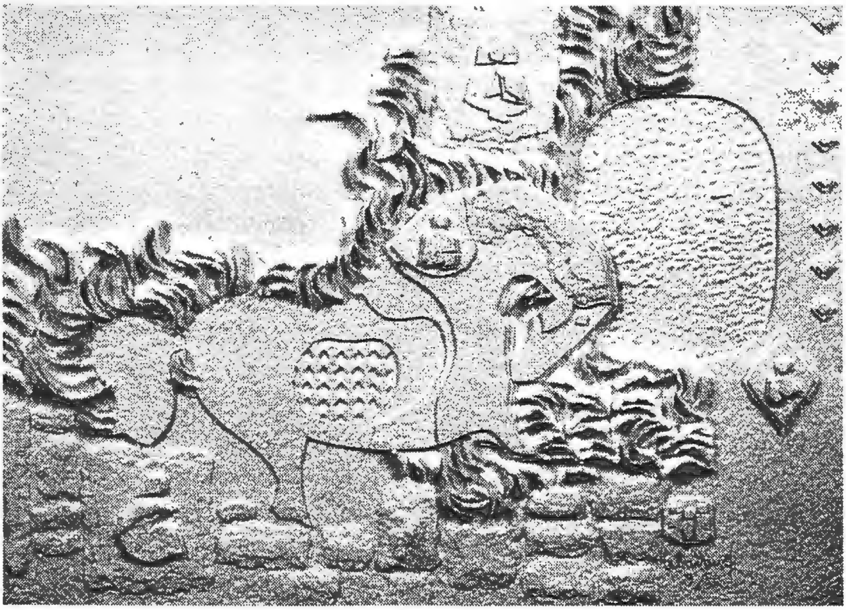

Wild horses

Sự liên hệ giữa nghệ thuật của Lê Bá Đảng với Lão giáo không phải chỉ là về quan niệm mà còn về cả hình thức. Những tác phẩm đầu tiên vẽ trên giấy trong bộ tác phẩm *Những Không Gian* là mầu trắng thanh khiết. Nhưng, hầu như ngay lập tức, nhà họa sĩ lại tạo toàn N*hững Không Gian* mầu đen. Ánh sáng và bóng tối là cần thiết để bổ túc lẫn nhau; bởi vì, như Lão Tử đã nói, người ta không thể biết cái này nếu không có cái kia. Nhưng, chuyện tất nhiên là Lê Bá Đảng bắt đầu đem mầu sắc vào *Những Không Gian.* Một phần là vì đây là điều cần thiết về phương diện mỹ thuật để làm sống động bề mặt của tác phẩm. Có những lúc mầu sắc trong sáng và mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong đa số các trường hợp thì mầu sắc dịu dàng và tĩnh lặng, gồm những mầu đen đậm, những mầu đỏ thẫm, những mầu của đất, và những mầu xanh ảm đạm. Những loại mầu sắc này được dùng để đưa tâm trí tới trạng thái trầm tư mặc tưởng. Lão Tử đã nói về Đạo: "Từ trên nó không sáng, từ dưới nó không tối." Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng nó vô mầu sắc — có những lúc Lê Bá Đảng dùng những chấm hoặc những cột ánh sáng soi sáng hình ảnh từ bên trong. Ánh sáng tạo nên hình thái đặc biệt sống động trong nghệ thuật của Lê Bá Đảng.

Ông được biết tới nhiều nhất qua những tác phẩm thủ ấn họa. Ông sử dụng một bàn phiến cũ đã dùng nhiều lần để đắp những hình

nổi và có khi cũng tạo tất cả những mầu sắc ở đó, tuy rằng thường thường ông thích dùng một bàn phiến riêng biệt cho mỗi mầu. Ông không hoàn chỉnh những bức ấn họa, chúng thường được in từ 100 tới 200 bản cho mỗi tác phẩm, cho nên mỗi ấn bản giống như một bản chính gốc, vì không có hai bản nào hoàn toàn giống nhau. Ông dùng loại giấy được chế tạo riêng theo một phương pháp do chính ông sáng chế ra. Loại giấy này thường nhám như đá, chế tạo bằng cách phết keo vào giấy rồi căng ra; phẩm chất được làm thành hoàn hảo bằng những đốm mầu sắc. Ông dùng cùng loại giấy này để tạo những tác phẩm điêu khắc khác thường dán bằng giấy, khiến cho tác phẩm của ông thật là khác biệt. Trong những bức tranh của ông cũng có cả cát và những chất liệu thiên nhiên khác, và cả những vật thể đúc khuôn. Sự chú trọng vào sắc thái đa dạng này bắt nguồn từ lòng tôn quí sâu xa của ông đối với các chất liệu, đối với những tiềm năng bẩm sinh và những sự hạn hữu của chúng; đây là điều mà ông chia sẻ với nhiều họa sĩ Đông phương khác.

Trong những năm qua Lê Bá Đảng đã sáng tác bằng đủ các phương tiện khác nhau, cùng với tất cả những hình thức ấn họa chính yếu; ông đã tạo những tác phẩm điêu khắc bằng gỗ, khắc nổi trên đá, vẽ mầu nước, và sáng tạo đồ trang sức. Tất cả đều biểu lộ cùng một kỹ thuật điêu luyện mà ông không bao giờ dùng để phô trương tài năng của mình mà chỉ dùng như là một phương tiện để diễn đạt. Nghệ thuật của ông không những đặt căn bản trên tâm linh thâm trầm mà còn là sự cảm thông soi thấu vào cuộc đời qua kinh nghiệm sống lâu dài. Người xem tranh có những phản ứng tự nhiên đối với nhãn quan siêu việt của ông — một nhãn quan không có biên giới văn hóa. Tuy chúng rất đa dạng, nhưng tác phẩm của ông bầy tỏ sự khai mở một cá tính kiên định. Cuối cùng thì chẳng có sự phân cách nhị nguyên mà chỉ có sự thống nhất liên tục của một nhãn quan kết hợp một cách hoàn hảo giữa nghệ thuật và cuộc đời.

ANTHONY JANSON

(dịch từ Đặc San PRINTMAKING TODAY số Mùa Xuân năm 1999.)

MUỐN ĐỌC HỢP LƯU TRÊN INTERNET, XIN VÀO
http://www.saigonline.com/hopluu/

1/150

HỢP LƯU

Sinh hoạt văn học nghệ thuật

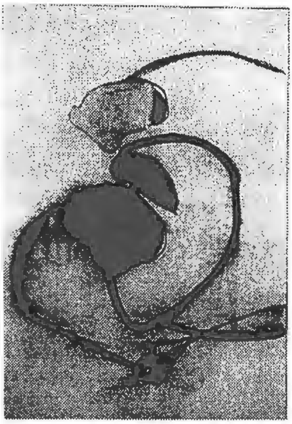

Đạo diễn Bob Wilson
và vở kịch "Mộng Tưởng"
của August Strindberg
tại Đại Hội Kịch Nghệ Châu Âu.

Dưới cái nhìn chăm chú của đạo diễn hoa kỳ Bob Wilson, 17 kịch sĩ thuộc Stadsteater của Stockholm đã khai mạc Đại Hội Kịch Nghệ Châu Âu, diễn ra trong tháng 11 và 12 (99) tại thành phố Nice (Pháp), với vở «Mộng Tưởng, Le Songe» của nhà viết kịch thụy điển August Strindberg. Vở kịch như một giấc mơ báo hiệu thế giới Bergman, đã được Bob Wilson dàn dựng trong không gian siêu hiện thực. Những hàng rào xám và quần áo đen ẩn hiện dưới từng dòng ánh sáng trắng bạch. Những con bò và tượng hình tinh khiết, không tì vết là tất cả phong cách mỹ thuật cùng nghệ thuật hình ảnh nghiêm chỉnh, chính xác của Wilson.

Vũ trụ Strindberg và thế giới ảo mộng Wilson đã hài hoà tương hợp đến nỗi một phê bình gia thụy điển cho rằng: Hình như gần 100 năm trước, khi viết vở kịch này, Strindberg đã nghĩ đến Wilson.

Quy Ước Kịch Nghệ Châu Au được sáng lập từ năm 1988 gồm có 31 kịch trường được bảo trợ, thuộc 17 quốc gia.

Dự án thành lập Bảo Tàng
Văn Minh và Nghệ Thuật ở Paris

Như những vị vua triều Nguyễn ở Việt Nam xây lăng, các vị tổng thống pháp cũng muốn mỗi người để lại một công trình văn hoá

đánh dấu thời là nguyên thủ quốc gia của mình. Tổng thống Pompidou với trung tâm văn hoá mang tên ông, rồi Giscard d'Estaing gắn liền vào Bảo tàng Orsay, đến Mitterrand mở ra Grand Louvre. Và bây giờ, tổng thống Chirac sẽ xây dựng Bảo Tàng Nghệ Thuật và Văn Minh (Musée des Arts et des Civilisations) trên một diện tích 8000 thước vuông tại bến Branly của thủ đô Paris.

Đây sẽ là nơi triển lãm các tác phẩm của «Nghệ thuật đầu tiên», ngày xưa gọi là «Nghệ thuật sơ khai», đến thời Malraux đổi thành «Nghệ thuật nguyên thủy», tượng trưng cho các nền văn minh tiên khởi của Á, Phi và Đại Dương Châu. Những tác phẩm này, hoặc đã được mua với ngân quỹ khoảng 25 triệu mỹ kim hay do các nhà sưu tầm tên tuổi tặng lại, đều được chọn lựa theo tính chất mỹ thuật hoàn hảo của chúng. Tất cả là những tác phẩm, cho đến bây giờ, chưa được vinh danh xứng đáng. Viện bảo tàng tương lai này sẽ bù trừ phần nào sự thiếu sót ấy, để cho người thưởng ngoạn đã từng thán phục trước bức tranh của Léonard de Vinci sẽ có dịp trầm trồ tương tự khi đối diện với một mặt nạ xuất xứ từ Phi Châu.

Trong khi chờ đợi ngày Bảo Tàng Văn Minh và Nghệ Thuật mở cửa (không trước năm 2004), 120 tác phẩm của bộ sưu tập sẽ được trưng bày ở Bảo Tàng Louvre trong thời gian gần đây.

Đoàn nghệ thuật dân gian Việt Nam lưu diễn Châu Âu

35 nghệ sĩ Việt Nam — diễn viên múa của Đoàn Ca Múa Dân Gian Việt Bắc, nhạc công của Nhạc Viện Hà Nội, ca sĩ thuộc Đoàn Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh — đã tham dự 11 đại hội nghệ thuật dân gian quốc tế từ ngày 11 tháng 5 đến ngày 2 tháng 9 năm 1999 tại bốn nước Châu Âu, Bỉ, Hòa Lan, Pháp, Ý.

Những đại hội quan trọng nhất đã diễn ra tại Cuneo (Ý), tại Reims và nhất là tại Confolens (Pháp). Ông chủ tịch đại hội Confolens nhân dịp này đã đề nghị giúp tổ chức tại Việt Nam một đại hội nghệ thuật dân gian quốc tế vào tháng 11 năm 2000.

Trong thời gian hơn 100 ngày trên đất Âu, đoàn nghệ sĩ Việt Nam cũng đã viếng và biểu diễn tại gần 40 thành phố.

Ngoài ra, một đoàn nghệ sĩ Việt Nam đã tham dự, cùng các đoàn nghệ sĩ thuộc 37 quốc gia khác, đại hội văn hóa Babylone (Iraq) từ ngày 22 tháng 9 đến ngày 2 tháng 10. Đại Hội Babylone được tổ chức hằng năm, lần đầu tiên vào năm 1987.

Nhạc kịch Aida trình diễn trước ba kim tự tháp

Năm trước, nhạc kịch "Turandot" của Puccini trình diễn tại Cấm

Thành Bắc Kinh đã để lại nhiều dư âm trong lòng người yêu nhạc, thì năm nay vở "Aida" của nhà soạn nhạc Ý Giuseppe Verdi được trình diễn lần cuối cùng trong thế kỷ XX này trước ba ngôi kim tự tháp vùng Guizeh, Ai Cập, từ ngày 12 đến 17 tháng 10.

"Aida" kể lại chuyện tình éo le giữa Ramadès, vị thống soái quân đội Ai Cập, và Aida, nàng công chúa xứ Ethiopia, kẻ thù của Ai Cập. Verdi đã sáng tác nhạc kịch này năm 1869 để tặng vị khedive (phó vương) Ismail Pacha, nhân dịp khai trương nhà hát lớn Cairo.

Những buổi trình diễn tại Guizeh tổn phí khoảng gần bốn triệu mỹ kim. Công binh Ai Cập đã dựng một sân khấu hình mặt trời đường kính 64 mét. Mỗi buổi trình diễn có thể tiếp đón 4500 khán giả.

Theo lời nhà đạo diễn Ai Cập Abdel Moneim Kamel, kịch diễn ra "giữa trời và đất," và "màu sắc, ánh sáng, trang trí, kết hợp với nhạc của Verdi, tạo nên một sự hài hòa tuyệt vời với khung cảnh thiên nhiên của ba ngôi kim tự tháp."

Các diễn viên chính gồm các giọng ca soprano và tenor của Ý và Ai Cập.

Quốc táng ba ngày tại Bồ Đào Nha cho nữ ca sĩ Amália Rodrigues

Amália Rodrigues, nữ ca sĩ lừng danh hát nhạc *fado*, đã từ trần sáng ngày 6 tháng 10 tại Lisbonne, thọ 79 tuổi. Ngay buổi chiều, hàng ngàn người dân thủ đô Bồ Đà Nha thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội đã tề tựu đưa di hài bà tới thánh đường Estrela, và thủ tướng Bồ đã tức khắc ký sắc lệnh cả nước để tang ba ngày.

Amália Rodrigues sinh tại khu thợ thuyền Alcantara, bên bờ sông Tage. Bà vẫn luôn luôn hãnh diện với nguồn gốc dân dã của mình. Gia đình nghèo, bà đã phải rời ghế nhà trường trước khi xong bậc tiểu học, và đã làm nghề bán rong hoa quả trên các vỉa hè. Quá khứ này có thể giải thích phần nào vì sao sau này, mặc dầu được nhà độc tài Salazar trọng đãi nhằm đánh bóng chế độ, bà vẫn lén lút đóng góp giúp đảng cộng sản Bồ hoạt động bí mật.

Năm 19 tuổi, bà bắt đầu theo nghiệp ca hát tại rạp Retiro da Severa, vào năm 1940 là rạp *fado* danh tiếng nhất Lisbon, bất chấp mọi phản đối của gia đình — vào thời đó, *fado* bị coi là một thứ nhạc đồi trụy. Nhưng từ năm 1956, sau những lần lên sân khấu rạp Olympia tại Paris, Pháp, danh tiếng bà lan truyền khắp thế giới, và bà được coi là sứ giả của điệu nhạc thê thiết *fado*. Bà để lại hơn 170 đĩa hát ghi âm tại trên 30 nước. Bà cũng đã đóng hơn 10 phim, trong đó phải kể cuốn phim thời danh *"Les Amants du Tage" (Cặp tình Nhân Sông Tage)* của nhà đạo diễn Pháp Henri Verneuil.

Ba nghệ sĩ khác ra đi

-- Nhà đạo diễn Henri Storck, được coi là người tiền phong của điện ảnh nước Bỉ, đã mệnh chung ngày 17 tháng 9 tại Bruxelles, thọ 92 tuổi. Trong 60 năm gắn bó với nghệ thuật, ông đã thực hiện 70 cuốn phim. Những phim ngắn đầu tay của ông, thực hiện trong thập niên 1930, đã trở thành những tác phẩm bất hủ: *"Images d'Ostende" (Những hình ảnh thành phố Ostende), "Trains de plaisir" (Những chuyến tàu hoan lạc), "Une idylle à la plage" (Cuộc tình bên bãi biển).* Trong số những phim dài của ông phải kể đến *"Misère au Borinage" (Nghèo khốn tại* [vùng mỏ] *Borinage), "Les maisons de la misère" (Những túp nhà nghèo khốn),* nói lên kiếp sống thợ thuyền với những hình ảnh lầm than đáng thương tâm. Nhưng nhất là cuốn phim trữ tình *"Symphonie paysanne" (Tấu khúc đồng quê),* thực hiện trong ba năm 1942-44, được Henri Langlois, người sáng lập Viện Điện Ảnh Pháp, đánh giá là một trong số 200 phim hay nhất của cả thế giới.

-- Vũ nữ Ai Cập Taheya Carioca, vũ nữ múa bụng danh tiếng nhất của thế giới Á Rập, đã qua đời ngày 20 tháng 9 tại Cairo, thọ 79 tuổi. Tên thật là Abla Mohamed Karim, bà mang tên Carioca vì, những buổi đầu lên sân khấu vào những năm 1930, bà đã biểu diễn cả điệu vũ samba này của xứ Brazil cũng tuyệt vời không kém gì múa bụng. Bà đã trình diễn tại hầu hết các nước Á Rập, và cũng đã thủ vai chính trong nhiều phim của Ai Cập. Taheya Carioca không còn lên sân khấu từ hai mươi năm qua, nhưng bất chấp các áp lực của phong trào Hồi giáo, bà không bao giờ chối bỏ quá khứ cũng như nghệ thuật của mình.

--Họa sĩ Pháp Bernard Buffet đã tự vẫn ngày 4 tháng 10, sau những năm tháng mang chứng bệnh *Parkinson* khiến ông không còn cầm cọ được nữa. Sinh năm 1928 tại Paris, ông đã bỏ học năm 15 tuổi để theo đuổi đam mê của mình, hội họa. Năm sau ông trúng tuyển vào trường Mỹ Thuật, và triển lãm lần đầu tại Paris năm 1949. Ngay từ năm 1955 ông đã được coi là một trong mười họa sĩ tài danh nhất của thời hậu chiến. Bút pháp khắc khổ của ông không theo trường phái nào, và mặc dầu không phải ai ai cũng hâm mộ ông, Buffet đã triển lãm hầu khắp thế giới; đặc biệt nước Nhật lập ra hẳn một bảo tàng Bernard Buffet. Ông sáng tác rất nhiều, để lại gần 8000 bức họa. 90% tác phẩm của ông bán được ngay trong các buổi triển lãm, với giá từ 300 ngàn đến 500 ngàn quan Pháp (từ 50 ngàn đến 80 ngàn mỹ kim). Ông vẫn tự riễu mình là "một anh học trò lười mà lại thành công, một gương xấu cho các học trò tốt."

12 tiểu thuyết hay nhất của Pháp

Hàn Lâm Viện Goncourt ngày 27 tháng 9 đã công bố danh sách 12 cuốn tiểu thuyết được các hội viên, sau nhiều ngày tranh luận gắt gao, đồng ý coi là hay nhất trong lịch sử văn chương nước Pháp từ xưa đến nay. Trong số này, 5 cuốn là của các tác giả thế kỷ XIX: *Le père Goriot* của Honoré de Balzac, *L'éducation sentimentale* của Gustave Flaubert, *La Chartreuse de Parme* của Stendhal, *Au bonheur de ces dames* của Emile Zola, và *Les Misérables* của Victor Hugo. Một tác phẩm thế kỷ XVIII được chọn là cuốn *Les Liaisons dangereuses* của Choderlos de Laclos. Xa xưa hơn hết là *Le Roman de Tristan et Iseut* của thời trung cổ, đã được Joseph Bédier viết lại bằng tiếng Pháp hiện đại năm 1900. Các tiểu thuyết thuộc thế kỷ XX là : *Chéri* của Colette, *Mort à crédit* của Louis-Ferdinand Céline, *Un Roi sans divertissement* của Jean Giono, *La Semaine sainte* của Aragon, và tất nhiên không thể thiếu *A la recherche du temps perdu* của Marcel Proust.

Hàn Lâm Viện Goncourt thành lập năm 1903, cứ tháng 11 mỗi năm họ trao tặng một giải thưởng văn chương tương đương với giải Booker của Anh và Pulitzer của Mỹ.

Triển lãm "Cities on the Move" tại Bangkok

Lần đầu tiên tại Đông Nam Á, thủ đô Thái Lan trở thành sân khấu sống cho những trình diễn tự phát (*happenings*) nghệ thuật hiện đại trong ba tuần lễ, từ ngày 8 tháng 10 năm nay. Cuộc triển lãm lưu động *Cities on the Move (Những thành phố trên đà biến chuyển)* dừng chân tại Bangkok sau Vienna (Áo), Bordeaux (Pháp), New-York (Hoa Kỳ), Humelebaek (Đan Mạch), London (Anh), và sẽ kết thúc tại Seoul (Hàn Quốc). Đề tài của các nghệ sĩ là những xáo trộn xã hội do sự phát triển đô thị đưa tới. Tham vọng của các nhà tổ chức là cuộc triển lãm Bangkok phản ánh các biến chuyển hiện nay của các thành phố Á Châu.

Hơn một trăm nghệ sĩ đến từ 20 quốc gia Á và Âu sáng tác ngoài trời, ngay giữa lòng thành phố. Bên dòng sông Chao Phraya, họ có chất liệu của Bangkok hỗn độn, với những tòa nhà chọc trời bên cạnh những khu phố cổ nhỏ hẹp, đường xe điện ngầm tân tiến bên những xe ba bánh tuk-tuk, những công trình xây cất bỏ dở dang từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997...

Giới hữu trách Bangkok, từ hai năm nay tìm cách trả lại bộ mặt nhân tính cho thành phố, trông mong cuộc triển lãm này thức tỉnh mọi người, hướng đến một viễn tượng khác cho việc phát triển đô thị.

Những cuộc triển lãm vô tiền tuy không khoáng hậu

-- Ngày 8 tháng 10, thành phố Firenze (Ý), với sự cộng tác của Viện Đại Học New York, đã khai mạc cuộc triển lãm về thời tuổi trẻ của Michelangelo. Đây là lần đầu tiên người ta tập hợp các tác phẩm điêu khắc và hội họa buổi đầu của nhà nghệ sĩ trứ danh thời Phục hưng. Cuộc triển lãm được tổ chức tại Casa Buenarroti, nơi Michelangelo đã sống từ năm 1516 đến năm 1525, và tại Palazzo Vecchio, nơi dựng bức tượng cẩm thạch lừng danh *David* của ông. Đặc biệt nhất là bức tượng *"Đứa trẻ cầm cung"* mới khám phá cách đây ba năm tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp, New York. Cũng lần đầu tiên đưa về Ý triển lãm là bức tượng *"Đức Mẹ đồng trinh Manchester"* thuộc viện bảo tàng National Gallery (London). Ngoài ra phải kể đến tượng hai vị thánh và một thiên thần Michelangelo đã thực hiện cho nhà thờ San Domenico ở Bologna, tượng thánh *Paolo* ở Siena, thập tự gỗ tại nhà thờ Santo Spirito, Firenze, cùng nhiều họa phẩm từ các viện bảo tàng khắp thế giới đưa về. Cuộc triển lãm sẽ bế mạc ngày 9 tháng 1 năm 2000.

--Ngày 18 tháng 10, tại Athènes, tổng thống Hi Lạp Costis Stéphanopoulos và hoàng hậu Tây Ban Nha Sofia đã khai mạc cuộc triển lãm 72 họa phẩm của họa sĩ Tây Ban Nha người gốc đảo Crète, Domenikos Théotokopoulos, được biết nhiều hơn trong lịch sử mỹ thuật dưới tên Greco (1541-1614). Greco đã bước vào hội họa tại quê hương trước khi qua Venise, Ý, rồi định cư tại Tây Ban Nha. Phần lớn các bức họa này hiện nay thuộc các viện bảo tàng Madrid, Rome, Athena và New York. Cuộc triển lãm sẽ bế mạc ngày 17 tháng 1 năm 2000.

-- Cũng ngày 18 tháng 10, Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Canada tại Ottawa tổ chức cuộc triển lãm *"Ánh Sáng Bắc Phương"*, lần đầu tiên trên thế giới trình bày hơn 100 họa phẩm của các họa sĩ phong cảnh Đan Mạch và Đức vào đầu thế kỷ XIX. Mục đích làm nổi bật lòng thiết tha đối với ánh sáng của những nghệ sĩ sống với những đêm đông dài của vùng biển Baltique. Đáng chú ý nhất là những tác phẩm của Casper D. Friedrich, Eckersberg, Carl Blechen và Johan C. Dahl. Kết thúc tại Ottawa ngày 2 tháng 1 năm 2000, cuộc triển lãm sau đó sẽ được tiếp tục tại các viện bảo tàng Kunsthalle ở Hamburg và Thorvaldsen ở Kobenhavn.

Khôi phục những kho tàng văn hóa

-- Ngày 21 tháng 10, đoàn vũ hoàng gia Kampuchea đã gửi 45 vũ công và 6 nhạc công lên đường lưu diễn hai tháng tại Pháp, Ý, Thụy

Sĩ và Bỉ. Chuyến đi này được coi như đánh dấu sự sống lại của một nghệ thuật tưởng như đã tiêu vong sau những năm dài của cơn ác mộng Pol Pot. Vũ điệu cổ điển Kampuchea ra đời từ thời Đế Thiên Đế Thích (thế kỷ IX-XIV), bắt nguồn từ tôn giáo và mang nặng ảnh hưởng Ấn Độ. Chế độ Khmer Đỏ coi đó là một sản phẩm của giai cấp phong kiến, đã hủy diệt hầu hết bài bản, tài liệu, buộc các vũ công về thôn quê làm ruộng. Đến năm 1979 chỉ còn mươi người sống sót, và bằng vào trí nhớ của họ, công chúa Bopha Devi, trước kia là vũ nữ chánh của đoàn và hiện nay là bộ trưởng Văn hóa Nghệ thuật, đã dày công phục hồi kho tàng cao quý nhất này của Kampuchea.

-- Cũng trong tháng 10, trường đại học Federico Villarreal tại Lima, thủ đô Peru, khởi sự xuất bản những tác phẩm viết bằng tiếng Quechua và tổ chức một cuộc tranh tài thơ và truyện ngắn tiếng Quechua. Vào thời hoàng kim của đế quốc Inca trong các thế kỷ XV-XVI, đây là ngôn ngữ của trên 12 triệu người. Hiện nay con số này chỉ còn khoảng phân nửa, trong số đó 4 triệu người sống tại Peru, và tiếng Quechua được nhìn nhận là một trong ba ngôn ngữ chính thức của Peru, cùng với tiếng Tây Ban Nha và tiếng Aymara, một thổ ngữ khác. Trường đại học cho hay mục đích của mình là để chứng minh tiếng Quechua không phải mỗi ngày mỗi tàn lụi, và hiện vẫn có một nền văn chương tiếng Quechua.

Nathalie Sarraute không còn nữa

Nữ sĩ Pháp gốc Nga Nathalie Sarraute, vẫn được coi là người tiền phong của trường phái Tiểu Thuyết Mới (Nouveau Roman), đã từ trần ngày 19 tháng 10 tại Paris, thọ 99 tuổi. Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1900 tại Ivanovo (Nga), bà theo gia đình sang Pháp vào năm 8 tuổi, và từng theo học các đại học Sorbonne ở Paris, Oxford bên Anh, Berlin bên Đức. Chỉ từ năm 41 tuổi bà mới quyết định hoàn toàn theo nghiệp văn chương, hai năm sau khi xuất bản tập sách đầu tiên, *Tropismes (Tính hướng)*. Trong tác phẩm này bà đã đặt nền móng cho phong trào Tiểu Thuyết Mới, nổi danh về sau với những tác giả như Michel Butor, Alain Robbe-Grillet, Claude Simon. Công chúng thờ ơ với các tác phẩm buổi đầu của bà, mặc dầu Jean-Paul Sartre đã viết lời tựa cho cuốn *Portrait d'un inconnu (Chân dung kẻ lạ mặt)* bà viết trong những năm trốn tránh quân Đức quốc-xã và xuất bản năm 1946. Nhưng đến năm 1956, tập khảo luận *L'Ere du soupcon (Thời ngờ vực)* khiến dư luận xôn xao; bà trở nên lý thuyết gia của truyện kể "không nhân vật, không tình tiết", và tập sách được coi là tuyên ngôn của Tiểu Thuyết Mới. Độc giả của bà ngày càng tăng, nhất là với cuốn *Enfance*

(Ấu thời) xuất bản năm 1983. Bà cũng đã viết nhiều vở kịch, như *Le Mensonge (Dối trá), Pour un oui, pour un non (Ừ có, ừ không)*... Năm 1996 bà là một trong những tác giả hiếm hoi còn sinh thời tác phẩm đã được xuất bản trong tủ sách quí *Pléiade* của nhà Gallimard.

Hai tác phẩm cuối cùng của bà, viết khi đã ngoài 90 tuổi, là *Ici (Nơi đây)* năm 1995 và *Ouvrez (Mở ra)* năm 1997.

Người phụ nữ đầu tiên đứng đầu Hàn Lâm Viện Pháp

Nữ học giả Hélène Carrère d'Encausse đã được bầu vào chức vị Thư ký suốt đời (Secrétaire perpétuel) của Hàn Lâm Viện Pháp ngày 21 tháng 10 vừa qua. Bà trở thành người phụ nữ đầu tiên cầm đầu cơ quan do Hồng Y Richelieu sáng lập năm 1635. Năm 1990 bà là người phụ nữ thứ ba được bầu vào Hàn Lâm Viện sau Marguerite Yourcenar (1980) và Jacqueline de Romilly (1988).

Sinh ngày 6 tháng 7 năm 1929 tại Paris, cha là một triết gia người Géorgie, mẹ người Nga, bà còn kế thừa những dòng máu Áo, Đức, Ý; và không lạ gì bà đã chuyên nghiên cứu về Liên Xô và các nước Đông Âu sau khi tốt nghiệp tại Viện Chính Trị Học Paris và đậu bằng tiến sĩ văn khoa. Năm 1978, bà khiến tất cả các nhà nghiên cứu xôn xao khi cho xuất bản cuốn *L'Empire éclaté (Đế quốc bùng vỡ).* Trong tác phẩm này, bà tiên tri, trước hơn ai hết, Liên Xô sẽ bùng vỡ vì phải đối đầu với vấn đề các dân tộc thiểu số. Sau đó bà viết rất nhiều khảo cứu lịch sử, chính trị, cũng như tiểu sử Lénine và Staline, và trở thành một chuyên gia hàng đầu về thế giới cộng sản.

Nhận chức vụ mới, bà tuyên bố sẽ tiếp tục viết dù công việc nặng nề tại Hàn Lâm Viện, dù bà vẫn đảm nhiệm giảng dạy tại Viện Chính Trị Học Paris.

Trước đó, ngày 13 tháng 10, một phụ nữ khác, bà Assia Djebar, tiểu thuyết gia và nhà đạo diễn điện ảnh người Algérie, đã được bầu vào Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Ngôn Ngữ và Văn Chương Tiếng Pháp của nước Bỉ. Bà Djebar từng là giáo sư các đại học Rabat và Alger, hiện nay giảng dạy văn học Pháp tại Đại Học Bâton-Rouge, tiểu bang Louisiana, Hoa Kỳ.

Chuyến xe lửa văn chương tốc hành Châu Âu năm 2000

Vào mùa hè năm tới, hơn một trăm nhà văn của hơn 40 quốc gia sẽ cùng nhau băng qua Châu Âu trên một con tàu mang tên "Văn chương Tốc hành Châu Âu 2000". Con tàu sẽ theo lộ trình của con tàu "Tốc hành Bắc-Nam" xưa kia, chạy qua 11 nước Châu Âu, nối liền Lisbon (Bồ Đào Nha) với Moskva (Nga). Mỗi nhà văn sẽ viết một bài

với đề tài Châu Âu, các công trình của họ sẽ được phổ biến trên internet và sau đó sẽ xuất bản chung vào năm 2001. Tại mỗi nơi ghé lại sẽ tổ chức những cuộc tranh luận với sự tham gia của người địa phương. Con tàu sẽ khởi hành ngày 1 tháng 6 năm 2000, băng qua Tây Ban Nha, Pháp, Bỉ, Đức, Ba Lan, Estonia, Latvia, Lithuania, Nga, Belarus, rồi trở về thủ đô Đức. Dự án này kết hợp với một chương trình rộng lớn dịch thuật các tác phẩm văn học Châu Âu, được sự bảo trợ của Hội đồng Châu Âu, Ủy hội Châu Âu, UNESCO và Liên hiệp Hỏa xa thế giới.

Rafael Alberti không còn nữa

Thi sĩ Rafael Alberti đã qua đời tại Cádiz, rạng ngày 28 tháng 10, thọ 96 tuổi. Ông là người cuối cùng của "Thế hệ 1927," một trong những trào lưu quan trọng nhất trong văn học Tây Ban Nha, và bản thân ông vẫn được coi là một trong những thi sĩ lớn nhất của xứ này. Ông nổi tiếng ngay từ năm 22 tuổi với tập thơ *Marinero en tierra (Người thủy thủ trên bờ)*, tác phẩm đã mang lại cho ông giải Văn Học Quốc Gia. Thơ ông là kết tinh của biển cả, dân ca vùng Andalucia quê hương ông, và ngôn ngữ của những người lam lũ. Những tập thơ chính của ông — *Sobre los angeles (Về các thiên thần*, 1929), *Pleamar (Triều dâng*, 1944), hoặc *A la pintura* (*Về hội họa*, 1948) — đã trở thành những tác phẩm cổ điển. Năm này qua năm khác, không biết bao nhiêu nghệ sĩ đã ngâm vịnh thơ ông trên sân khấu. Ông còn để lại nhiều vở kịch, trong số đó không thể không kể đến *Noche de guerra en el Museo del Prado* (*Đêm chiến tranh trong bảo tàng Prado*, 1954).

Rafael Alberti đồng thời cũng là một nhân chứng quan trọng của lịch sử Tây Ban Nha thế kỷ XX, từng là bạn của Federico Garcia Lorca, Pablo Picasso, Luis Bunuel. Đảng viên đảng cộng sản, trong cuộc nội chiến 1936-1939 ông đã cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ cộng hòa, và sau khi Franco thắng trận ông đã lưu lạc gần 40 năm tại các xứ Pháp, Argentina, Ý. Đến năm 1977, hai năm sau cái chết của Franco, ông mới trở về nước. Trước rừng người tề tựu đón rước ông tại phi trường Madrid, ông đã tuyên bố : "Tôi đã giơ cao nắm đấm khi rời Tây Ban Nha, và giờ đây trở về tôi chìa tay hòa giải với tất cả mọi người Tây Ban Nha."

HỢP LƯU

GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI ĐẾN VỚI HỢP LƯU

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới

NẮNG SÀI GÒN, NẮNG HOA KỲ, truyện dài Phạm Nguyên Lương. Doãn Quốc Sỹ giới thiệu. Bìa Khánh Trường, Đại Nam xuất bản 1999. Sách dày hơn 500 trang. Giá 18MK.

Tác phẩm thứ 5 sau: - *Người Việt Nam Nhớ Về Nguồn Gốc Việt Nam*, kịch và thơ.

- *Anh Hùng và Giai Nhân Việt Nam*, kịch và thơ

- *Người Hàng Xóm Mới (The New Neighbors)*, tuyển tập truyện ngắn song ngữ Anh Việt.

- *Tuyển Tập Thi Văn*, viết chung với nhiều tác giả.

"Nắng Sài Gòn Nắng Hoa Kỳ cho thấy những phong phú của nhiều nhân vật tiêu biểu, vừa trong cảnh đời với thái độ sống còn trong tinh thần bàng bạc của "thiền", vừa trong những phương cách cần thích hợp với đời sống mới ở khắp nơi hải ngoại...(Lời giới thiệu - Doãn Quốc Sỹ).

Đọc thơ THÁI TÚ HẠP, 29 tác giả và 16 nhạc sĩ. Sông Thu xuất bản. Giá 15MK.

Liên lạc: Ái Cầm, 9234 E. Valley Blvd. Rosemead, CA 91770.

Tập hợp những bài viết cùng các nhạc phẩm phổ từ thơ Thái Tú Hạp của rất nhiều ngòi bút và nhạc sĩ đang sống rải rác khắp nơi trên thế giới.

Sách dày ngót 300 trang.

Trong lời đầu sách có tên *"Chút lửa ấm nơi quê người..."*, Thái

Tú Hạp viết, " *Tôi vô cùng hạnh phúc, vì thực sự từ giây phút này tôi không còn cô đơn*". Bởi, "*những tình cảm ưu ái gần xa vạn dặm, của các bậc trưởng thượng, của các văn thi hữu, bằng hữu và những người đọc thơ tôi mà tôi chưa một lần hân hạnh quen biết. Tất cả, đã dành cho tôi sự xúc động bất ngờ với món quà tinh thần cao quí và vô giá...*"

Món quà tinh thần cao quí và vô giá đó, là những bài viết, những nhạc phẩm họ đã đề cập đến, hoặc đã phổ từ thơ Thái Tú Hạp.

Sách có hình thức đẹp, trang nhã.

TINH HOA HÀ NỘI, Mai Thực. Bìa KT. Văn Hóa xuất bản. Giá 12MK.

Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam, đất nghìn năm văn vật, được tác giả soi chiếu bằng mắt nhìn tha thiết, khởi từ một tấm lòng yêu mến nồng nàn, qua mọi khía cạnh: thức ăn, thổ sản, thắng tích, phố phường, nhà cửa, con người, danh nhân, văn nghệ sĩ...

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỈ PHÚ SÀI GÒN XƯA, bìa KT, Văn Hóa xuất bản. Giá 10MK.

Những huyền thoại về Chú Hỏa, Chú Hỷ, các công tử Bạc Liêu, đốt tiền cách nào, Nguyễn Tấn Đời và Thần Tài Tín Nghĩa, Lý Long Thân và cơn sốt chim cút, nhà tỷ phú rửa chén, tứ đại mỹ nhân Sài Gòn, những cuộc phiêu lưu tình ái của Hắc Công Tử và Bạch Công Tử.... Rất nhiều mẫu chuyện lý thú về các tỉ phú của Sài Gòn xưa.

Đọc, để thấy người ta làm giàu bằng cách nào, sử dụng tiền của ra sao.

NHỮNG VỤ ÁN VĂN CHƯƠNG TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA, Nguyễn Tôn Nhan biên dịch. Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin.

Dưới chế độ phong kiến, văn chương được các nho sĩ xem là phương tiện để biểu đạt tư tưởng tình cảm mình, nhưng vì nhiều qui ước khắt khe, văn chương, chữ nghĩa dễ dàng dẫn tới những tai họa thảm khốc cho tác giả. Trong lịch sử lâu dài của Trung Quốc, nhiều vụ án văn chương đã chứng minh tính tàn bạo của chế độ thống trị.

Cuốn sách cung cấp cho người đọc một cách tuy khái quát nhưng khá phong phú và lý thú về những vụ án văn chương trong lịch sử Trung Hoa.

TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT THEO THẨM MỸ & PHONG THỦY PHƯƠNG ĐÔNG, Phạm Cao Hoàng. Bìa KT, Văn Hóa xuất bản. Giá 13MK.

Theo tác giả thì có nhiều cách tìm hiểu về đời sống và vũ trụ. Trên quan điểm phong thủy, đời sống của chúng ta đều có liên quan đến những diễn biến của vũ trụ và mọi chuyển hóa (sức mạnh kết hợp giữa con người với môi trường chung quanh). Mục đích của phong thủy là hòa hợp và quân bình hai yếu tố cực kỳ hệ trọng là con người và sự vận hành của vũ trụ. Từ đó, chúng ta sẽ cải thiện được đời sống.

ỨNG DỤNG THUẬT PHONG THỦY DƯỚI ÁNH SÁNG KHOA HỌC HIỆN ĐẠI, nguyên tác Trương Huệ Dân, dịch thuật Trần Thanh, Nguyễn Thế Trường, Nguyễn Trọng Phụng. Bìa KT, Đại Nam xuất bản. Giá 19MK.

Tác giả đã nghiên cứu mối liên hệ giữa lý thuyết truyền sóng vi ba, lý thuyết di truyền, thiên văn, lịch pháp, hà đồ, lạc thư, kinh dịch, bát quái, địa lý và cả khoa học về nhân thể với thuật phong thủy. Bằng những quan niệm và nhận thức mới tác giả đã từ lý luận đến thực tiễn đưa ra những chứng minh để giải thích rõ bản chất của "khí", bản chất của các loại bùa chú và phong thủy nói chung, đồng thời, cũng chứng minh sự nhất quán giữa chúng với các nguyên lý khoa học hiện đại, từ đấy vén lên bức màn thần bí của phong thủy.

Đây là cuốn sách nghiên cứu về phong thủy ở trình độ cao.

NGHỀ HẦU VUA, Vương Khánh Tường. Nhà xuất bản Thanh Niên. Giá 19MK.

Cuốn sách được viết lại, căn cứ trên 20 đĩa băng ghi âm, cùng với việc đối chiếu, chỉnh lý biên tập thông qua Lý Quốc Hùng, người hầu trung thành của vua Phổ Nghi - ông vua cuối cùng của triều đại phong kiến Trung Quốc - suốt 33 năm dài, từ lúc Phổ Nghi đang là "thiên tử", đến lúc trở thành "bạn tù" ở Cáp Nhĩ Tân, Phủ Thuận, và rồi là bạn cũ gặp lại ở Bắc Kinh vào thời kỳ 60.

Qua mối quan hệ lâu dài đó, Lý Quốc Hùng đã có những hiểu biết sâu sắc, vì đã tai nghe mắt thấy rất nhiều tình tiết liên quan đến những sự kiện quan trọng trong lịch sử cận hiện đại Trung Quốc. Thí dụ chuyện Phùng Ngọc Tường trục xuất Phổ Nghi ra khỏi Tử Cấm thành, hoạt động của Phổ Nghi ở phủ Thuần Thân vương và công sứ quán Nhật Bản, hành tung của Phổ Nghi khi ẩn náu ở Thiên Tân để liên lạc với bọn quân phiệt, cấu kết đại biểu các nước đế quốc chủ nghĩa đang trú đóng ở Thiên Tân, cuộc sống của Uyển Dung trước và sau khi bí mật rời Thiên Tân xuất quân đầu giặc, màn biểu diễn của Phổ Nghi làm hoàng đế Khang Đức bù nhìn đi thăm nước Nhật, "ngự du" khắp nơi, việc thua chạy tháo thân và bị bắt làm tù binh, Phổ Nghi

làm chứng trong phiên tòa xét xử quân sự quốc tế Viễn Đông và quá trình bị bắt giữ ở Liên Xô, chuyện dẫn độ, cải tạo và đặc xá...

HỒI KÝ CỦA MỘT NGƯỜI HOẠN, Dan Shi, bản dịch Nguyễn Ngọc. Bìa KT, Văn Hóa xuất bản. Giá 12MK.

Có thể nói Trung Hoa là vùng đất duy nhất trên thế giới có cả một đạo quân đông đảo những người hoạn. Đây là sản phẩm độc đáo của chế độ phong kiến Trung Hoa suốt từ những năm 700 trước công nguyên cho đến thập niên đầu của thế kỷ 20.

Cuốn hồi ký này do nhà sử học Dan Shi ghi lại theo lời kể của Yu Chunhe, từ lúc anh mới vào Cấm thành năm 1898, ở tuổi 17 (lúc nhỏ, anh bị một tay buôn bán trẻ con lợi dụng, bị hoạn trong những điều kiện khủng khiếp). Suốt 18 năm ở trong Cấm thành, anh đã chứng kiến bao nhiêu biến động của cung đình.

Qua hồi ký, người ta thấy cuộc sống bi thảm và ngang trái của vài ngàn người hoạn bị đặt dưới bạo lực và ý muốn của một nhóm tuy cùng cảnh ngộ nhưng được ưu đãi, sống vương giả chẳng kém gì vua chúa, có thể làm nghiêng ngửa cả triều đình. Mấy ngàn người hoạn này sống bần cùng, tối tăm, bị coi như nô lệ, bị chửi mắng, đánh đập và giết chóc vô tội vạ.

NHỮNG BÍ QUYẾT CỦA NHÀ TRIỆU PHÚ, Mark Fisher, Đào Công Bình dịch. Bìa KT, Văn Hóa xuất bản. Giá 10MK.

Trong dáng vẻ của một câu chuyện tâm tình giữa một nhà triệu phú kỳ dị, giàu sang tột đỉnh, với một chàng thanh niên thất nghiệp, đang dẫy dụa vượt qua khó khăn. Cuốn sách đem lại cho chúng ta một cách nhìn khác về con người mình, về những nỗi đau trần thế của mình, chỉ cho chúng ta cách sống tích cực.

ANH HÙNG ĐÔNG A, DỰNG CỜ BÌNH MÔNG, tiểu thuyết lịch sử của Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ. Bìa tranh Phạm Hoàng, trình bày KT, Đại Nam xuất bản. Giá trọn bộ bốn tập tổng cộng 2566 trang 80MK.

Người ta không hiểu, bằng cách nào, với thì giờ bận rộn của một bác sĩ, Trần Đại Sỹ có thể viết được một số lượng sách, nếu chỉ kể riêng về chiều dày của số trang, cũng đủ làm chúng ta kinh hoàng: Không kể hơn hai mươi tác phẩm thuộc lĩnh vực Y Học do ARMA và Institut Franco-Asiatique xuất bản, ông đã sáng tác chín tác phẩm lịch sử tiểu thuyết, tổng cộng 13,000 trang, do các nhà Nam Á (Paris), Xuân Thu và Đại Nam (Hoa Kỳ) lần lượt ấn hành trong vài năm qua.

Bộ lịch sử tiểu thuyết này chia làm năm thời đại:

1) Thời đại Lĩnh Nam. 2) Thời đại Tiêu Sơn. 3) Thời đại Đông A. 4) Thời đại Lam Sơn. 5) Thời đại Tây Sơn.

Bốn cuốn chúng tôi đang giới thiệu thuộc thời đại Đông A, tức thời Trần. Lấy khởi điểm thời gian là năm 1157 dưới thời vua Lý Anh Tông, và chấm dứt năm 1257, dưới thời vua Trần Thái Tông.

Nội dung thuật:

- Những thối nát, sa đọa của Lý triều, đưa đến mất lòng dân.
- Triều Trần thành lập, lấy căn bản là lòng dân.
- Cuộc hình thành đế quốc Mông Cổ. Quân Mông Cổ chinh phục các nước Trung Đông, Âu châu; các nước Á châu: Cao Ly, Tây Liêu, Đông Liêu, Tây Hạ, Thổ Phồn, Đại Kim, Đại Tống, Đại Lý rồi tràn sang đánh Đại Việt nhưng thất bại.

MẸ VÀ QUÊ (Loài Chim Di Trú 2), thơ Thu Lâm, bạt Mai Quốc Liên. Nhà xuất bản Văn Học, Trung tâm nghiên cứu Quốc học. Không ghi giá bán.

"Thơ là một cõi lòng nhưng thơ cũng là cõi đời nữa. Một cõi lòng trong một cõi đời. Vì nếu không vì đời mà viết, thì dễ gì rung động được ai... Giáo sư Vĩnh Sinh nói: *"Anh Thu Lâm trung trinh gắn bó, chẳng bao giờ chối bỏ quê hương ngay trong những giờ phút quê hương đau đớn, quằn quại nhất." (Mai Quốc Liên, Bạt).*

DẤU CHÂN XUÔI NGƯỢC, tiểu thuyết nhiều tập, Xuân Vũ, đã xuất bản quyển thượng (**Biển Lửa & Núi Tro**); quyển trung (**Nước U Minh Ngầu Đỏ**). Bìa Phạm Mộng Chương, Văn Hóa xuất bản. Giá mỗi tập 16MK.

Xuân Vũ có lẽ là một trong vài nhà văn có sức viết mạnh nhất trong vòng nửa thế kỷ nay. Nhìn danh mục các tác phẩm đã xuất bản: 49 cuốn, gồm đủ mọi thể loại, chúng ta không thể không nghiêng nón ngã chào.

Theo lời Xuân Vũ thì "*...Từ những bác nông dân trong ấp, những người trong gia tộc tôi và chính tôi nữa, đều là nhân vật. Tất cả hiện lên rõ nét. Làng xóm, Hà Nội, Sài Gòn, Trường Sơn.... như một toàn cảnh phim.*

Làng tôi là một mảnh đất nhỏ của tỉnh Bến Tre, nơi người dân đã đánh một cái đồn Tây, mở đầu cho Nam Bộ Kháng Chiến, xác đồn cháy năm năm còn khói lên.... nơi xuất thân của các tướng lãnh của VNCH, Thống tướng Lê Văn Ty, Tướng Ngô Quang Trưởng..., nơi đã từng đóng cơ quan của Trần Văn Trà, Đồng Văn Cống, nơi đã từng

sống Hoàng Xuân Nhị, Phạm Văn Bạch và nhiều nhân vật khác mà tôi quen biết đến mức độ dựng thành nhân vật được. Những Lê Duẩn, Nguyễn Văn Trấn, Lê Đức Thọ, Ung Văn Khiêm, Trần Bạch Đằng v.v... và Ủy ban Kháng Chiến Hành Chánh Nam Bộ..."

Với bối cảnh rộng lớn, với những nhân vật đã tạo nên một thời qua phân, tác phẩm tuy được gọi là tiểu thuyết, nhưng chứa đựng rất nhiều tư liệu lịch sử.

VỰC & GIÓ, tuyển tập thơ Thận Nhiên, Nguyễn Phước Nguyên, Nguyễn Tư Phương, Đinh Trường Chinh. Tựa Phạm Chi Lan. Bìa & phụ bản Đinh Trường Chinh, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản. Không ghi giá bán. Liên lạc: VHNT, P.O.Box 452512, Garland, TX 75045-2512. USA.

Tuyển tập thơ ca của bốn người làm thơ trẻ. Trẻ ở tuổi đời, trẻ ở ngôn ngữ, phong cách biểu tỏ.

Trong sinh hoạt văn chương Việt Nam hải ngoại, thơ được xuất bản nhiều, rất nhiều, nhưng quả thật, khó tìm thấy trong "rừng thơ" ấy một tác phẩm thơ ca đích thực. Phải chăng vì thế mà thơ ca bị độc giả rẻ rúng?

Vực & Gió không nằm trong trường hợp vừa nêu, ngược lại, nó đã tạo được một chỗ đứng, một vị trí riêng. Đọc **Vực & Gió,** người ta có quyền tin tưởng thơ ca Việt Nam đang có những chuyển mình, đang cố gắng bức phá, vượt thoát ra khỏi lối mòn do các thế hệ đàn anh vạch sẵn.

QUẢ ĐẤT, QUÊ HƯƠNG, Edgar Morin & Anne Brigitte Kern, Nguyễn Hồi Thủ dịch, Tủ sách Chân Mây Cuối Trời xuất bản. Giá 80 FF (12, 25 Euros). Liên lạc: NXBCMCT, Mme NGUYỄN, 106 Av. Jean Jaurès, 94110 Arcueil, France.

Đây là những tri thức lịch sử thế giới tương đối phổ biến dẫn chúng ta đến những vấn đề phức tạp, những căn bệnh toàn cầu, mà cũng là nền văn minh của tây phương, mẫu mực hiện nay của thế giới và phác họa hướng giải quyết.

Nó đặc biệt soi rọi những vấn đề nhân loại bằng một tầm nhìn đa dạng, đa chiều trong bối cảnh lịch sử, nhân chủng học, xã hội học để làm người đọc ý thức đến sự phức tạp, tính cấp bách và trầm trọng nơi chúng ở cuối thế kỷ thứ năm của kỷ nguyên toàn cầu này.

55 NGÀY & 55 ĐÊM, Cuộc sụp đổ của VNCH, Chính Đạo, Văn Hóa tái bản lần thứ tư. Giá 21MK. Liên lạc: 1005 St. Emanuel St. # 205,

Houston, TX 77003. USA.

Sách gồm nhiều phần:

- Dẫn Nhập

- *Phần I:* **Hai tuổi hòa bình**, gồm 5 chương. Chương 1*: Thực chất cuộc chiến Việt Nam.* Ch. 2*: Vừa đánh vừa đàm.* Ch. 3*: Hiệp định Paris.* Ch. 4*: Chưa là chiến tranh.* Ch. 5*: Từ Phước Long tới chiến dịch Tây Nguyên.*

Phần II: **Cuộc sụp đổ của VNCH**., gồm 10 chương. Ch. 6*: Mặt trận Ban Mê Thuộc.* Ch. 7*: Một tấc đất... quá ít!* Ch. 8*: Cuộc hành trình địa ngục.* Ch. 9*: Con nước lũ hoảng kinh.* Ch. 10: *Những ngày cuối cùng của Quân khu II.* Ch. 11*: Mặt trận đồng bằng.* Ch. 12*: Người bạn đồng minh.* Ch. 13*: Mê hồn trận.* Ch. 14*: Vòng vây quanh Sài Gòn.* Ch. 15: *Ngày tàn của một chế độ.*

- Kết luận: *Lâu đài trên bãi cát.*

- Thư mục.

Chiến tranh cốt nhục đã tàn ngót một phần tư thế kỷ, mọi hận thù rồi cũng sẽ nhạt phai. Đã đến lúc các sử gia đóng đúng vai trò của họ: dựng lại lịch sử một cách trung thực như nó đã là. Sử gia Chính Đạo đã làm công việc này tận tụy từ nhiều năm qua.

ĂN TRƯA, NGHE KỂ CHUYỆN TÌNH, tập truyện Nguyễn Hữu Trí, bìa KT, Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 9MK, ngoài Mỹ 11MK.

Nguyễn Hữu Trí trong cuốn sách này chứng tỏ một người kể chuyện chân thật và chân chất. Nhân vật của ông hiền lành trong những hoàn cảnh tâm lý khúc mắc. Người đọc thấy mình đang đối diện với một tâm hồn đơn sơ giản dị, và trong một ý nghĩa nào đó, nhược điểm này của người viết trở thành ưu điểm: sức thuyết phục của ông mạnh hơn (Tựa, Nguyễn Xuân Hoàng*).*

Một món quà trang nhã dành tặng nhau vào dịp cuối năm.

XỨ NẮNG, truyện dài Lê Thị Thấm Vân. Bìa KT, Anh Thư xuất bản (thư từ liên lạc: P.O.Box 360923, Milpitas, CA 95035. USA).

Tác phẩm thứ năm của Lê Thị Thấm Vân, sau **Đôi Bờ** (tập truyện); **Mùa Trăng** (tập truyện), **Việt Nam, Ngày Tôi Trở Về** (tiểu luận); **Yellow Light** (thơ).

Theo tác giả thì *"Xứ Nắng nói lên những thao thức, tìm kiếm về cội nguồn, thân phận mà chúng ta thường chạm mặt nơi những phụ nữ gốc Á châu lớn lên tại Hoa Kỳ. Giữa những di tích của thế giới cũ, của truyền thống, Xứ Nắng biểu hiện một vươn mình xác quyết cá tính, sức*

mạnh cũng như khát vọng của người phụ nữ trong một thế giới mà đa số những giá trị cố hữu đang được nhìn lại."

Mới mẻ trong cấu trúc, cô đọng trong văn phong, mạnh mẽ trong cách thế biểu tỏ cá tính, Lê Thị Thấm Vân với Xứ Nắng đã có nhiều chuyển mình với chính các tác phẩm đã xuất bản của chị.

LOANH QUANH NHỮNG NẺO ĐƯỜNG, ký Trần Doãn Nho, bìa Nguyễn Trọng Khôi, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 10MK.

Loanh Quanh Những Nẻo Đường là tập hợp những bút ký ông đã viết rải rác trên các tạp chí văn học hải ngoại. Với vốn sống phong phú, với kiến thức vững vàng, và với một mắt nhìn sắc bén, bút ký của Trần Đoãn Nho có một giá trị đặc biệt.

THƠ DẠ NHIÊN, bìa KT, Tổ Hợp Gió xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: Kathy Kim, 11582 Gail Ln., Garden Grove, CA 92840.

Trên dưới 80 bài thơ.

Trước 1975, Dạ Nhiên chủ trương nhà xuất bản Tổ Hợp Gió, và đã xuất bản một số tác phẩm của các nhà văn nhà thơ đương thời.

CẢM NHẬN, Võ Phiến, bìa KT, phụ bản Thái Tuấn, Ngọc Dũng. Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 10MK.

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Võ Phiến, gồm những tạp bút viết rải rác và ba bài đàm thoại giữa Võ Phiến với Mai Thảo, Võ Phiến với Lê Phương Chi và Võ Phiến với Minh Nguyệt.

Trầm tĩnh, thâm thúy, sâu sắc, văn chương Võ Phiến, nhất là địa hạt tùy bút và tạp bút, đã cho người đọc một cảm giác rất thú vị khi tiếp cận.

DISTANT ROAD, tuyển tập thơ Nguyễn Duy, Kevin Bowen & Nguyễn Bá Chung chuyển sang Anh ngữ. Tựa Nguyễn Bá Chung. Trình bày bìa Stone Graphis, tranh bìa Thành Chương. Curbstone Press xuất bản (321 Jacson Street, Willimantic, CT 06226. Phone: 860-423-5110. Email: info@curbstone.org. Homepage: http://www.curbstone.org). Giá US$15.95.

Nguyễn Duy là một trong vài nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam. Nhiều quốc gia trên thế giới đã mời ông viếng thăm, trong đó có Hoa Kỳ.

Tuyển tập *Distant Road in* in bằng hai ngôn ngữ Anh Việt, tuyển từ các tập *Cát Trắng; Ghi Chép Trường Sơn; Mẹ & Em; Đãi Cát Tìm*

Vàng; Ánh Trăng; Đường Xa; Quà Tặng; Về; Thơ Bụi.

Thơ Nguyễn Duy không cầu kỳ, khúc mắc, nhiều bài mang âm hưởng ca dao, với nội dung phong phú nhờ chất liệu sống, rất gần gũi với cuộc đời, con người.

RỪNG MẮM VĂN NGHỆ, Võ Đình, tranh bìa: Tùng, Võ Đình, trình bày bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15MK.

Gồm 18 chuyện văn nghệ, và hai phụ lục: một bài phỏng vấn Võ Đình của Thụy Khê và một bài phỏng vấn Võ Đình của Crystal Brown.

Theo tác giả, *"những bài viết trong sách này có thể mang chung một tên văn vẻ hơn. Nhưng nghĩ cho cùng, đây là những bài viết về chuyện đời, chuyện người, chuyện viết, chuyện vẽ... Thôi thì cứ nôm na cho tiện. Mười tám bài viết: Mười tám chuyện. Chuyện thôi, không có truyện..."*

Dù viết *chuyện* hay *truyện*, Võ Đình vẫn luôn chứng tỏ ông là một ngòi bút sâu sắc, nhạy cảm, có nội lực, và tài hoa.

MÙI HƯƠNG QUẾ, Dương Như Nguyện. Bìa KT. Văn Nghệ xuất bản. Giá 14MK. Ngoài Mỹ 16MK.

Mùi Hương Quế là một tuyển tập gồm truyện kể, truyện ngắn, truyện vừa, tùy bút, kịch.

"Tôi cho rằng phụ nữ lầm lẫn tình dục với tình yêu, và thường chung thủy với tình nhân thay vì phóng đãng. Và vì thế tôi quyết định xuất bản, làm cái công việc bắt đầu của một phụ nữ trong lãnh thổ của đàn ông. Việc tôi làm cho thấy rằng phụ nữ chưa bao giờ tách rời tình dục khỏi tình cảm hay tình yêu dành riêng cho một người, cho toàn bộ một con người" (Thay Lời Tựa, tác giả)

VỀ DƯỚI HIÊN XƯA, thơ Song Vinh, bìa, phụ bản Huỳnh Ngọc Diệp, giới thiệu Luân Hoán, bạt Quan Dương, trình bày & cảm nhận : Tường Vi. Văn Tuyển xuất bản (liên lạc: Song Vinh, 107 Bromfiels way, Apex, NC 27502). Giá 12MK.

"Thơ Song Vinh đậm đà hương đất quê nhà, và ngát thơm tình mẹ hiền. Ưu điểm này sinh ra một khuyết điểm: những bài thơ tình lứa đôi của anh gần như thường phải gắn liền với những hình ảnh chung quanh, tính chất lãng mạn vì thế hao hụt đi phần nào..." (Luân Hoán, Giới Thiệu, bìa sau)

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Với văn hữu & bạn đọc

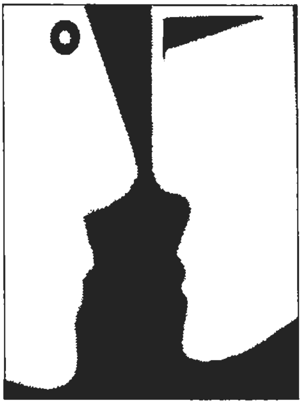

CHÚC MỪNG GIÁNG SINH & NĂM MỚI

Cuối năm, qua bưu điện và email, tòa soạn *Hợp Lưu* nhận được nhiều thiệp chúc mừng Giáng Sinh và Năm Mới của văn hữu, độc giả từ khắp nơi trên thế giới gửi về. Thay mặt ban chủ trương, chúng tôi chân thành cảm ơn.

Hợp Lưu cũng ước mong quí độc giả, văn hữu vui, hài lòng với mọi thành quả sẽ gặt hái được, trong tương lai.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU

Mẹo vặt...

Tôi vẫn chăm chú đọc tập san HỢP LƯU do tôi gởi mua vì tôi trân trọng chủ trương của tờ báo ngay từ đầu khi cầm trên tay từ năm bảy năm về trước. Tôi thực lòng quan niệm rằng trong từng số bên đám bài dở đều có những tác phẩm hay. Và trong những người chủ trương sẽ có những người đáng tư cách hiền nhân, học giả và nghệ sĩ thực thụ, sống vượt lên khỏi những định kiến chính trị, tôn giáo, sắc tộc hẹp hòi vốn bị những người khác giới câu thúc hoặc do hám lợi cầu vinh hoặc ngu ngốc, ảo tưởng mà quàng xiên vơ vào.

Đáng tiếc là bài giới thiệu tập thơ Mê Ca (do tác giả tặng các anh cũng như từng gửi cho tạp chí Đối Thoại) trong phần điểm sách lại rơi vào phần hạ lưu nhất của Hợp Lưu, hay nói cách khác, qua đó Hợp Lưu bộc lộ sự trượt mạch của giòng chảy mà các anh định hướng. Tôi xuất

bản tập thơ ấy vì tôi có nhu cầu in ấn cũng như có nhu cầu viết từ nhiều năm qua. Tôi chọn nơi in là Nhà xuất bản Hội Nhà Văn với hy vọng ở đất nước hơn bảy mươi triệu người may chăng sẽ nhiều người đọc thơ hơn, tuy rằng, do thời gian ít ỏi, mới trao tặng được bảy tám mươi cuốn gì đó. Lòng tự trọng của tôi không cho phép mình phải chạy chọt tiền bạc để in sách. Những người biên tập và chịu trách nhiệm xuất bản cũng không chờ gì và không được gì ở nơi tôi. Tôi vẫn duy trì sự viết và nếu thành tập lại in tại đó nữa.

Vả lại tại hải ngoại tinh thần của một số nhóm người các anh vị tất gì đã hơn, có chăng hơn ở thái độ hẹp hòi lạc lõng và tinh thần bức bối. Nếu quả madame Giáng Châu (tôi sống cô độc, làm việc không theo hội đoàn, thiếu tỏ tường nhân vật nên chỉ đoán mò đấy là một người đàn bà) trượt mạch như vậy thì tôi cứ cho rằng mợ này đến kỳ mãn kinh, cay cú do điều tiết hormone co giật, đáng bỏ qua. Nhưng nếu Giáng Châu là một gã đàn ông thì tôi nghĩ hẳn bài điểm sách đó là một mẹo vặt để tính điểm để thanh minh, hòa giải với tiểu cộng đồng cực đoan nào đó đã từng dọa đánh cả ông Khánh Trường.

Về cá nhân tôi vẫn trân trọng anh qua những bức thư ngắn ngủi với lời lẽ thành thực. Sự cố đáng tiếc ảnh hưởng tới tinh thần tờ tập san chắc hẳn không biến anh và tôi thành hai người quay lưng lại nhau vì tôi thiết tưởng rằng anh và tôi đều có những việc đời gánh chịu với bao mối lo, mối sầu hơn là việc quy chụp hành hạ khảo đả nhau của những người Việt Nam xấu xí. Mà người Việt trí thức xấu xí trên một đất nước đẫm máu hơn nửa thế kỷ vì thao túng số mệnh của một dân tộc mù chữ nghèo nàn xung quanh những tư tưởng vay giật ngoại lai còn tệ hại hơn nhiều.

Phạm Kỳ Đăng
Berlin - Germany

TB: *nếu đăng tải xin hãy đăng đầy đủ nguyên văn.*

Để độc giả tiện theo dõi, chúng tôi trích đăng lại phần *Giới Thiệu Sách Mới* về tập **Mê Ca** của tác giả Phạm Kỳ Đăng, đã đi trên Hợp Lưu số 48, tháng 8 & 9 năm 1999, sau đây:

MÊ CA, thơ Phạm Kỳ Đăng, bìa & phụ bản của tác giả. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn (Việt Nam nội địa). Giá 30.00$VN.

Mấy năm nay, hiện tượng các tác giả hải ngoại về nước in thơ

khá phổ biến (với điều kiện những thi tập này không liên quan gì đến chính trị), qua công thức: tác giả chịu toàn phần chi phí ấn loát, một nhà xuất bản nào đó chịu trách nhiệm xuất bản. Chúng tôi không biết các thi tập này có được phổ biến rộng rãi ở nội địa hay chăng, và mãi lực thế nào? Tuy nhiên, một điều chắc chắn, đôi bên cùng có.... lợi: các nhà xuất bản trong nước, dù ít dù nhiều, cũng có thêm một ít lợi nhuận (chúng tôi có biết một tác giả về nước in thơ, đã tốn gần hai nghìn đô la cho một tập thơ chỉ nhỉnh hơn 100 trang, với 1000 ấn bản. Bằng giá thành này, ngay tại Mỹ, chúng tôi có thể in được... hai tập rưỡi, và chắc chắn chất lượng khá hơn gấp bội).Về phía tác giả, tên tuổi được cầu chứng, đôi khi, dưới "bảng hiệu" của các nhà xuất bản mang tầm cỡ quốc gia. Tốn kém, nhưng... vẻ vang chán.

Tập **Mê Ca** chia làm hai phần: Nguyện Hồn Thi Nhân & Mê Ca.

Đoạn *Giới Thiệu* trên, do bà Nguyễn Thị Giáng Châu viết.

Thưa anh Phạm Kỳ Đăng,

Lẽ ra tòa soạn đã mạn phép anh cắt bớt vài hàng, vài chữ, mà theo thiển ý của chúng tôi, không được thanh nhã cho lắm, khi viết về một người đàn bà. Nhưng, cuối thư anh có tái bút: *"xin đăng đầy đủ nguyên văn"* . Cho nên chúng tôi buộc phải tôn trọng ý muốn của anh, dù chúng tôi có thể dễ dàng tiên đoán, anh sẽ gây lắm bất bình cho các văn hữu và độc giả nữ giới.

Sau đây, xin trả lời anh từng điểm một.

- Anh viết *"Đáng tiếc là phần giới thiệu tập thơ Mê Ca (...) lại rơi vào phần hạ lưu nhất của Hợp Lưu"*. Chúng tôi chưa hiểu rõ ý anh lắm. Mục "Giới Thiệu Sách Mới" *hạ lưu* hay đoạn viết về tập **Mê Ca** *hạ lưu*? Nếu anh cho mục ấy là *hạ lưu* nhất, thì lẽ ra anh không nên gửi tác phẩm của mình đến HL, hoặc, nếu có gửi (vì cảm tình riêng với KT), anh chỉ cần ghi một note nhỏ: *đừng giới thiệu,* chúng tôi sẽ chiều ý anh ngay. Như thế, sẽ tránh được nhiều bực mình cho anh, nếu chẳng may người phụ trách mục này không làm anh vừa lòng. Trường hợp đoạn viết về tập **Mê Ca,** theo đánh giá của anh, là *hạ lưu* nhất, thì chúng tôi e rằng anh thiếu công bình với chúng tôi. Một tác phẩm khi được tác giả ném vào "nắng mưa đời" (chữ của nhà văn Mai Thảo), nghĩa nào đó, tác phẩm ấy đã thuộc về công chúng, sẽ phải nhận chịu mọi phê phán từ người đọc. Tác phẩm hay, sẽ được tán tụng và tồn tại với thời gian. Tác phẩm dở, sẽ bị chê bai và chìm nhanh vào bóng tối lãng quên. Đó là **quyền** của người đọc. Phàm, đã cầm bút, chúng ta

buộc phải chấp nhận qui luật tất yếu này. Huống gì, trong phần giới thiệu tập **Mê Ca**, bà Giáng Châu không nói đến cái hay cái dở của tác phẩm, chỉ đề cập đến một hiện tượng đã và đang phổ biến tại Việt Nam: nhiều người làm thơ tại hải ngoại về nước in thơ bằng tiền túi của mình. Một nhận xét vô thưởng vô phạt. Phê phán một đoạn văn vô thưởng vô phạt là *hạ lưu* thì kể cũng tội nghiệp cho tác giả, nhất là lời phê phán này lại không... "thơ" tí nào!

- Anh tiếp, *"Lòng tự trọng của tôi không cho phép mình phải chạy chọt tiền bạc để in sách"*. Anh hiểu lầm ý chúng tôi rồi. HL không bao giờ nghĩ anh đã "chạy chọt tiền bạc để in sách" cả. Chẳng qua, chúng tôi chỉ cung cấp cho người đọc một số thông tin về việc in thơ ở nội địa: một trăm phần trăm các tác phẩm thơ ca của người Việt hải ngoại in trong nước đều do tiền túi bỏ ra. Điều này bình thường thôi (kể cả ngoài nước, muốn in thơ, các tác giả cũng phải làm theo công thức ấy). Điều chúng tôi muốn nói, sự tốn kém của các tác giả, trong hầu hết các trường hợp, đều vượt quá mức hợp lý. Phí tổn ấn loát tại VN tương đương với giá tại Mỹ đã là quái gở, huống gì còn cao gấp hai gấp ba! Tuy nhiên, rất có thể tập **Mê Ca** là trường hợp ngoại lệ, nhờ giá trị tự thân của nó. Nếu quả thế, chúng tôi xin chia mừng cùng anh. Nó chứng tỏ tài năng của tác giả vượt xa rất nhiều người khác, cả trong lẫn ngoài nước.

- Anh cho rằng, *"tại hải ngoại tinh thần của một nhóm người các anh vị tất đã hơn, có chăng chỉ hơn ở thái độ hẹp hòi lạc lõng và tinh thần bức bối"*. Chúng tôi đoán chừng anh là người khá nóng nảy và kiêu ngạo. Theo chúng tôi nghĩ, bất cứ ai làm được thơ, cũng có thể gom thành tập rồi về nước, tìm một nhà xuất bản bảo chứng, để in. Giả dụ nếu chúng tôi cũng tài hoa như anh, có tác phẩm, và muốn in trong nước, chắc chắn sẽ được in thoải mái, bằng tiền túi của mình. Vậy, chả có lý do gì chúng tôi tỏ *"thái độ hẹp hòi lạc lõng và tinh thần bức bối"* ganh tị với anh cả. Anh khẳng định như thế, kể cũng khá tội nghiệp cho chúng tôi, một bọn chỉ giỏi cơm nhà ngà voi!.

- Anh xác quyết, *"Bài điểm sách là một một mẹo vặt để tính điểm, để thanh minh, hòa giải với tiểu cộng đồng cực đoan nào đó đã từng dọa đánh cả ông KT"*, thì chúng tôi thực sự không hiểu. Mười năm qua, HL đã đi con đường của mình và chả bao giờ biết cái gọi là "tiểu" hay "đại" cộng đồng nào đó là cái quái gì, để mà mất công thanh minh, hòa giải, tính điểm. Thanh minh cái gì, hòa giải, tính điểm với ai? Thanh minh rằng HL không phải là ổ Việt Cộng nằm vùng? Hòa giải, tính điểm với bọn cóc cắn tối ngày nhi nhô đấu tranh, hò hét, và nhảy nhót loi choi như những thằng hề khắp nơi, không riêng gì tại

mảnh đất thường được gọi "thủ đô tị nạn" này, mà ở khắp mọi phần đất có "phe ta" sinh sống? Xin lỗi anh Phạm Kỳ Đăng, coi bộ anh không hiểu gì về chúng tôi cả! Vả, cái "mẹo vặt" này dây mơ rễ má thế nào với những lời giới thiệu tác phẩm mới của bà Giáng Châu nhỉ? Trí tưởng tượng của anh phong phú quá!

- Cuối cùng, về những lời bỉ thử anh dành "tặng" bà Giáng Châu, chúng tôi không dám có ý kiến. Xin nhường phần thẩm định cho độc giả. Chỉ mong nếu có xảy ra một sự cố tương tự, anh nên bình tĩnh hơn, để khỏi ân hận về sau. Lời nói bay đi, nhưng chữ nghĩa còn đó. Thử tưởng tượng sau này anh sẽ là một nhà thơ lớn của Việt Nam, văn học sử sẽ viết về anh, nếu một nhà phê bình nào đó chơi khăm trích dẫn những lời "phản thơ" bên trên, thì kể cũng... kỳ!

Để kết luận, tập **Mê Ca** của anh hay dở thế nào, không gì hơn trích đăng lại một bài trong tập thơ ấy, để độc giả có cơ sở lượng định:

Thư của tình câm

Cathrin anh vẫn chờ em
Về dạ hội tìm đôi môi cánh mỏng
Hôn dịu dàng... và mong em bừng tỉnh
Đôi mắt long lanh ghi nhận tình anh

Như nụ ngoài cành tha thiết chờ xuân
trổ ánh sáng theo gót chân hồi hộp
Như đại dương băng trôi lũ lượt
Sóng khơi làn, đuôi én hớt bình minh

Tha thứ, Cathrin, anh không gượng họng mình
Cả tên em anh cũng không thể gọi
Tình câm muôn thuở hơn tình nói
Chẳng vì không lời hát đến bên em
Bao ước nguyện nén dâng thác đổ
Đành nghẹn ngào bóp chặt trái tim
*(Trích **Mê Ca** trang 14)*

Phần KT, rất cảm ơn tình cảm ưu ái anh đặc biệt dành cho. Nếu vì lý do chẳng đáng chi này mà anh "quay lưng lại với" ông ấy thì quả là điều vô cùng đáng tiếc.

Thư bất tận ngôn.

HỢP LƯU

đọc thơ

BÙI BẢO TRÚC
CAO MỴ NHÂN
DUY LAM
DU TỬ LÊ
DƯƠNG VIẾT ĐIỀN
ĐẶNG PHÚ PHONG
LÂM CHƯƠNG
LÊ MAI LĨNH
LUÂN HOÁN
MAI THẢO
MỸ TÍN
NGUYỄN MẠNH TRINH
NGUYỄN TRIỆU NAM
NGUYỄN CHÍ KHẢ
NGUYỄN ĐỨC TRỌNG
PHÙ VÂN
PHẠM PHÚ HAY
TUỆ CHƯƠNG
TUỆ NGA
THÍCH NHƯ ĐIỂN
TT. MÂY TRÊN NGÀN
TRẦN HOÀI THƯ
TRẦN NGỌC CHẤT
TRẦN LƯ NGUYÊN KHANH
TRẦN VĂN NAM
TRIỆU PHONG
VŨ KÝ
VŨ HỐI
VÔ TÌNH

thái tú hạp

phổ nhạc

HOÀNG QUỐC BẢO
PHẠM ĐÌNH
CHƯƠNG
PHẠM DUY
PHẠM ANH DŨNG
VĨNH ĐIỆN
XUÂN ĐIỀM
VŨ THÁI HÒA
KHÚC LAN
TRẦN QUAN LONG
NGHIÊU MINH
HUỲNH NHÂM
TRỌNG NGHĨA
JIM PHAN
LÊ UYÊN PHƯƠNG
TRẦM TỬ THIÊNG
TRỰC TÂM

SÔNG THU

Sông Thu
xuất bản
Cali. 1999

đã phát hành khắp nơi

Giá 15 Mỹ Kim.
Mọi liên lạc về: ÁI CẦM
9234 E. Valley Blvd., Rosemead, CA 91770
Tel: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

MỚI KHAI TRƯƠNG

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - NHẠC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa Ave., Westminster, Ca 92683. USA
Tel: (714) 934-8574 - Fax: (714) 934-8514
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://www.pacbell.net/vanghe

Trên mười ba năm hoạt động liên tục, nhà xuất bản VĂN NGHỆ đã tạo được nhiều thành quả đáng kể cho văn học Việt Nam trong lẫn ngoài nước. Đối với độc giả, khi chọn mua sách, cũng rất yên tâm khi nhìn thấy tác phẩm được in ra bởi VĂN NGHỆ.

Để phục vụ độc giả hữu hiệu hơn, trung tuần tháng 12 năm 1999, nhà xuất bản VĂN NGHỆ đã khai trương một nhà sách mang cùng tên, với các ưu điểm sau:

• Nằm ngay trung tâm Little SàiGòn, Là cơ sở sách, báo, tape nhạc, CD, Video, Karaoke... của người Việt Nam hải ngoại lớn nhất và đầy đủ nhất.

• Tập trung kinh sách Phật nhiều nhất của các châu Âu, Á, Úc, Mỹ, Anh, Pháp và Việt ngữ.

• Nhằm tạo mối tương quan giữa người sáng tác và người đọc, mỗi tuần một tác giả sẽ được mời đến để gặp gỡ, thảo luận, và tặng chữ ký cho người mua sách (hoặc đã mua ở bất cứ nhà sách nào.)

• Sắp xếp hợp lý, qui củ, giúp độc giả dễ dàng truy tìm mọi tác phẩm thuộc mọi chủ đề.

• Là nơi duy nhất trên thế giới có riêng một khu vực trang trọng cho các tác phẩm thơ ca.

• Hơn 10 tựa sách mới nhân dịp khai trương

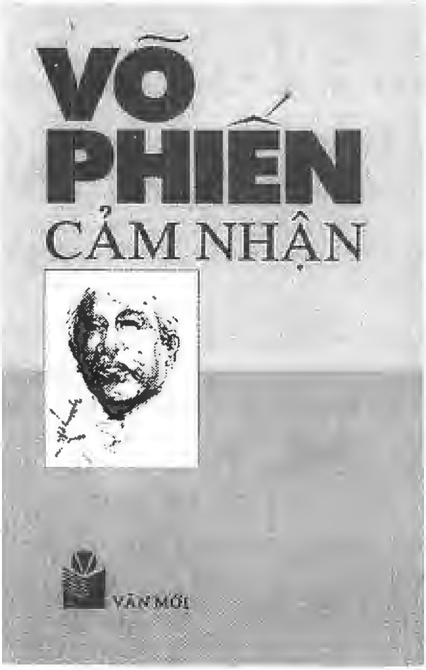

Đã phát hành khắp nơi

xuất bản
VĂN NGHỆ
tổng phát hành

Giá 10MK
Ngoài Mỹ 12MK

Phát hành 1 tháng 2 2000

TÔI,
ẤU THƠ VÀ, MẸ
hồi ký / tùy bút
du tử lê

mẫu bìa: khánh trường.
tranh: ngọc dũng. đinh cường.
cao bá minh. khánh trường.
ảnh: vũ đức thanh.
250 trang. ấn phí 12 mỹ kim.
ngoài hoa kỳ, thêm 2 mỹ kim
cho cước phí hạng nhất.
hỏi: các nhà sách,
nhà phát hành văn nghệ;
hoặc vào "kicon."

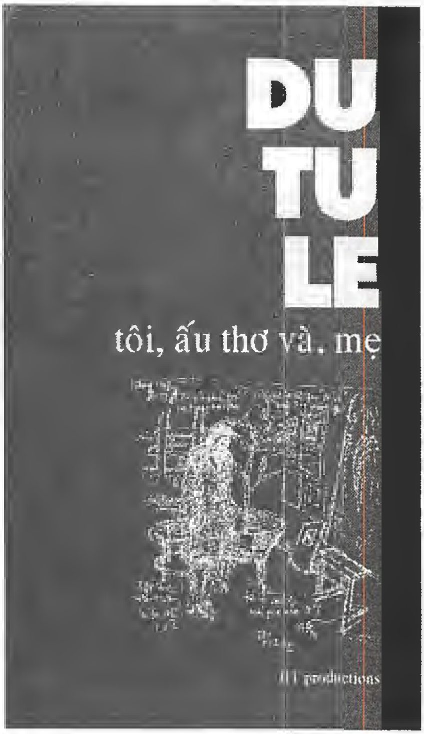

YÊN TỬ CƯ SĨ
TRẦN ĐẠI SỸ

**ANH HÙNG ĐÔNG A
DỰNG CỜ BỈNH MÔNG**

Tiểu thuyết lịch sử
Bộ 4 cuốn giá 80MK

ĐẠI NAM

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)
Fax: từ Pháp 01 45 88 54 58 - Quốc tế: 33 1 45 88 54 58
Email: diendan@wanadoo.fr.
http://perso.wanadoo.fr/diendan

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

Họ tên ______________________________
Địa chỉ:______________________________
____

mua một năm báo Diễn Đàn (11 số) kể từ số................ (tức số.... ....)
Kèn theo đây là ngân phiếu..............FF.
Pháp, chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W, Paris
Âu châu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE, chuyển số tiền tương đương với 280FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 02076.
Hoa Kỳ, ký check trị giá US$60.00, đề tên Hoang Nguyen, gửi về tòa soạn (địa chỉ đã ghi trên)

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail
Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.